



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Kết nối

SỨC MẠNH THỊ TRƯỜNG



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

TRỤ SỞ CHÍNH

📍 141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
☎️ (84 024) 3942 2354/65-69
📠 (84 024) 3942 2351

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

📍 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM
☎️ (84 028) 3821 1615
📠 (84 028) 3821 1616

🌐 www.vinare.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2022**

THÔNG ĐIỆP CHUNG CỦA BÁO CÁO



Hội nghị Tái bảo hiểm lần thứ 8 của VINARE năm 2022 có chủ đề là “Re-uniting market strength” (“Kết nối sức mạnh thị trường”), hay có thể hiểu nghĩa sâu xa hơn là cung cấp năng lực Tái bảo hiểm cho thị trường phát triển bền vững. Người Việt có câu: “Đoàn kết là sức mạnh, sự đoàn kết này không chỉ là giữa các doanh nghiệp bảo hiểm của Việt Nam mà còn là sự kết nối mạnh mẽ đã, đang và sẽ tiếp tục được tăng cường từ các nhà tái bảo hiểm trên thị trường quốc tế. Sự kết nối này càng trở nên quan trọng trong bối cảnh thị trường quốc tế có nhiều thách thức và diễn biến khó lường.

Trải qua 2 năm đầy thử thách bởi dịch Covid-19, tuy nhiên, thị trường bảo hiểm Việt Nam vẫn ghi nhận sự tăng trưởng vững chắc, thực hiện tốt vai trò là lá chắn cho nền kinh tế trước những rủi ro với tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm (2017-2022) đạt trên 20%, trong đó thị trường phi nhân thọ đạt mức tăng trưởng xấp xỉ 10%. Thị trường bảo hiểm giờ đây đang chứng kiến những thay đổi to lớn như sự phát triển của công nghệ thông tin mở ra xu hướng “insurtech” hay nhu cầu mới của người dân sau đại dịch. Thế nhưng đi kèm với đó, những yếu tố như lạm phát, xung đột địa chính trị, biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng hay rủi ro về công nghệ thông tin được cho là những thách thức nổi bật.

Ngoài ra, Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2022 mới được ban hành có những yêu cầu ngày càng cao hơn, đòi hỏi các doanh nghiệp bảo hiểm

phải có sự chuẩn bị áp dụng nghiêm túc và bài bản. Chính vì vậy, để chuẩn bị cho sự kiện lần này, VINARE đã phối hợp chặt chẽ với các đối tác, cố gắng mang tới cho các doanh nghiệp trên thị trường bảo hiểm Việt Nam những thông tin mới nhất về tình hình thị trường trong nước, những thay đổi về quy định pháp lý, cũng như những góc nhìn của các nhà tái bảo hiểm tiêu biểu trong khu vực và trên thế giới về tình hình thị trường bảo hiểm quốc tế.

VINARE kỳ vọng có thể cung cấp một bức tranh toàn diện hơn về thị trường bảo hiểm - tái bảo hiểm của Việt Nam, trong khu vực và trên thế giới với những rủi ro, thách thức mới đối với các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm/tái bảo hiểm phi nhân thọ nhưng đồng thời cũng không ít những tiềm năng, cơ hội mới đang chờ được khám phá.

KẾT NỐI

- 04 **THÔNG ĐIỆP**
- 06 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 10 Dấu ấn nổi bật năm 2022

HỢP TÁC

- 12 **TỔNG QUAN VỀ VINARE**
- 16 Tổng quan về Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
- 18 Quá trình hình thành và phát triển
- 22 Định hướng phát triển
- 24 Sơ đồ tổ chức
- 26 Ban Lãnh đạo
- 32 Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông
- 34 Các công ty con, công ty liên kết
- 35 Các đối tác và khách hàng
- 38 Các sự kiện tiêu biểu năm 2022
- 40 Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản giai đoạn 2018-2022
- 42 AM Best khẳng định xếp hạng VINARE năm 2022

THÍCH NGHI

- 44 **MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH**
- 48 Kinh tế vĩ mô thế giới
- 52 Kinh tế vĩ mô Việt Nam
- 56 Thị trường tài chính - bảo hiểm
- 58 Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ
- 62 Toàn cảnh rủi ro của VINARE
- 66 Chiến lược kinh doanh và chiến lược phát triển bền vững

ĐỒNG HÀNH

- 70 **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2022 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2023**
- 76 Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE
- 91 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của VINARE

MINH BẠCH

- 94 **QUẢN TRỊ CÔNG TY**
- 96 Tổng quan về quản trị công ty tại VINARE
- 102 Báo cáo hoạt động của Đại hội đồng cổ đông
- 103 Báo cáo của Hội đồng quản trị và các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- 110 Ban Kiểm soát
- 111 Ban Điều hành
- 112 Quan hệ cổ đông, thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông nội bộ và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, thù lao và các khoản lợi ích
- 118 Môi trường kiểm soát
- 122 Phân tích tình hình quản trị của VINARE theo Thẻ điểm Quản trị Công ty Khu vực ASEAN

CHIA SẺ

- 136 **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**
- 140 Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung
- 142 Hoạt động phát triển bền vững tại VINARE
- 146 Định hướng và chiến lược phát triển bền vững
- 148 Quản trị phát triển bền vững
- 158 Sự tham gia của các bên liên quan
- 163 Các vấn đề trọng yếu
- 166 Các tiêu chuẩn Kinh tế - GRI 200
- 176 Các tiêu chuẩn Môi trường - GRI 300
- 186 Các tiêu chuẩn Xã hội - GRI 400
- 195 Thực hiện trách nhiệm xã hội

THÀNH CÔNG

- 196 **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
- 198 Báo cáo tài chính hợp nhất
- 255 Báo cáo tài chính riêng

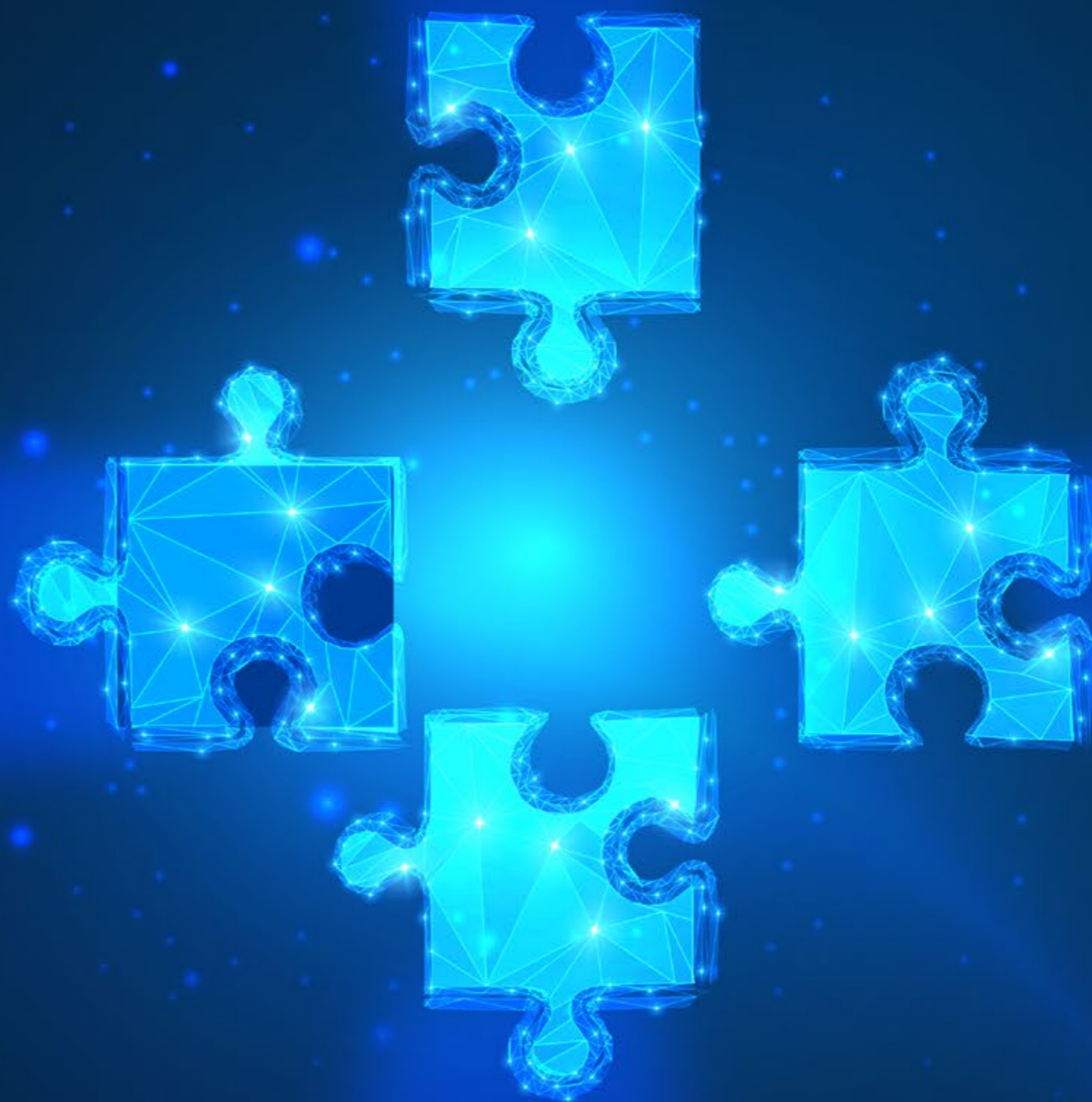


1

THÔNG ĐIỆP

KẾT NỐI

06 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị
10 Dấu ấn nổi bật năm 2022



Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị



Tổng doanh thu năm 2022
(Tỷ VNĐ)

2.969

Tổng lợi nhuận trước thuế
(Tỷ VNĐ)

439,3

Tâm điểm năm 2022 của VINARE là **“Re-uniting market strength” (Kết nối sức mạnh thị trường)**, thể hiện sự mong muốn tăng cường kết nối sau thời gian bị gián đoạn bởi dịch Covid-19. Thị trường bảo hiểm - tái bảo hiểm thế giới trong năm vừa qua đã có nhiều thay đổi mang tính bước ngoặt để ứng phó với tình hình lạm phát gia tăng, rủi ro thiên tai do biến đổi khí hậu hay xung đột địa chính trị lan rộng. VINARE đã có kế hoạch thích ứng với những thách thức mới, đồng thời thắt chặt thêm sự gắn kết với các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước vì mục tiêu chung là một thị trường bảo hiểm Việt Nam phát triển bền vững.

VINARE - Tăng cường sức mạnh nội tại

VINARE hiểu rằng sức mạnh nội tại là một trong các yếu tố nền tảng quan trọng giúp cho sự thành công của doanh nghiệp. Môi trường càng khó khăn càng cần phải quản trị doanh nghiệp thật bài bản.

Kể từ khi thành lập đến nay, mặc dù trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh gay gắt, kết quả kinh doanh của VINARE liên tục được cải thiện và phát triển. Trong bối cảnh có nhiều biến động, VINARE kiên định với chiến lược “tăng trưởng hiệu quả và bền vững, đề cao việc tuân thủ kỷ luật khai thác, kiểm soát chặt chẽ rủi ro, lấy hiệu quả hoạt động làm thước đo hành động”. Chính yếu tố này giúp VINARE tiếp tục phát triển chắc chắn, hiệu quả và bền vững, đảm bảo lợi ích hài hòa của doanh nghiệp, cổ đông và người lao động, mang lại giá trị tốt nhất cho các đối tác.

Nâng tầm quản trị doanh nghiệp, hoàn thành xây dựng, phê duyệt lộ trình và kế hoạch phát triển bền vững theo ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) tại Việt Nam.

Năm vừa qua, VINARE đã tập trung ưu tiên cho quản trị nội bộ, nâng cao năng lực cốt lõi (core competencies) trên các mặt như tăng cường khung quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM), hoàn thiện các công cụ định giá (pricing tools) và hoạt động kiểm toán nội bộ.

Năm 2022, VINARE cũng là doanh nghiệp đầu tiên trong ngành bảo hiểm hoàn thành xây dựng, phê duyệt lộ trình và kế hoạch phát triển bền vững theo ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị). VINARE nhận thức rõ vai trò của mình không chỉ là cung cấp cho khách hàng các dịch vụ gia tăng giá trị, tập trung khả năng sinh lời và tối ưu hóa lợi nhuận, mà còn là doanh nghiệp tham gia tích cực trong các vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng. Quản lý tốt các vấn đề ESG sẽ đem lại một hình ảnh VINARE có kế hoạch phát triển bền vững trong lâu dài, tích cực, chủ động trong việc thúc đẩy một xã hội toàn diện và có khả năng phục hồi cao.

Bên cạnh đó, VINARE cũng tập trung vào văn hóa doanh nghiệp, ban hành Bộ Quy tắc ứng xử và Đạo đức nghề nghiệp, một số quy chế quan trọng về nhân sự cũng như về công tác tổ chức, để cán bộ nhân viên VINARE an tâm công tác.

Hoạt động chuyển đổi số của VINARE cũng được làm một cách bài bản, mở rộng từng bước và đảm bảo hiệu quả. Trong năm 2022, VINARE đã tập trung nâng cấp hệ thống quản lý nghiệp vụ (Vicore) và triển khai hệ thống quản lý và lưu chuyển văn bản điện tử theo xu hướng số hóa hoạt động văn phòng (Vidoc).

Kính gửi các Quý cổ đông,

Trong năm vừa qua, với việc mở cửa trở lại các trung tâm kinh tế của đất nước, tổng sản phẩm trong nước (GDP) đã tăng 8,02%, mức cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Cùng với đó, lĩnh vực bảo hiểm cũng ghi nhận những số liệu tăng trưởng vượt bậc. Tính chung năm 2022, theo số liệu thống kê đến thời điểm này của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng 16,8% so với năm 2021.

Đi cùng với sự hồi phục nhanh chóng của nền kinh tế, trong năm vừa qua, hoạt động kinh doanh của VINARE cũng ghi nhận những kết quả vượt trội. Tổng doanh thu năm 2022 đạt 2.969 tỷ đồng, trong đó doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.368,8 tỷ đồng, đạt 107,1% kế hoạch năm được giao và tăng 5,5% so với năm 2021. Trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, doanh thu từ mảng nghiệp vụ cốt lõi đã tăng trưởng 14,1% so với cùng kỳ và vượt mức dự kiến đầu năm.

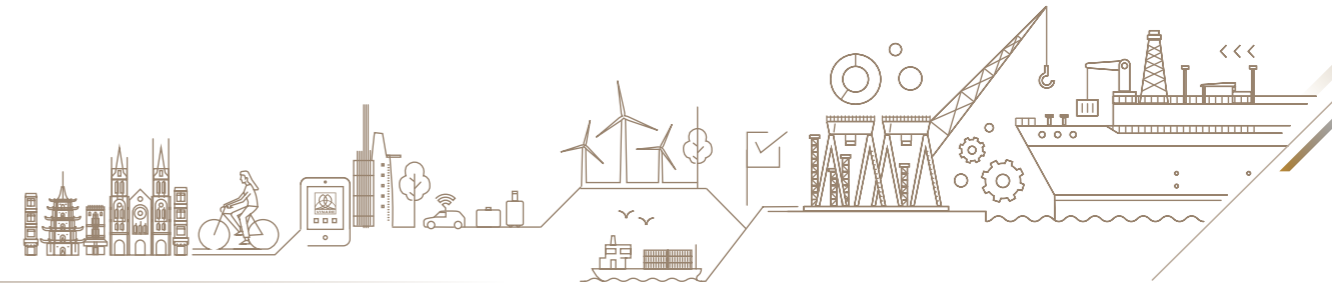
Về hiệu quả kinh doanh, mặc dù mảng hoạt động đầu tư tài chính bị ảnh hưởng bởi sự sụt giảm của thị trường chứng khoán, việc kiểm soát chặt chẽ rủi ro trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm đã mang lại kết quả tốt, tổng lợi nhuận trước thuế do đó đạt 439,3 tỷ đồng, tăng 7,7% so với năm 2021. Kết quả này có được là nhờ VINARE chú trọng tăng cường sức mạnh nội tại đi cùng với việc kết nối sức mạnh thị trường.

AM xếp hạng năng lực tài chính (FSR)
của VINARE tiếp tục đạt mức B++ (Tốt)

B++

& xếp hạng năng lực tín dụng
của tổ chức phát hành (ICR) đạt mức "bbb+"

bbb+



AM Best tiếp tục khẳng định năng lực tài chính (FSR) mức B++ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành (ICR) đạt mức "bbb+".

Trong kỳ đánh giá 2022, xếp hạng năng lực tài chính (FSR) của VINARE đạt mức B++ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành (ICR) đạt mức "bbb+" (theo kết quả đánh giá của AM Best). VINARE là một trong hai doanh nghiệp bảo hiểm/tái bảo hiểm đầu tiên trên thị trường bảo hiểm Việt Nam thực hiện việc xếp hạng năng lực tài chính với một tổ chức xếp hạng quốc tế từ năm 2013 và liên tục duy trì mức xếp hạng B++ từ đó đến nay, phản ánh tình hình tài chính vững mạnh và kết quả hoạt động kinh doanh tốt của VINARE.

VINARE - Kết nối sức mạnh thị trường



Trải qua 28 năm hình thành và phát triển, VINARE với vai trò là nhà tái bảo hiểm hàng đầu trong khu vực, luôn đảm nhiệm trọng trách của mình với mục tiêu kết nối sức mạnh thị trường. Vị thế, hình ảnh của VINARE ngày càng được khẳng định vững vàng. Trong con mắt bạn bè quốc tế cũng như những đối tác trong nước, VINARE là doanh nghiệp hoạt động bài bản, chuyên nghiệp và có tiếng nói nhất định trong thị trường bảo hiểm.

Tổ chức thành công Hội nghị Tái bảo hiểm lần thứ 8

Trong năm 2022, VINARE đã tổ chức Hội nghị Tái bảo hiểm lần thứ 8 với chủ đề "Re-uniting market strength". Hội nghị là sự kiện định kỳ hai năm một lần mang đậm dấu ấn VINARE, là cơ hội để các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước và quốc tế giao lưu, trao đổi, nhìn nhận và đánh giá về thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm trong thời gian tới. Với vai trò là nhà tái bảo hiểm hàng đầu trong nước, VINARE đã tạo dựng một diễn đàn nhằm kết nối các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước và quốc tế, cùng nhau tìm ra hướng đi và giải pháp trong bối cảnh có nhiều thách thức và diễn biến khó lường.

Gặt hái được nhiều giải thưởng uy tín và chất lượng

Năm 2022 cũng là năm VINARE đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận: vinh dự nhận Bằng khen của Bộ Tài chính cho tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2021, Top 10 Thương hiệu xuất sắc - Thương hiệu mạnh Việt Nam 2021 - 2022, Top 10 Doanh nghiệp niêm yết quản trị công ty tốt trong kỳ đánh giá năm 2021 - 2022, Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất 2022. Bên cạnh đó, VINARE đã được vinh danh là một trong 10 doanh nghiệp niêm yết có Báo cáo thường niên xuất sắc nhất năm 2022 trong nhóm doanh nghiệp có vốn hóa vừa trên thị trường chứng khoán.

Tăng cường liên kết với các đối tác quốc tế

Bên cạnh việc tập trung vào nghiệp vụ truyền thống có sẵn, VINARE cũng đã tăng cường làm việc với các đối tác, cùng các đối tác phát triển sản phẩm mới, mở rộng kênh khai thác, tiếp cận khách hàng, qua đó tạo nguồn dịch vụ mới và khả năng mang lại doanh thu mới trong tương lai.

Thưa các Quý cổ đông,

Năm 2023, dự báo kinh tế thế giới sẽ gặp nhiều khó khăn, các động lực tăng trưởng kinh tế toàn cầu đều đang suy yếu do ảnh hưởng của lạm phát và giá dầu tăng cao. Trong bối cảnh đó, mục tiêu tăng trưởng GDP trong năm 2023 của Chính phủ đặt ra là 6 - 6,5%.

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ dự kiến có thể tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng trên 15% nhờ sự phục hồi của nền kinh tế, sức tiêu dùng nội địa tăng mạnh, các chính sách cải cách kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài cũng như sự phát triển ngày càng đa dạng của các sản phẩm bảo hiểm mới cũng như các hình thức phân phối mới. Yếu tố hỗ trợ tích cực là Luật Kinh doanh bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực, nhiều dự án hạ tầng giao thông trọng điểm quốc gia được thúc đẩy triển khai...

Đối với VINARE, năm 2023 là năm quyết định trong việc thực hiện chiến lược phát triển và định hướng mục tiêu 2020 - 2024 mà Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ đã thông qua. Mục tiêu tăng trưởng doanh thu để ra là 4,2%, trong đó mảng nghiệp vụ cốt lõi tiếp tục được đặt kế hoạch tăng trưởng cao 10%. VINARE cũng đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 5,1% với kỳ vọng thị trường chứng khoán và đầu tư không có biến động quá lớn.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, VINARE hiểu rằng mục tiêu của quản trị công ty là để xây dựng một môi trường của lòng tin, tính minh bạch và tính giải trình, các yếu tố cần thiết để thúc đẩy phát triển đầu tư dài hạn, sự ổn định tài chính và đạo đức trong kinh doanh, từ đó hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng trong dài hạn của các doanh nghiệp.

VINARE cũng đồng thời chú trọng nâng cao hơn nữa năng lực quản trị cũng như hoàn thiện thể chế nhằm chuẩn bị tốt nhất các điều kiện cho sự phát triển bền vững trong dài hạn, nâng cao tính minh bạch với các đối tác, cổ đông và người lao động.

Với phương châm "Kết nối sức mạnh thị trường", VINARE sẽ tiếp tục thúc đẩy hợp tác, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng hơn các giá trị gia tăng cho khách hàng và thị trường bảo hiểm nói chung.

Với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách, tôi thực sự tin tưởng rằng VINARE sẽ tiếp tục chinh phục những thử thách và ghi nhận những dấu ấn mới tiến tới mốc kỷ niệm 30 năm. Tôi xin chân thành cảm ơn sự đồng lòng nhất trí của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, sự hợp tác quý báu của các đối tác và các cổ đông, sự hỗ trợ tối đa từ chính sách đổi mới của Chính phủ trong lĩnh vực bảo hiểm, cùng với những nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên VINARE.

VINARE đã, đang và sẽ phấn đấu hết sức mình để đạt được những thành tựu xuất sắc trong hoạt động kinh doanh và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông giao phó. Chúng tôi luôn trân trọng và biết ơn sự tin tưởng của Quý cổ đông đã đồng hành cùng VINARE trong suốt thời gian vừa qua.

Chúc Quý vị hạnh phúc, sức khỏe và thành đạt./.

Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE

Dấu ấn nổi bật năm 2022

Bộ trưởng Bộ Tài chính

Bảng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho doanh nghiệp

Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2021

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE được Bộ Tài chính trao tặng Bảng khen cho

Cá nhân có thành tích xuất sắc trong giai đoạn kinh doanh 2020 - 2021

Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam

tặng Giấy khen cho tập thể Tổng Công ty cổ phần Tài bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) vì

Thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh năm 2021 và nhiều Giấy khen cho Nhà quản lý nghiệp vụ và khai thác của VINARE.

VINARE nằm trong bảng xếp hạng

TOP 500

Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2022

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE vinh dự nhận được Giải thưởng

Doanh nhân trẻ Việt Nam tiêu biểu 2022

Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam tặng giấy khen cho Ông Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE đạt danh hiệu

Nhà Quản lý doanh nghiệp bảo hiểm xuất sắc năm 2021

VINARE nằm trong bảng xếp hạng VNR500

TOP 500

Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2022

Nhóm vốn hóa vừa tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2022

TOP 10

Doanh nghiệp niêm yết có Báo cáo thường niên xuất sắc nhất năm 2021

Hội nghị Doanh nghiệp thường niên 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

TOP 10

Doanh nghiệp niêm yết quản trị công ty tốt trong kỳ đánh giá năm 2021 - 2022



VINARE nằm trong **TOP 10**
Thương hiệu xuất sắc
Thương hiệu mạnh Việt Nam
2021 - 2022

2

TỔNG QUAN

HỢP TÁC

16	Tổng quan về Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
18	Quá trình hình thành và phát triển
22	Định hướng phát triển
24	Sơ đồ tổ chức
26	Ban Lãnh đạo
32	Vốn cổ phần và Cơ cấu cổ đông
34	Các công ty con, công ty liên kết
35	Các đối tác và khách hàng
38	Các sự kiện tiêu biểu năm 2022
40	Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản giai đoạn 2018-2022
42	AM Best khẳng định xếp hạng VINARE năm 2022





“Hợp tác” trở thành chiến lược chính của các công ty bảo hiểm khi hội tụ với các lĩnh vực khác

“Hợp tác” (nghĩa là cạnh tranh và cộng tác đồng thời) sẽ trở thành trụ cột trong chiến lược của các công ty bảo hiểm khi họ xây dựng hệ sinh thái và giải quyết vấn đề hội tụ với các lĩnh vực khác.

Theo định nghĩa của **Ernst & Young (EY)**



Hợp tác

Bối cảnh cạnh tranh hiện nay trong lĩnh vực bảo hiểm đáng chú ý vì sự phân khúc thị trường, sự hòa nhập của các đối thủ cạnh tranh phi truyền thống và sự cộng tác rộng rãi. Trong báo cáo “Triển vọng Bảo hiểm Toàn cầu năm 2022” của mình, EY cũng cho biết sự hợp nhất giữa các công ty bảo hiểm hiện thời, trong đó một số công ty bảo hiểm này được liên kết với các công ty mới gia nhập thị trường khác, các công ty liên doanh đang phát triển, cùng với các khoản đầu tư lớn đang được triển khai của quỹ đầu tư tư nhân cũng đang định hình lại bối cảnh này.

Các ngân hàng, công ty quản lý tài sản và công ty thể tín dụng sẽ cung cấp nhiều sản phẩm mang tính bảo vệ hơn và cố gắng tạo ra sự khác biệt dựa vào các cam kết về giá trị tài chính toàn diện, buộc các công ty bảo hiểm phải lựa chọn giữa cộng tác hay cạnh tranh. Các thương hiệu ô tô hàng đầu, hãng hàng không, nhà bán lẻ và những người khác đang tìm cách tăng cường mối quan hệ với khách hàng của mình bằng cách lồng ghép nhiều dịch vụ bảo hiểm hơn theo nhiều cách. Đối với các công ty bảo hiểm hướng tới tương lai, không thiếu các mối quan hệ đối tác tiềm năng để khai thác.

Các công ty bảo hiểm sẽ tìm kiếm hợp tác với hoặc mua lại các công nghệ bảo hiểm hứa hẹn nhất, nhưng một số công nghệ bảo hiểm sẽ phát triển quá lớn quá nhanh; những “siêu ứng dụng” này sẽ trở thành những người tham gia có ảnh hưởng trong toàn cảnh hệ sinh thái hiện đang hình thành. Điều này cũng đúng với các

nền tảng công nghệ lớn; ngay cả khi họ quyết định không chấp nhận bất kỳ rủi ro nào, họ sẽ lồng ghép các sản phẩm bảo hiểm vào nhiều giao dịch hơn và do đó sẽ cần các đối tác, các công ty bảo hiểm hiện thời hoặc công nghệ bảo hiểm.

Những xu hướng lớn (Megatrends): EY nêu bật 3 trong số những xu hướng lớn nhất đang định hình lại ngành bảo hiểm là: hệ sinh thái và bảo hiểm mở; chuyển đổi lực lượng lao động cũng như tính bền vững và xanh hóa nền kinh tế toàn cầu. EY cho biết thêm rằng sẽ không thể xây dựng hệ sinh thái thành công nếu không chuyển đổi lực lượng lao động với các kỹ năng mới và trải nghiệm phong phú của nhân viên. Tương tự như vậy, chỉ bằng cách hoàn toàn đi theo và thực hiện mục đích của mình cùng với việc đổi mới cung cấp sản phẩm, các công ty bảo hiểm mới có thể dẫn đường đi tới một nền kinh tế bền vững hơn.

Một chủ đề thống nhất trong cuộc thảo luận là năng lực vững mạnh về công nghệ và dữ liệu. Ngoài việc cho phép kết nối và khả năng mở rộng, việc số hóa hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp và chuyển sang điện toán đám mây là cần thiết để cạnh tranh thành công cùng với việc phát triển sản phẩm mới, các mô hình kinh doanh trong hệ sinh thái và để giải quyết các chuẩn mực kế toán và báo cáo mới một cách hiệu quả.

(Theo AIR 25/01/2022)



Tổng quan về Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

VIETNAM
NATIONAL
REINSURANCE
CORPORATION

Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam - VINARE - kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ bao gồm Kỹ thuật, Tài sản, Hàng hải (Hàng hóa, Thân tàu, P&I), Năng lượng, Hàng không, Trách nhiệm, Tai nạn con người, ... và cung cấp các giải pháp chuyển giao rủi ro theo yêu cầu khách hàng.

Với vị thế là Nhà nhận tái bảo hiểm hàng đầu tại thị trường Việt Nam, sứ mệnh của VINARE là cung cấp các giải pháp dài hạn và các dịch vụ tái bảo hiểm trong nước và quốc tế, nhằm hỗ trợ cho sự phát triển bền vững của ngành bảo hiểm cũng như thúc đẩy nền kinh tế xã hội phát triển.

VỐN ĐIỀU LỆ

1.507.371.300.000
VND

Thông tin khái quát

Tên giao dịch	: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
Giấy phép kinh doanh	: 28GP/KDBH ngày 15/11/2004 của Bộ Tài chính
Giấy phép điều chỉnh	: 28/GPĐC5/KDBH ngày 6/9/2021 của Bộ Tài chính
Địa chỉ	: 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại	: 84 24 39422354
Fax	: 84 24 39422351
Email	: vinare@vinare.com.vn
Website	: www.vinare.com.vn
Mã cổ phiếu	: VNR

Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của VINARE

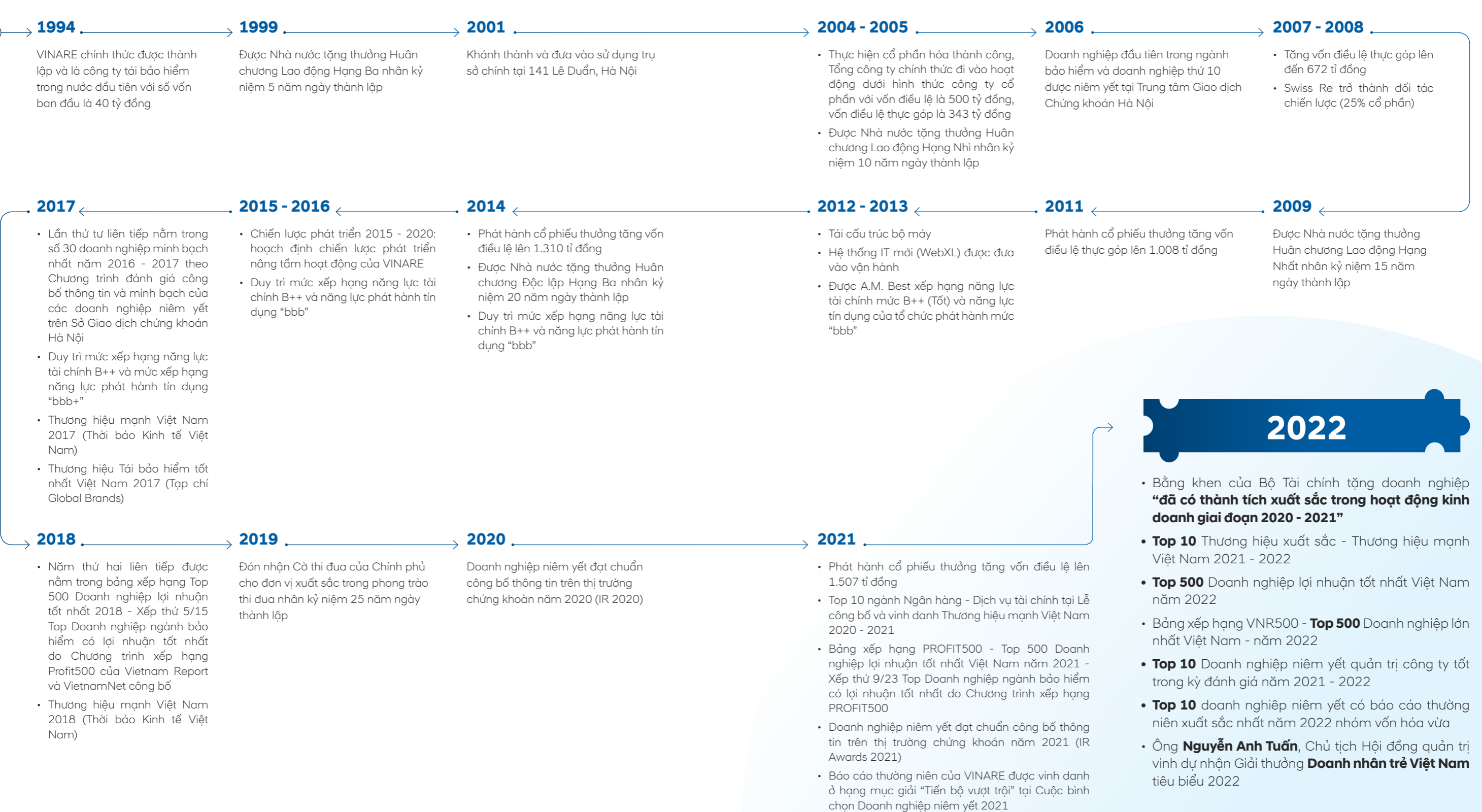
- Kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ trên thị trường trong và ngoài nước.
- Đầu tư tài chính vào các lĩnh vực trái phiếu Chính phủ, trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp, góp vốn vào các doanh nghiệp khác, kinh doanh bất động sản và các hoạt động đầu tư khác theo luật định.

Địa bàn kinh doanh

Tổng công ty có trụ sở chính tại 141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh tại 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình hình thành và phát triển

1994-2022





**Sáng 27/9/2022,
Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
(VINARE) đã tổ chức Lễ kỷ niệm 28 năm thành lập
(27/9/1994 - 27/9/2022).**



Khai mạc buổi lễ, ông Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE đã chia sẻ về thành tích đạt được trong hoạt động kinh doanh của VINARE thời gian qua. Đặc biệt rất vui mừng khi năm 2021, dù tiếp tục chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, VINARE vẫn tăng trưởng vượt kỳ vọng.

“Trong bối cảnh khó khăn, rõ ràng chúng ta vẫn cố gắng tăng trưởng mảng nghiệp vụ tái bảo hiểm, giữ vững kỷ luật khai thác, tăng được doanh thu từ các nghiệp vụ cốt lõi. Chúng ta đang trên đà đi đúng theo hướng mà các cổ đông và Ban Điều hành đều kỳ vọng”.

_____ ông **Nguyễn Anh Tuấn** chia sẻ.

Bên cạnh đó, vị thế và hình ảnh của VINARE ngày càng được khẳng định vững vàng trong 28 năm qua. Trong con mắt bạn bè quốc tế

cũng như những đối tác trong nước, VINARE là doanh nghiệp hoạt động bài bản, chuyên nghiệp, có tiếng nói nhất định trong thị trường bảo hiểm. Trong thời gian tới, VINARE sẽ cố gắng kết nối thị trường nhiều hơn nữa để đem lại các dịch vụ tốt hơn. Thời gian qua, VINARE đã tái khởi động lại bản tin Bảo hiểm - Tái bảo hiểm 6 tháng 1 lần, để gửi cho các đối tác trong nước và các đối tác quốc tế. Đây chính là cách mà VINARE một lần nữa khẳng định vị thế và hình ảnh của một nhà tái bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

Cũng tại buổi lễ, ông Trịnh Quang Tuyến - Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị, người sáng lập VINARE, đã có những chia sẻ về khó khăn mà VINARE gặp phải từ những ngày đầu thành lập và những cố gắng để có được hình ảnh lớn mạnh của VINARE bây giờ.



“Chúng tôi rất cảm kích, phấn khởi và vui mừng vì những kết quả mà VINARE đạt được trong thời gian qua... Chỉ khi tự làm thì uy tín của chúng ta sẽ đi lên, tự làm thì nguồn dịch vụ mang lại hiệu quả sẽ cao hơn. Bên cạnh đó, tôi cũng rất vui mừng nhìn thấy đội ngũ cán bộ VINARE có trách nhiệm, trình độ cao ngày càng lớn mạnh. Các cán bộ VINARE hãy cùng chung tay dưới sự lãnh đạo của Ban Điều hành, để duy trì được kết quả và hiệu quả kinh doanh tốt, đồng thời đoàn kết để đưa VINARE ngày càng phát triển hơn nữa”.

_____ ông **Trịnh Quang Tuyến** chia sẻ.

Định hướng phát triển

Tầm nhìn chiến lược

NHÀ TÁI BẢO HIỂM CHUYÊN NGHIỆP ĐÚNG ĐẦU VIỆT NAM

- Trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam và khu vực, nhà đầu tư chuyên nghiệp.
- Cung cấp cho khách hàng các dịch vụ gia tăng giá trị với sự đảm bảo cần thiết trên cơ sở phát huy giá trị cốt lõi của công ty.
- Tập trung khả năng sinh lời và tối ưu hóa lợi tức, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.
- Doanh nghiệp có trách nhiệm tích cực với cộng đồng.

Các giá trị cam kết

- Lợi nhuận tối ưu cho nhà đầu tư
- Nâng cao hiệu quả và tính sinh lợi của thị trường bảo hiểm
- Quản lý rủi ro và nguồn vốn
- Đào tạo và chuyển giao kiến thức công nghệ
- Trung tâm thông tin thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm
- Phát triển bền vững thị trường bảo hiểm
- Cung cấp năng lực tái bảo hiểm
- Hỗ trợ phát triển sản phẩm bảo hiểm mới
- Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam

Mục tiêu tăng trưởng và phát triển giai đoạn 2020 - 2025

Chỉ tiêu kết quả kinh doanh

- Tăng trưởng doanh thu phí nhận: **bình quân 9%/năm**
- Tỷ lệ combined ratio bình quân tối đa: **98%**
- Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế tối thiểu: **bình quân 7%/năm**
- Tỷ lệ cổ tức tối thiểu: **12%/năm**
- ROE bình quân tối thiểu: **10%**

Chỉ tiêu về vốn điều lệ

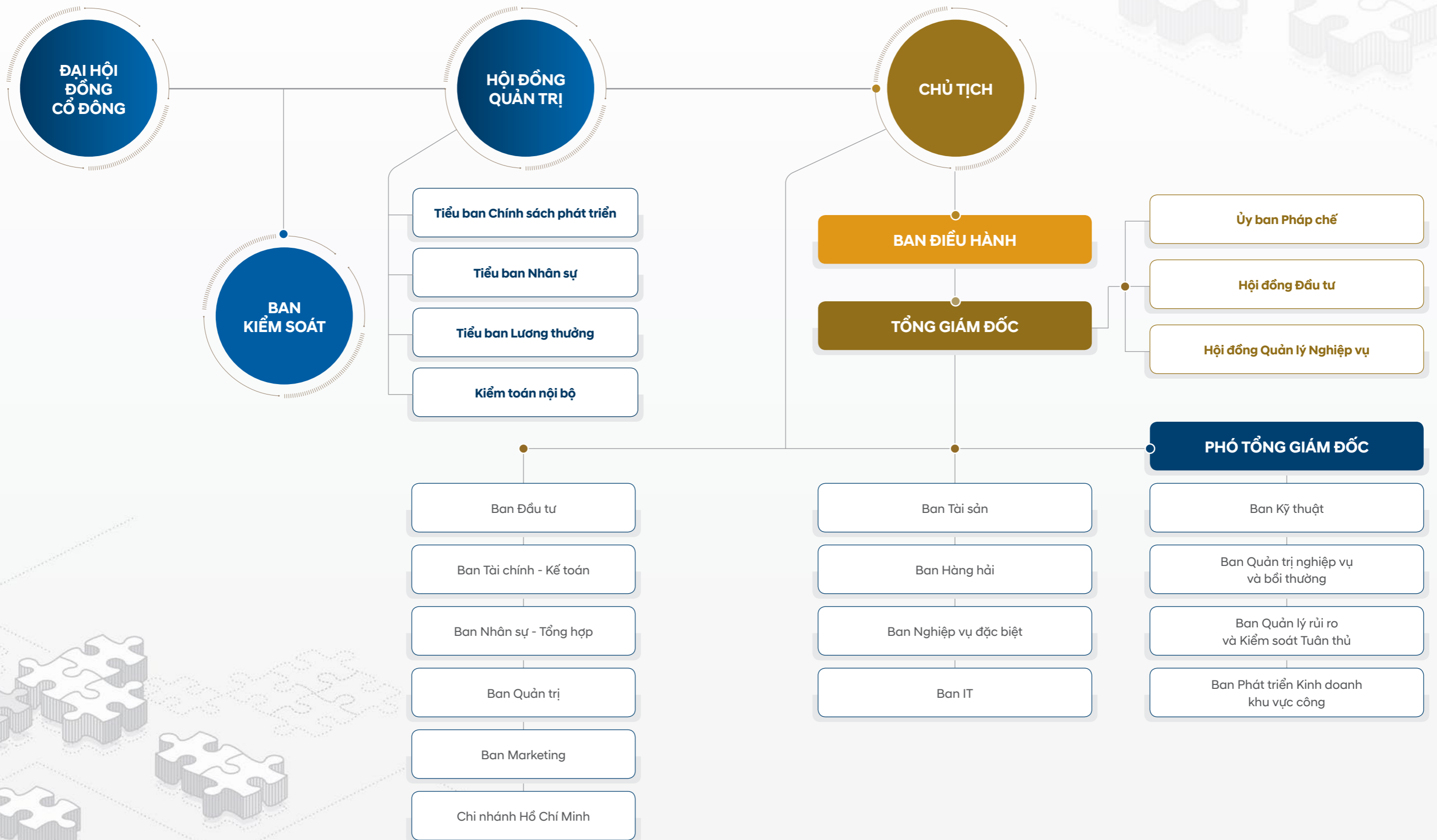
Vốn điều lệ tăng lên 2.000 tỷ cho đến năm 2024. Thời điểm và phương thức phát hành theo đề án do Tổng công ty xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Phát triển bền vững

- Đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm rủi ro, cung cấp năng lực tái bảo hiểm và hỗ trợ phát triển các sản phẩm bảo vệ rủi ro cho số đông dân cư.
- Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Chiến lược phát triển bền vững gắn kết với ESG được mô tả chi tiết trong phần Chiến lược và Nội dung về phát triển bền vững ở phần sau của Báo cáo.

Sơ đồ tổ chức



Ban Lãnh đạo

Giới thiệu Hội đồng quản trị



Ông NGUYỄN ANH TUẤN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ chuyên ngành Luật kinh doanh quốc tế - Đại học Tours - Cộng hòa Pháp liên kết với Đại học Ngoại thương Hà Nội
- Cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại - Đại học Ngoại thương Hà Nội

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Chủ tịch Hội đồng quản trị (làm việc chuyên trách) VINARE
- Phó Chủ tịch Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Traphaco

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng Ban Đầu tư 3 Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (Từ tháng 9/2015 đến nay)
- Thành viên HĐQT (làm việc kiêm nhiệm) Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Từ tháng 4/2018 đến tháng 4/2020)
- Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Thủy sản Việt Nam (Seaprodex)



Ông NGUYỄN XUÂN VIỆT
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy - Đại học Bách khoa Hà Nội
- Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Trưởng ban Phát triển ứng dụng 2
- Trưởng ban Vận hành và Bảo trì ứng dụng



Bà ANNA LEE ON WAH
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị ^(*)

Quốc tịch: Trung Quốc

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Mở Hong Kong, Trung Quốc
- Cử nhân ngành Tài chính, Đại học Napier, Anh Quốc

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Trưởng Bộ phận Phát triển sản phẩm mới, P&C tại Đông Nam Á, Hong Kong, Đài Loan, Hàn Quốc & Ấn Độ

- Trưởng Bộ phận P&C của Hong Kong & Đài Loan

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng Bộ phận Tài sản & Trách nhiệm của Hong Kong & Đài Loan
- Giám đốc Chi nhánh Swiss Re Hong Kong
- Trưởng Bộ phận Kinh doanh dịch vụ châu Á, bao gồm cả Úc và New Zealand

^(*) Thành viên Hội đồng quản trị từ 22/4/2022, bầu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ 29/8/2022 thay cho ông Jared Orchard miễn nhiệm từ 22/4/2022



Ông MAI XUÂN DŨNG
Thành viên Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh tế và Tài chính quốc tế - Đại học Queensland, Úc
- Chứng chỉ Đại học bảo hiểm, Học viện Bảo hiểm - Tài chính Úc - New Zealand
- Cử nhân Kinh tế bảo hiểm - Đại học Kinh tế quốc dân

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Tổng giám đốc VINARE

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Trưởng phòng Tái bảo hiểm Hàng hải VINARE
- Giám đốc Ban Hàng hải VINARE
- Phó Tổng giám đốc VINARE



Ông NGUYỄN ĐÌNH AN
Thành viên Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh tế - Tài chính - Đại học Staffordshire, Anh Quốc
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Quyền Tổng giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

- Tổng giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng Ban Thư ký Tổng hợp Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt



Ông VŨ ANH TUẤN
Thành viên Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kế toán - Viện đại học Mở Hà Nội

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo Minh

Chức vụ công tác đã qua

- Giám đốc Công ty Bảo Minh Hà Nội
- Giám đốc Công ty Bảo Minh Bắc Giang
- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo Minh

BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO) Giới thiệu Hội đồng quản trị



Ông PHẠM PHAN DŨNG
Thành viên độc lập

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Tài chính
- Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Tổng hợp Columbia, Hoa Kỳ
- Cử nhân Kế toán Công nghiệp - Trường Đại học Tài chính - Kế toán (nay là Học viện Tài chính)

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách Tài chính, Bộ Tài chính
- Vụ trưởng Vụ Tài chính - Ngân hàng, Bộ Tài chính
- Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Bộ Tài chính



Bà NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG
Thành viên Hội đồng quản trị^(*)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, Đại học NANTES
- Cử nhân Nga văn, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng phòng Tài sản - Kỹ thuật, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex
- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex

^(*) Thành viên Hội đồng quản trị từ 22/4/2022 thay cho ông Đào Nam Hải miễn nhiệm từ 22/4/2022



Bà NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG
Thành viên Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Ngoại Thương
- Cử nhân Tài chính Tín dụng, Học viện Tài chính

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Phó trưởng Ban Đầu tư 1 - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)

Chức vụ công tác đã qua

- Phó trưởng Ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)

BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO) Giới thiệu Ban Kiểm soát



Ông TRẦN TRUNG TÍNH
Trưởng Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng, Đại học Kinh tế quốc dân
- Cử nhân Kinh tế & Bảo hiểm - Đại học Kinh tế quốc dân
- Cử nhân Anh văn - Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội (nay là Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội)

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản Kỹ thuật Công ty Bảo Minh Hà Nội
- Phó Giám đốc Công ty Bảo Minh Hà Nội
- Phó Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV



Bà LÊ THỊ THANH HIỀN
Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Tài chính - Đại học Sydney
- Cử nhân Kế toán - Đại học Kinh tế quốc dân

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Trưởng Phòng Tài chính Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)

Chức vụ công tác đã qua

- Kiểm toán viên cao cấp Công ty TNHH Kiểm toán PricewaterhouseCoopers



Ông VŨ NGỌC VƯỢNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Frederick Taylor
- Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Học viện Tài chính

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Chuyên viên Ban Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt

BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Giới thiệu Ban Kiểm soát



Ông ĐÀO MẠNH DƯƠNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ kinh tế
- Cử nhân Tài chính doanh nghiệp - Đại học Tài chính - Kế toán (Nay là Học viện Tài chính)
- Cử nhân ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Giám đốc Ban Marketing VINARE

Chức vụ công tác đã qua

- Giám đốc Ban Tài sản VINARE



Ông TUSHAR CHATTERJEE
Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Ấn Độ

Trình độ chuyên môn

- Tiến sỹ Đại học Heriot-Watt
- Sau Đại học chuyên ngành định phí - Đại học Heriot-Watt
- Thạc sỹ chuyên ngành thống kê - Viện Thống kê Ấn Độ
- Cử nhân chuyên ngành thống kê - Viện Thống kê Ấn Độ

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro doanh nghiệp, Swiss Re Singapore (Head of ERM)

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động (Head of ORM)

BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Giới thiệu Ban Điều hành



Ông MAI XUÂN DŨNG
Tổng giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh tế và Tài chính quốc tế, Đại học Queensland, New Zealand
- Chứng chỉ ANZIIF (Senior Associate), Học viện Bảo hiểm, Tài chính Úc - New Zealand
- Cử nhân Kinh tế bảo hiểm, Đại học Kinh tế quốc dân

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Thành viên Hội đồng quản trị VINARE

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Trưởng phòng Tái bảo hiểm Hàng hải VINARE
- Giám đốc Ban Hàng hải VINARE
- Phó Tổng giám đốc VINARE



Ông NGUYỄN MẠNH LINH
Phó Tổng giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh doanh quốc tế (MSC)
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA)
- Kỹ sư Tin học

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Trưởng phòng Nhân sự - Tổng hợp VINARE, Trợ lý Tổng giám đốc
- Giám đốc Ban Quản lý Rủi ro



Bà LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Tài chính, Đại học Tài chính Kế toán

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng phòng Tài vụ - Kế toán VINARE

Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông



Cơ cấu cổ đông VINARE tính đến ngày 29/06/2022

(theo Danh sách tổng hợp số C245/2022-VNR/VSD-ĐK lập ngày 01/07/2022 của VSD)

TT	Tên Cổ đông	Vốn góp theo mệnh giá (VNĐ)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	SCIC	608.419.400.000	60.841.940	40,36%
2	SwissRe	376.843.370.000	37.684.337	25,00%
3	Tập đoàn Bảo Việt	138.308.430.000	13.830.843	9,18%
4	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	120.699.400.000	12.069.940	8,01%
5	Bảo Minh	96.916.360.000	9.691.636	6,43%
6	PJICO	37.689.690.000	3.768.969	2,50%
7	UIC	16.152.720.000	1.615.272	1,07%
8	BIC	12.420.110.000	1.242.011	0,82%
9	BaoViet Tokio Marine	7.691.765.000	769.177	0,51%
10	Aizawa Securities Co., Ltd	3.842.630.000	384.263	0,26%
11	Maybank Kim Eng Sec.	3.456.900.000	345.690	0,23%
12	Các cổ đông khác	84.930.525.000	8.493.053	5,63%
	Tổng	1.507.371.300.000	150.737.130	100,00%

Cơ cấu cổ phần

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần
1. Tổng số cổ phần	150.737.130
- Cổ phần phổ thông chuyển nhượng tự do	150.736.988
- Cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng	142
2. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại	150.737.130
- Cổ phiếu phổ thông chuyển nhượng tự do	150.736.988
- Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng	142

Cơ cấu cổ đông

TT	Loại cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ / Vốn điều lệ
1.	Cổ đông tổ chức	142.689.610	94,66%
a	Trong nước	103.065.175	68,37%
	- Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	60.841.940	40,36%
	- Các cổ đông pháp nhân khác	42.223.235	28,01%
b	Nước ngoài	39.624.435	26,29%
2.	Cổ đông cá nhân	8.047.520	5,34%
a	Trong nước	7.651.355	5,08%
b	Nước ngoài	396.165	0,26%
	Cộng	150.737.130	100,00%

Danh sách cổ đông lớn

TT	Tên Cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	60.841.940	40,36%
2	Tập đoàn Swiss Re	37.684.337	25,00%
3	Tập đoàn Bảo Việt	13.830.843	9,18%
4	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	12.069.940	8,01%
5	Tổng công ty cổ phần Bảo Minh	9.691.636	6,43%

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con



Giá trị góp vốn của VINARE tính đến ngày 31/12/2022: **60.000.000.000** đồng
Tương đương

vốn điều lệ **63,9%**

Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103141556 sửa đổi lần thứ 1 do Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội cấp ngày 16/07/2021

Địa chỉ: Tầng 6, 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Vốn điều lệ: 93.919.000.000 đồng

Lĩnh vực hoạt động:

- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn quản lý bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, đô thị, nhà ở các loại;
- Kinh doanh các ngành nghề, dịch vụ khác theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh số 0103141556 cấp ngày 16/07/2021

Các cổ đông chính:

VINARE	63,9%
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và KCN Sông Đà	10,6%
Công ty cổ phần Bất động sản Phú Lộc	10,6%
Các cổ đông khác	14,9%

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2022

(Tỷ đồng)

119,3
Tổng tài sản

88,5
Vốn chủ sở hữu

10,7
Doanh thu

-4,9
Lợi nhuận sau thuế

Công ty liên kết



Tỷ lệ góp vốn của VINARE: **125.000.000.000** đồng
Tương đương

vốn điều lệ **25%**



Giấy phép thành lập và hoạt động số

70/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/08/2014

Địa chỉ: Tầng 45, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 2 Đường Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng

Lĩnh vực hoạt động:

Cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ (bao gồm cả tái bảo hiểm) và đầu tư tài chính theo luật định

Đối tác liên kết:

Công ty Bảo hiểm Cháy và Hàng hải Sam Sung, Hàn Quốc.

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2022

(Tỷ đồng)

2.366,7
Tổng tài sản

1.352,9
Vốn chủ sở hữu

1.158,1
Doanh thu phí bảo hiểm

159,1
Lợi nhuận sau thuế

Các đối tác và khách hàng

Khách hàng trong nước: Các công ty bảo hiểm, tái bảo hiểm trên thị trường Việt Nam

CÔNG TY BẢO HIỂM VÀ TÁI BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

AAA Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	TMIV Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam	PTI Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
ABIC Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp	Fubon VN Công ty TNHH Bảo hiểm Phi nhân thọ Fubon (Việt Nam)	PVI Tổng công ty Bảo hiểm PVI
AIG Vietnam Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam	GIC Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu	PVI Re Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI
Bảo Long Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	HD Insurance Công ty TNHH Bảo hiểm HD	QBE Vietnam Công ty TNHH Bảo hiểm QBE (Việt Nam)
Bảo Minh Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Liberty Insurance Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty	SVI Công ty LD TNHH Bảo hiểm Samsung Vina
Bảo Việt Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	MIC Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	TIC Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco
BHV Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	MSIG Vietnam Công ty TNHH Bảo hiểm Phi Nhân Thọ MSIG Việt Nam	UIC Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp
BIC Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	OPES Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES	VASS Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông
BSH Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	PAC Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng	VBI Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Chubb Vietnam Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam	PJICO Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	VNI Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Baoviet Life Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
AIA Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)
Manulife Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)

CÁC ĐỐI TÁC VÀ KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

Khách hàng trong nước: Các công ty bảo hiểm, tái bảo hiểm trên thị trường Việt Nam

CÔNG TY MÔI GIỚI BẢO HIỂM

Aon Aon plc	BRM BRM Korea Co., Ltd.	INS CORP. INS CORP (Korea)	Pana Harrison Pana Harrison (Asia) Pte Ltd
ARB Asia Reinsurance Brokers Pte Ltd	Challenge Challenge Group	KMD KM Dastur Reinsurance Brokers	Pioneer Pioneer Insurance & Reinsurance Broker Pvt Ltd
ACE Ace Insurance Brokers	Ed Broking ED Broking	J.B. Boda J.B Boda & Co.	Protection Protection Insurance and Reinsurance Services
AIB Alliance Insurance Brokers Pvt. Ltd.	ENC PLUS ENC PLUS Insurance Brokers Co. Ltd	M.B. Boda M. B. Boda Reinsurance Brokers	RISK CARE Risk Care Insurance Broking Services Pvt. Ltd.
AIH AIH Reinsurance brokers limited	Guy Carpenter Guy Carpenter & Company Ltd	LOCKTON LOCKTON	UIB UIB Insurance Brokers (Korea) Co., Ltd
Alexander Leed Alexander Leed Risk Services	Haakon Haakon Ltd	MALAKUT Malakut Constellation Insurance Brokers CJSC	Gallagher Re Gallagher Re
AXIOM AXIOM InRe Insurance Brokers	HIS HIS Insurance Services Co., Ltd.	Mathsons Mathrawala and Sons Insurance Brokers	Willis Tower Watson Willis Tower Watson
Asure Re Asure Re Brokers	INTERLINK Interlink Insurance Brokers VT. Ltd	Marsh Marsh Ltd	WIS Worldwide Insurance Services Ltd.
BHARAT RE Bharat Re-Insurance Brokers Pvt. Ltd.	IRICBS International Reinsurance & Insurance Consultancy & Broking Services Pvt. Ltd.	MHK MHK Insurance Services limited	

Khách hàng nước ngoài: Các công ty tái bảo hiểm, môi giới tái bảo hiểm trong khu vực châu Á và trên thế giới

Allianz Re Allianz Reinsurance	CVI Cambodia-Vietnam Insurance Plc.	Kuwait Re Kuwait Reinsurance Company	Oman Oman Insurance Company	Shipowners' P&I Club The Shipowners' Mutual Protection and Indemnity Association (Luxembourg)
AGCS Allianz Global Corporate & Specialty SE	Echo Re Echo Reinsurance Limited Company	KB Insurance KB Insurance Company	ORIENT Orient Insurance PJSC	Sirius Point Sirius Point Ltd
Allied World Allied World Assurance Company	European Re European Reinsurance Company of Zurich Ltd	Labuan Re Labuan Reinsurance Ltd	PARTNER RE Partner Reinsurance Company	Sompo Re Sompo International Reinsurance
Amlin MS Amlin	Emirates Insurance Emirates Insurance Company	LVI Lao-Viet Insurance Company	Oriental The Oriental Insurance Company	Steamship Mutual P&I Club Steamship Mutual P&I Club
AIRCLAIMS AIRCLAIMS LIMITED	GARD GARD AS	London P&I Club The London Steam-Ship Owners' Mutual Insurance Association Limited	Peak Re Peak Reinsurance Company Limited	Swiss Re Swiss Reinsurance Company
Asian Re Asian Reinsurance Corporation	Esicuba Seguros Internacionales de Cuba, S.A.	LF Insurance Länsförsäkringar Insurance Sweden	PICC PICC Property and Casualty Co., Ltd	TRUST Trust International Insurance
Aspen Re Aspen Re	GIC Bhutan Re GIC Bhutan Re	Malaysian Re Malaysian Reinsurance Berhad	Ping An Ping An Insurance Company of China, Ltd.	TUGU RE PT. Tugu Reasuransi Indonesia
AXIS Re AXIS Specialty Limited	GIC India General Insurance Corporation of India	Meritz Meritz Fire and Marine Insurance Company	RongSheng RongSheng P&C Insurance Co., Ltd	Thai Re Thai Reinsurance Public Company Ltd
Berkley Re Berkley Re	HFV LLP Holman Fenwick Willan Llp	Munich Re Munich Reinsurance Company	Qianhai Re Qianhai Reinsurance Co., Ltd.	Toa Re The Toa Reinsurance Company, Limited
BARLOW LYDE & GILBER Barlow Lyde & Gilber	Hannover Re Hannover Re Company	MSIG Mitsui Sumitomo Insurance Co. Ltd.	SANTAM RE SANTAM RE	Tokio Marine Kiln Tokio Marine Kiln
BEAZLEY Beazley	Huyndai Huyndai Marine & Fire Insurance Company	Mongolia Re Mongolian National Reinsurance Company	Seoul Guarantee Seoul Guarantee Insurance Company	TPRe Taiping Reinsurance Co., Ltd
BH SPECIALTY Berkshire Hathaway Specialty Insurance	Huione Huione Insurance PLC	Nat Re The National Reinsurance Corporation of the Philippines	SOGAZ SOGAZ INSURANCE	Trans Re Transatlantic Reinsurance Company
Canopus Canopus Specialty	Hanwha Hanwha General Insurance Company	National Insurance National Insurance Company Limited	Russian Re Russian National Reinsurance Corporation	Triglav Re Triglav Re, Reinsurance Company Ltd
China Re China Reinsurance Company	Indonesia Re Indonesian Reinsurance (PT Reasuransi Indonesia Utama)	Nepal Re Nepal Reinsurance Company Limited	Samsung F&M Samsung Fire & Marine Insurance Co., Ltd	ZURICH Zurich Insurance Company
China Pacific China Pacific Insurance Company	III India International Insurance	New India The New India Assurance Co. Ltd.	Saudi Re Saudi Reinsurance Company	West of England P&I Club The West of England Ship Owners Mutual Insurance Association (Luxembourg)
Chubb Singapore Chubb Insurance Singapore	Korean Re Korean Reinsurance Corporation	NH Insurance NongHyup Property and Casualty Insurance	Scor Re Scor Reinsurance Company	United India United India Insurance Company Limited
CTA Charles Taylor Aviation				

Các sự kiện tiêu biểu năm 2022



Với những thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh và những đóng góp cho thị trường bảo hiểm Việt Nam trong 28 năm qua, VINARE đã vinh dự được tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý của Nhà nước, Chính phủ và Bộ Tài chính, trong đó phải kể đến:



Top 10
Thương hiệu xuất sắc -
Thương hiệu mạnh Việt Nam
2021 - 2022

Đơn vị tổ chức:
Tập chí Kinh tế Việt Nam - VnEconomy
Vietnam Economic Times tổ chức



Bảng xếp hạng VNR500
Top 500
Doanh nghiệp lớn nhất
Việt Nam - năm 2022

Đơn vị tổ chức:
Vietnam Report và Báo VietnamNet



Top 10
doanh nghiệp niêm yết có báo cáo
thường niên xuất sắc nhất
năm 2022 nhóm vốn hóa vừa tại
cuộc bình chọn Doanh nghiệp
niêm yết 2022

Đơn vị tổ chức:
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE),
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
và Báo Đầu tư phối hợp tổ chức



Bảng khen của BTC
“đã có thành tích xuất sắc
trong hoạt động kinh doanh
giai đoạn 2020 - 2021”

Đơn vị tổ chức: Bộ Tài chính



Top 500
Doanh nghiệp lợi nhuận
tốt nhất Việt Nam
năm 2022

Đơn vị tổ chức:
Vietnam Report và Báo VietnamNet



Top 10
Doanh nghiệp niêm yết
quản trị Công ty tốt trong
kỳ đánh giá năm 2021 - 2022
tại Hội nghị Doanh nghiệp
thường niên 2022

Đơn vị tổ chức:
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội



Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam tặng
Giấy khen cho tập thể Tổng công ty cổ
phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
(VINARE) vì
“đã có thành tích xuất sắc
trong hoạt động kinh doanh
năm 2021”

Đơn vị tổ chức:
Hiệp Hội Bảo hiểm Việt Nam

Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản giai đoạn 2018-2022

TỔNG DOANH THU (HỢP NHẤT)
(Tỷ VNĐ)

2.969

Doanh thu phí nhận **2.368,8** tỷ VNĐ



TỔNG TÀI SẢN (HỢP NHẤT)
(Tỷ VNĐ)

7.126



LỢI TỨC TRƯỚC THUẾ (HỢP NHẤT)
(Tỷ VNĐ)

462,9

Lợi nhuận sau thuế: **378,4** tỷ VNĐ

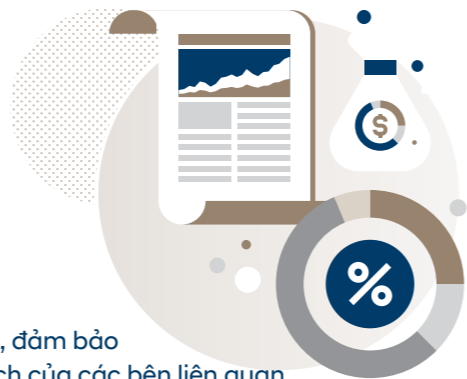


VINARE

đã tiên phong xây dựng kế hoạch phát triển bền vững và lộ trình thực hiện

ESG

cụ thể trong từng lĩnh vực, đảm bảo tính khả thi cũng như lợi ích của các bên liên quan



AM BEST KHẲNG ĐỊNH XẾP HẠNG CỦA VIRANE



FSR

B++

ICR

bbb+

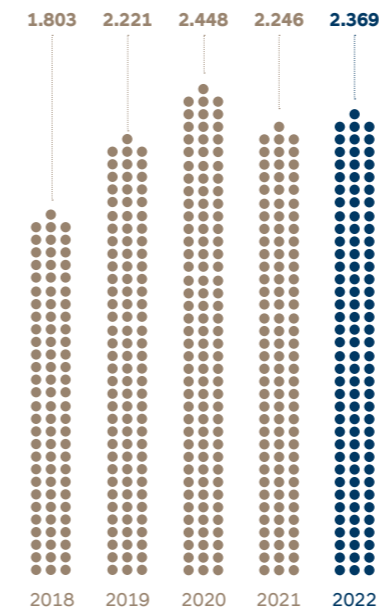
TỶ SUẤT LỢI NHUẬN (HỢP NHẤT)
(%)

ROA **5,31**

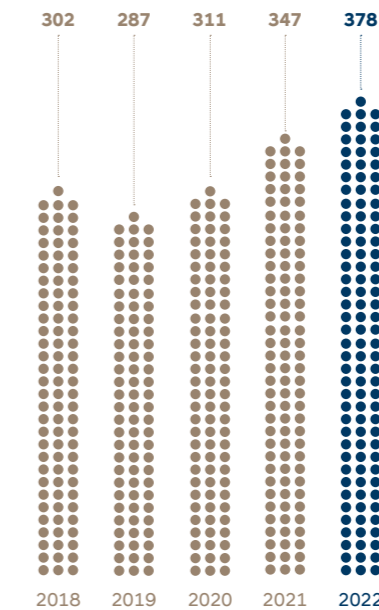
ROE **10,94**



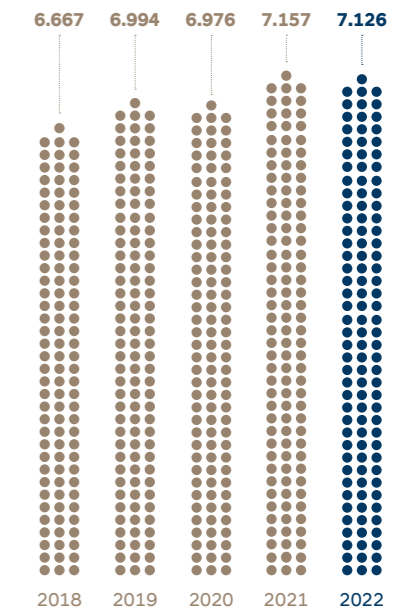
DOANH THU PHÍ NHẬN (HỢP NHẤT)
(Tỷ VNĐ)



LỢI NHUẬN SAU THUẾ (HỢP NHẤT)
(Tỷ VNĐ)



TỔNG TÀI SẢN (HỢP NHẤT)
(Tỷ VNĐ)



Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

ĐVT: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
Doanh thu phí nhận	1.803	2.221	2.448	2.246	2.369
Doanh thu phí giữ lại	785	1.191	1.497	1.273	1.275
Doanh thu đầu tư và khác	365	337	380	480	415
Kết dư dự phòng nghiệp vụ (net)	1.072	1.314	1.543	1.520	1.497
Vốn điều lệ	1.310	1.310	1.310	1.507	1.507
Tổng tài sản	6.667	6.994	6.976	7.157	7.126
Lợi tức trước thuế	358	344	377	423	463
Lợi nhuận sau thuế	302	287	311	347	378
ROA (%)	4,53	4,10	4,46	4,85	5,31
ROE (%)	10,24	9,33	9,89	10,56	10,94
EPS (VNĐ)	2.204	2.118	2.314	2.235	2.451

Số liệu báo cáo tài chính công ty mẹ đã được kiểm toán

ĐVT: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
Doanh thu phí nhận	1.803	2.221	2.448	2.246	2.369
Doanh thu phí giữ lại	785	1.191	1.497	1.273	1.275
Doanh thu đầu tư và khác	355	357	390	463	419
Kết dư dự phòng nghiệp vụ (net)	1.072	1.314	1.543	1.520	1.497
Vốn điều lệ	1.310	1.310	1.310	1.507	1.507
Tổng tài sản	6.456	6.773	6.738	6.915	6.862
Lợi tức trước thuế	316	332	357	408	439
Lợi nhuận sau thuế	261	275	291	332	355
ROA (%)	4,05	4,05	4,32	4,80	5,17
ROE (%)	9,30	9,40	9,90	10,83	11,05

AM Best Khẳng định xếp hạng của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam năm 2022

AM Best
tiếp tục khẳng định
năng lực tài chính
(FSR) mức

B++

của Tổng công ty cổ phần
Tái bảo hiểm Quốc gia Việt
Nam (VINARE) trong kỳ đánh
giá 2021.

& năng lực tín dụng
dài hạn của tổ chức
phát hành (ICR)
mức

bbb+



Triển vọng của năng lực tài chính và năng lực tín dụng dài hạn của tổ chức phát hành ở mức ổn định (stable).

VINARE là một trong hai doanh nghiệp bảo hiểm/tái bảo hiểm đầu tiên trên thị trường bảo hiểm Việt Nam thực hiện việc xếp hạng năng lực tài chính với một tổ chức xếp hạng quốc tế từ năm 2013 và liên tục duy trì mức xếp hạng B++ từ đó đến nay.



Mức xếp hạng phản ánh tình hình tài chính vững mạnh của VINARE, được AM Best đánh giá ở mức rất tốt, đồng thời cũng phản ánh kết quả kinh doanh tốt, hồ sơ năng lực kinh doanh ổn định, và khung quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM) phù hợp.

Khả năng tài chính của VINARE, được phản ánh thông qua chỉ tiêu vốn hóa theo rủi ro và đo lường bởi chỉ số Best's Capital Adequacy Ratio (BCAR), được duy trì ở mức cao nhất năm 2020. Mặc dù VINARE luôn duy trì mức chi trả cổ tức cao trong 5 năm qua, lợi nhuận giữ lại vẫn duy trì ở mức cao và đủ mạnh để hỗ trợ phát triển kinh doanh. Một số yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tài chính bao gồm việc VINARE có tỷ lệ nhượng tái bảo hiểm tương đối cao và nguy cơ rủi ro thiên tai. Khả năng tài chính vững mạnh của VINARE còn được đánh giá dựa trên sự đáp ứng đầy đủ yêu cầu nguồn vốn, mức giữ lại phù hợp và các nhà nhận tái có khả năng tín dụng tốt. AM Best đánh giá danh mục đầu tư của VINARE có rủi ro vừa phải. Trong khi phần lớn tài sản đầu tư được phân bổ vào danh mục tiền mặt, tiền gửi và trái phiếu, và danh mục đầu tư của VINARE cũng phân bổ vào danh mục đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác.

AM Best đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của VINARE tốt, bằng chứng là tỷ lệ kết hợp (combined ratio) trung bình 5 năm ở mức 95,1% và ROE là 9,1% (2016 - 2020). Sự dao động trong kết quả kinh doanh nghiệp vụ trong những năm qua chủ yếu bởi tổn thất gia tăng của nghiệp vụ Tài sản và mức tăng trưởng của nghiệp vụ Bảo hiểm Tai nạn cá nhân (Banca PA).

Về mặt triển vọng, AM Best vẫn kỳ vọng kết quả kinh doanh nghiệp vụ sẽ tốt khi VINARE thực hiện các biện pháp củng cố danh mục kinh doanh của mình. Thu nhập đầu tư tiếp tục đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh chung, mặc dù vẫn phải đối diện với làn sóng giảm lãi suất và sự bất ổn của thị trường vốn do hậu quả của đại dịch COVID-19.

Vị thế kinh doanh của VINARE được đánh giá là cân bằng. Trong hai công ty tái bảo hiểm tại Việt Nam, VINARE là công ty có quy mô lớn hơn, với tổng doanh thu phí nhận (GWP) là 2,5 nghìn tỷ VND (106 triệu USD) trong năm 2020. VINARE được hưởng lợi từ mối quan hệ lâu dài với một số công ty bảo hiểm trong nước, bao gồm một số công ty bảo hiểm nắm giữ cổ phần tại VINARE tạo lợi thế cạnh tranh cho VINARE khi tiếp cận thị trường. Cơ cấu nhận tái bảo hiểm của VINARE khá đa dạng hóa theo từng nghiệp vụ, tuy nhiên, sự đa dạng hóa về địa lý bị hạn chế hơn do phần lớn doanh thu phí đến từ thị trường Việt Nam.

Khung quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM) được đánh giá là phù hợp với quy mô và độ phức tạp của hoạt động kinh doanh của VINARE. Khung quản lý và năng lực quản lý rủi ro của VINARE được sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật và chuyên môn trong những năm qua từ Swiss Reinsurance Company Ltd - cổ đông lớn thứ hai của VINARE. Sự tham gia tích cực của các cổ đông lớn là các công ty bảo hiểm trong nước và sự giám sát rủi ro liên tục đã giúp VINARE thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro một cách kịp thời.

VINARE là một trong số ít các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trên thị trường Việt Nam có chuyên gia tính toán (actuary) nội bộ đã được Bộ Tài chính chấp thuận, đảm bảo việc tính toán và trích lập dự phòng theo đúng quy định.

VINARE đã và đang thiết lập một chiến lược phát triển trên tầm cao mới với một kế hoạch hành động tích cực, tiếp tục cam kết mạnh mẽ việc cung cấp các giải pháp dài hạn và dịch vụ chất lượng quốc tế cho thị trường trong nước và khu vực, tham gia vào các chương trình bảo hiểm của Chính phủ, đồng hành và hỗ trợ thị trường bảo hiểm Việt Nam hướng tới sự phát triển bền vững và hiệu quả và thực thi trách nhiệm cộng đồng trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội.

Mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2020-2024 của VINARE thực sự đặt ra nhiều thách thức: tăng trưởng doanh thu phí nhận đảm bảo bình quân 9%/năm; tỷ lệ combined ratio bình quân tối đa 98%; tăng trưởng lợi nhuận trước thuế tối thiểu bình quân 7%/năm; tỷ lệ cổ tức tối thiểu 12%/năm; ROE bình quân tối thiểu 10%; Vốn điều lệ tăng lên 2.000 tỷ cho đến năm 2024.

3

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH
VÀ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

THÍCH NGHI

- 48 Kinh tế vĩ mô thế giới
- 52 Kinh tế vĩ mô Việt Nam
- 56 Thị trường tài chính - bảo hiểm
- 58 Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ
- 62 Toàn cảnh rủi ro của VINARE
- 66 Chiến lược kinh doanh và chiến lược phát triển bền vững





Thích nghi

Thích nghi là sự ứng biến nhanh chóng, điều chỉnh kịp thời về mặt tinh thần và thể chất để dễ dàng thích nghi với bất cứ hoàn cảnh nào, dù khó khăn đến đâu. Trong bối cảnh đầy biến động như hiện nay, thích nghi có lẽ là cách tốt nhất để giúp tồn tại và phát triển bền vững.

Thích nghi sẽ giúp chúng ta phản ứng nhanh trong việc nắm bắt những cơ hội có lợi hoặc giải quyết các vấn đề khó khăn. Chủ động thích ứng và đưa ra chiến lược, kế sách phù hợp sẽ giúp doanh nghiệp vượt qua giai đoạn thị trường vĩ mô đầy biến động như hiện nay.

Theo báo cáo **Sigma số 6/2022** được ấn hành ngày 17/11/2022 của Viện nghiên cứu Swiss Re, một kỷ nguyên về lãi suất mới cao hơn đang xuất hiện do những căng thẳng kinh tế của cú sốc lạm phát và cuộc xung đột ở Ukraine. Mặc dù tăng trưởng kinh tế tương đối ổn định trong năm nay, nhưng dự báo GDP toàn cầu sẽ chỉ tăng 1,7% tính theo giá trị thực tế vào năm 2023 khi suy thoái kèm theo lạm phát xảy ra tại các nền kinh tế lớn như Mỹ và Châu Âu.



Triển vọng kinh tế và thị trường bảo hiểm toàn cầu năm 2023-2024

Chất xúc tác tích cực cho ngành bảo hiểm đến từ kỳ vọng tăng phí bảo hiểm trên thị trường và lãi suất cao hơn.

Lạm phát tiếp tục được coi là rủi ro vĩ mô số một và dự báo sẽ đeo bám dai dẳng, ngay cả khi lạm phát toàn phần giảm nhanh trong năm tới. Lạm phát sẽ làm giảm đà tăng trưởng do lãi suất tăng cao. Tại các thị trường tiên tiến, dự báo mức tăng trưởng GDP thực tế chỉ là 0,4% vào năm 2023, mức thấp nhất kể từ những năm 1980 không kể đến khủng hoảng tài chính toàn cầu và dịch Covid-19. Tại các thị trường mới nổi, dự đoán tốc độ tăng trưởng sẽ thấp hơn đáng kể so với trước đại dịch và có thể cũng gần như bước vào suy thoái.

Đối với ngành bảo hiểm, giai đoạn 2023-24 sẽ chứng kiến môi trường vĩ mô với lãi suất cao hơn, phí bảo hiểm tăng và nguồn vốn khan hiếm. Những yếu tố này sẽ củng cố kết quả đầu tư trung hạn và khả năng sinh lời. Dự báo phí bảo hiểm sẽ tăng đáng kể vào năm 2023 và có thể là một vài năm tiếp theo để đối phó với lạm phát cao, thảm họa thiên nhiên và tổn thất trên thị trường tài chính trong năm nay. Tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm toàn cầu dự báo ở mức trung bình 2,1% tính theo giá trị thực tế hàng năm trong giai đoạn 2023 và 2024. Swiss Re tiếp tục kỳ vọng tổng doanh thu phí bảo hiểm (trên danh nghĩa) sẽ lần đầu tiên vượt quá 7 nghìn tỷ USD trong năm nay.

Các rủi ro về ổn định tài chính và khả năng trả nợ

Năm nay, Swiss Re đưa thêm nợ và các rủi ro liên quan như là chiều thứ tư cho mô hình 3 chiều động lực kinh tế dài hạn đã xác định từ năm ngoái. Khi các ngân hàng trung ương nới lỏng chính sách tiền tệ phi truyền thống, các lỗ hổng tài chính đã tích tụ trong thập kỷ qua đang bộc lộ ra. Nợ, và cụ thể là việc các chính phủ có thể duy trì các cam kết chi tiêu công khi đối mặt với lãi suất cao hơn hay không, là mối quan tâm chính.

Các ngân hàng trung ương phải đối mặt với các ưu tiên cạnh tranh về ổn định giá cả, ổn định tài chính và tạo điều kiện cho các chính phủ theo đuổi chính sách tài khóa nới lỏng hơn. Điều này tạo ra rủi ro lãi suất thực bị kìm hãm trong dài hạn, thông qua lạm phát cao hơn hoặc cuối cùng là lãi suất danh nghĩa thấp hơn, để quản lý khả năng trả nợ hoặc các mối lo ngại về ổn định tài chính.

Lạm phát vẫn là mối quan tâm, nhưng lãi suất cao hơn sẽ là điều kiện thuận lợi cho các công ty bảo hiểm

Lạm phát vẫn là mối quan tâm số một của ngành bảo hiểm. Swiss Re dự báo lạm phát cao trong các thành phần chi phí liên quan đến các công ty bảo hiểm, chẳng hạn như bảo hiểm xây dựng và chăm sóc sức khỏe, cho thấy bồi thường và chi phí của các công ty bảo hiểm có thể tăng rõ rệt trong năm 2022 và 2023, ngay cả khi không xem xét đến những thay đổi về tần suất bồi thường và diễn biến của thảm họa tự nhiên. Tuy nhiên, lãi suất cao hơn sẽ là niềm an ủi trong cơn bão khi sức ép lạm phát giảm bớt vào năm 2023 và 2024.

Trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, tăng trưởng toàn cầu chậm lại và lạm phát có thể sẽ làm giảm tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm tính theo giá trị thực tế xuống dưới 1% trong năm nay. Đà tăng trưởng có thể được phục hồi trong 1 - 2 năm tới nếu lạm phát giảm tốc và xu hướng thị trường "cứng" được duy trì. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) của lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ toàn cầu dự kiến sẽ thấp hơn trong năm 2022 do hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ và kết quả đầu tư yếu kém hơn, nhưng sẽ tăng trở lại mức cao nhất trong 10 năm vào năm 2024 khi điều kiện thuận lợi về lãi suất và phí bảo hiểm tăng có tác dụng.

Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, dự báo doanh thu phí bảo hiểm toàn cầu theo giá trị thực tế sẽ giảm 1,9% trong năm 2022 do người tiêu dùng phải đối mặt với sức ép về chi phí sinh hoạt, nhưng xu hướng tăng trưởng sẽ quay trở lại vào năm 2023 và 2024, do các thị trường mới nổi mang lại. Khả năng sinh lời của lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đang được cải thiện do lãi suất tăng và việc chuẩn hóa dữ liệu bồi thường tử vong do Covid-19.

Kinh tế vĩ mô thế giới

Kinh tế thế giới năm 2022

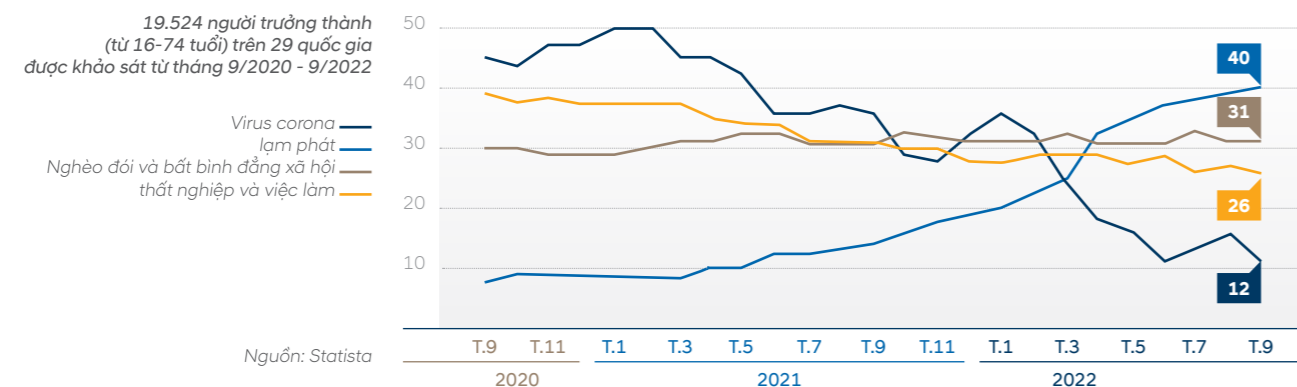
Cuộc xung đột Nga-Ukraine và những hậu quả đối với chuỗi cung ứng toàn cầu, giá năng lượng và giá lương thực tăng cao đang khiến kinh tế thế giới vốn đã tổn thương sau Covid-19 nay càng khó khăn hơn. Tâm lý bi quan ngày càng phổ biến và trở nên nặng nề hơn do áp lực lạm phát được dự báo là sẽ kéo dài và cuộc khủng hoảng năng lượng có nguy cơ ngày càng nghiêm trọng ở châu Âu, kéo theo nhiều hệ lụy... Tăng trưởng toàn cầu được dự báo sẽ chậm lại từ 6,0% năm 2021 xuống 3,2% năm 2022 và 2,7% năm 2023. Đây là mức tăng trưởng yếu nhất kể từ năm 2001, ngoại trừ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và giai đoạn cấp tính của đại dịch Covid-19.



Lạm phát là mối quan tâm hàng đầu

Dường như dịch bệnh Covid-19 đã không còn là mối lo hàng đầu của nhiều người trên thế giới. Thế giới giờ đây lo lắng nhiều hơn về những cuộc khủng hoảng mới đang gia tăng nhanh chóng sau khi chứng kiến hạn hán, nạn đói, chiến tranh ở Ukraine, khủng hoảng năng lượng và lạm phát tăng chóng mặt. Lạm phát toàn cầu được dự báo sẽ tăng từ 4,7% năm 2021 lên 8,8% năm 2022 nhưng sẽ giảm xuống 6,5% vào năm 2023 và 4,1% vào năm 2024.

Lạm phát trở thành mối lo hàng đầu toàn cầu năm 2022



Khủng hoảng địa chính trị - đứt gãy chuỗi cung ứng

Dịch Covid-19 đã làm tê liệt hệ thống vận tải toàn cầu và cuộc chiến ở Ukraine một lần nữa khiến chuỗi cung ứng điều đứng. Chiến tranh Nga-Ukraine đẩy giá dầu, khí tự nhiên và nhiều loại hàng hóa khác lên mức cao trong nhiều năm. Nền kinh tế thế giới tiếp tục chia rẽ hơn nữa khi cuộc xung đột Nga-Ukraine và hệ lụy là chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy, gây ảnh hưởng tới các nền kinh tế và các quốc gia trên toàn thế giới.

Chính sách Zero Covid của Trung Quốc

Chiến lược “Không Covid” và các đợt phong tỏa kết hợp với sự bùng phát quy mô lớn hơn của nhiều loại virus dễ lây lan hơn có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng của Trung Quốc.

Các rủi ro liên quan đến lĩnh vực bất động sản cũng trầm trọng hơn. Tác động của kinh tế Trung Quốc có sự lan tỏa mạnh mẽ trên toàn cầu.

Lãi suất tăng mạnh

Các ngân hàng trung ương thế giới thắt chặt tiền tệ quyết liệt hơn để kiểm chế lạm phát làm chậm tốc độ tăng trưởng. Theo World Bank, Ngân hàng trung ương ở 80 quốc gia đã tăng lãi suất để kiểm chế lạm phát. Tình trạng thắt chặt tiền tệ trên quy mô toàn cầu lan rộng sau 5 thập kỷ khi lạm phát vượt kiểm soát. Thị trường đang định giá cả lãi suất cao và kì vọng lạm phát - kỳ nguyện của nợ chính phủ có lãi suất âm đã kết thúc.

Nguy cơ nợ tăng cao do điều kiện tài chính thắt chặt hơn ở các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển. Các ngân hàng trung ương của các nền kinh tế tiên tiến (trừ Nhật Bản) đang dẫn đầu xu hướng tăng lãi suất trên toàn cầu. Ngoài việc tăng chi phí kinh doanh, điều này có thể gây áp lực lên dự trữ ngoại hối và khiến đồng nội tệ mất giá so với đồng USD, gây ra tổn thất cho các nền kinh tế có nợ tính bằng USD.

Thị trường toàn cầu đang trong trạng thái căng thẳng khi các nhà đầu tư ngày càng muốn tránh rủi ro trong bối cảnh bất ổn kinh tế và chính sách gia tăng. Giá tài sản tài chính đã giảm do chính sách tiền tệ thắt chặt, trong khi triển vọng kinh tế xấu đi và nỗi lo suy thoái gia tăng. Đặc biệt, tình hình thị trường bất động sản tại nhiều nước đang làm dấy lên những lo ngại về việc rủi ro có thể lan rộng sang cả các ngân hàng và nền kinh tế vĩ mô.

Dự báo kinh tế 2023

IMF dự đoán kinh tế thế giới 2023: “Điều tồi tệ nhất đang ở phía trước” - ba sự kiện lớn hiện đang cản trở tăng trưởng: cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine, cuộc khủng hoảng giá sinh hoạt và sự suy thoái kinh tế của Trung Quốc. Cùng với nhau, chúng tạo ra một thời kỳ “biến động” về kinh tế, địa chính trị và sinh thái.



Tăng trưởng toàn cầu được dự báo sẽ chậm lại từ 6,0% năm 2021 xuống 3,2% năm 2022 và 2,7% năm 2023. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất kể từ năm 2001, ngoại trừ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và giai đoạn cấp tính của đại dịch Covid-19. Lạm phát toàn cầu được dự báo sẽ tăng từ 4,7% năm 2021 lên 8,8% năm 2022 nhưng sẽ giảm xuống 6,5% vào năm 2023 và 4,1% vào năm 2024.

Tăng trưởng GDP các nước được dự báo chậm lại trong 2023, với nhiều rủi ro

- (i) Chính sách tài khóa và tiền tệ thắt chặt gây suy thoái kinh tế toàn cầu;
- (ii) Biến thể mới của virus corona, hoặc một bệnh truyền nhiễm khác, đẩy nền kinh tế toàn cầu trở lại suy thoái;
- (iii) Lạm phát tăng cao;
- (iv) Chính sách “Không Covid” của Trung Quốc;
- (v) Xung đột Nga-Ukraine biến thành chiến tranh toàn cầu.

Đà tăng lãi suất vẫn đang diễn ra

Lãi suất chuẩn của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) dự kiến sẽ đạt 5% vào đầu năm 2023 từ mức 0 vào đầu 2022. Việc thắt chặt chính sách tiền tệ mạnh mẽ nhất trong nhiều thập kỷ đã và đang làm tổn hại đến nền kinh tế của Mỹ và thế giới. Rủi ro đang được nhân rộng trên toàn thế giới vì hầu hết các quốc gia đều có chung vấn đề lạm phát và các ngân hàng trung ương cũng đang đi theo con đường tương tự để khắc phục lạm phát.

Rủi ro nợ

Các chính phủ đã gia tăng vay nợ và đưa tổng số nợ của các quốc gia G7 tăng lên 128% GDP trong 2022, từ mức 81% vào năm 2007. Một số nền kinh tế lớn có thể rơi vào quỹ đạo nợ không bền vững trừ khi họ thực hiện những điều chỉnh tài khóa khó khăn. Mô hình của Bloomberg Economics cho thấy, rủi ro vỡ nợ sắp xảy ra tập trung ở các nền kinh tế nhỏ chỉ chiếm 3% GDP toàn cầu, trong đó các nước đang phát triển lớn hơn có khả năng thoát khỏi khủng hoảng nợ.

Mối quan hệ toàn cầu đang rạn nứt

Cuộc đối đầu với Nga khiến châu Âu thiếu năng lượng chỉ là một ví dụ về sự rạn nứt địa chính trị. Quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc cũng tiếp tục xấu đi. Mối quan hệ thương mại bị rạn nứt là một lực cản khiến tăng trưởng chậm lại ở cả hai nước, trong đó Trung Quốc phải trả giá lớn nhất.

Vấn đề của Trung Quốc

Theo Bloomberg Economics, tại Trung Quốc, hoạt động xây dựng bất động sản phải giảm 25% để phù hợp với nguồn cung thu hẹp. Hơn nữa, việc các quan chức kinh tế hàng đầu của Trung Quốc sắp nghỉ hưu có thể khiến nước này rơi vào tình trạng thiếu kinh nghiệm đối phó với khủng hoảng. Thất bại trên cả hai mặt trận này có thể khiến tăng trưởng của Trung Quốc giảm xuống 2,2%. Một sự chậm lại quá nhanh sẽ gây ra làn sóng chấn động trên toàn thế giới.

Năng lượng của châu Âu bị thắt chặt

Các biện pháp trừng phạt Nga đã khiến Châu Âu rơi vào tình trạng thiếu khí đốt tự nhiên và giá điện tăng cao. Theo Bloomberg Economics, chi phí năng lượng cao và Ngân hàng Trung ương châu Âu tăng lãi suất sẽ đẩy khối này vào suy thoái, với GDP giảm 0,1% vào năm 2023.

Một biến thể mới, nguy hiểm hơn Covid-19 sẽ là một đòn tàn khốc. Các trận lũ lụt gần đây ở Pakistan - ảnh hưởng đến 33 triệu người và đẩy nền kinh tế vào tình trạng suy thoái mạnh - cho thấy tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan dự kiến sẽ trở nên thường xuyên hơn khi nhiệt độ toàn cầu tăng lên.

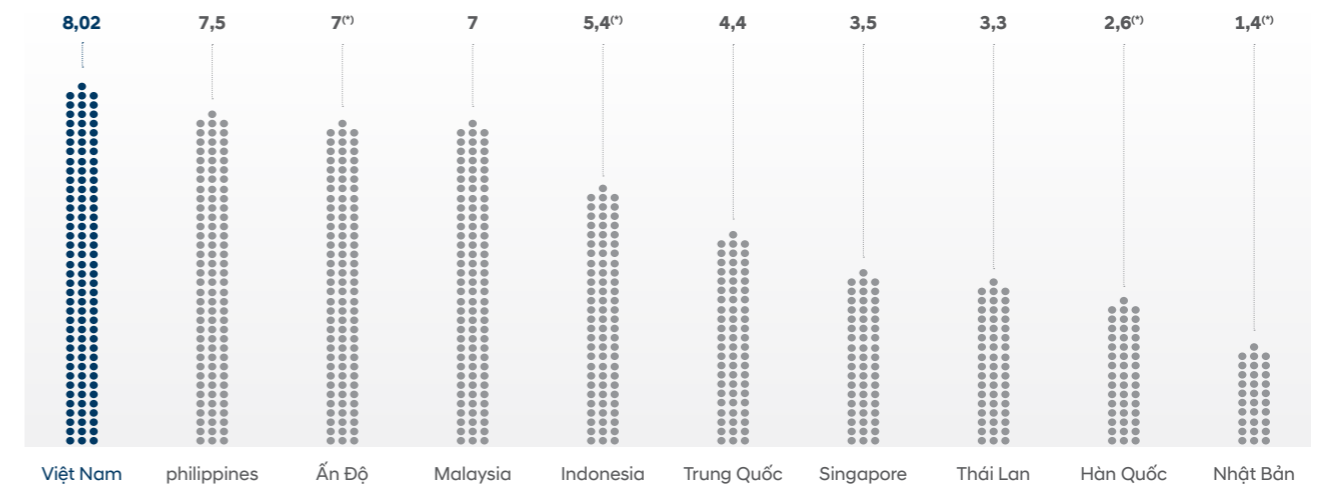
Kinh tế vĩ mô Việt Nam



Kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2022

“ Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2022 tăng 5,92% so với cùng kỳ năm trước; cả năm tăng 8,02%, cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Kinh tế Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng tốt hơn so với các quốc gia trong khu vực nhờ vào sự phục hồi chi tiêu của người tiêu dùng, hoạt động xuất khẩu tăng mạnh qua từng quý cũng như hoạt động du lịch quốc tế dần hồi phục lại sau thời gian dài ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Tuy nhiên, cuộc xung đột Nga - Ukraine đang làm thay đổi triển vọng tăng trưởng này. Nền kinh tế nhiều khả năng sẽ chịu tác động lớn từ các rủi ro do cuộc xung đột đem lại, bao gồm cả việc đứt gãy chuỗi cung ứng.

GDP Việt Nam tăng trưởng hàng đầu khu vực
(ĐVT: %)



Hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn mở rộng, nhưng có dấu hiệu chững lại, chủ yếu là do nhu cầu giảm khiến mức tăng của số lượng đơn đặt hàng mới yếu hơn. Khả năng kinh tế toàn cầu bước vào chu kỳ suy giảm, kéo theo đó là nhu cầu hàng xuất khẩu của Việt Nam sụt giảm.

• Xuất nhập khẩu tăng trưởng chậm dần: tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu có dấu hiệu chậm lại khi xu hướng tiêu dùng của người dân Hoa Kỳ giảm tốc trong bối cảnh lãi suất tăng mạnh.

• Việc bảo đảm nguồn cung các mặt hàng lương thực, thực phẩm, kiểm soát đà tăng giá xăng dầu, chưa tăng giá điện, giá dịch vụ y tế, học phí... đã giúp Chính phủ kiểm soát thành công lạm phát năm 2022 dưới 4% như mục tiêu Quốc hội đề ra. Trong năm tới, có thể thấy lạm phát kỳ vọng vẫn đang ở mức cao khiến Ngân hàng Nhà nước nhiều khả năng duy trì chính sách tiền tệ thận trọng.

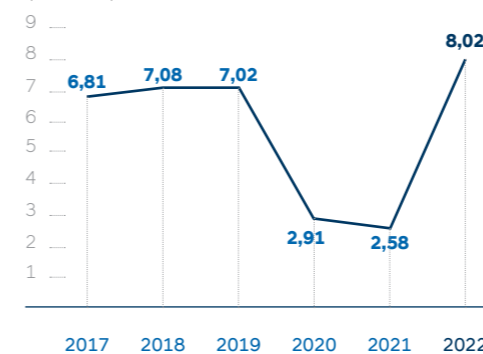
• Theo thông tin từ Ngân hàng Nhà nước, dư nợ tín dụng năm 2022 ước tăng khoảng 14,5% so với đầu năm. Ước tính, hệ thống ngân hàng đã bơm ra nền kinh tế hơn 1,5 triệu tỷ đồng trong năm 2022 - mức tăng lớn nhất 5 năm trở lại đây. Như vậy, đến cuối năm 2022, tổng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế ước đạt xấp xỉ 12 triệu tỷ đồng.

• Trong 11 tháng đầu năm tỷ giá tăng mạnh từ áp lực thế giới. Fed đã thực hiện 7 lần nâng lãi suất điều hành (fed funds rate), trong đó bao gồm 4 lần nâng ở mức rất mạnh tay - 75 bps, đưa lãi suất điều hành lên mức 3,75 - 4% từ đầu tháng 11. USD tăng giá rất mạnh, có thời điểm lên giá trên 19% so với cùng kỳ, khiến nhiều đồng tiền khác mất giá theo.

• Tuy nhiên, áp lực về tỷ giá đã giảm đáng kể, đặc biệt từ tháng 12/2022. Trong năm 2022, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau, bao gồm can thiệp ngoại tệ (bán USD), nâng lãi suất điều hành (2 lần), giúp cho đồng VND là một trong số những đồng tiền mất giá ít nhất trong năm 2022. Đà tăng của tỷ giá USD/VND có thể chậm lại khi Ngân hàng Nhà nước nâng lãi suất điều hành giúp bình ổn lại dòng vốn ngoại đang có xu hướng chảy khỏi thị trường Việt Nam.



Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm
(ĐVT: %)

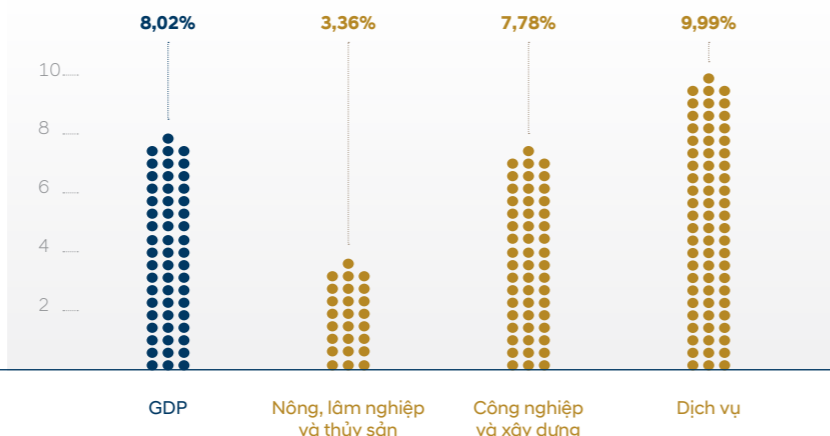


KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM (TIẾP THEO)

Tốc độ tăng GDP năm 2022 theo khu vực kinh tế (ĐVT: %)

8,02%

Tốc độ tăng GDP năm 2022



Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa

732,5

TỶ USD

↑9,5%

Xuất khẩu
↑
10,6%

Nhập khẩu
↑
8,4%

Xuất siêu
11,2
TỶ USD

Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội

↑ 11,2%

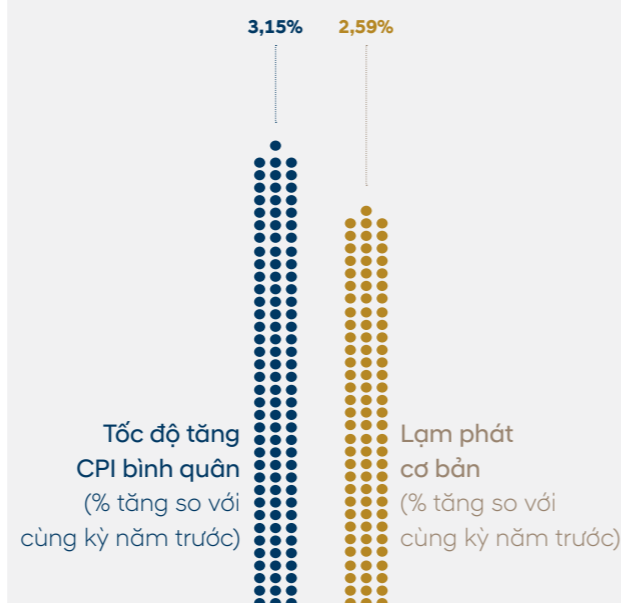
Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam

22,4

TỶ USD

↑ 13,5%

Tốc độ CPI và lạm phát cơ bản năm 2022



Dự báo kinh tế vĩ mô Việt Nam 2023

Năm 2023, kinh tế Việt Nam vẫn đối mặt với những rủi ro, thách thức từ bên ngoài gia tăng như dịch Covid-19 vẫn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát với các biến chủng mới; khủng hoảng tại Ukraina còn phức tạp, kéo dài, khiến giá cả, lạm phát còn ở mức cao; nguy cơ khủng hoảng năng lượng và lương thực gia tăng. Việc các nước thắt chặt chính sách tài khóa, tiền tệ, tăng mạnh lãi suất nhằm kiểm soát lạm phát, khiến kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và có nguy cơ rơi vào tình trạng đình lạm ở một số quốc gia. Trung Quốc tăng trưởng chậm lại do tập trung vào cơ cấu lại, chất lượng và kiểm soát rủi ro, sẽ làm giảm sức cầu thương mại, đầu tư, du lịch. Chuỗi cung ứng toàn cầu còn gián đoạn và rủi ro tài khóa (nợ công, thâm hụt ngân sách, nghĩa vụ trả nợ...) tăng lên khi lãi suất tăng và đồng USD tăng giá.

Năm 2023, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam trở nên khó khăn khi sức cầu hàng hóa tiêu dùng giảm trong bối cảnh bất định tăng, lạm phát tăng, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu. Lãi suất tăng khiến vay tiêu dùng, hoạt động đầu tư - kinh doanh của doanh nghiệp chậm lại, giảm cầu nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam. Tình trạng đứt gãy nguồn cung còn tiếp diễn, khiến nguyên vật liệu đầu vào bị thiếu hoặc tăng giá. Bên cạnh đó, chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội 2022-2023 triển khai còn chậm; giải ngân đầu tư công vẫn là điểm nghẽn của nền kinh tế và rủi ro lạm phát ngày càng gia tăng.

Phần đầu tư của Chương trình hỗ trợ lên đến khoảng 1,6% GDP, dự kiến sẽ được triển khai chủ yếu từ năm 2023. Với nền tảng tăng trưởng khá cao trong năm 2022, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2023 sẽ chậm lại, từng bước trở về trạng thái trước Covid-19, do sức bật cầu trong nước có thể không mạnh mẽ như năm 2022. Giá cả nguyên vật liệu tăng cao bắt đầu chuyển hóa rõ nét hơn vào chi phí sản xuất. Xuất nhập khẩu có thể tăng chậm hơn so với năm 2022 do tình trạng khó khăn kéo dài của các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài dự báo vẫn ở mức thấp do các rủi ro kinh tế toàn cầu gia tăng.

Thị trường tài chính - bảo hiểm

Thị trường tài chính - tiền tệ

Năm 2022

Trong năm 2022, trước những diễn biến không mấy thuận lợi và áp lực lên tỷ giá, Ngân hàng Nhà nước đã liên tục tăng lãi suất điều hành thêm 2%, lần đầu tiên vào ngày 23/09/2022 và lần thứ 2 vào ngày 24/10/2022. Bước tăng này có thể là để chuẩn bị cho cả năm 2023, bởi mức kỳ vọng hiện tại của thị trường đối với lãi suất điều hành của Fed sẽ tăng lên 4 - 5%. Lãi suất điều hành đã trở lại mức trước đại dịch cuối năm 2019, dư địa tăng tiếp lãi suất điều hành sẽ tùy thuộc vào áp lực từ các yếu tố bên ngoài.

Tại các ngân hàng thương mại, cuộc đua hút tiền vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Mặt bằng lãi suất huy động liên tục tăng mạnh trong năm 2022 ở các kỳ hạn với mức tăng 150 - 250 điểm cơ bản. Tại những ngân hàng thương mại cổ phần vừa và nhỏ, mức tăng lãi suất có thể lên đến 300 điểm, đạt ~9 - 10,5% cho kỳ hạn trên 12 tháng.

Năm 2023

Tỷ giá vẫn đứng trước nhiều áp lực do Fed vẫn đưa ra thông điệp tăng lãi suất trong năm sau. Nhiều khả năng Fed sẽ tăng lãi suất mục tiêu tới giới hạn (5%)



trong nửa đầu năm 2023. Nửa cuối năm 2023, áp lực lên tỷ giá USD/VND có thể giảm dần khi Fed kết thúc lộ trình tăng lãi suất, do đó tỷ giá USD/VND dự kiến ổn định và có thể đi xuống trong nửa cuối năm.

Diễn biến của lãi suất có thể sẽ có sự khác biệt giữa nửa đầu năm và nửa cuối năm 2023. Nhiều khả năng lãi suất huy động sẽ vẫn chịu áp lực tăng trong nửa đầu 2023 do áp lực lạm phát và đà tăng lãi suất của Fed. Lãi suất huy động có thể sẽ hạ nhiệt trong nửa cuối năm 2023, khi áp lực giảm dần. Trong cả năm, lãi suất huy động dự kiến sẽ tăng khoảng 30 - 50 điểm cơ bản so với cuối năm 2022, tùy từng kỳ hạn.

Thị trường trái phiếu chính phủ

Năm 2022, Ngân hàng Nhà nước đã phát hành

204.502

TỶ ĐỒNG

TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

đạt 51,13% so với kế hoạch 400.000 tỷ đồng tập trung chủ yếu vào kỳ hạn 10 năm và 15 năm.

Trong năm 2023, với mục tiêu giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh, riêng trong năm 2023 là trên 700.000 tỷ đồng, nhiều khả năng lượng trái phiếu chính phủ phát hành cũng sẽ tăng cao và tích cực hơn trong năm 2022.

Sau khi giảm trong suốt cả năm 2021, lãi suất trúng thầu sơ cấp nhích tăng trong gần 9 tháng đầu năm và tăng mạnh từ tháng 9 đến nay. Lãi suất trúng thầu của 2 loại kỳ hạn 10 năm và 15 năm ở thời điểm cuối tháng 11 tăng mạnh lên mức 4,8% và 4,9% - mức tăng mạnh nhất kể từ đầu năm 2020, lên mức cao nhất kể từ cuối năm 2019 tới nay.

Lãi suất trái phiếu chính phủ nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới để hỗ trợ giải quyết tình trạng giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, trong 2023 có khả năng quay trở lại mặt bằng lãi suất trước dịch cuối 2018, đầu năm 2019. Các kỳ hạn dài 10 - 15 năm tiếp tục được ưa thích do lợi suất tốt hơn so với chi phí vốn.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Sau giai đoạn tăng trưởng nhanh, thị trường trái phiếu doanh nghiệp cả năm 2022 khá trầm lắng trong bối cảnh:



Khối lượng phát hành trái phiếu riêng lẻ có xu hướng giảm dần qua các tháng chủ yếu do thông tư 16/2021/TTNHNN có hiệu lực kể từ 15/01/2022 áp dụng các quy định chặt chẽ hơn dành cho các tổ chức tín dụng trong việc mua bán trái phiếu doanh nghiệp, cũng như nâng cao chất lượng của doanh nghiệp phát hành.



Ủy ban Chứng khoán công bố hủy bỏ 9 đợt chào bán trái phiếu của các công ty con thuộc Tập đoàn Tân Hoàng Minh vào đầu tháng 4/2022.



Nghị định 65/2022/NĐ-CP ban hành và có hiệu lực từ 16/9/2022 với rất nhiều điểm mới và các quy định chi tiết, chặt chẽ khiến thị trường cần khoảng thời gian thích nghi ít nhất là 6 tháng.



Nhiều doanh nghiệp mất khả năng thanh toán dẫn đến tạm hoãn việc thanh toán lãi trái phiếu, không thanh toán nợ đến hạn.

Lãi suất phát hành của trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2023 dự kiến sẽ tăng lên đáng kể. Lãi suất trái phiếu doanh nghiệp do ngân hàng thương mại phát hành biến động tương quan chặt chẽ với lãi suất tiền gửi do: (i) áp lực phát hành trái phiếu doanh nghiệp để tái tài trợ và huy động vốn đầu tư mới; (ii) nền lãi suất huy động ngân hàng tăng trở lại.

Thị trường chứng khoán

Nằm trong top giảm mạnh nhất thế giới

Kể từ đầu năm 2022, thị trường chứng khoán Việt Nam nằm trong nhóm giảm khá mạnh. Cú đánh sập cuối phiên lặp lại lần thứ 3 liên tục trong 3 ngày cuối năm khiến VN-Index kết thúc trong sắc đỏ và chỉ số giảm cho cả năm 2022 tới 32,78%, thuộc nhóm những thị trường kém tích cực nhất kể từ đầu năm nay. Vốn hóa thị trường tại ngày 31/12/2022 giảm gần 30% so với cuối năm 2021.

Việc bán tháo của thị trường có thể phần lớn là do tâm lý tiêu cực đến từ: (i) quyết định tăng lãi suất của Fed nhanh hơn dự kiến và Ngân hàng Nhà nước; (ii) triển vọng kinh tế toàn cầu ảm đạm; (iii) các vụ bắt giữ một số chủ tịch công ty lớn liên quan đến thao túng cổ phiếu và gian lận phát hành trái phiếu doanh nghiệp tác động đến dòng tiền trên thị trường.

Mặc dù định giá đã về vùng rẻ trong vòng 10 năm, song VN-Index vẫn còn dư địa giảm tiếp nếu như trong thời gian tới lãi suất tiếp tục tăng mạnh và có thêm những sự kiện gây ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế. Thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ đối diện với mức độ biến động cao trong năm 2023 với nhiều con sóng tăng giảm xen kẽ với các cú sốc giảm giá, tuy nhiên xu hướng chung vẫn là đi lên.

Dự báo mức VN-Index trung bình cả năm 2023 tăng khoảng



5% - 7%

so với cuối năm 2022.

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ



Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam tiếp tục đà tăng trưởng trong năm 2022

Sau đợt giãn cách xã hội do dịch Covid-19 trong Quý 3/2021 và những ảnh hưởng tới mọi mặt kinh tế - xã hội, thị trường bảo hiểm - tái bảo hiểm vẫn ghi nhận sự tăng trưởng vững chắc, thực hiện tốt vai trò là lá chắn cho nền kinh tế trước những rủi ro với tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm (2017-2021) đạt trên 20%, trong đó thị trường phi nhân thọ đạt xấp xỉ 10%.

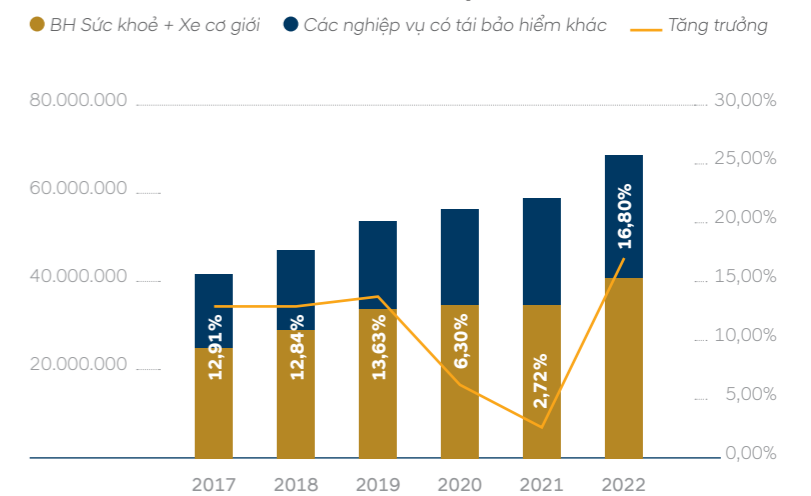
Theo số liệu sơ bộ của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ toàn thị trường năm 2022 ước đạt khoảng 67.607 tỷ đồng, tăng trưởng 16,8% so với năm 2021. Mức tăng trưởng ấn tượng này đến từ sự phục hồi mạnh mẽ của các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân, trong đó nghiệp vụ bảo hiểm Xe cơ giới tăng 11,9%, nghiệp vụ bảo hiểm Sức khỏe tăng 25,3%. Các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại truyền thống cũng tăng trưởng tốt như Tài sản (tăng 15,1%), Kỹ thuật (8,6%), Hàng hóa (15,8%), Thân tàu và Trách nhiệm dân sự chủ tàu (19,3%).

Với các văn bản, quy định pháp lý mới được ban hành trong thời gian vừa qua (Luật Kinh doanh Bảo hiểm sửa đổi, Thông tư 50 về Bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động xây dựng, Nghị định 97 về Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc), thị trường bảo hiểm phi nhân thọ được kì vọng sẽ tiếp tục có các chuyển biến tích cực trong việc tăng trưởng doanh thu và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm.

Tình hình cạnh tranh phi kỹ thuật trên thị trường vẫn diễn ra đối với hầu hết các nghiệp vụ như tăng chi phí khai thác cho các kênh bán (bao gồm cả các sản phẩm bảo hiểm thương mại), bên cạnh hình thức cạnh tranh phổ biến là hạ phí. Tỷ lệ phí vẫn trên đà giảm trong khi tình hình bồi thường tiếp tục diễn biến phức tạp.

Những tác động tiêu cực của dịch bệnh đến tình hình thị trường trong hai năm 2020/2021 cũng là động lực để các doanh nghiệp thúc đẩy mạnh các hình thức chuyển đổi số trong hoạt động, đặc biệt trong khâu phân phối và bán sản phẩm bảo hiểm.

Doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ



Về hoạt động tái bảo hiểm, các doanh nghiệp bảo hiểm gốc trên thị trường đã trải qua một mùa tái tục 2022/2023 hết sức khó khăn do ảnh hưởng trực tiếp từ xu hướng thị trường "hard" của thế giới, lạm phát gia tăng, tổn thất nặng nề do thiên tai ở nhiều nước trên thế giới.

Các hợp đồng vượt mức bồi thường (XOL) phải chấp nhận tăng phí mạnh 15% - 20% và tăng mức tự bồi thường. Hầu hết các hợp đồng tỷ lệ phải giảm năng lực (capacity), giảm giới hạn trách nhiệm trên một sự kiện (event limit) và giảm hoa hồng tái bảo hiểm.

Triển vọng thị trường bảo hiểm Việt Nam 2023

- Sức tăng trưởng của thị trường trong nước chưa rõ nét cộng với dự báo không mấy tích cực về kinh tế thế giới khiến các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước khá thận trọng khi đưa ra các chỉ tiêu kinh doanh cho năm 2023.
- Áp lực cạnh tranh vẫn gia tăng, việc khai thác khách hàng mới và giữ chân khách hàng tái tục gặp nhiều khó khăn.
- Yếu tố hỗ trợ tích cực là Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 có hiệu lực từ 1/1/2023 có nhiều thay đổi phù hợp với xu thế phát triển như thay đổi về phương thức quản lý tài chính, quản lý doanh nghiệp, quản lý rủi ro, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh bảo hiểm, thúc đẩy tính minh bạch của thị trường.
- Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ dự kiến có thể tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng trên 15% nhờ sự tiếp tục phục hồi của nền kinh tế, nhiều dự án hạ tầng giao thông trọng điểm quốc gia được thúc đẩy triển khai, sức tiêu dùng nội địa tăng mạnh, các chính sách cải cách kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài cũng như sự phát triển ngày càng đa dạng của các sản phẩm bảo hiểm mới và hình thức phân phối mới.

Triển vọng thị trường tái bảo hiểm năm 2023



Sau đại dịch Covid-19, thị trường bảo hiểm - tái bảo hiểm thế giới tiếp tục đứng trước những thách thức khó khăn hơn trong năm 2023 với những rủi ro từ cuộc xung đột giữa Nga - Ukraine, tình hình lạm phát và khủng hoảng biến đổi khí hậu.

Lạm phát và khủng hoảng chi phí sinh hoạt đe dọa trực tiếp đến lợi nhuận của các công ty bảo hiểm và tái bảo hiểm. Lạm phát làm gia tăng chi phí bồi thường trực tiếp (theo hóa đơn sửa chữa hay mua sắm) và chi phí bồi thường tính toán theo giá cả sinh hoạt. Hơn nữa, lạm phát tăng nhanh khiến các công ty không kịp điều chỉnh phí bảo hiểm tương ứng, do đó làm giảm biên lợi nhuận của các công ty bảo hiểm. Cuộc khủng hoảng chi phí sinh hoạt và lạm phát trên khắp thế giới cũng có thể có tác động tiêu cực khác đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm như sự sụt giảm nhu cầu đối với các sản phẩm bảo hiểm, khi khách hàng chi tiêu ít hơn cho các hợp đồng bảo hiểm mới hay thậm chí có khả năng sẽ phải hủy các hợp đồng hiện tại.

Khủng hoảng biến đổi khí hậu đã trở thành một thách thức lớn đối với ngành bảo hiểm, tổn thất do thiên tai liên tục ở mức cao nhất trong lịch sử trong vài năm trở lại đây. Các công ty bảo hiểm - tái bảo hiểm giờ đây đang quan tâm nhiều hơn đến bộ ba Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG), và các dự án nhiên liệu hóa thạch trở thành tâm điểm xem xét cắt giảm khỏi danh mục bảo hiểm. Không có bảo hiểm, hầu hết các dự án nhiên liệu hóa thạch mới không thể tiến triển và những dự án hiện tại phải đóng cửa. Theo Insure Our Future, tính đến tháng 10/2022, 13 công ty bảo hiểm đã cam kết chấm dứt hoặc hạn chế bảo hiểm cho các dự án dầu khí mới, 41 công ty đã thực hiện tương tự đối với than và 22 công ty đối với cát hắc ín. Mặc dù tương lai "sạch hơn" có vẻ còn xa vời, nhưng trong ngắn hạn, các công ty bảo hiểm cần xác định rõ các chiến lược ESG của họ đối với sản phẩm và thị trường.

Các công ty bảo hiểm cũng đang đi theo con đường đã được các ngân hàng lựa chọn, kết hợp với các công ty công nghệ để triển khai số hóa tất cả các công đoạn từ bán sản phẩm cho đến giải quyết bồi thường. Sự cộng sinh của hai ngành nghề là chìa khóa dẫn đến thành công chung của cả hai bên. Các công ty bảo hiểm sẽ không còn phải chịu chi phí chìm của các khoản đầu tư lớn vào các công nghệ nhất là khi các công nghệ đó có thể nhanh chóng trở nên lỗi thời. Thay vào đó, họ sẽ hợp tác với các công ty công nghệ bảo hiểm cung cấp các giải pháp tập trung, dài hạn và có mục tiêu.

——— 〰〰

Thị trường bảo hiểm cũng sẽ trở nên cạnh tranh hơn trong năm 2023. Mặc dù lạm phát và khủng hoảng chi phí sinh hoạt cũng như làm thế nào để đối phó với biến đổi khí hậu thông qua ESG là thách thức với ngành bảo hiểm, nhưng môi trường lãi suất cao và các khoản đầu tư gia tăng vào công nghệ là tín hiệu tốt cho những công ty sẵn sàng sáng tạo và đầu tư nhanh chóng vào những lĩnh vực có thể tạo ra sự khác biệt lớn.

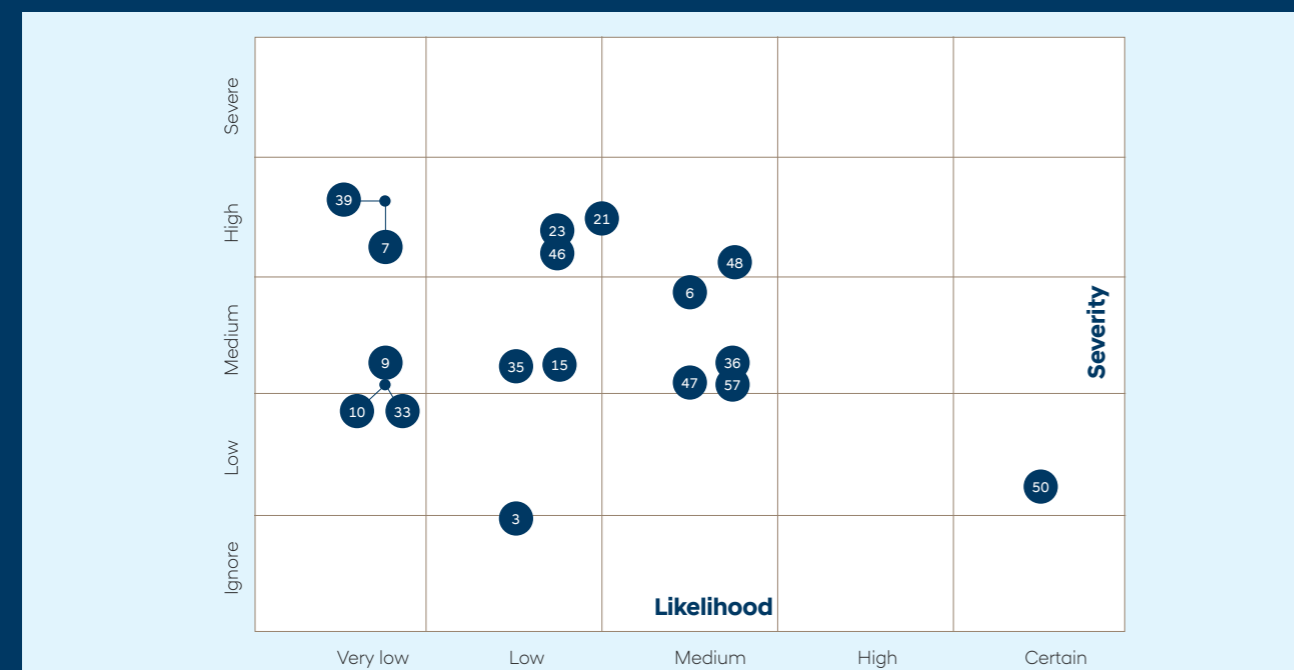
Toàn cảnh rủi ro của VINARE

Trong hoạt động kinh doanh VINARE phải đối mặt với rất nhiều loại hình rủi ro đa dạng. Có thể kể đến là các rủi ro cốt lõi trong hoạt động kinh doanh chính, các rủi ro từ những thay đổi trong kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính; các rủi ro liên quan tín nhiệm của các đối tác; các rủi ro liên quan đến con người, hệ thống phục vụ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Về cơ bản, toàn cảnh rủi ro của VINARE được thể hiện như sau:

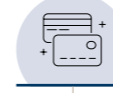
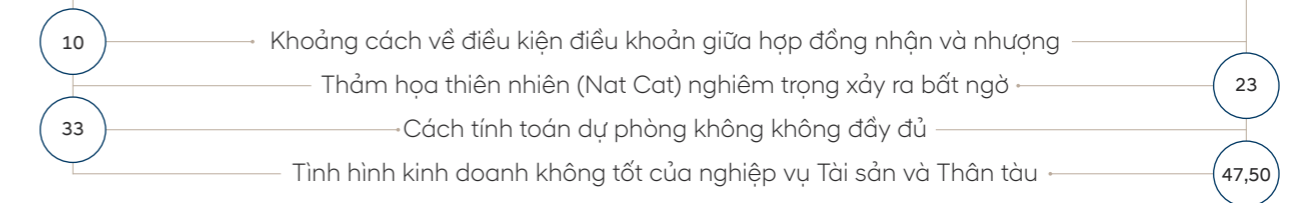
TOÀN CẢNH RỦI RO CỦA VINARE



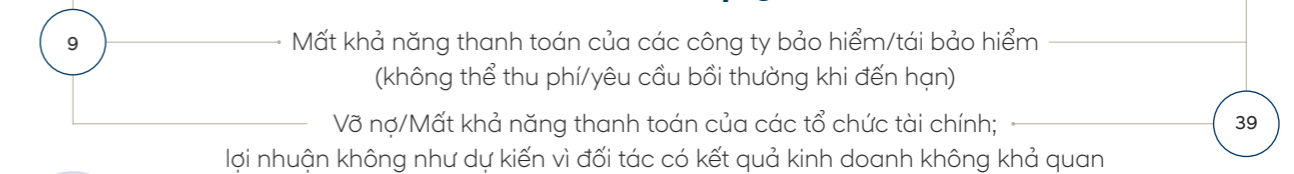
CÁC RỦI RO CHÍNH



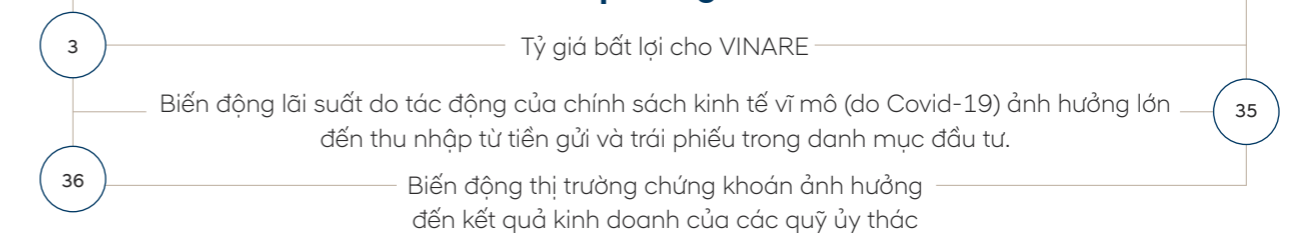
Rủi ro bảo hiểm



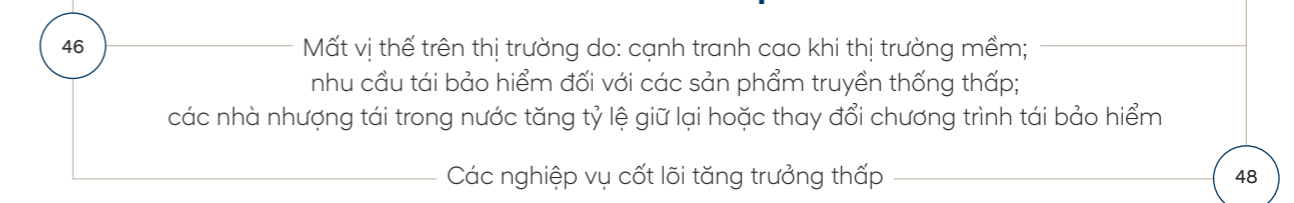
Rủi ro tín dụng



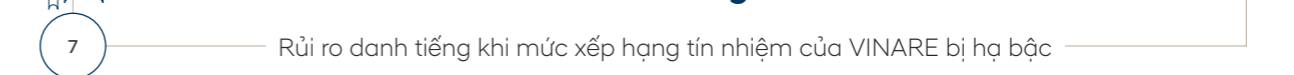
Rủi ro thị trường tài chính



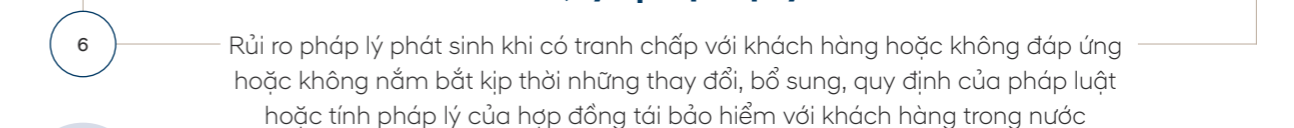
Rủi ro chiến lược



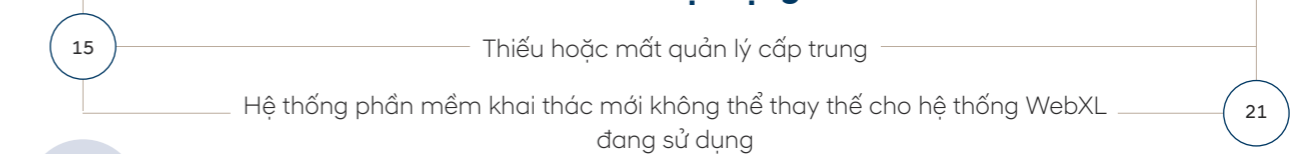
Danh tiếng



Quy định pháp lý



Rủi ro hoạt động

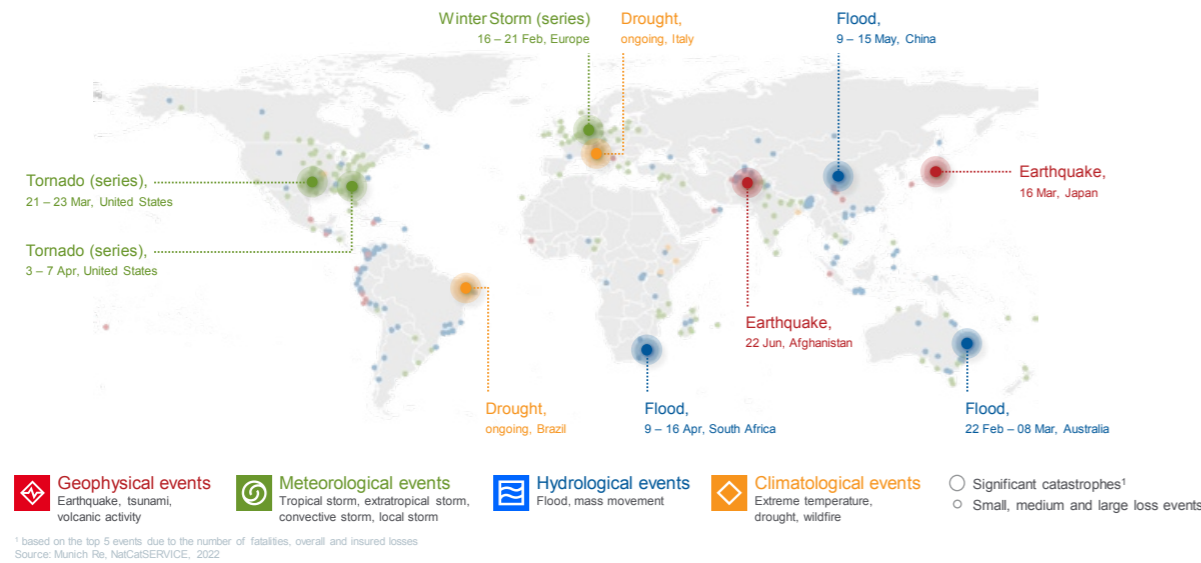


Tác động của Covid-19 đến hoạt động và hiệu quả hoạt động của công ty

57

NatCat loss events worldwide Jan – June 2022

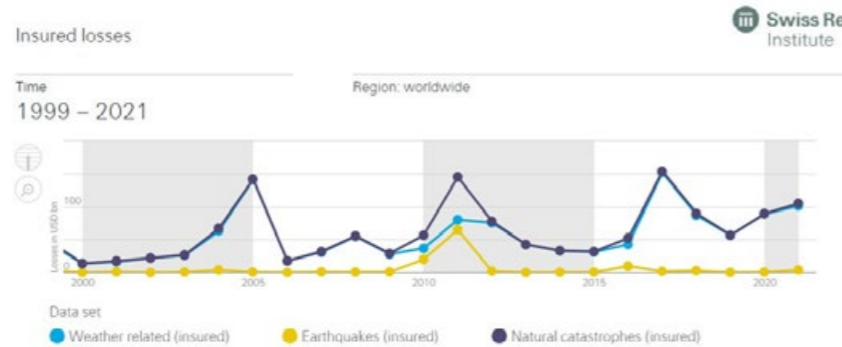
Tornadoes, floods and earthquakes caused overall losses of US\$ 65bn



XU HƯỚNG **BẢO HIỂM THAM SỐ** CHO RỦI RO THIÊN TAI

Tổn thất do thiên tai ngày càng gia tăng

Theo nghiên cứu của Swiss Re Institute, từ năm 2000 trở lại đây thiên tai diễn ra thường xuyên hơn với mức độ ngày càng lớn. Những sự kiện lớn không thể không nhắc đến là cơn bão Katrina 2005 tại Mỹ, lụt tại Thái Lan, sóng thần và động đất tại Nhật Bản và New Zealand năm 2011, cũng như hàng loạt cơn bão lớn như Harvey, Rita, Wilma năm 2017 tại Mỹ.



Trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, gần đây những sự kiện thiên tai lớn cũng xuất hiện ngày càng nhiều như trận lụt tại tỉnh Hà Nam, Trung Quốc năm 2021 (sự kiện được cho là gây thiệt hại lớn nhất cho ngành bảo hiểm tại Trung Quốc từ trước đến nay), trận lụt tại Malaysia cuối năm 2021 và trận lụt tại Australia tháng 3/2022. Các thống kê chỉ ra rằng tổn thất ngành bảo hiểm năm 2021 cao thứ 4 từ trước đến nay.

Năm 2022 cũng không có dấu hiệu cải thiện, theo thống kê của Munich Re tổn thất ngành bảo hiểm nửa đầu năm 2022 cũng lên đến hơn 65 tỷ USD, trong đó còn chưa tính đến thiệt hại rất lớn do cơn bão lan gây ra vào tháng 9 tại Mỹ (theo ước tính sơ bộ của Swiss Re, số tiền bồi thường của riêng sự kiện này có thể từ 55-65 tỷ USD).

Thị trường tái bảo hiểm CHO RỦI RO THIÊN TAI NGÀY CÀNG THẮT CHẶT

Các thống kê cho thấy thị trường bảo hiểm/tái bảo hiểm quốc tế đã phải chịu rất nhiều tổn thất nặng nề về thiên tai trong những năm qua. Các nhà tái bảo hiểm đã bắt đầu có những thông điệp và chính sách thắt chặt đối với năng lực tái bảo hiểm cho rủi ro thiên tai như điều chỉnh chính sách về event limit, thay đổi điều kiện điều khoản liên quan, hay yêu cầu các công ty bảo hiểm nâng mức giữ lại.

Đối với Việt Nam, mặc dù ngành bảo hiểm chưa phải chịu những sự kiện thiên tai lớn, tuy nhiên các công ty bảo hiểm phi nhân thọ của Việt Nam cũng sẽ không nằm ngoài chính sách toàn cầu của các nhà tái bảo hiểm quốc tế. Việc thiếu sự bảo vệ của các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước do bị cắt giảm năng lực và/hoặc phải mua bảo vệ với mức phí cao hơn là những khó khăn rõ ràng mà các



doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam phải đối mặt trong kỳ tái tục 2022-2023.

Giải pháp thay thế CHO THỊ TRƯỜNG TRUYỀN THỐNG



Trong bối cảnh năng lực bảo hiểm bị siết chặt, chi phí tái bảo hiểm gia tăng thì có lẽ việc tìm kiếm một giải pháp tái bảo hiểm thay thế là cần thiết đối với thị trường. Một trong những giải pháp tiềm năng trên thị trường hiện nay là áp dụng việc chuyển giao rủi ro theo tham số của sự kiện (parametric based on event).

Qua hợp tác và làm việc với các đối tác là môi giới tái bảo hiểm/nhà tái bảo hiểm nước ngoài, VINARE nhận thấy một trong các sản phẩm có thể áp dụng thị trường Việt Nam là chuyển giao

rủi ro dựa trên tham số của bão - thiên tai có tần suất nhiều nhất tại Việt Nam. Việc tính toán tham số của bão trong giải pháp này (đối với thị trường Việt Nam) được một công ty chuyên về mô hình rủi ro thiên tai tại Mỹ thực hiện và đưa ra với nguyên lý rõ ràng, minh bạch.

Mỗi khi có sự kiện bão xảy ra và có đường đi đổ bộ vào Việt Nam, một số vị trí mà cơn bão đi qua sẽ được ghi nhận và lấy thông tin (tọa độ đã đi qua, sức gió mạnh nhất tương ứng với tọa độ đó) phục vụ cho việc tính toán tham số của cơn bão (tham số này phụ thuộc thuận

túy vào sức mạnh và đường đi của cơn bão). Tham số đã được tính toán sẽ được so sánh với cấu trúc hợp đồng mà công ty bảo hiểm và nhà tái bảo hiểm đã ký kết ngay từ đầu năm để xác định mức độ trả tiền bồi thường tương ứng với cơn bão đó (tương tự như hợp đồng tái bảo hiểm phi tỷ lệ truyền thống).

Ưu điểm nổi bật của giải pháp này là việc thanh toán nhanh chóng, thông tin cung cấp cho nhà tái bảo hiểm đơn giản (mức bắt đầu được bảo vệ - attach level, mức độ bảo vệ - exhaust level, hạn mức trả tiền bảo hiểm - limit và các mức độ trả tiền bảo hiểm), phạm vi được bảo hiểm rộng (bao gồm nhiều loại hình nghiệp vụ như tài sản, kỹ thuật, xe cơ giới, hàng hóa...), hơn nữa nhà tái bảo hiểm cung cấp giải pháp này có uy tín, xếp hạng tín nhiệm cao trên thị trường toàn cầu. Mặc dù vẫn còn những hạn chế của một sản phẩm parametric (như basis risk) nhưng theo đánh giá của VINARE, việc chủ động phát triển giải pháp này đã cung cấp thêm cho các doanh nghiệp bảo hiểm lựa chọn mới (có thể coi như một nguồn capacity mới) để cân nhắc, lựa chọn trong mùa tái tục 2022-2023 và những năm sắp tới.

Chiến lược kinh doanh và chiến lược phát triển bền vững

Định hướng kinh doanh



Đa dạng hóa các loại hình nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm để tăng trưởng doanh thu bền vững

Tăng cường cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng cho thị trường để hỗ trợ thị trường phát triển bền vững



Đảm bảo chính sách khai thác khuyến khích việc quản trị rủi ro tốt và không hỗ trợ các rủi ro có tác động xấu tới môi trường

Đảm bảo chính sách đầu tư tài chính hướng tới các tài sản đầu tư thân thiện với môi trường



Đảm bảo thu nhập ổn định và chính sách phúc lợi ngày càng gia tăng cho người lao động

Đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm rủi ro, cung cấp năng lực tái bảo hiểm và hỗ trợ phát triển các sản phẩm bảo vệ rủi ro cho số đông dân cư.



Tăng cường trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng



Kế hoạch và lộ trình triển khai

ESG

Sự cần thiết xây dựng định hướng ESG?



Kể từ khi thành lập cho đến nay, VINARE nhận thức rõ vai trò của mình không chỉ là cung cấp cho khách hàng các dịch vụ gia tăng giá trị, tập trung khả năng sinh lời và tối ưu hóa lợi nhuận, mà còn là doanh nghiệp tham gia tích cực trong các vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng.



Phát triển bền vững, với 3 yếu tố Môi trường (Environment), Xã hội (Social) và Quản trị doanh nghiệp (Governance), đang trở thành chủ đề được quan tâm lớn của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp trong ngành bảo hiểm nói riêng.



Trên thực tế, ESG là một xu thế chung không thể đảo ngược. Thế giới giờ đây đang ngày càng đối mặt với các thách thức gia tăng liên tục từ các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị, các công ty tái bảo hiểm quốc tế đều coi ESG là một trong những điều kiện, yêu cầu tiên quyết trước khi quyết định đầu tư hay hợp tác.



Kế hoạch phát triển bền vững của VINARE



Là một doanh nghiệp trong ngành bảo hiểm và tái bảo hiểm, VINARE có lợi ích quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội bền vững. Mục tiêu của VINARE là cung cấp cho khách hàng các dịch vụ chất lượng và đáng tin cậy, đồng thời cũng tham gia mạnh mẽ vào các cam kết liên quan đến các yếu tố xã hội, môi trường và cộng đồng.

Mục tiêu ESG

- 🌱 Xanh hóa các hoạt động kinh doanh
- 🌱 Thúc đẩy phát triển các sản phẩm bảo hiểm có mức giá hợp lý
- 🌱 Nâng cao trách nhiệm của cộng đồng đối với sự phát triển bền vững.

Nguyên tắc thực hiện ESG

VINARE áp dụng 4 nguyên tắc do UNEPFI khuyến nghị:

- 🌱 Xem xét các vấn đề về môi trường, xã hội và quản trị có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm của VINARE.
- 🌱 Làm việc cùng với các khách hàng và đối tác kinh doanh của mình để nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị, quản lý rủi ro và phát triển các giải pháp.
- 🌱 Làm việc cùng với các chính phủ, cơ quan quản lý và các bên liên quan khác để thúc đẩy rộng rãi hành động trong toàn xã hội về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị.
- 🌱 Thể hiện trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong việc thường xuyên công bố công khai tiến trình thực hiện các Nguyên tắc do UNEPFI khuyến nghị.

Nguyên tắc ESG trong từng lĩnh vực

Hoạt động nghiệp vụ (Underwriting)

- Ưu tiên cung cấp năng lực cho các dự án điện tái tạo và kinh doanh thân thiện với môi trường.
- Có lộ trình giảm dần, hạn chế cung cấp bảo hiểm cho các nhà máy/dự án nhiệt điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch.
- Thúc đẩy các nỗ lực R & D trong bảo hiểm tham số cho ngành nông nghiệp.
- Tích cực tham gia các chương trình bảo vệ rủi ro cho cộng đồng do Chính phủ khởi xướng.

Vận hành (Operation)

- Ưu tiên chuyển đổi kỹ thuật số trong vận hành văn phòng để giảm việc tiêu thụ giấy.
- Phân bổ ngân sách thích hợp cho các hoạt động từ thiện và các hoạt động cộng đồng khác.
- Ưu tiên tiêu thụ các sản phẩm có thể tái chế.
- Giảm thiểu chất thải cũng như giảm thiểu tiêu thụ nước và điện.

Hoạt động Đầu tư (Investment)

- Tích hợp các tiêu chí ESG vào quy trình đầu tư và các danh mục đầu tư.
- Lồng ghép các vấn đề ESG vào thực tiễn trước khi đưa ra quyết định đầu tư.
- Tránh đầu tư liên quan đến hoạt động kinh doanh được xếp hạng ESG thấp.

Quản trị công ty (Governance)

- Giám sát tiến độ quản lý các vấn đề ESG và thường xuyên công bố thông tin một cách công khai.
- Xác định và đánh giá các rủi ro ESG cũng như tác động của chúng đến các hoạt động kinh doanh.
- Nâng cao nhận thức về rủi ro biến đổi khí hậu thông qua đối thoại với khách hàng, nhân viên và công chúng.

Lộ trình thực hiện ESG

Chỉ tiêu	2025	2035
Các dự án nhiệt điện than nước ngoài	Loại bỏ hoàn toàn	
Các dự án nhiệt điện than trong nước	Hạn chế	Loại bỏ hoàn toàn
Vận chuyển than	Hạn chế	Loại bỏ hoàn toàn
Bồi thường cho người lao động, Trách nhiệm đối với người lao động, Bồi thường cho Kiến trúc sư & Kỹ sư của các nhà máy nhiệt điện than	Loại bỏ hoàn toàn	
Đầu tư vào trái phiếu phát hành cho các dự án khai thác than và/hoặc điện than	Không phát sinh mới	Loại bỏ hoàn toàn
Danh mục đầu tư ủy thác	Cân nhắc đến các yếu tố ESG trong các thỏa thuận đầu tư ủy thác	

4

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2022
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2023

ĐỒNG HÀNH

76 Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE
91 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của VINARE





Đồng hành hiểu một cách đơn giản là **“Để đi thật nhanh, bạn có thể đi một mình. Nhưng để đi thật xa, hãy đi cùng nhau”**. Không ai có thể phát triển nhanh và bền vững nếu chỉ thực hiện các công việc độc lập mà không có sự đồng hành, chia sẻ của người khác trong thế giới đầy biến động như hiện nay.



Đồng hành

Tại VINARE, Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn đồng hành cùng nhau trong việc triển khai, thực hiện chiến lược và kế hoạch kinh doanh. Các đơn vị, phòng ban của VINARE luôn đồng hành trong việc triển khai kế hoạch và đảm bảo kết quả kinh doanh theo đúng mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

VINARE cũng đồng hành cùng các đối tác trong và ngoài nước trong suốt gần 30 năm có mặt và kinh doanh tại Việt Nam. Sự đồng hành ấy luôn được củng cố bằng niềm tin, bằng những giá trị bền vững được

tích lũy qua bao thế hệ. Và vì có sự đồng hành và tin tưởng, sự gắn kết đã tạo nên sức mạnh thị trường giúp VINARE tồn tại, phát triển và vững vàng vượt bão covid và bao khó khăn, trở ngại.

Năm 2022, sự đồng hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành cũng như những đánh giá khách quan độc lập đã nâng tầm VINARE. Việc triển khai các hoạt động ESG trong từng phòng ban/ban của VINARE giúp cải thiện hoạt động kinh doanh hiệu quả và linh hoạt thích ứng với môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh.

VINARE

hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2022



Sáng ngày 17/01/2023, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) đã tổ chức Hội nghị Tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2022 - Phương hướng nhiệm vụ kinh doanh năm 2023 và Hội nghị Người lao động 2022. Tham dự Hội nghị có đại diện Đảng ủy Bộ Tài chính, Công đoàn Bộ Tài chính, đại diện cổ đông lớn SCIC, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên VINARE.

Tại Hội nghị lần này, VINARE đã công bố những kết quả ấn tượng đạt được trong năm 2022.

Đại diện Ban Lãnh đạo VINARE, Tổng giám đốc Mai Xuân Dũng cho biết tổng doanh thu năm 2022 ghi nhận con số 2.969 tỷ đồng, trong đó doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.368,8 tỷ đồng, đạt 107,1% kế hoạch năm được giao, doanh thu từ hoạt động đầu tư đạt 418,9 tỷ đồng.

Trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, doanh thu từ mảng nghiệp vụ cốt lõi đã tăng trưởng 14,1% so với

cùng kỳ và vượt kế hoạch năm. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm tăng trưởng tốt, tuy nhiên lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính đạt thấp hơn so với kỳ vọng. Nguyên nhân chủ yếu là do những yếu tố bất định trong và ngoài nước tác động mạnh đến thị trường đầu tư, như chính sách thắt chặt tiền tệ trên diện rộng, lãi suất tăng ở châu Âu, Mỹ; sự sụt giảm thanh khoản và chỉ số của thị trường chứng khoán cũng như những sai phạm trong việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp của một số doanh nghiệp trong nước. Tổng lợi nhuận trước thuế do đó đạt 439,3 tỷ đồng, bằng 101,1% kế hoạch.

Trong kỳ đánh giá năm 2022, xếp hạng năng lực tài chính (FSR) của VINARE tiếp tục đạt mức B++ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành (ICR) đạt mức "bbb+" (theo kết quả đánh giá của AM Best). VINARE là một trong hai doanh nghiệp bảo hiểm/tái bảo hiểm đầu tiên trên thị trường bảo hiểm Việt Nam thực hiện việc xếp hạng năng lực tài chính với một tổ chức xếp hạng quốc tế từ năm 2013 và liên tục duy trì mức xếp hạng B++ từ đó đến nay, phản ánh tình hình tài chính vững mạnh và kết quả hoạt động kinh doanh tốt của VINARE.



Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, ông Nguyễn Anh Tuấn, Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE đánh giá cao nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên và kết quả đạt được trong năm 2022. Theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nguyễn Anh Tuấn:



Kết quả này có được là nhờ năm trụ cột chính bao gồm năng lực nội tại, đối tác, thị trường, sản phẩm cũng như việc kết nối sức mạnh của thị trường. Song song với đó, quản trị nội bộ, năng lực cốt lõi được nâng cao cũng là một trong các yếu tố nền tảng quan trọng giúp cho sự thành công của doanh nghiệp. Môi trường càng khó khăn càng cần phải quản trị doanh nghiệp thật bài bản.

Năm 2022, VINARE cũng là doanh nghiệp đầu tiên trong ngành bảo hiểm đã hoàn thành xây dựng, phê duyệt lộ trình và kế hoạch phát triển bền vững theo ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị). Bên cạnh đó, VINARE cũng tập trung vào văn hóa doanh nghiệp, chúng tôi đã bổ sung thêm các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, một số quy chế quan trọng về nhân sự cũng như về công tác tổ chức, để cán bộ nhân viên VINARE an tâm công tác. Về mặt chuyển đổi số của VINARE cũng được làm một cách bài bản, mở rộng từng bước và đảm bảo hiệu quả. Công tác Đảng-Đoàn thể cũng được chú trọng và phát triển tốt trong năm qua. Năm trụ cột và các yếu tố nền tảng nói trên là cơ sở vững chắc để VINARE tiếp tục phát triển chắc chắn, hiệu quả và bền vững, đảm bảo lợi ích hài hòa của doanh nghiệp, cổ đông và người lao động", ông Nguyễn Anh Tuấn chia sẻ thêm.



Cũng tại Hội nghị, ông Đinh Việt Tùng, Phó Tổng Giám đốc SCIC đã gửi lời chúc mừng đến kết quả vượt bậc mà VINARE đã đạt được trong năm 2022.



Trong năm qua VINARE đã đạt được nhiều giải thưởng uy tín và chất lượng. Đây là những kết quả rất đáng khích lệ và cũng là minh chứng rõ nhất cho những con số mà VINARE đạt được. Chúng tôi rất phấn khởi và trân trọng những đóng góp của VINARE trong ngôi nhà chung trước đây là Bộ Tài chính và hiện nay là SCIC.

Trong năm 2022, VINARE vinh dự nhận giải thưởng Top 10 Thương hiệu xuất sắc - Thương hiệu mạnh Việt Nam 2021 - 2022, Top 10 Doanh nghiệp niêm yết quản trị Công ty tốt trong kỳ đánh giá năm 2021 - 2022, Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất 2022. Bên cạnh đó, với việc thực hiện tốt các nội dung phát triển bền vững, các yếu tố về môi trường, xã hội, quản trị doanh nghiệp (ESG), VINARE đã được vinh danh là một trong 10 doanh nghiệp niêm yết có báo cáo thường niên xuất sắc nhất năm 2022 nhóm vốn hóa vừa.

Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE



Trong bối cảnh thị trường bảo hiểm gặp khó khăn do những xáo trộn về kinh tế - xã hội gây ra bởi dịch Covid-19, tình hình cạnh tranh tiếp tục diễn ra gay gắt và tình hình tổn thất diễn biến khó lường, VINARE đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ trong năm 2022. Bên cạnh việc tập trung phát triển mảng nghiệp vụ cốt lõi, VINARE đã chủ động triển khai nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới kết hợp với các đối tác trong và ngoài nước.



Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022



Kinh tế Việt Nam trong năm 2022 đã phục hồi mạnh mẽ, vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đã lấy lại đà tăng trưởng trước dịch Covid 19, đạt 16,8% so với mức tăng 2,7% trong năm 2021.

VINARE đã có nhiều giải pháp đột phá nhằm thực hiện các mục tiêu của năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng doanh thu năm 2022 ghi nhận con số 2.969 tỷ đồng, trong đó doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.368,8 tỷ đồng, đạt 107,1% kế hoạch năm; doanh thu từ hoạt động đầu tư đạt 418,9 tỷ đồng.



Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022

8,02%



Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ

16,8%



Tổng doanh thu năm 2022 (Tỷ đồng)

2.969

KẾT QUẢ KINH DOANH TÁI BẢO HIỂM 2022



Doanh thu phí nhận Tái bảo hiểm 2022 đạt (Tỷ đồng)

2.368,8
đạt **107,1%** kế hoạch năm



Doanh thu phí các nghiệp vụ Tái bảo hiểm cốt lõi của VINARE (Tỷ đồng)

1.971,3
đạt **103,7%** kế hoạch năm

Mức tăng trưởng ấn tượng này đến từ sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường bảo hiểm Việt Nam và nỗ lực khai thác thêm các hợp đồng mới của VINARE. Doanh thu phí các nghiệp vụ Tái bảo hiểm cốt lõi của VINARE (gồm Tài sản, Kỹ thuật, Hàng hải và các nghiệp vụ Hỗn hợp) đạt 1.971,3 tỷ VND, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước và đạt 103,7% kế hoạch năm. Đây là một kết quả tích cực so với các năm trước trong bối cảnh thị trường bảo hiểm - tái bảo hiểm đang đối mặt nhiều khó khăn như tình hình cạnh tranh gay gắt, tổn thất diễn biến khó lường, thị trường tái bảo hiểm quốc tế ngày càng thắt chặt về phí và điều kiện điều khoản.

Trong số các nghiệp vụ có tác động lớn đến tăng trưởng của nhóm này, nghiệp vụ Tài sản tăng 13,9% so với năm trước nhờ thị trường bảo hiểm Tài sản duy trì tốc độ tăng trưởng tốt 15,1% và tác động tích cực từ Nghị định 97, tỷ lệ phí của một số nhóm ngành tăng. Nghiệp vụ Kỹ thuật tăng 11,9% do thị trường chung tăng trưởng khoảng 8,6%, đặc biệt là sự gia tăng các dự án năng lượng tái tạo. Nghiệp vụ Hàng hải tăng 13,1% do giá của một số mặt hàng nhập khẩu chủ lực như xăng dầu, sắt thép, vật liệu xây dựng, ... giữ ở mức cao và việc tăng cường khai thác dịch vụ tạm thời. Nghiệp vụ Trách nhiệm dân sự chủ tàu tăng 18,3% chủ yếu do phí gọi thêm của hội LSSO và sự dịch chuyển tàu tham gia bảo hiểm giữa các công ty bảo hiểm trong nước.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE (TIẾP THEO)

Một số nghiệp vụ khác như Nông nghiệp tăng hơn 4 lần so với năm trước chủ yếu nhờ việc nhận thêm các hợp đồng từ thị trường nước ngoài; nghiệp vụ Xe cơ giới tăng trưởng tốt, tuy nhiên chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu. Các nghiệp vụ Hỗn hợp, Hàng không tăng trưởng nhẹ.

Ở chiều ngược lại, doanh thu nhận tái bảo hiểm nghiệp vụ Thân tàu năm 2022 giảm 7,4% so với thực hiện 2021, nguyên nhân chủ yếu là do các doanh nghiệp bảo hiểm kiểm soát chặt hơn việc khai thác và VINARE hạn chế nhận/hỗ trợ hợp đồng tạm thời do tổn thất xấu (tỷ lệ tổn thất 2022 ở mức 116%).

Với mảng nghiệp vụ phi cốt lõi không nằm trong trọng tâm tăng trưởng, doanh thu phí nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết tổ chức tín dụng giảm 23,2% so với cùng kỳ năm trước theo kế hoạch cắt giảm từ đầu năm, nhưng so với chỉ tiêu kế hoạch, nghiệp vụ vẫn hoàn thành vượt kế hoạch 28,2%.

Doanh thu phí nhận theo nghiệp vụ 2022 (Đơn vị: Triệu VND)

Nghiệp vụ	2022	2021	So sánh cùng kỳ	Kế hoạch 2022	So sánh thực hiện/kế hoạch
Kỹ thuật	342.629	306.118	111,9%	320.000	107,1%
Tài sản	808.190	709.387	113,9%	800.000	101,0%
Hàng hải	453.314	397.777	114,0%	424.000	106,9%
Hỗn hợp	367.202	315.213	116,5%	357.345	102,8%
Cộng	1.971.335	1.728.495	114,1%	1.901.345	103,7%
Bảo hiểm liên kết tổ chức tín dụng	397.536	517.666	76,8%	310.000	128,2%
Tổng	2.368.870	2.246.160	105,46%	2.211.345	107,1%



Doanh thu phí giữ lại đạt
(Tỷ đồng)

1.274,8
đạt **105,8%** kế hoạch năm

Doanh thu phí giữ lại các nghiệp vụ cốt lõi đạt 877,3 tỷ VND, tăng 16,2% so với cùng kỳ và doanh thu phí giữ lại nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết tổ chức tín dụng đạt 397,5 tỷ VND, bằng 76,8% so với cùng kỳ năm trước, vượt 28,2% kế hoạch cả năm.



Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại giảm

11,8%

so với cùng kỳ năm trước
(tương đương 46 tỷ VND)

Trong năm 2022, thu chi bồi thường thực hiện tăng cao so với năm trước do đã thực hiện chi trả nhiều khoản bồi thường lớn của các nghiệp vụ như Tài sản, Trách nhiệm dân sự chủ tàu.

Về các tổn thất xảy ra và được báo cáo trong năm, Nghiệp vụ Tài sản ghi nhận 2 tổn thất lớn trên 10 triệu USD và 2 tổn thất lớn từ hợp đồng nước ngoài. Tuy nhiên, trách nhiệm bồi thường giữ lại của nghiệp vụ này đã giảm so với 2021. Nghiệp vụ Kỹ thuật ghi nhận một số tổn thất của các nhà máy điện gió, điện mặt trời, tuy nhiên đa số tổn thất không lớn. Nghiệp vụ Hàng hóa đã xảy ra 2 tổn thất lớn trên 1 triệu USD trong năm 2022 và 1 tổn thất trên 3 triệu USD (lô hàng linh kiện của Hyundai Shipping). Nghiệp vụ Thân tàu chỉ có 1 tổn thất trên 1 triệu USD. Một số tổn thất xảy ra từ các năm trước nhưng mới được cập nhật số liệu dự phòng do tranh chấp pháp lý.

(Đơn vị: Triệu VND)

Nghiệp vụ	2022	2021	So sánh (%)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (1)	976.933	856.128	114,1%
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm (2)	616.506	548.472	112,4%
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường (3)	(15.752)	83.030	
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (4 = 1-2+3)	344.675	390.685	88,2%

Các tổn thất lớn 2022

(Một số tổn thất lớn nhất theo trách nhiệm nhận của VINARE)

(Đơn vị: Triệu VND)

Tổn thất	Nghiệp vụ	Ngày xảy ra tổn thất	100% tổn thất	Trách nhiệm nhận của VINARE	Trách nhiệm giữ lại của VINARE
SWR XOL - Renesas Electronics	Tài sản	19/03/2021	69.022.255	2.243.223	690.222
SIRIUS POINT - Hurricane Ian	Tài sản	23/09/2022	85.774.591	2.102.897	266.128
TAY SON 4-3308/2021	P&I	27/07/2021	3.430.000	823.200	466.480
SCAVI HUE	Tài sản	13/06/2022	21.800.000	700.938	420.563
KODA SAIGON	Tài sản	03/01/2022	2.387.893	417.058	250.235
CTY CP NHA TRANG - DA LAT	Kỹ thuật	26/02/2020	413.396	385.079	161.142
CV VINA	Tài sản	20/01/2022	1.866.957	373.391	224.035
KRIC OSL - Changseong Construction	Kỹ thuật	05/01/2022	44.120.521	317.668	273.856
LIMCO ASIA	Thân tàu	22/01/2019	1.398.031	279.606	206.908
GLOBE 6-2022002234	P&I	05/06/2022	320.000	265.600	44.160
PHONG NGUYEN WINDFARM	Tài sản	04/07/2022	2.608.696	261.701	157.021

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH 2022

Các yếu tố ảnh hưởng hoạt động đầu tư

Trong năm 2022, các ngân hàng trung ương lớn đều có xu hướng chuyển từ nới lỏng sang thắt chặt chính sách tiền tệ, FED đã 7 lần nâng lãi suất từ 0% lên 4,5%. Trước áp lực trên và phù hợp với xu hướng chung trên toàn thế giới, Ngân hàng Nhà nước đã hai lần điều chỉnh tăng các mức lãi suất điều hành vào tháng 9 và tháng 10/2022 mỗi lần khoảng 1%. Xu hướng lãi suất tăng mạnh vào thời điểm cuối năm.

Thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản bộc lộ nhiều rủi ro tác động lên tâm lý, niềm tin của nhà đầu tư và dòng vốn trên thị trường với những sai phạm liên quan đến thao túng giá cổ phiếu, huy động trái phiếu doanh nghiệp trái phép.

Năm 2022, thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến đợt sụt giảm mạnh kể từ đầu Quý 2, sau khi đạt ngưỡng đỉnh 1.536,45 điểm tại phiên 10/1. VN-Index đã rút xuống mức thấp kỷ lục năm (873,78 điểm) trong phiên 16/11. Tính đến 31/12/2022, VN-Index đã giảm 33% so với cuối năm trước, về mức 1.007 điểm. Thanh khoản của thị trường đã sụt giảm đáng kể, giá trị giao dịch bình quân chỉ còn 19,1 nghìn tỷ VND/phiên, giảm 24% so với năm 2021.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) cũng ghi nhận sự sụt giảm mạnh khối lượng phát hành so với năm trước. Theo Fiinpro và VBMA, lũy kế 12 tháng năm 2022, giá trị phát hành trái phiếu ra công chúng từ đầu năm là 10.599 tỷ đồng, giảm 65% (chiếm 4% tổng giá trị phát hành), giá trị phát hành trái phiếu riêng lẻ là 244.565 tỷ đồng, giảm 66% (chiếm 96% tổng giá trị phát hành).

Tình hình phân bổ vốn đầu tư 2022 (Đơn vị: Triệu VND, %)

TT	Danh mục đầu tư	Giá trị TSĐT 31/12/2022	Giá trị TSĐT 31/12/2021	+/- so với năm trước	Tỷ trọng (%)
1	Tiền gửi	2.765.300	2.740.500	24.800	64,0%
2	Trái phiếu	680.000	559.490	120.510	15,7%
3	Góp vốn doanh nghiệp khác	494.296	522.701	(28.406)	11,4%
4	Ủy thác đầu tư, Chứng chỉ quỹ	315.000	265.000	50.000	7,3%
5	Văn phòng cho thuê	4.591	6.410	(1.819)	0,1%
6	Đầu tư bất động sản	11.206	11.206	-	0,3%
7	Tiền trên tài khoản thanh toán (*)	51.000	25.282	25.718	1,1%
Tổng cộng		4.321.393	4.130.589	190.803	100,0%

(*) Bao gồm số dư ngoại tệ quy đổi tương đương 49,6 tỷ đồng



Đánh giá phân bổ tài sản đầu tư 2022

VINARE đã chuyển dịch tăng tỷ trọng đối với các danh mục đầu tư dài hạn nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư trong dài hạn. Danh mục tiền gửi và trái phiếu (Fixed Income) chiếm gần 80% tổng tài sản đầu tư, VINARE tiếp tục tăng phân bổ đầu tư vào danh mục trái phiếu (loại kỳ hạn 5 - 10 năm).

Tính đến 31/12/2022, giá trị danh mục trái phiếu đạt 680 tỷ đồng, đầu tư mới tăng thêm trong năm 350 tỷ đồng. VINARE tiếp tục duy trì chính sách đầu tư vào trái phiếu có mức độ an toàn cao (trái phiếu tăng vốn cấp II của các ngân hàng thương mại có xếp hạng tín nhiệm từ B1 trở lên theo Moody's). Tiền gửi hầu hết được gửi tại các ngân hàng thương mại có mức xếp hạng tín nhiệm từ B1 trở lên (theo Moody's).

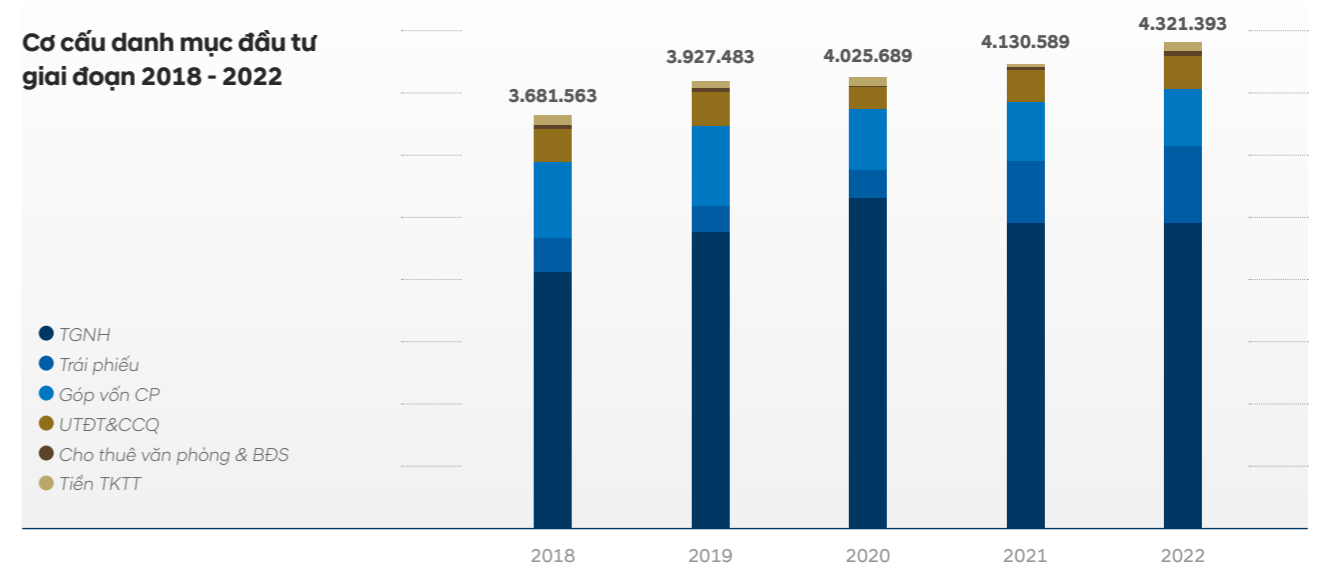
Đối với danh mục chứng khoán và ủy thác đầu tư chứng khoán, trong bối cảnh thị trường chứng khoán biến động mạnh, VINARE thực hiện gia tăng một cách thận trọng, lựa chọn đối tác có chiến lược đầu tư dài hạn, phù hợp với mục tiêu đầu tư của VINARE. Tỷ trọng của danh mục ủy thác đầu tư đến cuối năm 2022 đã tăng lên mức 7,3% tổng tài sản đầu tư (năm 2021 tỷ trọng là 6,4%).



Tổng tài sản đầu tư
đến 31/12/2022 đạt
(Tỷ đồng)

4.321,4
tương đương **100,5%** so với
kế hoạch.

Cơ cấu danh mục đầu tư giai đoạn 2018 - 2022



**Kết quả hoạt động
đầu tư 2022**



Lợi nhuận đầu tư năm 2022
(Tỷ đồng)

312,6
tương đương **76,4%** kế hoạch

Danh mục	2022			2021			KH 2022	So với 2021	So với KH 2022
	Doanh Thu	Chi phí	Lợi nhuận	Doanh Thu	Chi phí	Lợi nhuận	Lợi nhuận		
Tiền gửi	146.780	0	146.780	175.502	0	175.502	146.000	83,6%	100,5%
Trái phiếu	46.782	0	46.782	27.752	0	27.752	43.000	168,6%	108,8%
Góp vốn DN	131.515	5.330	126.185	111.599	393	111.206	175.000	113,5%	72,1%
Ủy thác đầu tư, CCQ	30.570	29.154	1.416	73.740	18.121	55.619	50.000	2,5%	2,8%
Cho thuê VP	6.184	2.281	3.903	6.377	1.685	4.692	5.000	83,2%	78,1%
Thu khác, CLTG	57.079	69.505	(12.426)	67.763	74.856	(7.093)	(10.000)	175,2%	124,3%
Tổng cộng	418.910	106.270	312.640	462.733	95.055	367.678	409.000	85,0%	76,4%

Lợi nhuận đầu tư năm 2022 đạt 312,6 tỷ đồng, tương đương 76,4% kế hoạch, giảm 15,0% so với năm trước.

Môi trường đầu tư có nhiều biến động đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động đầu tư tài chính năm 2022 của VINARE, đặc biệt là đối với danh mục ủy thác đầu tư, danh mục góp vốn doanh nghiệp. Trong điều kiện như vậy, để hạn chế bớt rủi ro, VINARE đã tiến hành cơ cấu lại danh mục tiền gửi và trái phiếu nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư trong dài hạn, đồng thời tiến hành rà soát, điều chỉnh một số chính sách, chiến lược trong ủy thác đầu tư chứng khoán.

**DANH MỤC TIỀN GỬI
NGÂN HÀNG**

Khi lãi suất tiền gửi ngân hàng có xu hướng tăng về cuối năm 2022, VINARE đã thực hiện rà soát và đàm phán điều chỉnh lãi suất các hợp đồng tiền gửi đã ký cuối Quý 3 và đầu Quý 4/2022.

Đối với các hợp đồng tiền gửi mới, VINARE thực hiện ký hợp đồng kỳ hạn 18 tháng nhằm tận dụng mức lãi suất cao trên thị trường. Lợi suất tiền gửi bình quân VINARE đã đạt được trong Quý 4 là 9,3%/năm. Do việc tăng lãi suất của các ngân hàng thương mại chỉ diễn ra từ các tháng cuối năm nên chưa tác động nhiều đến thu nhập của danh mục tiền gửi của VINARE trong năm 2022 mà sẽ thể hiện rõ hơn trong năm 2023.

DANH MỤC TRÁI PHIẾU

VINARE tiếp tục thực hiện đầu tư trái phiếu một cách thận trọng, sàng lọc kỹ các cơ hội và chủ trương chỉ đầu tư trái phiếu của ngân hàng thương mại (trái phiếu tăng vốn cấp II) có sức khỏe tài chính tốt và có rating B1 trở lên. Trong năm 2020, VINARE đã đầu tư mới 350 tỷ đồng trái phiếu tăng vốn cấp II của một số ngân hàng thương mại là những ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm từ mức B1, Ba2 (theo Moody's), đạt mục tiêu đã đề ra về phân bổ vốn với lợi suất bình quân đạt 7,21%, cao hơn 29% so với lợi suất tiền gửi trong kỳ. Danh mục hiện thời đảm bảo an toàn, phù hợp với khẩu vị rủi ro của VINARE.

VINARE đã làm việc với một số đối tác về các sản phẩm mới liên quan đến trái phiếu nhằm từng bước nâng cao hiệu quả đầu tư của danh mục. Đây là các sản phẩm mới nhưng có lãi suất tốt với mức rủi ro có thể kiểm soát được.

DANH MỤC GÓP VỐN CỔ PHẦN

Tổng giá trị vốn đầu tư vào danh mục góp vốn cổ phần năm 2022 là 494,3 tỷ đồng. Tổng giá trị thị trường ước tính của danh mục đạt 1.693,4 tỷ đồng. Chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá vốn đầu tư tại thời điểm 31/12/2022 là gần 1.200 tỷ đồng.

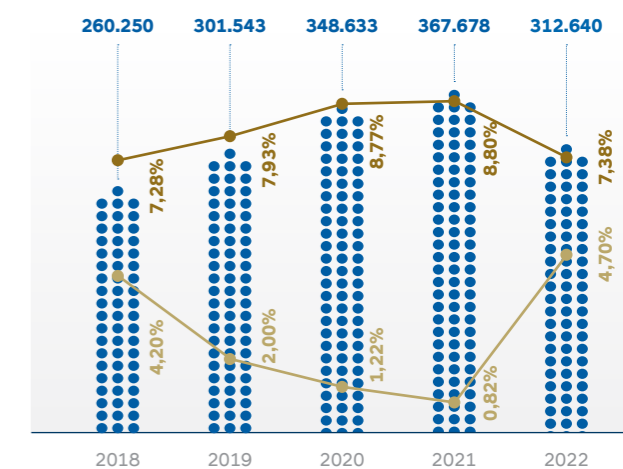
DANH MỤC ỦY THÁC ĐẦU TƯ

Lợi nhuận từ các hợp đồng ủy thác đến hạn trong năm 2022 chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi sự sụt giảm của thị trường chứng khoán. Để hạn chế những tác động tiêu cực này, VINARE đã tích cực làm việc với các công ty quản lý quỹ để điều chỉnh chiến lược đầu tư chứng khoán theo hướng kéo dài thời hạn đầu tư, tăng cường đa dạng hóa danh mục nhằm giảm bớt biến động ngắn hạn của thị trường và tăng cường khả năng sinh lời dài hạn. Qua đó, mặc dù VN-Index giảm 33% nhưng tổng giá trị ủy thác đầu tư chứng khoán của VINARE chỉ giảm 24,2%. Trong năm 2022, toàn bộ các danh mục ủy thác đầu tư của VINARE đều có mức giảm thấp hơn so với thị trường chung và có triển vọng tăng trưởng tốt khi VN-Index hồi phục.



**Lợi nhuận danh mục đầu tư
giai đoạn 2018-2022**

(EVT: Triệu VND, %) ● LN đầu tư ● ROI ● LN tham chiếu



Đánh giá tình hình tài chính

Tài sản hợp nhất



Tổng tài sản hợp nhất năm 2022 của Tổng công ty (Tỷ đồng)

7.126

Tổng tài sản hợp nhất năm 2022 của Tổng công ty đạt 7.126 tỷ đồng giảm nhẹ so với năm 2021 (7.157 tỷ đồng). Tài sản đầu tư vẫn duy trì là danh mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản với tỷ lệ 62,6% tăng nhẹ so với năm 2021 (59,5%). Tiền gửi và trái phiếu vẫn tiếp tục duy trì là kênh đầu tư chính, chiếm khoảng 80% tổng tài sản đầu tư nhằm đảm bảo an toàn, tính thanh khoản trước bất kỳ diễn biến bất lợi của thị trường tài chính, đồng thời đảm bảo các cam kết mạnh mẽ, dài hạn của VINARE đối với khách hàng.

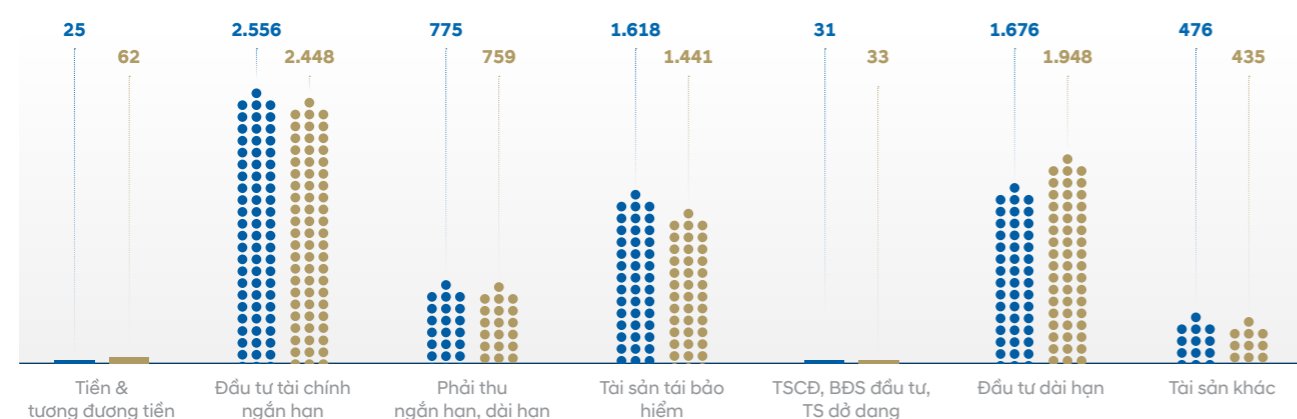
Tổng tài sản hợp nhất giai đoạn 2018-2022

Danh mục tài sản	2022		2021		2020		2019		2018	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Tài sản khác	435	6,10	476	6,65	625	9,11	470	6,72	366	5
Đầu tư dài hạn	1.948	27,33	1.676	23,42	2.001	28,68	1.084	15,50	1.220	18
Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư, Tài sản dở dang	33	0,47	31	0,44	32	0,45	31	0,45	31	0
Tài sản tái bảo hiểm	1.441	20,22	1.618	22,60	1.463	20,97	1.511	21,60	1.662	25
Phải thu ngắn hạn, dài hạn	759	10,65	775	10,83	737	10,56	1.002	14,33	891	13
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.448	34,36	2.556	35,71	2.053	29,43	2.793	39,93	2.433	36
Tiền, tương đương tiền	62	0,87	25	0,35	55	0,79	103	1,47	64	1
Cộng	7.126	100	7.157	100	6.976	100	6.994	100	6.667	100

Đơn vị: tỷ đồng

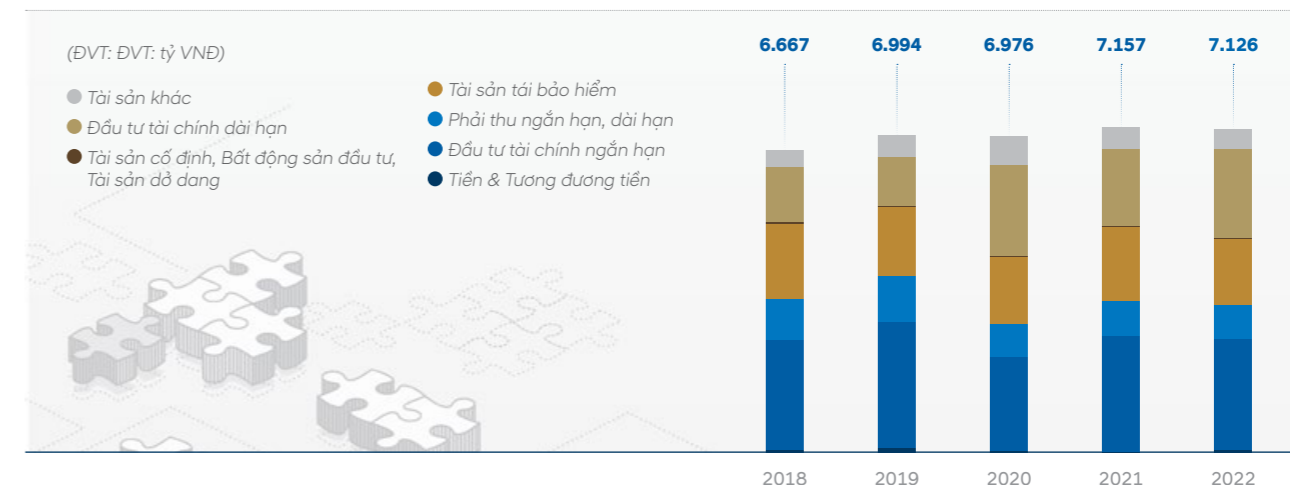
QUY MÔ TÀI SẢN HỢP NHẤT

ĐVT: Tỷ đồng
● 2021 ● 2022



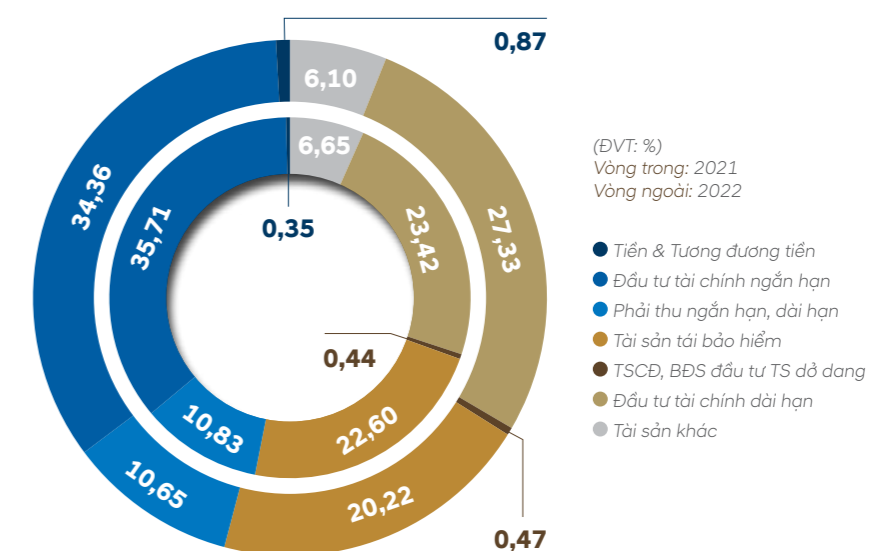
Tổng tài sản hợp nhất năm 2022 giảm nhẹ so cùng kỳ 0,42%, tương ứng số tiền 30,1 tỷ đồng. Trong đó, tài sản tái bảo hiểm và tài sản khác giảm 231,7 tỷ đồng. Tài sản đầu tư tăng 201,6 tỷ đồng (trong đó: đầu tư ngắn hạn giảm 107,2 tỷ đồng, đầu tư dài hạn tăng 271,8 tỷ đồng, các khoản tiền, tương đương tiền tăng 37,0 tỷ đồng).

Tài sản tái bảo hiểm giảm 176,8 tỷ đồng. Nguyên nhân do dự phòng nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm giảm 199,4 tỷ đồng, dẫn đến tài sản tái bảo hiểm thuộc trách nhiệm nhượng của VINARE giảm tương ứng.



CƠ CẤU TÀI SẢN HỢP NHẤT

Để đảm bảo tính thanh khoản nhanh nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán trong kinh doanh tái bảo hiểm, Tổng công ty tiếp tục duy trì tài sản đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của VINARE (tính đến cuối năm 2022, đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất với 34,4%, tiếp đến là đầu tư tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng 27,3%).



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE (TIẾP THEO)

Nguồn vốn hợp nhất



Nguồn vốn chủ sở hữu
hợp nhất năm 2022
(Tỷ đồng)

3.457

QUY MÔ NGUỒN VỐN

Nguồn vốn chủ sở hữu hợp nhất năm 2022 đạt 3.457 tỷ đồng tăng 171,6 tỷ đồng so với cùng kỳ, chủ yếu là do nguồn lợi nhuận để lại từ hoạt động kinh doanh trong năm, sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định của pháp luật và quy chế của Tổng công ty.

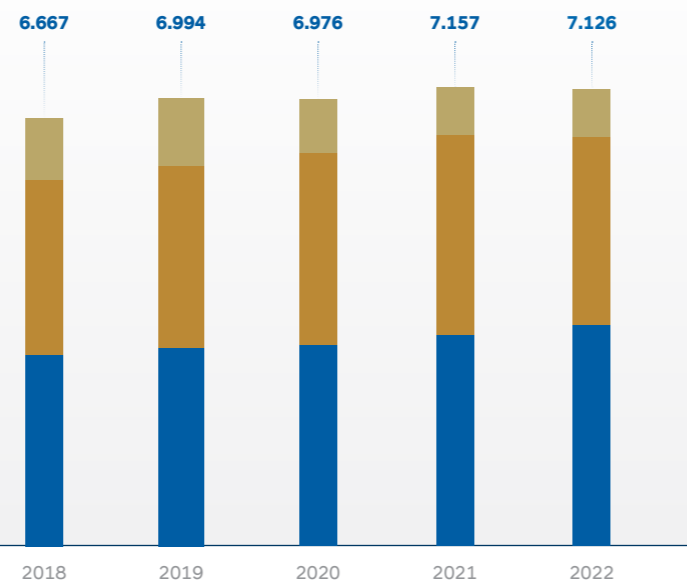
Nguồn vốn hợp nhất giai đoạn 2018-2022

ĐVT: tỷ VNĐ

Danh mục tài sản	2022		2021		2020		2019		2018	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Vốn chủ sở hữu	3.457	49%	3.286	46%	3.145	45,1%	3.107	44,4%	2.986	44,8%
Dự phòng nghiệp vụ	2.938	41%	3.137	44%	3.006	43,1%	2.825	40,4%	2.734	41,0%
Các khoản phải trả	731	10%	734	10%	825	11,8%	1.062	15,2%	947	14,2%
Cộng	7.126	100%	7.157	100%	6.976	100%	6.994	100%	6.667	100%



(ĐVT: Triệu VND, %) ● Vốn chủ sở hữu ● Dự phòng nghiệp vụ ● Các khoản phải trả



Như trình bày ở trên, Quỹ dự phòng nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm giảm 199,4 tỷ đồng so với cùng kỳ, nguyên nhân là do trong năm số lượng tổn thất lớn giảm mạnh tập trung chủ yếu ở các nghiệp vụ Tài sản và Kỹ thuật. Các khoản phải trả giảm nhẹ 2,4 tỷ đồng so cùng kỳ năm trước, trong đó phải trả hoạt động kinh doanh bảo hiểm giảm 37,9 tỷ đồng, phải trả ngân sách Nhà nước và các khoản phải trả khác tăng 35,5 tỷ đồng.



LUÔN ĐẢM BẢO VƯỢT MỨC QUY ĐỊNH VỀ BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN TỐI THIỂU

BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Biên khả năng thanh toán được quy định theo Nghị định 73/2016/NĐ-CP và Thông tư 50/2017/TT-BTC:

- Biên khả năng thanh toán tối thiểu là số lớn hơn của các kết quả tính toán sau**
 - 25% tổng phí bảo hiểm giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán;
 - 12,5% của tổng phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.

- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp**

Là phần chênh lệch giữa giá trị tài sản (sau khi giảm trừ giá trị) và các khoản nợ phải trả tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.

Đơn vị: tỷ VNĐ

TT	Danh mục đầu tư	2022	2021
1	Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	3.212	3.064
2	Giá trị tài sản bị loại trừ tính biên khả năng thanh toán	687	943
3	Biên khả năng thanh toán của Tổng công ty	2.282	2.121
4	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	318	318
5	So sánh (3) và (4)		
	- Giá trị tuyệt đối	1.964	1.803
	- Tỷ lệ phần trăm	716%	667%

Biên khả năng thanh toán của VINARE luôn duy trì ở mức cao, đảm bảo tốt nghĩa vụ thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn, thực hiện đầy đủ các cam kết về tài chính với khách hàng.

Tại ngày 31/12/2022, biên khả năng thanh toán của VINARE ở mức an toàn, cao gấp 7,2 lần so với Biên khả năng thanh toán tối thiểu và đảm bảo tuân thủ quy định của Bộ Tài chính (Biên khả năng thanh toán của VINARE năm 2021 là 6,7 lần).

Những tiến bộ đã đạt được

Xây dựng thể chế

- Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung và soạn thảo mới 4 Quy chế/Quy trình.

Hoạt động nghiệp vụ

- Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ nghiên cứu triển khai sản phẩm mới, Tổ nghiên cứu triển khai sản phẩm Parametric Risk Transfer
- Gia hạn MOU với Swiss Re (thời hạn 02 năm)
- Ký kết MOU với Thai Re (tiếp tục làm việc về các sản phẩm mới hợp tác với Thai Re)
- Triển khai sản phẩm K-care phối hợp cùng doanh nghiệp bảo hiểm gốc
- Tổ chức Hội nghị Tái bảo hiểm lần thứ 8 tại Nha Trang
- Tham dự Hội nghị Tái bảo hiểm Singapore (SIRC), gặp gỡ các nhà nhận tái bảo hiểm quốc tế và môi giới để chuẩn bị tái tục

Tổ chức bộ máy

- Xây dựng mô tả công việc và chức danh
- Quy hoạch chức danh cán bộ quản lý 2022
- Quy hoạch các chức danh quản trị điều hành
- Rà soát bộ máy Ban Lãnh đạo đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2022

Các hoạt động khác

- Rating: tiếp tục duy trì FSR B++ và ICR bbb+.
- Ban hành kế hoạch và lộ trình thực hiện ESG (Phát triển bền vững)
- Báo cáo Quản lý rủi ro 2021
- Kiểm toán nội bộ Dự án Đầu tư VINARE Invest, Ban Kỹ thuật, Ban Hàng hải, Ban Tài chính - Kế toán, Ban IT
- Phát hành 2 Bản tin trong năm 2022 - tiếng Việt và tiếng Anh
- Triển khai nội địa hóa phần mềm quản lý nghiệp vụ (Dự án Vicore)
- Triển khai dự án sử dụng chữ ký số kết hợp với hệ thống quản lý và lưu trữ văn bản (Vidoc và Vicontent)

Phương hướng nhiệm vụ và Kế hoạch kinh doanh 2023

Dự báo tình hình kinh tế 2023

Xin tham khảo Chương III - Môi trường kinh doanh - Dự báo kinh tế vĩ mô Việt Nam 2023.

Dự báo tình hình thị trường bảo hiểm - tái bảo hiểm 2023

Xin tham khảo Chương III - Môi trường kinh doanh - Triển vọng thị trường bảo hiểm Việt Nam 2023.

Chủ trương của VINARE 2023

CHỦ TRƯỞNG CHUNG

Tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm; Từng bước mở rộng thị trường tái bảo hiểm, nâng cao năng lực cung cấp giá trị gia tăng cho thị trường (quản lý rủi ro, đào tạo, sản phẩm, chương trình tái bảo hiểm, các giải pháp phát triển bền vững).

Một số lĩnh vực cụ thể:

1

Kinh doanh Tái bảo hiểm

- Tiếp tục tập trung nghiên cứu, triển khai các lĩnh vực, sản phẩm mới.
- Tiếp tục tìm kiếm giải pháp nâng thị phần phí nhận tái bảo hiểm Kỹ thuật và các nghiệp vụ truyền thống có lãi.
- Tập trung quản lý rủi ro nghiệp vụ Hàng hóa (hàng xá), Tài sản
- Tăng cường năng lực cung cấp sản phẩm các nghiệp vụ Trách nhiệm
- Tham gia một cách có kiểm soát chặt chẽ các dịch vụ xe cơ giới, các dịch vụ liên kết ngân hàng - bảo hiểm trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc an toàn, hiệu quả và đảm bảo biên khả năng thanh toán.

2

Tổ chức bộ máy và quản trị công ty

- Tiếp tục hoàn chỉnh Tổ chức bộ máy quản trị công ty và các chính sách về phát triển nhân sự, quản trị công ty.

3

Đầu tư

- Tăng cường quản trị rủi ro, bảo toàn vốn.
- Tăng cường giám sát hoạt động ủy thác đầu tư.
- Rà soát phân bổ lại tài sản đầu tư trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính và Quy chế Đầu tư của VINARE. Đánh giá rủi ro và phân bổ tài sản đầu tư và có giải pháp cụ thể, đảm bảo an toàn - hiệu quả - bền vững.
- Tiếp tục thúc đẩy tiến trình giải quyết công nợ và các dự án của VINARE Invest.
- Rà soát, đánh giá danh mục góp vốn vào các doanh nghiệp.



Kế hoạch kinh doanh 2023

Kế hoạch kinh doanh chung

Đơn vị: Tr. VNĐ

Danh mục đầu tư	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	2.468.000	2.368.870	4,2%
- Các nghiệp vụ tái bảo hiểm cốt lõi	2.168.000	1.971.335	10,0%
- Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết tổ chức tín dụng	300.000	397.536	-24,5%
Lợi nhuận trước thuế	460.000	439.371	
- Lợi nhuận không bao gồm chênh lệch tỷ giá	460.000	437.753	5,1%
- Chênh lệch tỷ giá	Chưa xác định	1.618	
Tỷ lệ cổ tức dự kiến			
	12%	10% bằng tiền 10% bằng cổ phiếu	

Kế hoạch phân bổ tài sản đầu tư

Đơn vị: Tr. VNĐ

TT	Danh mục đầu tư	31/12/2023	31/12/2022	Tăng/ giảm trong năm	Tỷ trọng (31/12/2022)
1	Tiền gửi	2.690.000	2.765.300	(75.300)	59,8%
2	Trái phiếu	850.000	680.000	170.000	18,9%
3	Góp vốn cổ phần	525.000	494.296	30.704	11,7%
4	Chứng khoán, chứng chỉ quỹ và ủy thác đầu tư	365.000	315.000	50.000	8,1%
5	Văn phòng cho thuê	5.000	4.591	409	0,1%
6	Bất động sản	11.206	11.206	0	0,2%
7	Tiền tài khoản thanh toán	53.794	51.000	2.794	1,2%
	Tổng cộng	4.500.000	4.321.393	178.607	100,0%

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của VINARE



Dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tổng giám đốc, sự nỗ lực của tập thể Ban Điều hành, VINARE với tinh thần hợp lực, đoàn kết, quyết liệt triển khai đồng bộ các giải pháp trọng tâm nhằm hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2022. VINARE tiếp tục khẳng định Thương hiệu số 1 trên thị trường tái bảo hiểm Việt Nam, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế Quản trị nội bộ và các quy định pháp lý hiện hành.

Theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng quản trị **Nguyễn Anh Tuấn**

Những thành tựu VINARE có được năm 2022 là nhờ năm trụ cột chính bao gồm năng lực nội tại, đối tác, thị trường, sản phẩm cũng như việc kết nối sức mạnh của thị trường. Song song với đó, quản trị nội bộ, năng lực cốt lõi được nâng cao cũng là một trong các yếu tố nền tảng quan trọng giúp cho sự thành công của doanh nghiệp. Môi trường càng khó khăn càng cần phải quản trị doanh nghiệp thật bài bản.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Hội đồng quản trị đánh giá chung

- Hội đồng quản trị đánh giá cao và ghi nhận nỗ lực của Tổng công ty trong việc hoàn thành toàn diện và vượt mức các mục tiêu năm 2022 đã được Hội đồng quản trị giao.
- Năng lực cạnh tranh của VINARE đã được cải thiện và nâng tầm.
- Tổng công ty chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty, các quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông trong hoạt động kinh doanh.

ESG

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

- Ban Điều hành đã nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.
- Ban Điều hành đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các Tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- Ban Điều hành tham dự đầy đủ và tích cực tham gia ý kiến tại các cuộc họp Hội đồng quản trị.
- Các đề xuất của Ban Điều hành đối với Hội đồng quản trị đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
- Tổng giám đốc đã chỉ đạo Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty niêm yết.
- Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty cũng như đã có những giải pháp thích ứng và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.
- Năm vừa qua, VINARE đã tập trung vào việc quản trị nội bộ, nâng cao năng lực cốt lõi (core competencies) dựa trên một số khía cạnh như tăng cường khung quản lý rủi ro (ERM), hoàn thiện các công cụ định giá (pricing tools), kiểm toán nội bộ. VINARE là một trong các doanh nghiệp đầu tiên có bộ phận kiểm toán nội bộ theo đúng quy định của Chính phủ. Năm 2022, VINARE cũng là doanh nghiệp đầu tiên trong ngành bảo hiểm đã hoàn thành xây dựng, phê duyệt lộ trình và kế hoạch phát triển bền vững theo ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị).
- Bên cạnh đó, VINARE cũng tập trung vào văn hóa doanh nghiệp, chúng tôi đã bổ sung thêm các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, một số quy chế quan trọng về nhân sự cũng như về công tác tổ chức, để cán bộ nhân viên VINARE an tâm công tác. Về mặt chuyển đổi số của VINARE cũng được làm một cách bài bản, mở rộng từng bước và đảm bảo hiệu quả. Công tác Đảng - Đoàn thể cũng được chú trọng và phát triển tốt trong năm qua. Năm trụ cột và các yếu tố nền tảng nói trên là cơ sở vững chắc để VINARE tiếp tục phát triển chắc chắn, hiệu quả và bền vững, đảm bảo lợi ích hài hòa của doanh nghiệp, cổ đông và người lao động.

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thông qua và chỉ đạo Tổng công ty thực hiện kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023 như sau:

- 1 — Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2023.
- 2 — Phát triển, đẩy mạnh các nghiên cứu/đề xuất về sản phẩm, dịch vụ mới.
- 3 — Tăng cường giải pháp/năng lực tái bảo hiểm cho thị trường.
- 4 — Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, từng bước phát triển, mở rộng thị trường.
- 5 — Đánh giá và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn lực.
- 6 — Tăng cường quản lý rủi ro (Rủi ro nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng về quản lý rủi ro cho thị trường).
- 7 — Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm AM Best.
- 8 — Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả.
- 9 — Nâng cao năng lực đầu tư, giám sát chặt chẽ các danh mục, thực hiện đánh giá định kỳ.

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY



MINH BẠCH

- 96 Tổng quan về quản trị công ty tại VINARE
- 102 Báo cáo hoạt động của Đại hội đồng cổ đông
- 103 Báo cáo của Hội đồng quản trị và các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- 110 Ban Kiểm soát
- 111 Ban Điều hành
- 112 Quan hệ cổ đông, thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông nội bộ và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, thù lao và các khoản lợi ích
- 118 Môi trường kiểm soát
- 122 Phân tích tình hình quản trị của VINARE theo Thẻ điểm Quản trị Công ty Khu vực ASEAN



Tổng quan về quản trị công ty tại VINARE



Quản trị công ty được xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn và là yếu tố then chốt để VINARE gia tăng hình ảnh, giá trị thương hiệu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày một sâu rộng và mạnh mẽ trong gần 30 năm qua.

Nguyên tắc và giá trị cốt lõi của quản trị công ty tại VINARE

Trong những năm vừa qua, dưới sự định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, VINARE đã áp dụng các thông lệ tốt trong quản trị công ty, bao gồm các Quy tắc Quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN.



Các nguyên tắc quản trị liên quan đến:

- (i) Quyền của cổ đông
- (ii) Đối xử bình đẳng với cổ đông
- (iii) Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan
- (iv) Công bố thông tin và minh bạch
- (v) Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

đã được VINARE chủ động tham chiếu trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ tại Tổng công ty, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề để phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu rộng hơn như niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tiếp cận thị trường vốn và mở rộng phạm vi hoạt động trên thị trường khu vực và quốc tế.

Các Nguyên tắc quản trị tại VINARE

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả
- Đảm bảo quyền lợi cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông
- Đảm bảo vai trò, quyền lợi của các bên liên quan
- Đảm bảo minh bạch trong mọi hoạt động của doanh nghiệp
- Đảm bảo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp có hiệu quả

Bên cạnh đó, VINARE cũng nghiêm túc thực hiện các quy định về quản trị công ty theo quy định của luật pháp Việt Nam bao gồm Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chứng khoán, trong đó có quy định về quản trị công ty đối với công ty đại chúng.

Để vận hành hiệu quả mô hình quản trị, VINARE đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.



10 NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY được VINARE quán triệt thực hiện cụ thể như sau:

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

- 1 Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của Hội đồng quản trị.
- 2 Thiết lập một Hội đồng quản trị có năng lực và tính chuyên nghiệp cao.
- 3 Đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
- 4 Thiết lập các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị.
- 5 Bảo đảm hoạt động hiệu quả của Hội đồng quản trị.
- 6 Thiết lập và duy trì Văn hóa đạo đức VINARE.

Môi trường kiểm soát

- 7 Thiết lập khung Quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM), hệ thống kiểm soát nội bộ, hoạt động kiểm toán nội bộ.

Công bố thông tin và Minh bạch

- 8 Đảm bảo hoạt động công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch.

Quyền của cổ đông

- 9 Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông.

Quan hệ với các bên liên quan

- 10 Tăng cường sự tham gia hiệu quả của các Bên có quyền lợi liên quan.

CÔNG BẰNG

Bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả các cổ đông nhỏ lẻ và các cổ đông nước ngoài.

TRÁCH NHIỆM

Công nhận quyền lợi của các bên có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, công ăn việc làm và đảm bảo tính bền vững về mặt tài chính của VINARE.

BỀN VỮNG

Đảm bảo mang lại lợi ích lâu dài và bền vững cho cổ đông và đảm bảo hài hòa các yếu tố quản trị liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.

MINH BẠCH

Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề quan trọng liên quan tới doanh nghiệp bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, quyền sở hữu, và các cơ cấu kiểm soát luôn được thực hiện một cách kịp thời và chính xác.

TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Đảm bảo việc cung cấp định hướng chiến lược cho công ty, đảm bảo việc giám sát có hiệu lực từ Hội đồng quản trị, đảm bảo việc giải trình của Hội đồng quản trị trước công ty và các cổ đông.

Mô hình Quản trị công ty bền vững của VINARE
được thực hiện dựa trên các sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố sau:

**Nền tảng cơ cấu
quản trị công ty
vững chắc**

Cơ cấu quản trị của VINARE có đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành...).

**Chuẩn mực
quản trị quốc tế**

Hướng tới việc tuân thủ các khuôn khổ và thông lệ quốc tế về Quản trị công ty của OECD, Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN và mô hình quản trị tiên tiến trên cơ sở vận dụng mô hình của các đối tác chiến lược nước ngoài.

**Phù hợp
thông lệ
và Pháp luật
Việt Nam**

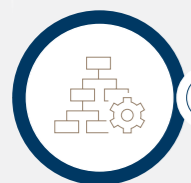
Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho công ty niêm yết tại Việt Nam, điều chỉnh, rà soát thay đổi thích nghi với điều kiện tại Việt Nam.

**Áp dụng
thống nhất
trên toàn
VINARE**

Xây dựng và phát triển mô hình quản trị xuyên suốt toàn VINARE nhằm đảm bảo tính thống nhất và nhất quán trong mọi hoạt động.

Khung Quản trị doanh nghiệp của VINARE

Khung quản trị doanh nghiệp của VINARE bao gồm các cấu phần sau:



1

**Thành phần &
Cơ cấu của Hội đồng quản trị**

- Thành phần và tổ chức
- Hướng dẫn và đào tạo
- Thủ lao cho Hội đồng quản trị
- Kế hoạch kế nhiệm

(Tham chiếu Nội dung Chương 5: Báo cáo của Hội đồng quản trị và Thủ lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát)



2

**Hoạt động &
Hiệu quả của Hội đồng quản trị**

- Đạo đức và mối quan hệ của các thành viên Hội đồng quản trị
- Tiểu ban Chiến lược phát triển
- Tiểu ban Nhân sự
- Tiểu ban Thủ lao & Lương thưởng

(Tham chiếu nội dung Chương 5: Báo cáo của Hội đồng quản trị và các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị)



3

**Chiến lược, Kế hoạch &
Giám sát**

- Tầm nhìn và sứ mệnh
- Chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh
- Giám sát hiệu quả hoạt động của VINARE và hiệu quả quản trị
- Chiến lược Công nghệ thông tin
- Quản lý nguồn nhân lực

(Tham chiếu báo cáo tại Chương 2 của Báo cáo thường niên)



4

**Các quy trình quản lý rủi ro &
Tuân thủ hiệu quả**

- Hệ thống quản lý rủi ro
- Hệ thống kiểm soát nội bộ

(Tham chiếu nội dung tại Chương 5 Báo cáo thường niên)



5

**Minh bạch
& Công bố thông tin**

- Báo cáo tài chính
- Tăng cường công tác báo cáo

(Tham chiếu nội dung tại Chương 7 Báo cáo thường niên)



6

**Trách nhiệm của VINARE
(xã hội, đạo đức & môi trường)**

- Quy tắc ứng xử
- Đạo đức kinh doanh
- Quan hệ giữa các nhân viên /An toàn và sức khỏe
- Trách nhiệm xã hội

(Tham chiếu nội dung tại Chương 6 Báo cáo thường niên)

Báo cáo hoạt động của Đại hội đồng cổ đông








Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam được tổ chức ngày 22/4/2022 với sự tham dự của các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, đại diện công ty kiểm toán độc lập Pricewaterhouse Coopers.

Đại hội đã được tổ chức theo đúng các quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế Quản trị công ty cũng như các quy định pháp luật về quản trị công ty và công bố thông tin đối với công ty niêm yết.

Đại hội đã tổ chức thành công với tỷ lệ cổ đông tham gia đại diện cho 92,95% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.

Đại hội đã nhất trí thông qua các nội dung:

-  Phê duyệt báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
-  Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022;
-  Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát 2021;
-  Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập cho năm 2022;
-  Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Báo cáo của Hội đồng quản trị và các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Khuôn khổ quản trị công ty cần đảm bảo sự tham gia hiệu quả của Hội đồng quản trị đối với việc định hướng chiến lược và giám sát công tác quản lý của công ty cũng như trách nhiệm giải trình của Hội đồng quản trị đối với Công ty và cổ đông

Các Nguyên tắc quản trị Công ty của G20/OECD, 2015

Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

[Thông tin đã cung cấp tại Giới thiệu Lãnh đạo VINARE - Hội đồng quản trị \(Xem trang 26\)](#)

Hội đồng Quản trị của VINARE trong năm 2022 đã luôn nỗ lực nâng cao vị thế và vai trò của mình để đảm bảo thực thi đầy đủ các vai trò, trách nhiệm và cam kết của Hội đồng quản trị với hoạt động của công ty.

VINARE nỗ lực thiết lập một Hội đồng quản trị có năng lực và chuyên nghiệp, cũng như đảm bảo vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của Hội đồng quản trị.

CẤU TRÚC, VĂN HOÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đóng góp

- Chuẩn bị cho cuộc họp
- Tích cực đóng góp, tham gia ý kiến tại cuộc họp
- Hiểu biết về thị trường và chuyên môn tài chính - bảo hiểm
- Đóng góp cho chiến lược của công ty
- Đóng góp cho các quyết định quan trọng

Kỹ năng

- Đảm bảo tính độc lập và khách quan của thành viên Hội đồng quản trị không tham gia điều hành
- Tổng giám đốc - phối hợp với Hội đồng quản trị
- Chủ tịch - Lãnh đạo, điều hành
- Hiệu quả đóng góp.

Giám sát

- Hiểu biết rõ về hoạt động của cơ quan, tổ chức
- Chất vấn mang tính xây dựng đối với Tổng giám đốc và các Thành viên Hội đồng quản trị khác
- Xử lý mâu thuẫn, xung đột
- Quản lý khủng hoảng.

Tài chính, tuân thủ và pháp lý

- Đánh giá năng lực tài chính
- Tài chính và kiểm soát nội bộ
- Quản lý rủi ro
- Nghĩa vụ quan tâm đến cổ đông, người lao động và các đối tác bên ngoài.



Hoạt động ESG của Hội đồng quản trị



Để tăng cường tính hiệu quả của Hội đồng quản trị, VINARE cũng luôn đảm bảo tính đa dạng của Hội đồng quản trị (bao gồm đa dạng hóa về quan điểm, trình độ năng lực và giới tính); tính độc lập thông qua vai trò của thành viên Hội đồng quản trị độc lập phù hợp; thiết lập cơ cấu Hội đồng quản trị với sự trợ giúp của các tiểu ban trực thuộc; vai trò của Hội đồng quản trị trong việc định hướng chiến lược, giám sát môi trường kiểm soát tài chính và mới nhất là việc đề cập đến vai trò giám sát các vấn đề trọng yếu về môi trường xã hội trong hoạt động kinh doanh.

Đặc biệt năm 2022, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, VINARE cũng là doanh nghiệp đầu tiên trong ngành bảo hiểm đã hoàn thành xây dựng, phê duyệt lộ trình và kế hoạch phát triển bền vững theo ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị). Đây là mối quan tâm của nhiều nhà nhận tái bảo hiểm trên thị trường quốc tế, cũng là tiêu chí quyết định đầu tư hàng đầu của các nhà đầu tư tổ chức, đặc biệt là các quỹ đầu tư có trách nhiệm.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành

- 1 Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Điều hành, Ban Kiểm soát trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đối với Tổng công ty.
- 2 Mọi vấn đề ra quyết định của Hội đồng quản trị đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng qui định với Ban Kiểm soát và Ban Điều hành.
- 3 Mọi cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham dự và tham gia ý kiến của Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.
- 4 Các đề xuất của Ban Điều hành đối với Hội đồng quản trị đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
- 5 Tổng công ty chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Nhà nước, Điều lệ công ty niêm yết.

Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị



Tiểu ban Chính sách phát triển

- Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2022 và kế hoạch 5 năm 2020 - 2024.



Tiểu ban Thù lao & Lương thưởng

- Duy trì chính sách lương thưởng đã áp dụng trong năm 2022.



Tiểu ban Nhân sự

- Xây dựng quy hoạch các chức danh quản trị, điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức danh Phó Tổng giám đốc.
- Thực hiện quy trình bổ nhiệm bổ sung 01 Phó Tổng giám đốc.



Báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính



Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2022 gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất được Chi nhánh Công ty TNHH PWC Việt Nam kiểm toán. Theo đánh giá của công ty kiểm toán, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của VINARE.

Tình hình hoạt động

- Năm 2022 VINARE đã hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 giao:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh 2021
Doanh thu phí nhận	2.211.345	2.368.870	+5,5%
Combined Ratio (%)		90,1%	
Lợi nhuận trước thuế	434.700	439.296	+7,7%
ROE		11,1%	
Tỷ lệ cổ tức	12%	10% bằng tiền 10% bằng cổ phiếu	

VINARE đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước, các quy định, quy trình và quy chế nội bộ của Tổng công ty.

Tình hình tài chính

- Năng lực tài chính của VINARE được tổ chức xếp hạng tín nhiệm AM Best đánh giá ở mức B++ (Rất tốt), phản ánh tình hình tài chính vững mạnh của Tổng công ty.
- VINARE đã thực hiện chi trả cổ tức đều đặn hàng năm ở mức cao.
- VINARE có nguồn lợi nhuận giữ lại duy trì ở mức cao và đủ mạnh để hỗ trợ phát triển kinh doanh.

B++



Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa VINARE, công ty con của VINARE với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó.

1

VINARE và công ty con của VINARE là VINARE Invest không có giao dịch với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác trong Tổng công ty.

2

Đối với các giao dịch giữa VINARE và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, giao dịch giữa VINARE với các công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (sau đây gọi chung là các giao dịch với bên có liên quan) trong năm 2022, Hội đồng quản trị VINARE đã có Quyết định số 27/2021/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2021, theo đó:

"Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các giao dịch với Người có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với điều kiện:

- Giá trị của mỗi giao dịch không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VINARE.
- Mỗi giao dịch phải được giao kết và tiến hành theo đúng các quy định của pháp luật.
- Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị tóm tắt về các giao dịch với bên/người có liên quan của Người nội bộ sau khi kết thúc năm tài chính và xác nhận rằng tất cả các điều kiện nói trên đã được tuân thủ đầy đủ."

3

Đánh giá việc thực hiện các giao dịch với bên có liên quan trong năm 2022:

- Các giao dịch với bên có liên quan của Người nội bộ được VINARE báo cáo chi tiết và đầy đủ tại các Báo cáo quản trị công ty năm và bán niên và công bố thông tin công khai theo quy định.
- Giá trị của mỗi giao dịch không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VINARE.
- Các giao dịch đã được giao kết và tiến hành theo đúng các quy định của pháp luật.



**Kết quả đánh giá
hệ thống kiểm soát nội bộ
và quản lý rủi ro**

- ☉ Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của VINARE đã được thiết lập và vận hành theo đúng quy định pháp luật.
- ☉ Báo cáo quản lý rủi ro của VINARE được cập nhật định kỳ 02 lần trong năm, phản ánh đầy đủ và chi tiết các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của VINARE và các giải pháp ứng phó với rủi ro.
- ☉ Hệ thống kiểm soát nội bộ được giám sát bởi hoạt động kiểm toán nội bộ để phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của Tổng công ty.
- ☉ Hoạt động kiểm toán nội bộ được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về việc thực hiện kiểm toán nội bộ và các quy định có liên quan của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, Quy chế Kiểm toán nội bộ và Sổ tay Kiểm toán nội bộ.
- ☉ Bộ phận Kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp trước Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện kiểm toán nội bộ, các khuyến nghị của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện các khuyến nghị.

**Kết quả giám sát
đối với Hội đồng quản trị,
Tổng giám đốc và
người điều hành khác
của doanh nghiệp**

- ☉ Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò định hướng chiến lược và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- ☉ Hội đồng quản trị đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty, triệu tập các cuộc họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh nhằm kịp thời chỉ đạo, ban hành các quyết định phù hợp với tình hình thực tế.
- ☉ Trong hoạt động quản lý điều hành của Ban Điều hành không ghi nhận kết luận từ các cơ quan quản lý, cơ quan chức năng về sự vi phạm hay sai sót trọng yếu.
- ☉ Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị đã cử đại diện tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban Điều hành, phân tích, phản biện và tham mưu với Ban Điều hành nhằm đạt được giải pháp tối ưu cho lợi ích của Tổng công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2022

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Quyết định số 01/2022/QĐ- HĐQT	28/01/2022	Tạm giao kế hoạch kinh doanh 2022; Giao kế hoạch công tác
2	Quyết định số 02/2022/QĐ- HĐQT	24/02/2022	Phê duyệt thời gian, địa điểm và chương trình tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
3	Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐQT	29/03/2022	Nghị quyết Phiên họp lần thứ 7
4	Quyết định số 09/2022/QĐ-HĐQT	13/06/2022	Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập 2022
5	Quyết định số 13/2022/QĐ-HĐQT	29/8/2022	Nghị quyết Phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 8
6	Nghị quyết số 16/2022/QĐ-HĐQT	24/10/2022	Thông qua danh sách quy hoạch nhân sự Ban Điều hành
7	Nghị quyết số 17/2022/QĐ-HĐQT	24/11/2022	Nghị quyết Phiên họp lần thứ 9
8	Quyết định số 18/2022/QĐ-HĐQT	5/12/2022	Phê duyệt chương trình tái bảo hiểm và giao dịch với bên có liên quan



Ban Kiểm soát

Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát

📄 Thông tin đã cung cấp tại Giới thiệu Lãnh đạo VINARE - Ban Kiểm soát (Xem trang 29)



Hoạt động giám sát/ phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và cổ đông/các cán bộ quản lý khác

- 🕒 Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- 🕒 Tổ chức họp Ban kiểm soát định kỳ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- 🕒 Tham gia ý kiến về định hướng chiến lược hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- 🕒 Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- 🕒 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Tổng công ty;
- 🕒 Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- 🕒 Xem xét các báo cáo và thư quản lý của tổ chức kiểm toán;
- 🕒 Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Tổng công ty về: đầu tư, các phương án phát triển hợp tác kinh doanh, công tác quản lý tổ chức, lao động tiền lương, thưởng, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động và Tổng công ty;
- 🕒 Phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các phòng ban quản lý, nghiệp vụ Tổng công ty.

Ban Điều Hành

Thông tin về thành viên Ban Điều hành

📄 Thông tin đã cung cấp tại Giới thiệu Lãnh đạo VINARE - Ban Điều hành (Xem trang 31)



Quan hệ cổ đông, thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông nội bộ và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, thù lao và các khoản lợi ích



Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 29/6/2022		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 19/7/2021	
		Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân
1	Nguyễn Anh Tuấn	15,26%	0%	15,26%	0%
2	Mai Xuân Dũng	12,13%	0,029%	12,13%	0,029%
3	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	12,97%	0%	12,97%	0%
4	Nguyễn Xuân Việt	9,18%	0%	9,18%	0%
5	Nguyễn Thị Hương Giang	2,50%	0%	2,50%	0%
6	Nguyễn Đình An	8,01%	0%	8,01%	0%
7	Vũ Anh Tuấn	6,43%	0%	6,43%	0%
8	Phạm Phan Dũng	0%	0%	0%	0%
9	Anna Lee On Wah	0%	0%	0%	0%

Ghi chú: Ủy quyền có thời hạn làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại VINARE từ ngày 13/5/2021 đối với các ông:

- Ông Nguyễn Anh Tuấn: 15,26%
- Ông Mai Xuân Dũng: 12,13%
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương: số cổ phần làm đại diện: 12,97%

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 29/6/2022		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 19/7/2021	
		Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân
1	Trần Trung Tính	0,82%	0%	0,82%	0%
2	Lê Thị Thanh Hiền	0%	0%	0%	0%
3	Vũ Ngọc Vượng	0%	0%	0%	0%
4	Đào Mạnh Dương	0%	0,044%	0%	0,045%
5	Tushar Chatterjee	0%	0%	0%	0%

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2013, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị tối đa là 3,85 tỷ VND/năm.

- Việc xác định mức thù lao của từng thành viên được thực hiện theo Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐQT ngày 21/8/2015.
- Thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách thực hiện theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐQT ngày 25/2/2022.

Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (VND)
1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (<i>chuyên trách</i>)	2.716.429.360
2	Nguyễn Xuân Việt	Thành viên, Phó Chủ tịch	243.012.652
3	Đào Nam Hải	Thành viên (<i>Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 22/4/2022</i>)	51.564.629
4	Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên (<i>Bầu thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 22/4/2022</i>)	143.380.688
5	Nguyễn Thị Quỳnh Hương ¹	Thành viên	229.859.131
6	Mai Xuân Dũng	Thành viên, Tổng giám đốc	2.504.164.438
7	Nguyễn Đình An	Thành viên	206.873.218
8	Vũ Anh Tuấn	Thành viên	206.873.218
9	Phạm Phan Dũng	Thành viên, Trưởng Tiểu ban Thù lao và Lương thưởng	260.873.218
10	Jared Orchard	Thành viên, Phó Chủ tịch (<i>Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 22/4/2022</i>)	62.276.786
11	Lee On Wah Anna	Thành viên, Phó Chủ tịch (<i>Bầu thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 22/4/2022</i>)	138.370.446

¹ Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị đã khấu trừ thuế Thu nhập cá nhân, thu nhập của bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương là thu nhập chưa khấu trừ thuế Thu nhập cá nhân (do được chi trả trực tiếp cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)).

Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (VND)
1	Trần Trung Tính	Trưởng Ban Kiểm soát	149.133.783
2	Lê Thị Thanh Hiền ²	Thành viên	137.549.276
3	Tushar Chatterjee	Thành viên	110.039.421
4	Vũ Ngọc Vượng	Thành viên	123.794.348
5	Đào Mạnh Dương	Thành viên, Giám đốc Marketing VINARE	931.857.960

² Thu nhập của các thành viên Ban Kiểm soát đã khấu trừ thuế Thu nhập cá nhân, thu nhập của bà Lê Thị Thanh Hiền là thu nhập chưa khấu trừ thuế Thu nhập cá nhân (do được chi trả trực tiếp cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)).

Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (VND)
1	Mai Xuân Dũng	Tổng giám đốc	2.504.164.348
2	Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng giám đốc	1.954.279.539
5	Lưu Thị Việt Hoa	Kế toán trưởng, thư ký Hội đồng quản trị	2.292.629.521

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt: Ông Nguyễn Xuân Việt, Ủy viên Hội đồng quản trị VINARE đồng thời là Thành viên Hội đồng Thành viên kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Minh: Ông Vũ Anh Tuấn, đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo Minh.

Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO): Bà Nguyễn Thị Hương Giang, thành viên Hội đồng quản trị VINARE đồng thời là Tổng giám đốc PJICO; Ông Nguyễn Mạnh Linh, Phó Tổng giám đốc VINARE đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị PJICO.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF): Ông Nguyễn Đình An, thành viên Hội đồng quản trị VINARE đồng thời là Tổng giám đốc BVF. Ông Nguyễn Đình An đồng thời giữ chức vụ Quyền Tổng giám đốc Tập đoàn Bảo Việt.

Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI): Ông Mai Xuân Dũng, thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc VINARE đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị PTI.

Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re: Bà Lee On Wah Anna, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE đồng thời là Trưởng Bộ phận Phát triển sản phẩm mới, P&C tại Đông Nam Á, Hong Kong, Đài Loan, Hàn Quốc & Ấn Độ / Trưởng Bộ phận P&C của Hong Kong và Đài Loan, Swiss Re.

Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (ABIC): Bà Lưu Thị Việt Hoa, Kế toán Trưởng VINARE đồng thời là thành viên Ban kiểm soát ABIC (tính đến ngày 20/6/2022).

Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIC): Ông Trần Trung Tính, Trưởng Ban Kiểm soát VINARE đồng thời là Phó Tổng giám đốc BIC.

Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu (GIC): Bà Lưu Thị Việt Hoa, Kế toán Trưởng VINARE đồng thời là thành viên Ban kiểm soát GIC.

Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina (SVI): Ông Nguyễn Anh Tuấn, Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên SVI.

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (Tiếp theo)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch		
				Nội dung	Giá trị giao dịch (VND)	Số lượng hợp đồng
1	Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Cổ đông lớn	Năm 2022	Phí nhận đã phát sinh	114.454.187.352	43
				Phí nhượng đã phát sinh	20.955.618.902	23
2	Tổng công ty cổ phần Bảo Minh	Cổ đông lớn	Năm 2022	Phí nhận đã phát sinh	41.392.588.205	26
				Phí nhượng đã phát sinh	32.512.241.649	30
3	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	Bên có liên quan của người nội bộ	Năm 2022	Phí nhận đã phát sinh	152.519.452.741	66
				Phí nhượng đã phát sinh	38.334.197.606	36
4	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)	Bên có liên quan của người nội bộ	Năm 2022	Phí nhận đã phát sinh	93.154.660.694	44
				Phí nhượng đã phát sinh	33.669.898.231	40
5	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Bên có liên quan của người nội bộ	Năm 2022	Phí nhận đã phát sinh	99.939.934.286	27
				Phí nhượng đã phát sinh	19.803.299.468	34
6	Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC)	Bên có liên quan của người nội bộ	Năm 2022	Phí nhận đã phát sinh	54.391.325.928	52
				Phí nhượng đã phát sinh	587.451.881	5
7	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Toàn cầu (GIC)	Bên có liên quan của người nội bộ	Năm 2022	Phí nhận đã phát sinh	20.256.837.163	19
				Phí nhượng đã phát sinh	608.696.040	2

8	Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina (SVI)	Bên có liên quan của người nội bộ	Năm 2022	Phí nhận đã phát sinh	89.453.128.915	68
				Phí nhượng đã phát sinh	0	0
9	Swiss Re	Cổ đông lớn	Năm 2022	Phí nhận đã phát sinh	0	0
				Phí nhượng đã phát sinh	153.714.932.353	6
10	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF)	Cổ đông lớn	Năm 2022	Hợp đồng ủy thác đầu tư	30.000.000.000	1

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đào Mạnh Dương	Thành viên Ban Kiểm soát	67.352	0,045	66.352	0,044	Bán
2	Nguyễn Thị Minh Châu	Người được Ủy quyền CBTT	66.236	0,044	73.936	0,049	Mua



Môi trường kiểm soát



1.
Kiểm toán nội bộ

2.
Quản lý rủi ro



Quản trị công ty muốn vững mạnh, đòi hỏi cần có khung quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh. Chính vì vậy, VINARE đã không ngừng tập trung để thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ và khung quản lý rủi ro hiệu quả. Hội đồng quản trị VINARE có trách nhiệm tối hậu đối với khung quản lý rủi ro và giám sát việc hình thành và hoạt động kiểm soát nội bộ của VINARE.”

Kiểm toán nội bộ

Bộ phận Kiểm toán nội bộ được thành lập theo Quyết định số 05/2021/QĐ-VNR ngày 31/3/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ hoạt động theo Quy chế Kiểm toán nội bộ và Sổ tay Kiểm toán nội bộ.

Chức năng của Kiểm toán nội bộ: thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, Kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và khuyến nghị về các nội dung sau:

- Hệ thống kiểm soát nội bộ đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của VINARE.
- Các quy trình quản trị và quản lý rủi ro đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao.
- Các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác đạt được

Hoạt động Kiểm toán nội bộ năm 2022

Năm 2022, Bộ phận Kiểm toán nội bộ đã thực hiện 5 cuộc Kiểm toán nội bộ theo kế hoạch Kiểm toán nội bộ đã được Hội đồng quản trị thông qua

1

Ban Kỹ thuật:

Quy trình nhận và nhượng dịch vụ Tái bảo hiểm

2

Ban Hàng hải:

Quy trình nhận và nhượng dịch vụ Tái bảo hiểm

3

Ban Tài chính - Kế toán:

Một số quy trình hoạt động và hạch toán kế toán

4

Ban IT:

Quản trị hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo an toàn hệ thống công nghệ thông tin

5

Ban Nhân sự - Tổng hợp:

Quy trình xây dựng, quản lý và phát triển nguồn nhân lực

Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2023

- Quy trình nhận & nhượng dịch vụ Tái bảo hiểm - Ban Nghiệp vụ đặc biệt
- Quy trình đầu tư - Ban Đầu tư
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- Quy trình tính toán dự phòng nghiệp vụ, khả năng thanh toán, và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác của Chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán (Actuary) - Ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát tuân thủ.

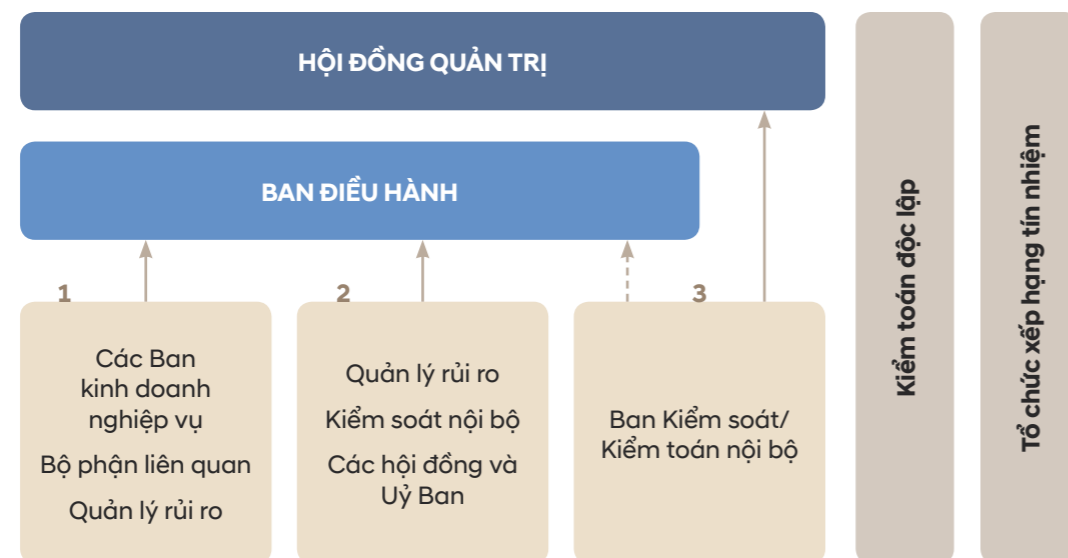
Quản lý rủi ro



Với đặc thù của ngành bảo hiểm là kinh doanh rủi ro, việc xây dựng quy trình đánh giá và nhận/nhượng rủi ro một cách chặt chẽ, có kiểm soát là yếu tố tiên quyết để đảm bảo an toàn vốn, gia tăng giá trị đầu tư cho cổ đông. VINARE đã thực hiện quản lý rủi ro một cách có hệ thống, triển khai toàn diện đối với các ban/bộ phận để nhận diện các rủi ro có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp, từ đó đưa ra biện pháp xử lý phù hợp.

Công tác quản lý rủi ro của VINARE được thực hiện trên nguyên tắc là tất cả các bộ phận trong hệ thống đều phải tham gia vào quá trình quản lý rủi ro để đảm bảo mọi rủi ro trong quá trình kinh doanh của Tổng công ty được nhận diện, kiểm soát và giảm thiểu.

Hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM)



Quy trình Quản lý rủi ro được thực hiện định kỳ. Ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát tuân thủ của Tổng công ty thực hiện việc khảo sát/rà soát, trao đổi với tất cả các Ban kinh doanh nghiệp vụ/ Bộ phận liên quan thông qua mẫu báo cáo RCSA (Risk Control Self Assessment) để nhận diện/ cập nhật các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh. Các Ủy ban, Hội đồng cũng tham gia vào quá trình nhận diện rủi ro thông qua các động hỗ trợ cho Ban Điều hành. Các rủi ro sau khi được nhận diện sẽ được thảo luận đa chiều (giữa các Ban kinh doanh, Ban Quản lý rủi ro, Ban Điều hành) về giải pháp đang thực hiện và mức tác động của các rủi ro đó. Báo cáo rủi ro được lập 6 tháng/1 lần để tổng hợp thông tin, làm cơ sở để theo dõi, đánh giá hiệu quả của các giải pháp đang áp dụng.



Hoạt động quản lý rủi ro chính trong kỳ báo cáo

- Đánh giá, phân tích vấn đề tích tụ rủi ro trong khai thác đối với một số hợp đồng tái bảo hiểm cố định không có bảng kê chi tiết (non-bordereaux) và một số các hợp đồng tái bảo hiểm cố định có bảng kê chi tiết trên cơ sở cơ cấu nhận nhượng 2022 của Nghiệp vụ Kỹ thuật.
- Đề xuất giải pháp kiểm soát tích tụ rủi ro trong các trường hợp (nêu trên) để phối hợp cùng Ban Quản trị Nghiệp vụ và Bồi thường, các Ban Khai thác nghiệp vụ cùng thực hiện;
- Tính toán, xác nhận dự phòng nghiệp vụ theo chức năng của Chuyên gia tính toán bảo hiểm;
- Đánh giá Vốn yêu cầu trên cơ sở rủi ro (RBC) phục vụ yêu cầu quản lý nội bộ;
- Tính toán dự phòng nghiệp vụ theo phương pháp actuary để đánh giá tính đầy đủ trong trích lập dự phòng nghiệp vụ của năm 2022;
- Kết hợp với các Ban nghiệp vụ đánh giá dịch vụ nhận tái bảo hiểm (ngành nghề năng lượng tái tạo, công trình xây dựng, nhà máy thủy điện tại Việt Nam và Lào).

Phân tích tình hình quản trị của VINARE theo Thẻ điểm Quản trị Công ty Khu vực ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	2021	2022	Đánh giá
CÂU HỎI CẤP 1				
A. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG				
A.1 Quyền cơ bản của cổ đông				
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được cổ đông thông qua tại các Đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Sau khi ĐHĐCĐ có nghị quyết về trả cổ tức, VINARE tiến hành chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức. Danh sách cổ đông được trả cổ tức do Trung tâm lưu ký lập. Số tiền trả cổ tức được chuyển cho Trung tâm lưu ký và được chi trả đến tài khoản chứng khoán đối với cổ phiếu được lưu ký. Trường hợp không lưu ký, cổ đông nhận cổ tức tiền mặt tại trụ sở. http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/03/Doc2.pdf
A.2 Quyền tham gia vào các quyết định liên quan - Tham chiếu nguyên tắc đến những thay đổi quan trọng của công ty.				
Cổ đông có quyền tham gia:				
A.2.1	Sửa đổi qui chế công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 13 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3 Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết.				
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) hoặc mọi khoản thù lao cho thành viên/ủy viên Hội đồng quản trị không điều hành?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 13 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động
A.3.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền để cử thành viên/ủy viên Hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.3	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên/ủy viên Hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

Mã	Tiêu chí	2021	2022	Đánh giá
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi Đại hội tiến hành?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thể hiện trên Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/04/Bien-ban-Dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-2022.pdf
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên Hội đồng quản trị tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc/Giám đốc Điều hành (nếu Tổng giám đốc/Giám đốc Điều hành không phải là thành viên Hội đồng quản trị) có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thể hiện trên Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thể hiện trên Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/04/Bien-ban-Dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-2022.pdf
A.3.12	"Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?"	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thực hiện theo quy định về CBTT của công ty niêm yết
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thể hiện trên Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/04/Bien-ban-Dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-2022.pdf
A.3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thầu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên Hội đồng quản trị của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại? Tham chiếu Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (H)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE chưa thực hiện các giao dịch sáp nhập, mua lại và/hoặc thầu tóm. Các giao dịch nếu được thực hiện sẽ tuân thủ theo quy định pháp luật.
A.5 Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư - Tham chiếu nguyên tắc tổ chức.				
B. ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG				
B.1 Cổ phiếu và quyền biểu quyết - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II				
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 7, Điều 14, Điều 15 Điều lệ Tổ chức và hoạt động
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sơ giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)? (Chỉ có 1 loại cổ phiếu)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE chỉ có 1 loại cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA VINARE THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN (TIẾP THEO)

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	2021	2022	Đánh giá
B.2	Thông báo ĐHĐCĐ - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II			
B.2.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thể hiện trong tài liệu họp ĐHĐCĐ http://vinare.com.vn/en/2022/04/01/announcement-on-the-organization-of-annual-general-meeting-of-shareholders-2022/
Thông báo về ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không: Tham chiếu Nguyên tắc ICGN				
B.2.3	Có cung cấp tiểu sử của thành viên/ủy viên Hội đồng quản trị sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và vị trí thành viên Hội đồng quản trị đang tại vị trong các công ty niêm yết)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thể hiện trong tài liệu họp ĐHĐCĐ http://vinare.com.vn/vi/2022/04/01/thong-bao-v-v-to-chuc-hop-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-nam-2022/
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.2.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?			
B.3	Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) III & ICGN 4			
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên Hội đồng quản trị và nhân viên không được kiểm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 38 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động
B.3.2	Thành viên Hội đồng quản trị có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thực hiện theo Quy chế Công bố thông tin Cổ phiếu VNR được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, nhân viên công ty có thể được tự do mua bán
B.4	Giao dịch bên liên quan của thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý cấp cao Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II & ICGN 9.3			
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên Hội đồng quản trị độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Các nội dung này đã được quy định tại Điều lệ VINARE
B.4.3	"Công ty có chính sách yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị không tham gia họp Hội đồng quản trị trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?"	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 38 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên Hội đồng quản trị, trong đó qui định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

Mã	Tiêu chí	2021	2022	Đánh giá
B.5	Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II, ICGN 9.5 & ICGN 9.10			
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Các giao dịch với bên liên quan được phê chuẩn theo quy định của Điều lệ và quyết định của HĐQT, được công bố rõ ràng đảm bảo yêu cầu minh bạch.
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
C. VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN				
C.1	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (A) & G20/OECD (2015) IV (B)			
Công ty có công bố chính sách và các thực hành về:				
C.1.1	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE không có khách hàng cá nhân, chỉ có khách hàng doanh nghiệp. Các hợp đồng được giao kết trên cơ sở thỏa thuận.
C.1.2	"Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?"	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Tuân thủ theo quy định pháp luật có liên quan
C.1.3	"Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững?"	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE là doanh nghiệp thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính, chuỗi giá trị không có ảnh hưởng đến môi trường
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Trong Báo cáo thường niên hàng năm, mục Báo cáo trách nhiệm môi trường và xã hội http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/07/20220620_VNR_AR2021-VN.pdf
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE không có khoản vay, không có chủ nợ. Công nợ với khách hàng được thanh toán đầy đủ theo cam kết
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Được công bố trong Báo cáo thường niên của VINARE. Mục Báo cáo trách nhiệm môi trường và xã hội http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/07/20220620_VNR_AR2021-VN.pdf
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thực hiện đầy đủ: http://vinare.com.vn/vi/2020/11/04/1973/
C.3	Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (C)			
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE có đầy đủ các quy chế quy định về các nội dung này:
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	1. Quy chế khen thưởng, phúc lợi 2. Quy chế tuyển dụng, đào tạo
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	3. Quy chế thi đua, khen thưởng; Đánh giá hiệu quả làm việc

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA VINARE THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN (TIẾP THEO)

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	2021	2022	Đánh giá
C.4	Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng quản trị và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (E)			
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được để cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Bộ Quy tắc ứng xử và Đạo đức nghề nghiệp http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2023/03/Bo-Quy-tac-ung-xu-va-Dao-duc-nghe-nghiep-2022-1.pdf
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/ không phù hợp đạo đức?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH				
D.1	Cấu trúc sở hữu minh bạch Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V			
D.1.1	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của cổ đông lớn?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên Hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Công bố trong Báo cáo thường niên http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/07/20220620_VNR_AR2021-VN.pdf
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của ban điều hành?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/(SPV)?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Báo cáo thường niên của công ty có công bố những nội dung sau (Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A)):				
D.2.1	Mục tiêu của công ty	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.2.4	Chính sách cổ tức	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên Hội đồng quản trị nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên Hội đồng quản trị	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã công bố trong Báo cáo thường niên http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/07/20220620_VNR_AR2021-VN.pdf
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên Hội đồng quản trị trong các cuộc họp Hội đồng quản trị đã thực hiện trong năm	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên Hội đồng quản trị	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tuyên bố Kháng định về Quản trị Công ty (Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A) (8))				
D.2.8	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã công bố trong Báo cáo thường niên - Chương Quản trị công ty, mục Thực hiện các quy định về quản trị công ty http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/07/20220620_VNR_AR2021-VN.pdf

Mã	Tiêu chí	2021	2022	Đánh giá
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt giao dịch với bên liên quan trọng yếu/quan trọng?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thực hiện
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi giao dịch với bên liên quan trọng yếu/quan trọng?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.4	Thành viên/uy viên Hội đồng quản trị giao dịch cổ phiếu của công ty Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A)			
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người người nội bộ của công ty thực hiện?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã công bố trong Báo cáo thường niên http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/07/20220620_VNR_AR2021-VN.pdf
D.5	Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V			
D.5.1	Phí kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thông tin đầy đủ đến Hội đồng quản trị. VINARE không có dịch vụ phi kiểm toán
D.5.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.6	Phương tiện truyền thông Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây? Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V (E), OECD VI (C), OECD VI (E), OECD VI (A), ICGN 7.2 & ICGN 7.3			
D.6.1	Báo cáo quý	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.6.2	Trang thông tin điện tử của công ty	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.6.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.7.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thực hiện đầy đủ theo Quy chế CBTT http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/07/20220620_VNR_AR2021-VN.pdf
D.7.2	Báo cáo thường niên có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của công ty khẳng định?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.8	Trang thông tin điện tử của công ty Công ty có trang thông tin điện tử công bố thông tin cập nhật về: Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (A) & G20/OECD (2015) VI (E)			
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quí gần nhất)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Công bố đầy đủ trên website: www.vinare.com.vn
D.8.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.8.5	Biên bản họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.9	Quan hệ nhà đầu tư Tham chiếu nguyên tắc ICGN 7.1			
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (vd: số điện thoại, fax, và email) của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Công bố đầy đủ trên website: www.vinare.com.vn http://vinare.com.vn/vi/2020/11/04/1973/

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA VINARE THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN (TIẾP THEO)

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	2021	2022	Đánh giá
E. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
E.1 Vai trò và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị				
Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và qui chế quản trị công ty được xác định rõ ràng Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V & G20/OECD (2015) VI				
E.1.1	Công ty có công bố qui chế quản trị công ty / điều lệ hoạt động của Hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2021/05/Quy-che-Quan-tri-cong-ty-sua-doi-2021-2.pdf
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên Hội đồng quản trị có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 28 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị có được quy định và công bố rõ ràng?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Phân công trách nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị
Tâm nhìn/sứ mệnh của công ty Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V, G20/OECD (2015) VI, ICGN (2014): 4.1 & 1.2				
E.1.4	Công ty có công bố tâm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thực hiện đầy đủ http://vinare.com.vn/vi/2020/11/02/dinh-huong-muc-tieu/
E.1.5	Thành viên Hội đồng quản trị có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thực hiện Điều lệ và Quy chế Quản trị công ty
E.1.6	Thành viên Hội đồng quản trị có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015)				
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã ban hành Bộ quy tắc ứng xử của VINARE
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Thành phần và cơ cấu của Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD V, QUY ĐỊNH CỦA ANH (2016) & G20/OECD (2015) VI (E)				
E.2.4	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có chiếm tối thiểu 50% số thành viên Hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Hiện chỉ có 1/9 thành viên độc lập, đang nghiên cứu triển khai phương án
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm ¹ đối với mỗi thành viên Hội đồng quản trị độc lập? ¹ Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 27 Điều lệ: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí Hội đồng quản trị mà một thành viên Hội đồng quản trị độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 26 Điều lệ: Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị
E.2.7	Công ty có thành viên Hội đồng quản trị điều hành nào phục vụ tại hơn 2 Hội đồng quản trị của các công ty niêm yết ngoài Tổng Công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE có 01 thành viên HĐQT điều hành phục vụ tại 01 HĐQT của công ty niêm yết

Mã	Tiêu chí	2021	2022	Đánh giá
Tiểu ban nhân sự Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II & G20/OECD (2015) VI (E)				
E.2.8	Công ty có Tiểu ban Nhân sự hay không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Quy định về Tiểu ban Nhân sự, Thủ lao đã có đầy đủ trong Quy chế quản trị nội bộ http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2021/05/Quy-che-Quan-tri-cong-ty-sua-doi-2021-2.pdf
E.2.9	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Có 01 thành viên độc lập
E.2.10	Chủ tịch của Tiểu ban Nhân sự có phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2021/05/Quy-che-Quan-tri-cong-ty-sua-doi-2021-2.pdf
E.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Nhân sự có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Họp định kỳ theo các cuộc họp của Hội đồng quản trị
Tiểu ban Thủ lao/ Lương thưởng Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D) & (E)				
E.2.13	Công ty có Tiểu ban Thủ lao không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.14	Tiểu ban Thủ lao có bao gồm đa số thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.15	Chủ tịch của Tiểu ban Thủ lao có phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2021/05/Quy-che-Quan-tri-cong-ty-sua-doi-2021-2.pdf
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Thủ lao?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Thủ lao có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Thủ lao có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiểu ban Kiểm toán Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E) & QUY ĐỊNH CỦA ANH (2016)				
E.2.18	Công ty có Tiểu ban Kiểm toán không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành với đa số thành viên/ủy viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.22	Tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.24	Tiểu ban Kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA VINARE THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN (TIẾP THEO)

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	2021	2022	Đánh giá
Họp và tham dự họp Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6 & G20/OECD (2015) VI (E)				
E.3.1	Họp Hội đồng quản trị có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.2	Thành viên Hội đồng quản trị có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã báo cáo tại:
E.3.3	Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2023/01/VNR-BaoCaoQuanTriCongTy_2022_Ban-Rut-Gon.pdf
E.3.4	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị đối với các cuộc họp cần ra quyết định của Hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.5	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiếp cận thông tin Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI, NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6 & G20/OECD (2015) VI (F)				
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp Hội đồng quản trị có được cung cấp cho Hội đồng quản trị tối thiểu năm ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ Hội đồng quản trị thực hiện trách nhiệm của mình?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Có thực hiện đầy đủ
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Bổ nhiệm và tái cử thành viên Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C), ICGN: 3.6 & NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6				
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị mới?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 26 Điều lệ: Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị
E.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.11	Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm một lần? Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 27 Điều lệ: Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị
Các vấn đề thù lao Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D), QUY ĐỊNH CỦA ANH (2016), G20/OECD (2015) VI (D), ICGN 6.1 & ASX (2016)				
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/thực hành về thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách khích lệ và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên Hội đồng quản trị điều hành và Tổng giám đốc?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã công bố đầy đủ trong Báo cáo thường niên: http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/07/20220620_VNR_AR2021-VN.pdf

Mã	Tiêu chí	2021	2022	Đánh giá
E.3.14	Cổ đông hay Hội đồng quản trị có thông qua thù lao của thành viên Hội đồng quản trị điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/04/Nghi-quyet-hop-DHDCD-thuong-nien-2022.pdf
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên Hội đồng quản trị điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deffered bonus)?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Kiểm toán Nội bộ Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D), NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6 & ASX (2016)				
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Bộ phận KTNB đã được thành lập và hoạt động từ tháng 4/2021
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Bộ phận KTNB có nhân sự chuyên trách, độc lập với các chức năng khác
E.3.18	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ có phải được Tiểu ban Kiểm toán thông qua?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Giám sát rủi ro Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D), QUY ĐỊNH CỦA ANH (2016) & G20/OECD (2015) V (A)				
E.3.19	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên Hội đồng quản trị đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã công bố trong Báo cáo thường niên:
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/07/20220620_VNR_AR2021-VN.pdf
E.3.22	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có trình bày tuyên bố của thành viên Hội đồng quản trị hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Chủ tịch Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI, Quy định QTCT của Anh (2016), ASX (2016) & ICGN (2014)				
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 29 Điều lệ: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.4.3	Có bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 29 Điều lệ: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trưởng thành viên Hội đồng quản trị độc lập Tham chiếu nguyên tắc King Code 2009 & ICGN (2014)				
E.4.5	Nếu Chủ tịch không phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hội đồng quản trị có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA VINARE THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN (TIẾP THEO)

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	2021	2022	Đánh giá
Kỹ năng và năng lực Tham chiếu nguyên tắc ICGN (2014)				
E.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Có 3 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có kinh nghiệm và chuyên môn Bảo hiểm/Tái bảo hiểm: http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/07/20220620_VNR_AR2021-VN.pdf
Phát triển thành viên Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)				
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên Hội đồng quản trị mới?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Có đầy đủ
Bổ nhiệm và Hiệu quả của Tổng giám đốc/Ban điều hành Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)				
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên Hội đồng quản trị xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí Tổng giám đốc/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Có quy chế quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá
E.5.4	Thành viên Hội đồng quản trị có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với Tổng giám đốc/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Đánh giá Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc OECD VI (D) & OECD VI (E)				
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với Hội đồng quản trị và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Đánh giá thành viên Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D) & OECD VI (E)				
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với từng thành viên Hội đồng quản trị và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Đánh giá tiểu ban Tham chiếu nguyên tắc QUY TẮC CỦA ANH (2016) B.6				
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với các tiểu ban của Hội đồng quản trị và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
CÂU HỎI CẤP 2				
CÂU HỎI THƯỜNG				
(B)A. Quyền của cổ đông Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C)				
(B)A.1.1	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại Đại hội cổ đông?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Cho phép đại diện được ủy quyền biểu quyết hoặc bằng phương thức điện tử (nếu có)

Mã	Tiêu chí	2021	2022	Đánh giá
(B)B. Đối xử công bằng với cổ đông				
(B)B.1 Thông báo ĐHĐCĐ Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C), OECD III (A), ICGN 8.4.1 & CLSA-ACGA (2010) phụ lục 2				
(B)B.1.1	Công ty có ra thông báo về ĐHĐCĐ (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở Giao dịch, tối thiểu 21 ngày trước ngày họp?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/vi/2022/04/01/thong-bao-v-v-to-chuc-hop-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-nam-2022/
(B)C. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan				
Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng (B)C.1 Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) IV				
(B)C.1.1	Công ty có thực hiện khuôn khổ báo cáo được quốc tế công nhận về phát triển bền vững (nghĩa là GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB) không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(B)D. Công bố thông tin và minh bạch				
(B)D.1 Chất lượng báo cáo thường niên Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A), G20/OECD (2015) V (E), ICGN 7.2 & ICGN 7.3				
(B)D.1.1	Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính? (Thực hiện theo quy định về Công bố thông tin)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Việc công bố báo cáo tài chính thực hiện theo quy định Công bố thông tin http://vinare.com.vn/vi/category/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh-nam-da-kiem-toan/
(B)D.1.2	Công ty có công bố chi tiết về thù lao của Tổng giám đốc?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2022/07/20220620_VNR_AR2021-VN.pdf
(B)E.1 Năng lực và sự Đa dạng của Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)				
(B)E.1.1	Công ty có tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị độc lập là nữ?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(B)E.1.2	Công ty có công bố chính sách và các mục tiêu có thể đo lường để thực thi sự đa dạng của Hội đồng quản trị và báo cáo tiến độ đạt được?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(B)E.2 Cấu trúc Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc ICGN 2.4.4 & G20/OECD (2015) VI (D)				
(B)E.2.1	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(B)E.2.2	Tiểu ban Nhân sự có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các thành viên Hội đồng quản trị phù hợp với định hướng chiến lược của công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(B)E.3 Bổ nhiệm và tái cử Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D) & NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6 (VI.1.21)				
(B)E.3.1	Công ty có sử dụng các công ty tìm kiếm hay nguồn ứng cử viên độc lập bên ngoài (như cơ sở dữ liệu thành viên Hội đồng quản trị do các viện thành viên Hội đồng quản trị hay hiệp hội cổ đông thiết lập) khi tìm kiếm ứng cử viên cho thành viên Hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Có phối hợp với VIOD
(B)E.4 Cơ cấu & Thành phần Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)				
(B)E.4.1	Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành chiếm trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị với chủ tịch là thành viên độc lập?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

**PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA VINARE THEO
THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN (TIẾP THEO)**

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	2021	2022	Đánh giá
(B)E.5	Quản lý rủi ro Tham chiếu nguyên tắc King Code 2009			
(B)E.5.1	Hội đồng quản trị có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan công nghệ thông tin như gián đoạn, an ninh mạng, khôi phục thảm họa, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và báo cáo cho hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Báo cáo quản lý rủi ro
(B)E.6	Hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc ICGN 5.5			
(B)E.6.1	Công ty có Tiểu ban quản lý Rủi ro riêng biệt?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
CÂU HỎI PHẠT				
(P)A. Quyền của cổ đông				
(P)A.1 Quyền cơ bản của cổ đông				
(P)A.2	Cổ đông, bao gồm cả cổ đông tổ chức, phải được trao đổi với nhau về các vấn đề liên quan tới quyền cơ bản của cổ đông như nêu trong bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty này, trừ trường hợp ngoại lệ nhằm ngăn ngừa lạm dụng. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II (G)			
(P)A.2.1	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc cổ đông không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các cổ đông khác?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)A.3	Quyền tham gia hiệu quả vào và biểu quyết trong Đại hội đồng cổ đông và được thông báo về các quy định, bao gồm thủ tục biểu quyết diễn ra trong Đại hội đồng cổ đông. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) & ICGN 2.4.2			
(P)A.3.1	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHĐCĐ bất thường?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)A.3.2	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch tiểu ban kiểm toán và Tổng giám đốc/Giám đốc có tham dự ĐHĐCĐ mới nhất?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)A.4	Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II (D)			
Công ty không công bố sự tồn tại của:				
(P)A.4.1	Thỏa thuận cổ đông?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)A.4.2	Giới hạn biểu quyết?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)A.4.3	Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)A.5	Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II (D)			
(P)A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu sở hữu chéo có tồn tại không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)B. Đối xử công bằng với cổ đông				
(P)B.1 Cản ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân.				
(P)B.2	Bảo vệ cổ đông thiểu số trước hành vi lạm dụng Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) III, ICGN 2.11.1, ICGN 2.11.2, ICGN 8.5 & G20/OECD (2015) III (G)			
(P)B.2.1	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu trong ba năm trước không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)B.2.2	Có bất kỳ giao dịch bên liên quan nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (nghĩa là không được thực hiện hợp lý trên cơ sở thị trường) cho các đơn vị không phải là công ty con?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

Mã	Tiêu chí	2021	2022	Đánh giá
(P)C. Vai trò của Các bên có quyền lợi liên quan				
(P)C.1	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng.			
(P)C.2	Khi các bên có quyền lợi liên quan tham gia vào quá trình quản trị công ty, họ phải được tiếp cận với thông tin phù hợp, đầy đủ và đáng tin cậy một cách kịp thời và thường xuyên. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) IV			
(P)C.2.1	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không công bố thông tin trong khoảng thời gian được yêu cầu đối với các sự kiện trọng yếu?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)D. Công bố thông tin và minh bạch				
(P)D.1	Hình phạt của cơ quan quản lý liên quan đến báo cáo tài chính Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V & ICGN 6.2			
(P)D.1.1	Công ty có nhận được "ý kiến loại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)D.1.2	Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)D.1.3	Công ty có nhận được "từ chối đưa ra ý kiến" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)D.1.4	Công ty có sửa đổi Báo cáo Tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị				
(P)E.1	Tuân thủ quy định, quy tắc và luật hiện hành về niêm yết Tham chiếu quy định của Anh			
(P)E.1.1	Có trường hợp nào mà thành viên Hội đồng quản trị không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.2	Cấu trúc Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc ICGN 3.3, ICGN 2.5 Độc lập & G20/OECD (2015) VI (E)			
(P)E.2.1	Công ty có thành viên Hội đồng quản trị độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm hay hai nhiệm kỳ 5 năm ¹ (chọn trường hợp nào cao hơn) với cùng chức trách? ¹ Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.2.2	Công ty đã không xác định rõ ai là thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.2.3	Công ty có bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị độc lập nào giữ vai trò quản trị ở tổng cộng hơn 5 Hội đồng quản trị của các công ty đại chúng?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.3	Kiểm toán Độc lập Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V			
(P)E.3.1	(Trong hai năm trước) Có thành viên Hội đồng quản trị hay lãnh đạo điều hành cấp cao nào từng là nhân viên hoặc thành viên hợp danh của công ty kiểm toán độc lập hiện tại?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.4	Thành phần và cơ cấu Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E) & quy định của Anh			
(P)E.4.1	Chủ tịch Hội đồng quản trị có phải là Tổng giám đốc của công ty trong 3 năm qua không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.4.2	Các thành viên độc lập không điều hành có được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

6

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHIA SẺ

- 140 Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung
- 142 Hoạt động phát triển bền vững tại VINARE
- 146 Định hướng và chiến lược phát triển bền vững
- 148 Quản trị phát triển bền vững
- 158 Sự tham gia của các bên liên quan
- 163 Các vấn đề trọng yếu
- 166 Các tiêu chuẩn Kinh tế - GRI 200
- 176 Các tiêu chuẩn Môi trường - GRI 300
- 186 Các tiêu chuẩn Xã hội - GRI 400
- 195 Thực hiện trách nhiệm xã hội





Ngành bảo hiểm KHÔNG ĐỨNG NGOÀI “CUỘC CHƠI”

ESG

Là một chủ thể nhận chuyển giao và quản lý rủi ro cũng như đầu tư tài chính, ngành bảo hiểm đóng một vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp toàn cầu.



Được công bố tại Hội nghị Liên hiệp quốc về phát triển bền vững năm 2012, Nguyên tắc bảo hiểm bền vững (PSI) của Chương trình môi trường Liên hiệp quốc - Sáng kiến tài chính (UNEPFI) đã đưa ra khuôn khổ cho ngành bảo hiểm toàn cầu nhằm giải quyết những rủi ro cũng như tận dụng cơ hội về môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp. Đến nay sáng kiến PSI vẫn là sáng kiến hợp tác lớn nhất giữa Liên hiệp quốc (UN) và ngành bảo hiểm.

Nhìn chung, các công ty bảo hiểm ở khu vực ASEAN đều nhận thức rõ về Thỏa thuận Paris - có hiệu lực từ tháng 11/2016. Với sự phê chuẩn thỏa thuận này, chính phủ các nước ASEAN hầu

hết giao cho ngân hàng trung ương giám sát việc thi hành thỏa thuận trong lĩnh vực dịch vụ tài chính. Do đó, các cơ quan quản lý yêu cầu các công ty bảo hiểm đánh giá và báo cáo mức độ ảnh hưởng của các rủi ro liên quan đến khí hậu đối với danh mục rủi ro của họ. Thêm vào đó, khu vực ASEAN cũng đang chứng kiến sự gia tăng nhanh chóng của tổn thất từ hệ quả của biến đổi khí hậu. Các sự kiện lũ lụt nghiêm trọng, mưa lớn, sự thay đổi diễn biến gió mùa và các tổn thất nghiêm trọng hơn do bão nhiệt đới là lời cảnh báo về sự phức tạp của biến đổi khí hậu và mục tiêu phải cắt giảm lượng khí thải carbon.

Các công ty bảo hiểm tại khu vực ASEAN không một mình trên con đường này. Quá trình giảm tải carbon của các nền kinh tế và mô hình ESG đang được ưu tiên trong hoạt động của các nhà đầu tư quốc tế, tập đoàn, công ty bảo hiểm và tái bảo hiểm. Do đó, để tiếp cận được nguồn vốn, khách hàng và năng lực tái bảo hiểm cũng như nguồn nhân lực đòi hỏi các công ty bảo hiểm Đông Nam Á tích hợp mô hình này vào vận hành kinh doanh và xây dựng khung pháp lý.

Ý thức môi trường không chỉ là vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp mà đang trở thành ưu tiên trong hoạt động của các công ty bảo hiểm ASEAN khi đã có những bước đi chiến lược nhằm tích hợp Hiệp định Paris hoặc ESG vào vận hành. Điều này ảnh hưởng đến toàn bộ khu vực ASEAN, thậm chí ở cả các nơi có rủi ro về thảm họa tự nhiên cao như Indonesia và Philippines. Tuy nhiên, việc tiếp cận này chủ yếu vẫn đang nằm ở mức xây dựng quy chuẩn ở cấp cao nhưng chưa đưa ra các hành động cụ thể. Khó khăn cũng phát sinh trong việc làm thế nào để xử lý tốt nhất các hợp đồng cố định hiện tại và nên đầu tư vào đâu để xây dựng và củng cố danh mục đầu tư bền vững. Do đó, việc các công ty xây dựng lộ trình để đưa ra các hướng dẫn mục tiêu và cách đánh giá nhằm cải thiện chỉ số về môi trường sẽ cần thời gian cũng như sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan quản lý.

Tại thời điểm hiện tại, các công ty bảo hiểm cho rằng việc áp dụng các điểm loại trừ phổ biến đối với các nhà máy điện than, khai thác than, khoan dầu ở Bắc Cực hoặc thử nghiệm trên động vật là đánh giá tốt nhất cho việc chuyển dịch danh mục khai thác bảo hiểm nhằm nâng cao thứ hạng ESG hoặc mức độ giảm thải carbon. Do ASEAN là khu vực tập hợp các nền kinh tế mới nổi và phụ thuộc vào nền công nghiệp sản xuất với lượng tiêu thụ năng lượng cao, năng lượng hóa thạch vẫn chiếm phần lớn trong cơ cấu sản xuất điện tại đây. Việc chấm dứt các đơn bảo hiểm hiện tại cho nhà máy điện than là không khả thi nhưng chắc chắn các công ty bảo hiểm sẽ trao đổi với khách hàng cách để cải thiện hoạt động, vận hành của các nhà máy này. Một số công ty đã tự đưa ra các mục tiêu cụ thể như phí thu từ điện than chiếm dưới 5% tổng doanh thu phí bảo hiểm, đồng thời các công ty này cũng đã dừng việc thẩm định các hợp đồng nhà máy đơn lẻ.

Trên thực tế, các doanh nghiệp tái bảo hiểm đang là một lực lượng quan trọng đóng góp vào quá trình giảm thiểu carbon của nền kinh tế các nước ASEAN. Rất nhiều nhà tái bảo hiểm quốc tế lớn đã ký vào “Sáng kiến bảo hiểm Net Zero” của Liên hiệp quốc.

Ở cấp độ khu vực, các công ty tái bảo hiểm thuộc sở hữu của nhà nước sẽ tuân thủ việc giảm khí thải carbon mà chính phủ đã cam kết. Do vậy, giờ đây việc cần làm là phát triển và thi hành chính sách cũng như hệ quy chuẩn nhằm phân loại và ứng xử với các rủi ro khác nhau trong khu vực.

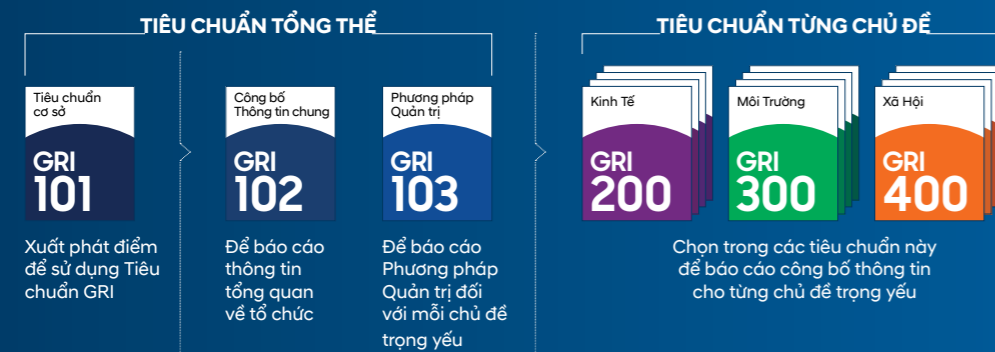
Cuộc khủng hoảng năng lực tái bảo hiểm toàn cầu đối với các rủi ro liên quan đến nhiên liệu hóa thạch dự kiến sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược kinh tế carbon thấp của ASEAN. Trên thực tế, những nguyên tắc được xây dựng dựa trên lý thuyết đã có những tác động cụ thể, cũng như những hệ quả to lớn đến ngành bảo hiểm khu vực ASEAN, đặc biệt các công trình nhà máy điện mới được lắp đặt. Hai tập đoàn tái bảo hiểm lớn nhất trên thế giới, Munich Re và Swiss Re, đã thay đổi chính sách khai thác và đầu tư năm 2023. Mặc dù thị phần tái bảo hiểm năng lượng toàn cầu của Munich Re và Swiss Re ước tính chỉ dưới 20% nhưng việc công ty bảo hiểm và tái bảo hiểm trên toàn cầu đi theo hướng như vậy là hoàn toàn có thể. Tại Châu Phi, một facility riêng cho ngành tái bảo hiểm năng lượng được thành lập cho phép các công ty bảo hiểm gốc cung cấp giải pháp bảo hiểm rủi ro hiệu quả về chi phí mà các nhà đầu tư và người cho vay tìm kiếm trong khi giảm thiểu rủi ro của chính họ. Một facility tương tự cũng đang được cân nhắc xây dựng ở khu vực ASEAN nhằm cung cấp năng lực tái bảo hiểm cho các dự án năng lượng tái tạo mới và tạo điều kiện cho sự chuyển đổi cần thiết của lĩnh vực năng lượng. VINARE, với tư cách là thành viên chính thức của Hiệp hội các nhà tái bảo hiểm ASEAN, đang trao đổi tích cực với các bên về chuyên môn trong việc thực hiện dự án này.



Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung

Thông tin chung

Tổng quan về báo cáo



Thông tin chung về báo cáo

Báo cáo ghi lại những hoạt động quan trọng của VINARE liên quan đến các vấn đề phát triển bền vững trong năm 2022. Cách tiếp cận với các vấn đề phát triển bền vững của VINARE xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh doanh trong dài hạn của doanh nghiệp kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng. VINARE phối hợp với cơ quan quản lý và các bên liên quan khác để thúc đẩy rộng rãi hành động trong toàn xã hội về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị, đồng thời thể hiện trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong việc thường xuyên công bố thông tin đầy đủ và toàn diện tại báo cáo này.

Phạm vi báo cáo: Bao gồm các chỉ số hoạt động của toàn Tổng công ty VINARE.

Giai đoạn báo cáo: 1/1/2022 - 31/12/2022

Tiêu chuẩn áp dụng

Báo cáo được xây dựng theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững mới nhất - GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI). Báo cáo bao gồm các lĩnh vực, chỉ số hoạt động được chia ra theo các chỉ tiêu dành cho ngành tài chính GRI G4 (FS) và các chỉ tiêu công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung (GRI 100). Đồng thời, bổ sung thêm các nội dung chi tiết về 3 tiêu chuẩn: Kinh tế (GRI 200), Môi trường (GRI 300) và Xã hội (GRI 400).

Xem chi tiết tại "Bảng tuân thủ theo GRI Standards" trong phần Phụ lục của Báo cáo



Liên hệ

Để gửi các câu hỏi, các khuyến nghị liên quan đến hoạt động phát triển bền vững của VINARE cũng như nội dung của báo cáo, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo thông tin như sau:

Bà **Nguyễn Thị Minh Châu**
Người phụ trách quản trị công ty

Điện thoại: +024-3942-2354

Địa chỉ: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ý kiến của các anh/chị sẽ giúp VINARE đưa ra các quyết sách phù hợp nhằm hiện thực hóa sứ mệnh phát triển bền vững của mình.

Hoạt động phát triển bền vững tại VINARE

ORI 100 ORI 200 ORI 300 ORI 400

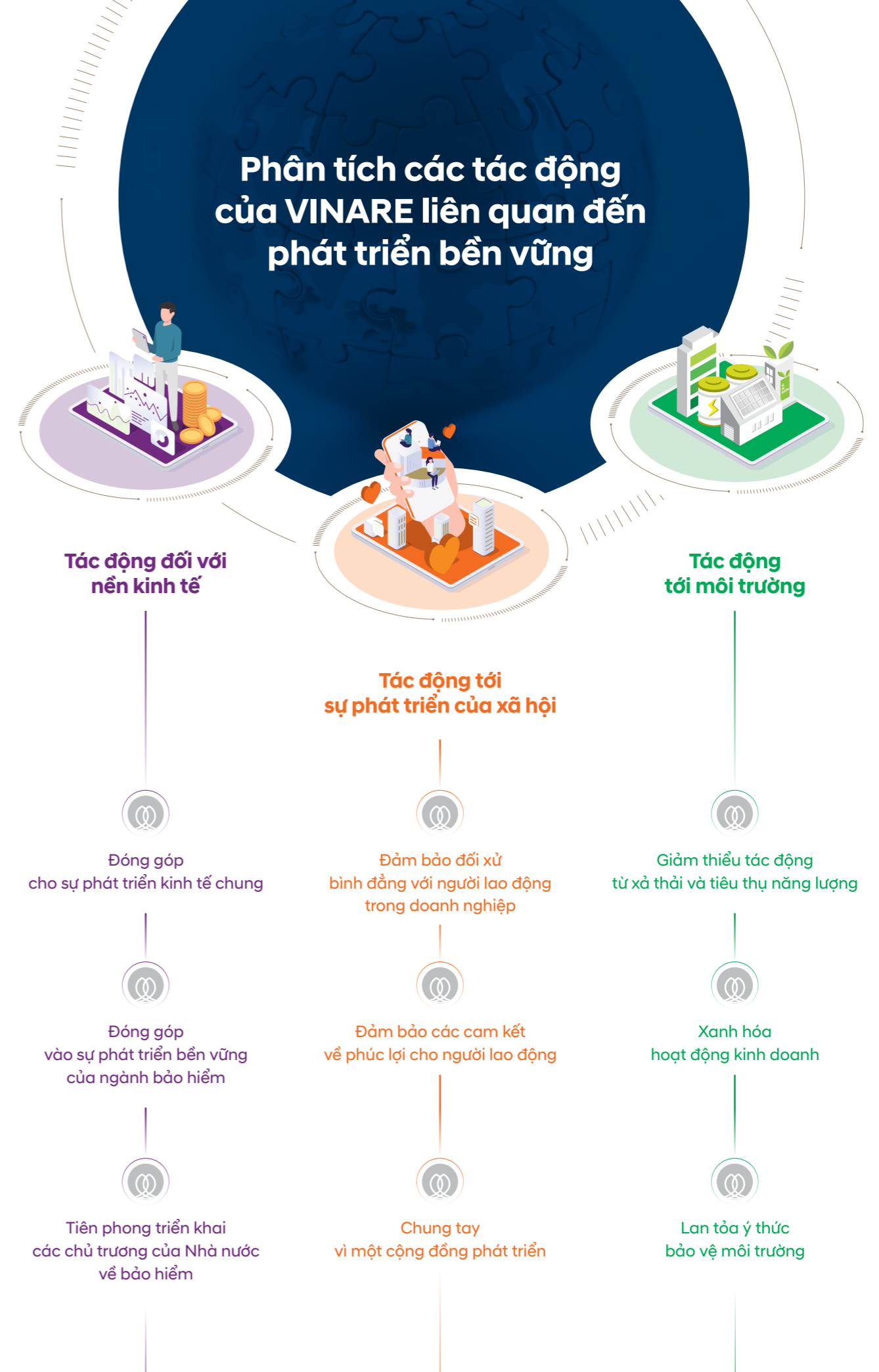


Với chiến lược trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam và khu vực, nhà đầu tư chuyên nghiệp, trong gần 30 năm qua, VINARE không chỉ cung cấp cho khách hàng các dịch vụ gia tăng giá trị, tập trung khả năng sinh lời và tối ưu hóa lợi tức, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông, mà còn là doanh nghiệp tham gia tích cực trong các vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng.

Trong đó, việc đạt được các mục tiêu kinh doanh là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường. Việc thực hiện mục tiêu kinh doanh kết hợp với các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan trong hiện tại và tương lai nhằm thực hiện sứ mệnh bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng.

Chúng tôi nhận thức rằng cùng với việc đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh doanh, lợi ích của xã hội và cộng đồng, bảo vệ môi trường thì “Quản trị doanh nghiệp” và “Phát triển nguồn nhân lực” là hai yếu tố then chốt, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của VINARE. Chính vì vậy, VINARE ưu tiên gắn kết 2 yếu tố này trong mô hình phát triển bền vững trung và dài hạn. Nội dung phát triển bền vững được VINARE chia sẻ tích cực và chủ động với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này tiếp tục được chúng tôi đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại và chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện trong phần Báo cáo Phát triển bền vững tại Báo cáo thường niên 2022.

Tại Báo cáo thường niên 2022, VINARE đã tích hợp việc trình bày các nội dung về phát triển bền vững xuyên suốt từ định hướng chiến lược đến năm 2022 và tầm nhìn đến năm 2025 đến các hoạt động kinh doanh hàng ngày tại VINARE.



HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VINARE (GRI 100) (TIẾP THEO)



Tác động đối với nền kinh tế

Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung và thị trường bảo hiểm

Là doanh nghiệp tiên phong khai mở thị trường tái bảo hiểm, đến nay VINARE trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam, nhà đầu tư chuyên nghiệp. Trong gần 30 năm qua, VINARE đã phát huy vai trò là bà đỡ của thị trường bảo hiểm, trung tâm trao đổi dịch vụ của thị trường, cung cấp giá trị gia tăng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành bảo hiểm Việt Nam.

VINARE cung cấp dịch vụ tái bảo hiểm, góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động, đầu tư vốn nhà rồi trở lại cho nền kinh tế, cùng các doanh nghiệp bảo hiểm bảo vệ cho các rủi ro của doanh nghiệp trong nền kinh tế, góp phần nhanh chóng phục hồi và ổn định hoạt động kinh tế khi bị gián đoạn cũng như đóng góp cho ngân sách.

Tiên phong triển khai các chủ trương của Nhà nước về bảo hiểm

Năm giữ vị thế chính trị quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của Nhà nước, VINARE luôn đi đầu trong các chương trình bảo hiểm theo chủ trương của Nhà nước như chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm khai thác thủy sản, bảo hiểm thiên tai ...



Tác động tới sự phát triển của xã hội

Đảm bảo đối xử bình đẳng và cam kết về phúc lợi cho người lao động

Người lao động làm việc tại VINARE được đối xử bình đẳng không phân biệt giới tính, tôn giáo, vùng miền. Các chế độ lương thưởng và phúc lợi được đảm bảo theo đúng các quy định nội bộ.

Chung tay vì một cộng đồng phát triển

Năm 2022, hưởng ứng lời kêu gọi của Bệnh viện Đại học Giao thông Vận tải, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam đã ủng hộ máy giúp thở xâm nhập, không xâm nhập trị giá 220.000.000 đồng. Cũng trong năm 2022, VINARE ủng hộ thiết bị phục vụ việc vận hành cũng như khám chữa bệnh (tivi 85-inch và 02 bộ máy tính Dell) cho Bệnh viện Đại học Y trị giá 87.439.000 đồng. Tính đến nay, thực hiện chủ trương của Tổng công ty về các hoạt động vì cộng đồng, VINARE đã tham gia ủng hộ nhiều trang thiết bị và vật tư y tế cho các bệnh viện trên toàn quốc cùng với



nhiều hoạt động ủng hộ nhân đạo nhằm đóng góp cho các công tác xã hội và nhân đạo nhiều hơn nữa.

Công đoàn Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) đã trao tặng số tiền 70 triệu đồng trích từ nguồn ủng hộ, đóng góp của cán bộ, đoàn viên Công đoàn VINARE, cùng chung tay với chính quyền xã Nghi Ân xây dựng nhà đại đoàn kết cho gia đình cụ thanh niên xung phong là bà Trần Thị Mẫn - trú tại xóm Kim Chi, xã Nghi Ân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Với mục tiêu giúp những gia đình hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, VINARE coi đây là một trong những chính sách của Tổng Công ty, sẵn sàng đồng hành, giúp đỡ, sẻ chia khi cần.

Chương trình “Ngày hội hiến máu tình nguyện” hàng năm đã được cán bộ, nhân viên, người lao động hưởng ứng và tham gia nhiệt tình.

VINARE cũng dành khoản ngân sách đáng kể cho các hoạt động từ thiện khác: ủng hộ ngày Thương binh Liệt sĩ, ủng hộ quỹ hưu trí và các hoạt động từ thiện khác.



Tác động tới môi trường

VINARE tích cực hưởng ứng các hành động nhằm giảm thiểu tác hại tới môi trường của ngành bảo hiểm, điển hình là việc dùng hồ trợ tái bảo hiểm đối với các rủi ro điện than trong và ngoài nước.

Với 90% danh mục đầu tư cổ phần, vốn góp của VINARE tập trung vào các ngành kinh doanh cốt lõi là tái bảo hiểm và đầu tư - những ngành nghề hoàn toàn thân thiện với môi trường. Chính vì vậy, các tác động đến môi trường của VINARE chủ yếu thông qua hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại trụ sở và ý thức bảo vệ môi trường.

Nhằm giảm thiểu tác động này, VINARE đã xây dựng đề án bảo vệ môi trường tại các trụ sở văn phòng của VINARE. Đề án này bao gồm các phân tích nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường tại tòa nhà văn phòng làm việc của VINARE và đề ra các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm.

Định hướng và chiến lược phát triển bền vững

GRI 100 GRI 200 GRI 300 GRI 400

Kế hoạch triển khai năm 2023



TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

XÂY DỰNG XÃ HỘI BỀN VỮNG

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

	2023	2025	2035
Các dự án nhiệt điện than nước ngoài	Loại bỏ dần	Loại bỏ hoàn toàn	
Các dự án nhiệt điện than trong nước	Hạn chế	Hạn chế	Loại bỏ hoàn toàn
Vận chuyển than	Hạn chế	Hạn chế	Loại bỏ hoàn toàn
Bồi thường cho người lao động, Trách nhiệm đối với người lao động, Bồi thường cho Kiến trúc sư & Kỹ sư của các nhà máy nhiệt điện than	Loại bỏ dần	Loại bỏ hoàn toàn	
Đầu tư vào trái phiếu phát hành cho các dự án khai thác than và/hoặc điện than	Không phát sinh mới	Không phát sinh mới	
Danh mục đầu tư ủy thác	Cân nhắc đến các yếu tố ESG trong các thỏa thuận đầu tư ủy thác		

Lập kế hoạch chuỗi các hoạt động tử thiện gắn với hình ảnh VINARE.

Đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Hoàn thiện cơ chế đánh giá và trả lương theo hiệu quả; Đẩy mạnh văn hóa doanh nghiệp, gắn kết người lao động.

Tham gia tích cực vào việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vai trò tác dụng của bảo hiểm trong việc đối phó với rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu.

Giảm phát khí thải nhà kính thông qua giảm tiêu thụ năng lượng các tòa nhà văn phòng.

Tiết kiệm văn phòng phẩm, giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc.

Triển khai các dự án trồng cây xanh.

Quản trị phát triển bền vững



Nguyên tắc và giá trị cốt lõi của quản trị doanh nghiệp tại Tổng công ty VINARE

Tham khảo Chương Quản trị công ty trong báo cáo



Vai trò và trách nhiệm của các bên trong vấn đề quản trị phát triển bền vững



Hội đồng quản trị đã phát huy hiệu quả vai trò dẫn dắt trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2023 và chiến lược giai đoạn 2022 - 2024 với trọng tâm là tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của Tổng Công ty, đẩy mạnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành doanh nghiệp, hướng tới thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hoạch định mục tiêu chiến lược và định hướng phát triển bền vững

VINARE đã công bố định hướng phát triển bền vững trong chiến lược phát triển của VINARE với sự cam kết của Lãnh đạo cấp cao về việc đảm bảo thực hiện 3 mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường. Định hướng chiến lược này được hiện thực hóa thông qua việc xây dựng mục tiêu cụ thể cho các Ban, Chi nhánh. Các mục tiêu này được lượng hóa theo chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs), trong đó bao gồm các chỉ tiêu tài chính (kinh tế) và phi tài chính (môi trường và xã hội).

VINARE triển khai định hướng phát triển bền vững từ Lãnh đạo cấp cao đến các Phòng/Ban thực hiện đánh giá các KPIs này và báo cáo lên Hội đồng quản trị. Hoạt động kinh doanh của VINARE hướng tới sự gắn kết chặt chẽ hơn với các vấn đề xã hội và môi trường.

Đánh giá năng lực và cách thức triển khai liên quan đến phát triển bền vững

Hiện thực hóa chiến lược thông qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả

Các định hướng chiến lược và kế hoạch hành động liên quan đến vấn đề Kinh tế - Xã hội - Môi trường được đưa ra tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức hàng năm. Theo đó, Hội đồng quản trị tổ chức triển khai các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Ban Điều hành chỉ đạo và cụ thể hóa thành các hành động thông qua hoạt động tại Tổng công ty.

Theo dõi và chỉ đạo các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững

Hội đồng quản trị nắm bắt tình hình triển khai các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường theo định kỳ hàng Quý thông qua các báo cáo định kỳ của Ban Điều hành, cụ thể:

Báo cáo tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ:

Hội đồng quản trị VINARE duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Tại các cuộc họp này, Tổng giám đốc, các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị báo cáo về các vấn đề trọng tâm liên quan đến Kinh tế - Xã hội - Môi trường ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Hội đồng quản trị xem xét và có những đánh giá, định hướng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm: đánh giá tình hình kinh tế xã hội để có những sự thay đổi chiến lược kinh doanh hợp lý; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên; triển khai thực hiện các chương trình an sinh xã hội. Tổng giám đốc triển khai thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành sau các cuộc họp.

Báo cáo Hội đồng quản trị thông qua phương thức báo cáo bằng văn bản: Tổng giám đốc có thể gửi báo cáo trực tiếp lên Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến Kinh tế - Xã hội - Môi trường bằng văn bản và thống nhất để ban hành Nghị quyết, Quyết định. Các thành viên Hội đồng quản trị đã phát huy hết năng lực lãnh đạo và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để thông qua các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tổng công ty.

Thực hiện rà soát các ảnh hưởng, rủi ro và cơ hội liên quan đến Kinh tế - Xã hội - Môi trường:

Trong các văn bản chỉ đạo, Hội đồng quản trị thường xuyên yêu cầu Ban Điều hành tập trung công tác dự báo, cập nhật và theo dõi sát sao diễn biến thực tiễn về tình hình kinh tế, xã hội và môi trường trong hoạt động kinh doanh, để chủ động điều chỉnh linh hoạt và kịp thời đưa ra các định hướng, quyết sách, giải pháp cho phù hợp, hiệu quả, đảm bảo chỉ đạo triển khai thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm và chiến lược kinh doanh.

Giám sát việc tổ chức triển khai các quyết định, nghị quyết và chính sách của Tổng công ty do Hội đồng quản trị ban hành liên quan đến phát triển bền vững và các vấn đề môi trường, xã hội.

Chỉ đạo thực hiện báo cáo phát triển bền vững

Hội đồng quản trị giám sát việc triển khai chiến lược của VINARE, trong đó có chiến lược phát triển bền vững. Bộ phận Kiểm toán nội bộ có nhiệm vụ giúp việc cho Hội đồng quản trị để giám sát việc thực thi kế hoạch và lộ trình ESG đã được Hội đồng quản trị phê chuẩn.



Vai trò và trách nhiệm của các Tiểu ban giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện chiến lược phát triển bền vững

Tiểu ban Chiến lược phát triển

Tiểu ban Chiến lược phát triển là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của VINARE, do Hội đồng quản trị thành lập. Chức năng chính của Tiểu ban là xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chính sách phát triển dài hạn, giám sát việc lập, triển khai và thực thi chính sách phát triển, định hướng về phát triển bền vững và có trách nhiệm của VINARE.

Trong năm 2022, Tiểu ban Chiến lược phát triển đã triển khai giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022 và các mục tiêu chiến lược 5 năm 2020 - 2024.

Tiểu ban Thù lao và Lương Thưởng

Tiểu ban Thù lao và Lương Thưởng là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của VINARE, do Hội đồng quản trị thành lập. Chức năng chính của Tiểu ban là xây dựng và quản lý chế độ Lương thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, đưa ra khuyến nghị liên quan tới những thay đổi về quy mô và cơ cấu lương thưởng và lợi ích khác của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2022, Tiểu ban Thù lao và Lương Thưởng đã xem xét và quyết định tiếp tục duy trì chính sách thù lao và lương thưởng hiện hành.

Tiểu ban Nhân sự

Tiểu ban Nhân sự là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của VINARE, do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Chức năng chính của Tiểu ban là tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của VINARE, thực hiện công tác đánh giá đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành.

Trong năm 2022, Tiểu ban Nhân sự đã chủ trì việc xây dựng danh sách quy hoạch kế cận cho các chức danh quản trị, điều hành và kiện toàn nhân sự Ban Điều hành.

Vai trò và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của VINARE, thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện chức năng giám sát việc quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và mọi hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Năm 2022, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2021, trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022, tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 và tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Tổng công ty, xem xét các kế hoạch, báo cáo của Tổng công ty về đầu tư, các phương án phát triển hợp tác kinh doanh, công tác quản lý tổ chức, lao động tiền lương, thưởng, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động và Tổng công ty.

Vai trò và trách nhiệm của Ban Điều hành

Tổng giám đốc

Tổng giám đốc VINARE chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, chỉ đạo và giám sát tiến độ thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh của các Ban trong Tổng công ty, đảm bảo sự cân bằng tương đối giữa 3 yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường.

Tổng giám đốc báo cáo các ảnh hưởng, rủi ro và cơ hội liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường theo định kỳ mỗi quý 1 lần để Hội đồng quản trị xem xét quyết định các thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoặc có báo cáo đột xuất trong những trường hợp xét thấy tình hình kinh tế - xã hội - môi trường có biến động bất thường ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng công ty.

Nhóm thường trực về phát triển bền vững tại VINARE



Chủ tịch Hội đồng quản trị:
Định hướng và chỉ đạo triển khai thực hiện định hướng chiến lược Phát triển bền vững của Tổng công ty

Tổng giám đốc:
Chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chiến lược; theo dõi giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Tổng công ty



Phó Tổng giám đốc:
Giám sát các hoạt động liên quan đến phát triển bền vững

Kế toán trưởng:
Theo dõi và thống kê các chi phí liên quan đến phát triển bền vững. Phối hợp theo dõi chi phí tiêu thụ năng lượng tại tòa nhà, văn phòng của VINARE

Giám đốc Ban Đầu tư:
Triển khai nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong các hoạt động đầu tư.



Ban Nhân sự - Tổng hợp; Ban Quản trị, Ban Quản lý rủi ro, Ban Đầu tư, Ban Tài chính - Kế toán:
Triển khai các vấn đề phát triển bền vững tại Tổng công ty và Chi nhánh. Phối hợp giữa các phòng ban triển khai thúc đẩy việc thực hiện phát triển bền vững trong Tổng Công ty.



Các rủi ro trọng yếu được đánh giá

1

Rủi ro tái bảo hiểm

Là rủi ro liên quan đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm của Tổng công ty

Nhận diện

Rủi ro tái bảo hiểm là một trong các rủi ro trọng yếu cần quản lý vì doanh thu từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Tổng công ty. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như tình hình cạnh tranh của thị trường, tình hình tổn thất, tích tụ rủi ro.

2

Rủi ro tín dụng

Là rủi ro xảy ra thiệt hại tài chính do khả năng trả nợ của đối tác có những thay đổi bất lợi

Nhận diện

Rủi ro tín dụng có thể phát sinh từ việc mất khả năng thanh toán hoặc không thực hiện đúng cam kết về thanh toán của đối tác trong lĩnh vực tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

3

Rủi ro đầu tư/tài chính

Là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái

Nhận diện

Rủi ro đầu tư/tài chính có thể phát sinh do sự biến động của lãi suất, tỷ giá, thị trường chứng khoán.

4

Rủi ro hoạt động

Là rủi ro gây ra tổn thất do các nguyên nhân như con người, sự hạn chế hoặc vận hành không hiệu quả của quy trình, hệ thống, các sự kiện khách quan bên ngoài

Nhận diện

- Rủi ro hoạt động có thể phát sinh từ các hoạt động hàng ngày trong nội bộ, hoặc với bên ngoài, hoặc các hoạt động khác có liên quan đến kinh doanh.
- Rủi ro phát sinh từ hệ thống công nghệ thông tin, an toàn hệ thống, ảnh hưởng đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh, thất thoát tài sản thông tin.

5

Rủi ro pháp lý

Là rủi ro gây ra tổn thất từ hành vi vi phạm các nghĩa vụ tuân thủ bao gồm

Nhận diện

- Rủi ro có thể phát sinh trong việc quản trị doanh nghiệp.
- Rủi ro phát sinh trong việc giao kết, thực hiện Hợp đồng với các đối tác (điều khoản hợp đồng không chặt chẽ, hợp đồng bị vô hiệu,...).
- Rủi ro liên quan tới các cơ quan quản lý nhà nước (bị truy thu thuế, bị xử lý vi phạm hành chính, ...).
- Rủi ro liên quan tới việc vi phạm các quy định quản lý nội bộ trong doanh nghiệp.

Rủi ro pháp lý: Là loại rủi ro phát sinh từ việc thực hiện không đúng và/hoặc không thực hiện các nghĩa vụ theo sự điều chỉnh của pháp luật và/hoặc quy định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Rủi ro vi phạm các quy định nội bộ: Là những rủi ro do không tuân thủ các quy định nội bộ của VINARE.

6

Rủi ro danh tiếng

Là các rủi ro có thể phá hoại danh tiếng từ việc xảy ra tranh chấp khiếu kiện với khách hàng hoặc bị giảm mức xếp hạng tín nhiệm

Nhận diện

Rủi ro danh tiếng có thể phát sinh do không giữ được xếp hạng tín nhiệm hiện tại do:

- Tổ chức xếp hạng thay đổi phương pháp đánh giá, yêu cầu chặt chẽ cao hơn.
- Kết quả kinh doanh không tốt và kế hoạch kinh doanh của VINARE không đảm bảo sự tăng trưởng cũng như hiệu quả làm suy giảm sức mạnh của bảng cân đối.

7

Rủi ro chiến lược

Là rủi ro khi vị trí, thị phần của VINARE trên thị trường bị giảm sút do cả yếu tố chủ quan và khách quan

Nhận diện

- Rủi ro chiến lược phát sinh đi kèm cùng Chiến lược 2020 - 2024 của Tổng công ty và kế hoạch triển khai chiến lược sau khi ban hành.
- Việc chậm triển khai các chương trình bảo hiểm của Chính phủ làm ảnh hưởng tới việc thực hiện chiến lược kinh doanh của Tổng công ty.

8

Rủi ro phát triển bền vững

Là rủi ro mà các hoạt động, các sản phẩm, dịch vụ tài chính của doanh nghiệp tác động tiêu cực đến con người, môi trường, xã hội

Nhận diện

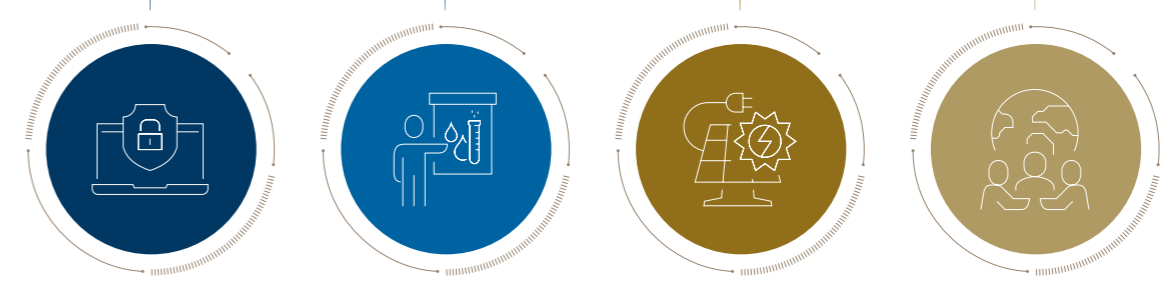
- Rủi ro đến từ các tác động ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trong hệ thống VINARE.
- Rủi ro từ các tác động của môi trường, xã hội đối với VINARE.
- Rủi ro từ các tác động trong hoạt động kinh doanh của VINARE đến môi trường xã hội.

Quản lý rủi ro phát triển bền vững



Mục tiêu quản lý rủi ro phát triển bền vững của VINARE là đảm bảo Tổng công ty duy trì hoạt động liên tục và đạt được các mục tiêu hiệu quả đã đề ra trong điều kiện ngày càng xuất hiện nhiều loại rủi ro mới do sự phát triển của công nghệ, do sự biến động địa chính trị của thế giới, do dịch bệnh và tình hình biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng.

Các rủi ro về phát triển bền vững trong năm 2022 được nhận diện:



Rủi ro an ninh mạng

Rủi ro biến đổi khí hậu (thiên tai)

Rủi ro năng lượng

Rủi ro địa chính trị



Rủi ro an ninh mạng



Thuật ngữ “rủi ro an ninh mạng” bao gồm nhiều loại rủi ro liên quan đến sự cố an ninh mạng và hack hệ thống công nghệ thông tin (CNTT), bao gồm cả các cuộc tấn công có chủ ý vào cơ sở hạ tầng CNTT và các sự cố không cố ý. Các chuyên gia châu Âu ước tính rằng các cuộc tấn công mạng hiện chiếm 40% các sự cố mạng. Rủi ro của các cuộc tấn công mạng đang gia tăng trong bối cảnh ứng dụng rộng rãi các công nghệ điện toán đám mây - xu hướng này đặc biệt gia tăng do quá trình chuyển đổi ồ ạt sang làm việc từ xa trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

Rủi ro biến đổi khí hậu



Biến đổi khí hậu là hiện tượng Trái đất nóng lên do lượng khí thải từ nhiên liệu hóa thạch được con người sử dụng như than đá, dầu mỏ và khí đốt, gây nên các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng như sóng nhiệt, lũ lụt và cháy rừng. Thập kỷ qua là thời kỳ nóng nhất được ghi nhận trên toàn cầu và các quốc gia thống nhất rằng phải có hành động chung khẩn cấp nhằm ngăn chặn Trái đất nóng lên.

Với mục tiêu hạn chế mức gia tăng nhiệt độ toàn cầu ở ngưỡng 1,5 độ C so với mức thời kỳ tiền công nghiệp nhằm ngăn chặn những tác động nghiêm trọng của biến đổi khí hậu, tại Hội nghị COP26, gần 100 nước cam kết đến năm 2030 sẽ cắt giảm 30% lượng phát thải khí metan, được xem là một trong những cách tốt nhất để giảm nhanh sự nóng lên toàn cầu. Đã có 40 quốc gia, bao gồm Việt Nam, cam kết loại bỏ điện than - chiếm khoảng 37% tổng điện năng trên thế giới trong năm 2019 - và là nhiên liệu đóng góp lớn nhất vào biến đổi khí hậu.

Rủi ro năng lượng



Cuộc khủng hoảng năng lượng hiện đang diễn ra ở một số nền kinh tế lớn ở châu Âu và Trung Quốc. Giá khí đốt tăng cao, kéo theo chi phí sản xuất và vận tải hàng hóa tăng mạnh đã và đang làm chậm lại sự phục hồi kinh tế toàn cầu sau đại dịch Covid-19. Các quốc gia thực hiện mua các nhiên liệu dự trữ khiến nhu cầu về nhiên liệu hóa thạch tăng lên. Nhiều nước ở châu Âu và châu Á bắt đầu cạnh tranh để có được nguồn khí đốt hạn chế do Mỹ, Na Uy, Nga, khu vực Trung Đông cung cấp, khiến giá khí tự nhiên tăng mạnh tạo ra rủi ro mới.

Rủi ro địa chính trị



Rủi ro địa chính trị bao gồm một tập hợp các sự kiện có mối liên hệ với nhau từ tham nhũng, bất ổn, khủng hoảng chính trị nội tại của các quốc gia, nội chiến, khả năng khủng hoảng, sụp đổ của các nhà nước, đến các hoạt động khủng bố quốc tế, hay xung đột của các quốc gia gây ra những bất ổn khu vực cũng như toàn thế giới.

Cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine, các bất ổn tại nhiều khu vực không chỉ gây ảnh hưởng cho những bên liên quan mà còn tác động đến nền kinh tế thế giới, tạo ra rủi ro mới, bởi điều này kéo theo tình trạng giá dầu, lúa mì tăng cao, lạm phát phi mã, cũng như thị trường chứng khoán bất ổn.

Để quản lý tốt các rủi ro này, thể hiện trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng như đáp ứng các yêu cầu về tuân thủ, tạo ra giá trị bền vững cho VINARE cũng như tất cả các đối tác, khách hàng và cộng đồng, VINARE luôn hướng tới biện pháp thiết thực nhằm duy trì phát triển doanh nghiệp gắn với hoạt động bảo vệ môi trường và xây dựng cộng đồng thịnh vượng.

Năm 2022, VINARE đã chú trọng thực hiện quản lý rủi ro phát triển bền vững trên ba khía cạnh:

1. Đo lường bằng chỉ số tài chính và phi tài chính về mức độ ảnh hưởng
2. Giám sát theo dõi định kỳ hàng quý
3. Quản lý bằng quy trình, thủ tục, quy chế

Các tác động ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trong hệ thống VINARE

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chúng tôi xây dựng và tích hợp tầm nhìn về phát triển bền vững của Tổng công ty vào chiến lược kinh doanh, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp, cổ tức cho các cổ đông và mục tiêu phát triển bền vững.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Chúng tôi xây dựng các cơ chế cung cấp thông tin phi tài chính, báo cáo tài chính nhằm tăng cường tính minh bạch của các thông tin cung cấp cho các bên liên quan, thiết lập hình ảnh tích cực về doanh nghiệp trong mắt các nhà đầu tư và công chúng. Ngoài ra, thông tin phục vụ quản trị của các Ban luôn được thông suốt, đảm bảo các thông tin hoạt động, thông tin tài chính được báo cáo tới Lãnh đạo Tổng công ty kịp thời, chính xác.

TUÂN THỦ VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Cùng với hệ thống kiểm soát nội bộ, việc đánh giá các rủi ro tuân thủ giúp VINARE thực hiện chiến lược phát triển bền vững trong từng lĩnh vực kinh doanh của VINARE và xuyên suốt trong toàn hệ thống. Chúng tôi đánh giá rủi ro tuân thủ việc thực hiện các quy định pháp luật, các quy định nội bộ của VINARE, các quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động của Tổng công ty như lương thưởng và các chính sách nhân sự. Mặt khác, VINARE luôn tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin, nhằm tạo niềm tin của nhà đầu tư vào một thị trường minh bạch. Thông tin chính xác, kịp thời không chỉ mang ý nghĩa với thị trường, các nhà đầu tư mà còn giúp cho các doanh nghiệp sẽ có cơ hội tạo dựng, nâng cao uy tín của mình và hướng đến sự phát triển bền vững.

Các tác động của môi trường, xã hội đối với VINARE

VINARE là công ty kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Do vậy, các rủi ro từ môi trường xã hội có tác động trực tiếp đến các nghiệp vụ kinh doanh của VINARE, đặc biệt là nghiệp vụ kinh doanh tái bảo hiểm.

Mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm của VINARE là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ các rủi ro bảo hiểm và đảm bảo rằng, với mức chi phí hợp lý, kết quả sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm. Sự biến đổi khí hậu kèm theo hiện tượng ấm lên toàn cầu là một trong những nguyên nhân gây ra thiên tai, lũ lụt, ảnh hưởng trực tiếp đến tỷ lệ bồi thường của các doanh nghiệp bảo hiểm. VINARE sử dụng mô hình đánh giá rủi ro thiên tai (Catastrophe modeling - CAT modeling) nhằm quản lý hiệu quả những rủi ro không xảy ra thường xuyên nhưng có sức tàn phá mạnh do thiên tai. Mô hình này sử dụng các kiến thức khoa học về những hiểm họa thiên tai và các tham số để ước tính tổn thất tài chính do các sự kiện thiên tai có thể xảy ra trong khu vực nghiên cứu. Kết quả này cho phép VINARE xác định mức tái bảo hiểm bảo vệ cần mua phù hợp với mức độ tổn thất và tần suất tổn thất nhất định.



CÁC TÁC ĐỘNG TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA VINARE ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

VINARE tiến hành đánh giá các tác động tới môi trường của từng chức năng hoạt động và đề ra các biện pháp giảm thiểu các tác động này. Việc xác định các tác động (trực tiếp và gián tiếp) từ hoạt động kinh doanh của VINARE đến môi trường, xã hội giúp VINARE giảm thiểu được các rủi ro có thể phát sinh từ hai yếu tố này, từ đó góp phần hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững và đảm bảo lợi ích lâu dài cho nhà đầu tư, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

VINARE không tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất, do vậy chúng tôi đánh giá tác động từ hoạt động của VINARE đối với môi trường, xã hội là rất nhỏ, chủ yếu tập trung vào các tác động gián tiếp từ chuỗi giá trị của VINARE (bao gồm các nhà cung cấp, cung ứng đầu vào và các dự án đầu tư của VINARE).

Quản lý rủi ro trong chuỗi giá trị:

- Xác định và tích hợp tầm nhìn về phát triển bền vững vào chiến lược kinh doanh:** Tầm nhìn về phát triển bền vững của VINARE được tích hợp với chiến lược kinh doanh, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp, lợi ích cho các cổ đông và mục tiêu phát triển bền vững.
- Xây dựng chính sách quản lý rủi ro phát triển bền vững:** Xây dựng quy trình để đảm bảo áp dụng thống nhất các chính sách, rà soát các yếu tố có rủi ro phát triển bền vững, đo lường và báo cáo về hiệu quả của hoạt động của VINARE đối với phát triển bền vững.
- Thực hiện đánh giá các rủi ro của hoạt động đầu tư:** Việc đánh giá và xử lý các rủi ro của hoạt động đầu tư giúp cho VINARE nhìn nhận và giảm thiểu những rủi ro tiềm ẩn có thể gây ra các tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội. Khi quyết định thực hiện đầu tư, chúng tôi không chỉ quan tâm đến các giá trị kinh tế của phương án phân bổ tài sản, mà còn quan tâm tới những lợi ích, tác động lâu dài của việc đầu tư đối với cộng đồng và xã hội.
- Quản lý rủi ro trong hoạt động của VINARE đối với môi trường và xã hội:** việc khai thác, sử dụng các trụ sở, văn phòng làm việc của VINARE có những tác động nhất định đến môi trường. Thông qua việc theo dõi các tác động môi trường từ hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại các đơn vị thuê diện tích văn phòng, VINARE đã thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm tiết giảm chi phí hoạt động và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội và cộng đồng. Chúng tôi đặt mục tiêu giảm tác động tiêu cực đối với môi trường hàng năm qua các dự án truyền thông nội bộ như sử dụng tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, sử dụng tiết kiệm và tái sử dụng giấy, hạn chế sử dụng bao bì ni-lon và thay thế bằng các loại vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường, đồng thời tiến tới sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng hoặc thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo.
- Đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường và xã hội của nhà cung cấp:** VINARE xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng nhà cung cấp như: mô hình quản trị, tác động của nhà cung cấp đối với môi trường và xã hội... Tùy thuộc vào loại hình dịch vụ hoặc sản phẩm của nhà cung cấp mà các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) được chúng tôi đánh giá theo tỷ trọng khác nhau nhằm giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hợp tác với các nhà cung cấp, đồng thời hạn chế các tác động gián tiếp của VINARE đối với môi trường, xã hội.
- Đào tạo và nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống:** Tổ chức các chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức về các tác động đối với môi trường và xã hội, đảm bảo rủi ro phát triển bền vững được xác định và giảm thiểu phù hợp với các quy định pháp luật và quy định nội bộ của VINARE.

Định hướng hoạt động năm 2023

VINARE

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO DOANH NGHIỆP THÔNG QUA CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM SAU:

- Nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy tổ chức và chức năng kiểm toán nội bộ để thực hiện kiểm toán việc quản lý các rủi ro trọng yếu của Tổng công ty.**
- Tiếp tục duy trì nguyên tắc phân bổ tài sản đầu tư: An toàn - hiệu quả - phát triển bền vững và đảm bảo tính thanh khoản cao.**
- Vận hành an toàn và hiệu quả hệ thống quản lý nghiệp vụ (Vicore) và hệ thống quản lý văn bản (Vidoc), tiến tới số hóa hoạt động văn phòng.**
- Phối hợp trong nội bộ và với các đối tác để tăng cường năng lực phát triển sản phẩm; công cụ định phí; công cụ đánh giá vốn theo rủi ro và quản trị rủi ro.**
- Tăng cường cung cấp chuỗi giá trị gia tăng cho thị trường Việt Nam một cách có hiệu quả, toàn diện trong các lĩnh vực: Sản phẩm và kênh phân phối, đào tạo, đánh giá rủi ro, định giá, cung cấp thông tin, giải pháp tái bảo hiểm, các giải pháp phát triển thị trường bền vững.**

Sự tham gia của các bên liên quan



Phân bổ và tối ưu hóa các nguồn lực

Xác định các yếu tố tạo động lực tăng trưởng

Trên cơ sở Mô hình kiến tạo các giá trị bền vững, VINARE xác định 7 yếu tố chính ảnh hưởng đến hoạt động của VINARE bao gồm Nguồn lực tài chính (vốn), Nguồn Nhân lực, Tài sản hữu hình, Tài sản vô hình và Sở hữu trí tuệ, Quản trị doanh nghiệp, Các yếu tố môi trường và xã hội. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào sao cho hiệu quả là nhân tố quyết định đến việc tạo ra giá trị bao gồm: Giá trị kinh tế (tăng trưởng vững chắc về doanh thu và lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông); Giá trị gia tăng cho khách hàng (dịch vụ vượt trội), Giá trị vật chất và tinh thần cho Người lao động (phúc lợi, môi trường làm việc, thu nhập), Lợi ích cho các bên liên quan khác (xã hội, môi trường...).

Yếu tố tạo động lực tăng trưởng của VINARE

Giá trị mang lại

1	Nguồn lực tài chính (vốn)	Giá trị kinh tế (lợi nhuận, cổ tức)
2	Nguồn nhân lực	Giá trị vật chất và tinh thần: Phúc lợi, môi trường làm việc, thu nhập
3	Tài sản hữu hình	Nâng cao năng lực cạnh tranh
4	Tài sản vô hình và sở hữu trí tuệ	Giá trị gia tăng cho khách hàng: Sản phẩm và dịch vụ vượt trội
5	Quản trị doanh nghiệp	Gia tăng Giá trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh
6	Yếu tố xã hội	Giá trị cho cộng đồng (nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy tiêu dùng...)
7	Yếu tố môi trường	Xanh hóa hoạt động kinh doanh, Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững

YẾU TỐ NỘI LỰC

YẾU TỐ BÊN NGOÀI

Gắn kết với các bên liên quan

Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mỗi quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp.

Phương pháp quản trị

Chúng tôi xác định các bên liên quan dựa trên những ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của VINARE đến họ hoặc những người có mối quan tâm, sức ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của VINARE. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mỗi quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp.



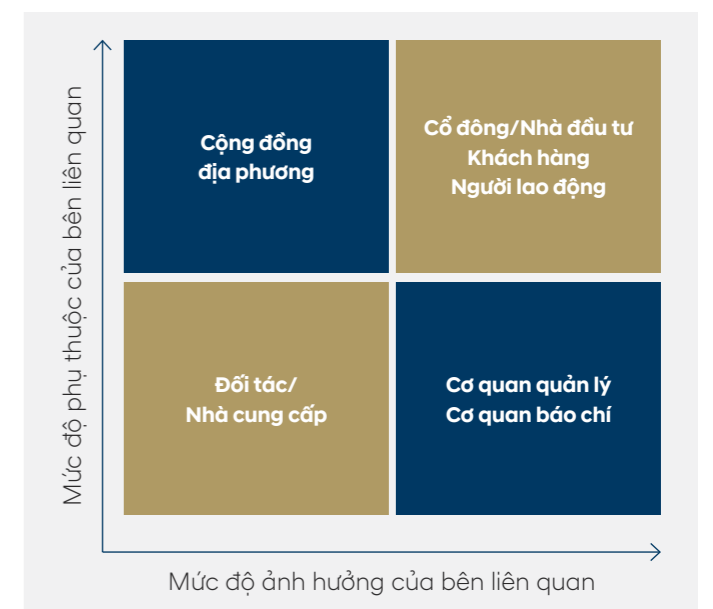
Các bên liên quan trọng yếu đối với VINARE



Chúng tôi tiếp cận với các bên liên quan thông qua nhiều nguồn kênh thông tin khác nhau một cách phù hợp nhằm lắng nghe ý kiến và mối quan tâm của từng bên đối với hoạt động của VINARE, đặc biệt là các vấn đề quản trị công ty, phát triển nguồn nhân lực, tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho xã hội và môi trường.

Quá trình trao đổi với các bên cũng giúp VINARE chủ động nhận diện được các vấn đề mang xu hướng, thời sự cũng như giúp VINARE nhìn nhận một cách khách quan về những chính sách, báo cáo và công bố thông tin ra bên ngoài mà chúng tôi thực hiện.

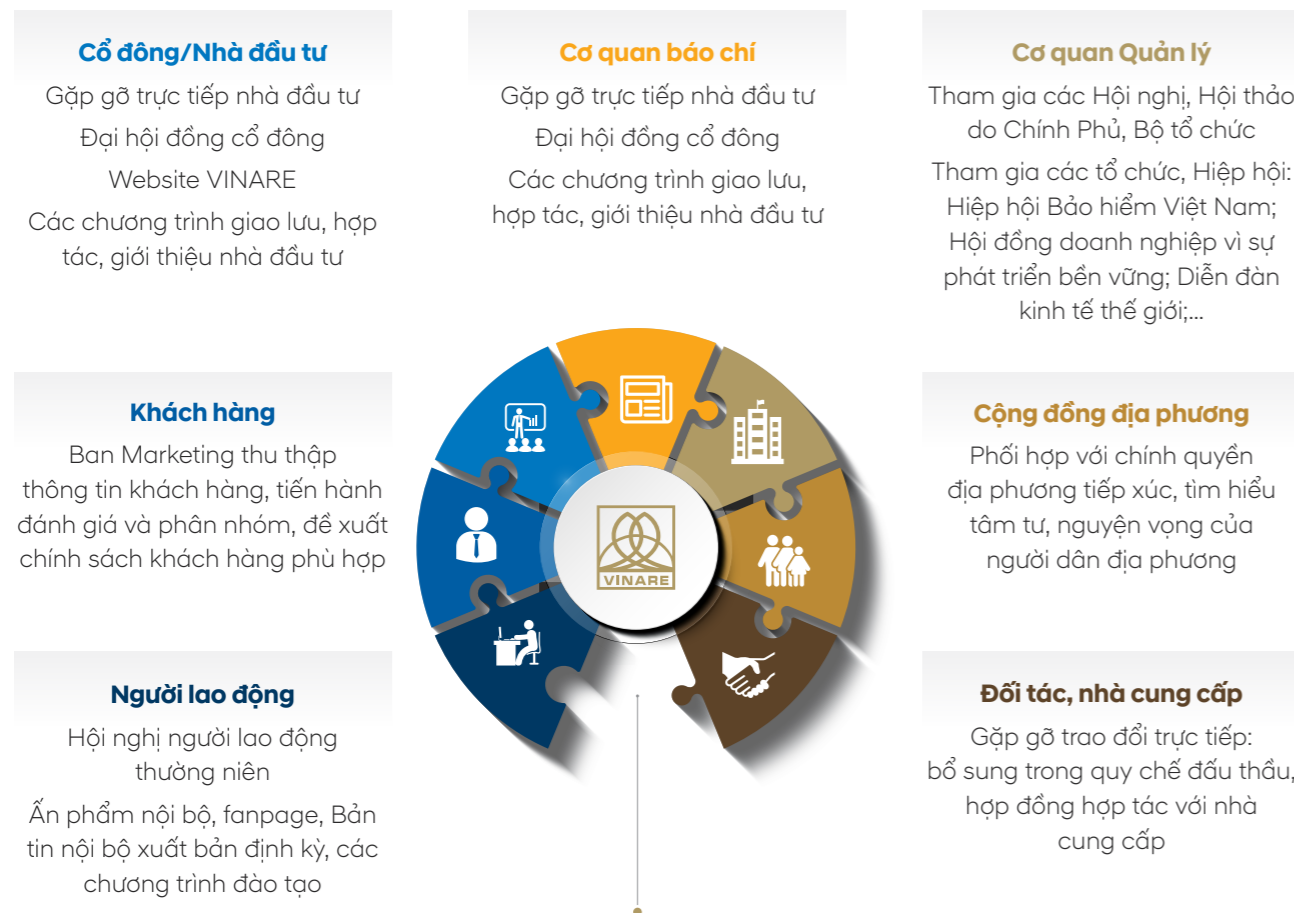
VINARE xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với VINARE.



SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)



Hoạt động gắn kết của VINARE với các bên liên quan



Trong năm 2022, VINARE tiếp tục gắn kết các bên liên quan thông qua các kênh thông tin đa chiều ở đó các vấn đề phát triển bền vững được VINARE đề cập sâu hơn nhằm lắng nghe ý kiến của các bên đối với hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến các yếu tố:



Sự tham gia của các bên liên quan trong chính sách và hoạt động của VINARE

Các bên liên quan là những đối tác quan trọng, phản hồi từ các đối tác này là nguồn thông tin quý giá để chúng tôi tiếp tục phát triển và củng cố hoạt động của doanh nghiệp. Qua những lần trao đổi, tiếp xúc, chúng tôi đã rút ra được các vấn đề được các bên quan tâm và tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của VINARE. Đây cũng là cơ sở để chúng tôi xây dựng nội dung của báo cáo bền vững 2022.

CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ

Bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông thông qua hoạt động kinh doanh bền vững, đem lại lợi ích lâu dài và ngày một gia tăng cho cổ đông; Đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư.

Các vấn đề thảo luận	Hành động của VINARE
Đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư: Minh bạch, thông tin	<ul style="list-style-type: none"> Tư vấn và trả lời các thông tin cho cổ đông trực tiếp nhằm giải quyết quyền lợi cho cổ đông nhanh chóng. Thực thi chính sách bình đẳng giữa các cổ đông lớn và cổ đông nhỏ về cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho mọi cổ đông thực hiện quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông 2022 có sự tham gia của 43 cổ đông, đại diện cho 95,81% số cổ phần có quyền biểu quyết của VINARE.
Tăng trưởng hiệu quả, bền vững	<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm năm 2022 tăng trưởng 10,2% so với cùng kỳ; Lợi nhuận trước thuế tăng 7,7% so với cùng kỳ. Biên khả năng thanh toán của Tổng công ty cao gấp 6 lần so với quy định của Bộ Tài chính.
Đảm bảo chi trả cổ tức cho nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Dự kiến mức chi trả cổ tức bằng tiền 10% và 10% bằng cổ phiếu. Các giá trị tăng thêm ngoài lợi tức cho nhà đầu tư (bản tin bảo hiểm - tái bảo hiểm, nâng cấp website...).

KHÁCH HÀNG

Xây dựng các giải pháp bảo vệ đáp ứng nhu cầu đa dạng khách hàng; bảo vệ khách hàng trước các rủi ro, đem đến cho khách hàng các cơ hội để hiện thực hóa ước mơ, đảm bảo sự bình an và thịnh vượng cho khách hàng.

Các vấn đề thảo luận	Hành động của VINARE
Đa dạng hóa các giá trị gia tăng cho khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức đào tạo nghiệp vụ cho khách hàng theo yêu cầu. Cung cấp thông tin và tư vấn hỗ trợ theo yêu cầu. Tổ chức các hội thảo về các vấn đề thị trường và khách hàng quan tâm.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của VINARE.

Các vấn đề thảo luận	Hành động của VINARE
Đảm bảo quyền lợi người lao động	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì các chế độ phúc lợi hiện có cho người lao động.
Xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh; Gắn kết người lao động với hoạt động của doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> Huy động sự tham gia của 100% cán bộ trong các dự án cộng đồng, các chương trình thiện nguyện.

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)



Sự tham gia của các bên liên quan trong chính sách và hoạt động của VINARE



CƠ QUAN QUẢN LÝ

Tiên phong đi đầu trong việc thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của Chính phủ; xây dựng các mối quan hệ bền vững với các cơ quan Ban ngành, đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung và của VINARE nói riêng.

Các vấn đề thảo luận	Hành động của VINARE
Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững	<ul style="list-style-type: none"> Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, quy định các quy tắc, chuẩn mực trong hoạt động của VINARE. Bổ sung các đánh giá và rà soát về môi trường và xã hội trong các tờ trình về hoạt động đầu tư.
Đánh giá tác động môi trường; giảm tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính	<ul style="list-style-type: none"> Giám sát tiêu thụ năng lượng, xây dựng kế hoạch tiết kiệm tại trụ sở và các văn phòng. Truyền thông nội bộ trong hệ thống, nâng cao ý thức của cán bộ về bảo vệ môi trường. Theo dõi lượng chất thải từ các tòa nhà VINARE.



CƠ QUAN BÁO CHÍ

Kết nối chặt chẽ với cơ quan báo chí, đảm bảo tin tức hoạt động của VINARE được cập nhật kịp thời và phản ánh một cách chân thực, khách quan tới các bên liên quan.

Các vấn đề thảo luận	Hành động của VINARE
Tăng cường tiếp xúc, cùng nhà báo đưa các tin tức về phát triển bền vững, giúp nhà báo và các bên hiểu rõ hơn về vấn đề phát triển bền vững của doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường số lượng thông tin gửi tới báo chí thông qua các thông cáo báo chí, các tin ngắn, các bài viết phân tích chuyên sâu nội bộ gửi tới các cơ quan báo chí mục tiêu. Tăng cường trao đổi và chia sẻ thông tin với báo chí thông qua việc mời nhà báo tham dự một số chương trình do VINARE tổ chức hoặc VINARE tham gia.



ĐỐI TÁC/NHÀ CUNG CẤP

Đối xử bình đẳng với các nhà cung cấp, Ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu quản lý, tuân thủ yêu cầu pháp luật và quá trình hoạt động không gây tổn hại đến môi trường và xã hội

Các vấn đề thảo luận	Hành động của VINARE
Đưa ra các tiêu chí cụ thể trong các đánh giá về môi trường và xã hội đối với nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> Đưa yêu cầu về trách nhiệm với môi trường và xã hội trong điều khoản hợp đồng thương thảo với nhà thầu chính. Bổ sung các tiêu chí đánh giá về môi trường, xã hội và quản trị trong các phương án đầu tư và các hoạt động khác của VINARE.

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề, chúng tôi thực hiện đầu tư, phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Các vấn đề trọng yếu



Xác định các vấn đề trọng yếu



VINARE thực hiện tham khảo ý kiến của những chuyên gia trong lĩnh vực phát triển bền vững đối với các lĩnh vực được coi là trọng yếu mà VINARE cần phải xem xét và cân nhắc tại thời điểm hiện tại. Đồng thời, chúng tôi cũng cân nhắc đến ý kiến của người lao động thông qua việc rà soát các đề xuất, các bình luận được nêu ra thông qua các kênh tương tác nội bộ.

Việc đánh giá các lĩnh vực trọng yếu đối với doanh nghiệp được căn cứ trên các phân tích chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, các phân tích thông tin báo chí và môi trường kinh doanh ngành. Từ đó chúng tôi lựa chọn các lĩnh vực và vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm. Mức độ quan trọng và phạm vi thực hiện của các vấn đề tiếp tục được sàng lọc, phân tích và làm rõ trong các buổi họp thảo luận với các Ban liên quan và trình lên Lãnh đạo cấp cao để xác định những vấn đề ưu tiên thực hiện trong năm 2022.

20 Lĩnh vực được nêu trong báo cáo được căn cứ theo trọng số trên ma trận các lĩnh vực trọng yếu của VINARE và phân theo 5 nhóm:



CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (TIẾP THEO)



Quy trình xác định vấn đề trọng yếu



Ma trận các vấn đề trọng yếu



Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các lĩnh vực xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, VINARE xây dựng “Ma trận các lĩnh vực trọng yếu” nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

13 Lĩnh vực được nêu trong báo cáo được căn cứ theo trọng số trên ma trận các lĩnh vực trọng yếu của VINARE và phân theo 4 nhóm:

Kinh tế

- Sự có mặt trên thị trường
- Hiệu quả hoạt động kinh tế
- Tác động kinh tế gián tiếp

Môi trường

- Đánh giá nhà cung cấp về môi trường
- Năng lượng
- Nước thải và Chất thải

Xã hội

- Việc làm
- Giáo dục và Đào tạo
- Đa dạng và Cơ hội bình đẳng
- An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp

Cộng đồng

- Đánh giá Nhà cung cấp về cách đối xử với người lao động
- Sự An toàn và Sức khỏe của Khách hàng
- Cộng đồng địa phương

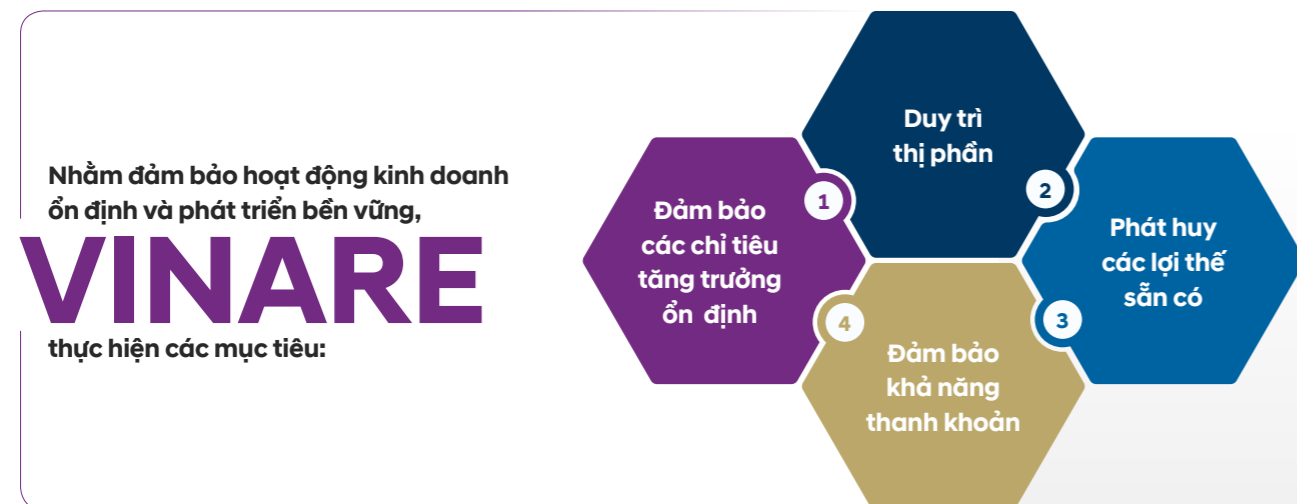


Các tiêu chuẩn Kinh tế

VINARE xác định chiến lược phát triển bền vững chỉ có thể thực hiện khi mục tiêu kinh doanh được đảm bảo, bởi chỉ khi xây dựng được nguồn lực vững chắc cho bản thân doanh nghiệp, VINARE mới có thể đem lại lợi ích lâu bền cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Từ đó, VINARE có thể gia tăng các đóng góp cho xã hội thông qua các đóng góp cho ngân sách nhà nước; đảm bảo các quyền lợi tài chính cho cổ đông; tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương; triển khai các hoạt động, chương trình, dự án bảo vệ môi trường.

Hướng tới mục tiêu xây dựng chuỗi giá trị bền vững, VINARE đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố ESG trong việc rà soát, đánh giá nhà cung ứng đầu vào, đồng thời áp dụng các nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm đối với hoạt động đầu tư tài chính.



Các thông tin về tiêu chuẩn kinh tế được trình bày cụ thể trong phần phân tích về hoạt động kinh doanh của Báo cáo này.



Hiệu quả Hoạt động Kinh tế



Sự hiện diện trên Thị trường



Tác động Kinh tế Gián tiếp



Chống tham nhũng



GRI 201

Tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh

Phát huy tăng trưởng hiệu quả, bền vững



Tổng doanh thu năm 2022
(Tỷ đồng)

2.969



Doanh thu từ mảng nghiệp vụ cốt lõi tăng trưởng năm 2022
(Tỷ đồng)

14,1%

so với 2021



Năm 2022 là năm có nhiều khó khăn do những diễn biến không thuận lợi của thị trường chứng khoán, VINARE đã nỗ lực hết sức mình vào việc thực hiện các mục tiêu 2022 cũng như các mục tiêu chiến lược phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tổng doanh thu năm 2022 đạt 2.969 tỷ đồng, trong đó doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.368 tỷ đồng, đạt 107,1% kế hoạch năm và tăng 5,5% so với 2021, doanh thu từ hoạt động đầu tư đạt 418,9 tỷ đồng. Trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, doanh thu từ mảng nghiệp vụ cốt lõi đã tăng trưởng 14,1% so với 2021, cao hơn so với dự kiến kế hoạch. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm tăng trưởng tốt, tuy nhiên lợi nhuận từ hoạt

động đầu tư tài chính đạt thấp hơn so với kỳ vọng. Nguyên nhân chủ yếu là do những yếu tố bất định trong và ngoài nước tác động mạnh đến thị trường đầu tư, như chính sách thắt chặt tiền tệ trên diện rộng, lãi suất tăng ở châu Âu, Mỹ; sự sụt giảm thanh khoản và chỉ số của thị trường chứng khoán cũng như những vấn đề phát sinh trong việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 439,3 tỷ đồng, tăng 7,7% so với năm 2021.

Tham gia tích cực vào các chương trình bảo hiểm của chính phủ

Bảo hiểm Nông nghiệp theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP



Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE), cùng với đối tác chiến lược Swiss Re và các công ty bảo hiểm trong nước Bảo Việt, Bảo Minh đã hợp tác xây dựng các sản phẩm bảo hiểm theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp và Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp.

Qua thời gian thực hiện, các đối tượng bảo hiểm đã được mở rộng: đối với cây trồng, ngoài lúa đã bổ sung thêm cao su, hồ tiêu, điều, cà phê; đối với vật nuôi, ngoài trâu, bò đã bổ sung thêm lợn; đối với nuôi trồng thủy sản, bên cạnh tôm sú, tôm thẻ chân trắng đã bổ sung thêm cá tra. So với Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg, các địa phương được hỗ trợ bổ sung thêm 10 tỉnh mới (từ 19 lên 29), bao gồm: Bắc Giang, Sơn La, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tuy nhiên, việc triển khai chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp chỉ mới đạt được một số kết quả nhất định và còn hạn chế, do đây là chính sách mới, khá phức tạp đối với các địa phương, cũng như doanh nghiệp và người nông dân, đặc biệt lại triển khai trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn ra phức tạp. VINARE cùng với Bảo Việt, Bảo Minh và Swiss Re cũng đã chủ động báo cáo và tích cực đóng góp ý kiến với Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm cho giai đoạn triển khai tiếp theo.



GRI 202

Sự hiện diện trên thị trường

VINARE đã có gần 30 năm hoạt động kể từ khi được Bộ Tài chính thành lập năm 1994 và hiện là một trong hai doanh nghiệp tái bảo hiểm được cấp giấy phép hoạt động trên thị trường bảo hiểm Việt Nam. Với chức năng hoạt động chính từ ngày đầu thành lập là kinh doanh tái bảo hiểm trong và ngoài nước, trung tâm trao đổi dịch vụ tái bảo hiểm, tư vấn hỗ trợ về mọi mặt cho các doanh nghiệp bảo hiểm trong lĩnh vực tái bảo hiểm và thực hiện đầu tư theo luật định, VINARE đã xác lập vị trí trung tâm điều tiết nhận và nhượng tái bảo hiểm trên thị trường.

VINARE là doanh nghiệp đi đầu trong việc thực hiện chủ trương sắp xếp đổi mới nâng cao hiệu quả doanh nghiệp của Đảng với việc thực hiện cổ phần hóa thành công và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ 1/1/2005 với các cổ đông chính là các doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động trong nước. Bước đi chiến lược tiếp theo của VINARE là việc phát hành bổ sung vốn và lựa chọn đối tác chiến lược năm 2007. Tập đoàn Swiss Re - tập đoàn tái bảo hiểm lớn nhất thế giới với lịch sử 150 năm - đã được lựa chọn làm cổ đông chiến lược nước ngoài duy nhất của VINARE với tỷ lệ sở hữu 25% vốn điều lệ cùng các cam kết/hợp tác chiến lược đã tạo điều kiện cho VINARE được tiếp nhận những kinh nghiệm, công nghệ, sản phẩm bảo hiểm tiên tiến nhất thế

giới, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín của VINARE trên thị trường bảo hiểm trong nước và quốc tế. Giao dịch lựa chọn đối tác chiến lược của VINARE đã được tạp chí Finance Asia bình chọn là "Giao dịch thành công nhất của Việt Nam năm 2008".

Với nguồn lực tài chính được tăng cường và sự hỗ trợ toàn diện của cổ đông chiến lược Swiss Re, VINARE đã không ngừng nỗ lực nhằm cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng cũng như toàn thị trường bảo hiểm Việt Nam trên các lĩnh vực: tư vấn, hỗ trợ đánh giá, kiểm soát rủi ro, thiết lập chương trình tái bảo hiểm; đào tạo và chuyển giao kiến thức công nghệ; tổng hợp và xử lý thông tin thị trường; hỗ trợ phát triển sản phẩm bảo hiểm mới.

GRI 203

Tác động kinh tế gián tiếp

Đóng góp vào sự phát triển ổn định của nền kinh tế

VINARE hợp tác chặt chẽ với các công ty bảo hiểm, tái bảo hiểm trong nước và quốc tế, luôn giữ vai trò đầu tàu trong việc thực hiện các chương trình Bảo hiểm của Chính phủ, cung cấp sản phẩm mới và các giải pháp phát triển bền vững cho thị trường như Chương trình thí điểm bảo hiểm Nông nghiệp, bảo hiểm Tàu cá, đồng thời

tham gia đóng góp vào các chương trình bảo hiểm công đang được nghiên cứu triển khai như: Bảo hiểm thiên tai, Bảo hiểm tài sản công, Bảo hiểm Vi mô..., và mở rộng thị trường quốc tế, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy thị trường bảo hiểm Việt Nam phát triển và nâng tầm hoạt động trên trường quốc tế.

GRI 203

VINARE là nhà tái bảo hiểm hàng đầu trên thị trường Việt Nam, cung cấp các giải pháp tái bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam, góp phần bảo đảm giải quyết tốt quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng.



CÁC TIÊU CHUẨN KINH TẾ TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP (TIẾP THEO)

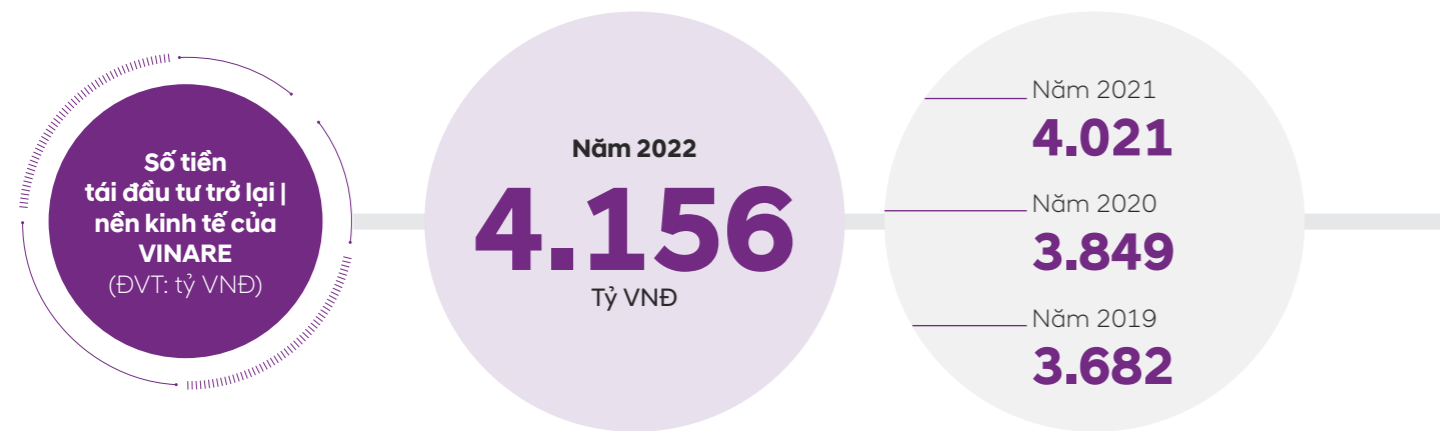


Gián tiếp đầu tư trở lại nền kinh tế



VINARE là doanh nghiệp có hoạt động tái đầu tư nguồn vốn nhân rồi trở lại nền kinh tế, đóng góp vào sự phát triển nền kinh tế xã hội.

Số tiền tái đầu tư trở lại nền kinh tế năm 2022 là 4.156 tỷ VND. Năm 2021 là 4.021 tỷ VND, và năm 2020 là 3.849 tỷ VND. Như vậy, có thể nhận thấy, số tiền mà VINARE tái đầu tư trở lại nền kinh tế có xu hướng tăng và ngày càng củng cố vị thế và tiềm lực của VINARE trên thị trường.



Gắn kết tiêu chí môi trường xã hội và quản trị (ESG) trong hoạt động đầu tư của VINARE



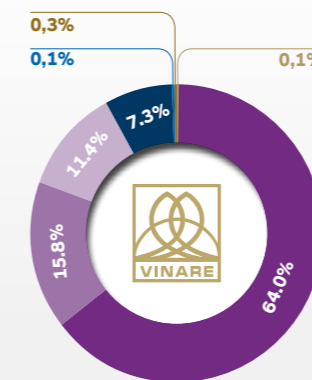
Tại VINARE, phương châm hàng đầu trong chiến lược đầu tư của chúng tôi là đầu tư an toàn, hiệu quả trên cơ sở đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng công ty, qua đó đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, khách hàng và người lao động. Trong quá trình đầu tư VINARE luôn chú trọng đến việc tối ưu hóa những giá trị mà các hoạt động đầu tư đóng góp cho cộng đồng.

VINARE tập trung đầu tư theo cơ cấu danh mục dưới đây và luôn cân nhắc các yếu tố ESG trong mọi quyết định đầu tư và chỉ đầu tư vào những doanh nghiệp, cổ phiếu hoạt động trong những ngành nghề thân thiện với môi trường. Trong thời gian tới, chúng tôi tiếp tục

định hướng ưu tiên phát triển ngành nghề kinh doanh bền vững vừa để đảm bảo sự phát triển bền vững của VINARE, vừa góp phần giảm thiểu những tác động gây hại tới môi trường. Danh mục đầu tư của VINARE chủ yếu là tiền gửi, chiếm 66,4%, theo bảng phân bổ dưới đây.

Danh mục đầu tư của VINARE

STT	Danh mục đầu tư	Giá trị đầu tư 31/12/2022	Giá trị đầu tư 01/01/2022	+/- so với đầu năm	Tỷ trọng
1	● Tiền gửi	2.765.300	2.740.500	24.800	64,0%
2	● Trái phiếu	680.000	559.490	120.510	15,7%
3	● Góp vốn DN khác	494.296	522.701	(28.406)	11,4%
4	● Đầu tư chứng khoán, CCQ, Ủy thác đầu tư	315.000	265.000	50.000	7,3%
5	● Văn phòng cho thuê	4.591	6.410	(1.819)	0,1%
6	● Đầu tư BĐS	11.206	11.206	-	0,3%
7	● Tiền trên TKTT	51.000	25.282	25.718	1,1%
Tổng cộng		4.321.393	4.130.589	190.803	100,0%



Chúng tôi tin rằng các vấn đề về cơ chế quản trị công ty, môi trường và xã hội là một phần quan trọng để đánh giá các giá trị và hiệu quả đầu tư trong trung và dài hạn. Do đó, bên cạnh các chỉ tiêu hiệu quả, chúng tôi cũng luôn chú trọng tới các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình thẩm định, lựa chọn phương án đầu tư và tiếp tục duy trì việc áp dụng Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm khi xây dựng kế hoạch phân bổ tài sản đầu tư.

5 nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm mà VINARE đang áp dụng cho hoạt động đầu tư bao gồm:

- Nguyên tắc 1** Gắn kết vấn đề ESG trong các quy trình phân tích đầu tư và đưa ra quyết định đầu tư
- Nguyên tắc 2** Gắn kết ESG trong các vấn đề liên quan đến quyền lợi của chủ đầu tư
- Nguyên tắc 3** Xây dựng quy chế công bố thông tin phù hợp đối với vấn đề ESG tại các doanh nghiệp mà VINARE đầu tư
- Nguyên tắc 4** Hợp tác với các tổ chức tài chính khác để đẩy mạnh hiệu quả triển khai
- Nguyên tắc 5** Thực hiện báo cáo các hoạt động triển khai.

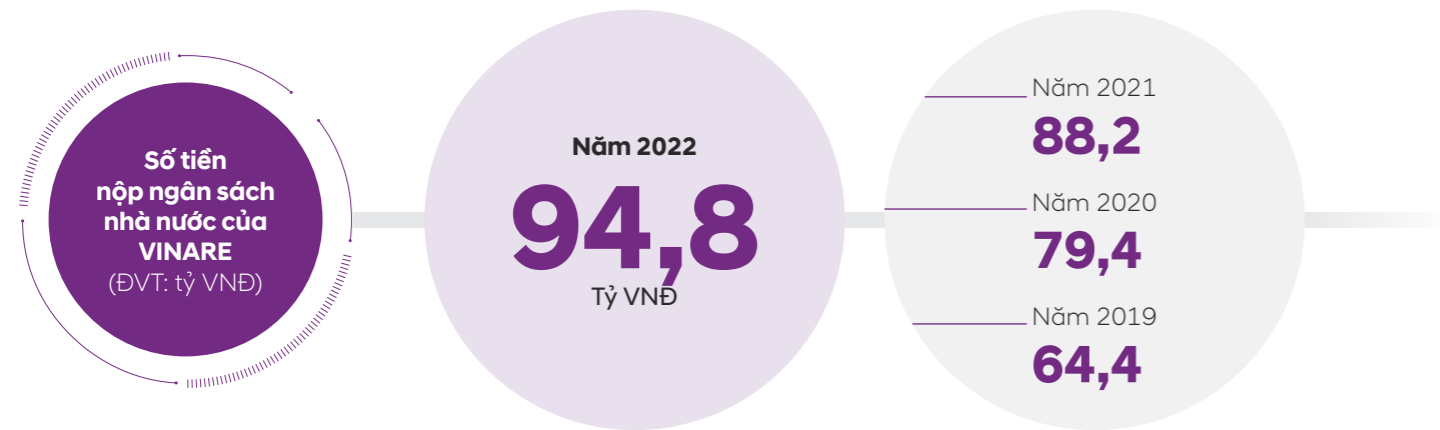
CÁC TIÊU CHUẨN KINH TẾ TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP (TIẾP THEO)



Các đóng góp gián tiếp về kinh tế

ĐÓNG GÓP CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2022, tổng thuế nộp Ngân sách Nhà nước ước đạt 94,8 tỷ VNĐ, cũng là mức cao nhất trong vòng những năm trở lại đây, chủ yếu nhờ đóng góp của thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”), thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân. Kết quả hoạt động kinh doanh tốt và thu nhập của cán bộ nhân viên được cải thiện là hai tác động chính khiến thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân nộp Ngân sách Nhà nước tăng. Nộp Ngân sách nhà nước của VINARE: năm 2021 (88,2 tỷ VNĐ), năm 2020 (79,4 tỷ VNĐ). Số tiền nộp ngân sách của VINARE tăng đều qua các năm khi kết quả kinh doanh ngày càng khả quan.



CHI TRẢ CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG

Năm 2022, VINARE đã thực hiện chi trả cổ tức của năm 2021 với tỷ lệ 13%.

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022 là 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu.

Chiến lược của VINARE là duy trì chính sách chi trả cổ tức ổn định hàng năm nhằm để dành nguồn lực cho đầu tư phát triển dài hạn thông qua tăng nguồn quỹ cho đầu tư phát triển và gia tăng giá trị dài hạn cho cổ đông.

Số tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông của VINARE (đơn vị: tỷ VNĐ)

	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
Số tiền chi trả cổ tức	150	196	196,5	262
Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền	10%	13%	15%	20%
Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	10%		15%	

XÂY DỰNG CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

Phát triển bền vững là một trong các mục tiêu chiến lược của VINARE, do vậy các yếu tố bền vững luôn được lồng ghép trong tất cả các hoạt động của doanh nghiệp, các chuỗi giá trị từ cung ứng đầu vào đến hoạt động kinh doanh và các yếu tố đầu ra đều được xem xét ở 3 khía cạnh: **Kinh tế - xã hội - môi trường**. Phần lợi nhuận thu được sẽ trả lại đầu tư (cổ tức) cho cổ đông, người lao động; thực hiện đầu tư ngược lại cho cộng đồng và môi trường. Phần lợi nhuận còn lại được dùng để tiếp tục tái đầu tư, bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh để tạo ra các giá trị gia tăng mới.

LỒNG GHÉP TÍNH BỀN VỮNG TRONG KINH DOANH NHẬN NHƯỢNG TÀI BẢO HIỂM, CẢI TIẾN QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

VINARE tích cực tham gia các chủ trương, giải pháp của ngành bảo hiểm hướng tới việc bảo vệ môi trường. Cụ thể là từ năm 2022, VINARE giảm dần và tiến tới không hỗ trợ tái bảo hiểm đối với các dự án điện than. Song song với việc này, VINARE chủ trương ưu tiên nhận tái bảo hiểm quá trình xây dựng, lắp đặt và vận hành cho các dự án năng lượng sạch như điện mặt trời, điện gió. Số lượng các dự án thuộc loại này được VINARE nhận tái bảo hiểm đã tăng mạnh trong năm 2022.

Để đảm bảo yếu tố bền vững trong hoạt động, chúng tôi đã lựa chọn những nhà cung ứng tuân thủ đầy đủ yêu cầu luật pháp, có ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, có đạo đức kinh doanh. Việc lồng ghép vấn đề bền vững trong các quyết định mua sắm giúp chúng tôi bám sát mục tiêu bền vững hơn, đặc biệt là đối với các vấn đề về môi trường.



Chống tham nhũng

Trong năm 2022, VINARE không có vụ việc tham nhũng nào được xác nhận.



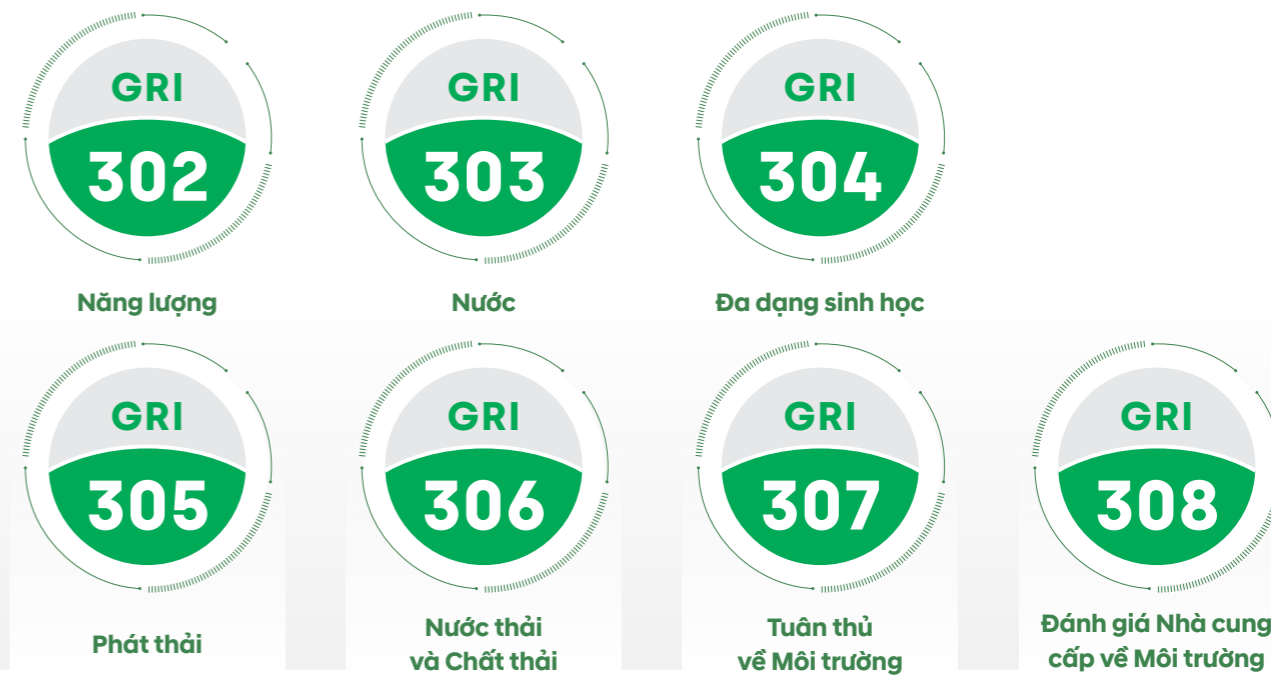
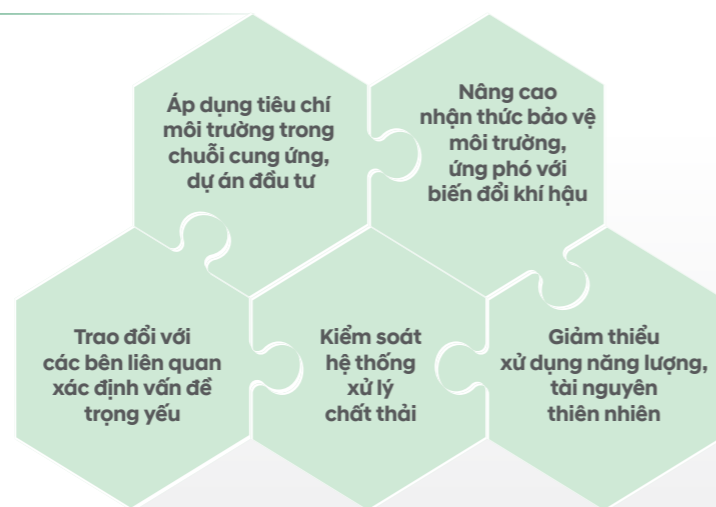
Các tiêu chuẩn Môi trường



Là doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của VINARE tác động không đáng kể đến môi trường. Vì vậy đối với hoạt động nội bộ, chúng tôi đẩy mạnh việc nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; chú trọng thực hiện kiểm soát hệ thống xử lý chất thải tại các tòa nhà của VINARE - đảm bảo đạt các tiêu chuẩn môi trường cho phép; giảm thiểu việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính.

Đối với các bên liên quan, vấn đề môi trường được chúng tôi đưa vào trong các nội dung trao đổi liên quan đến phát triển bền vững và đánh giá dựa trên mức độ quan tâm của các bên. Đặc biệt, tiêu chí về môi trường cũng được xem xét trong Quản trị chuỗi cung ứng và đánh giá các dự án đầu tư của VINARE.

Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động





Năng lượng

Theo dõi và kiểm soát số liệu năng lượng tiêu thụ



Tổng lượng xăng tiêu thụ của VINARE năm 2022
(lít)

8.934



Tổng lượng điện tiêu thụ năm 2022
(Kwh)

536.682



Tổng năng lượng tiêu thụ năm 2022
(GJ)

2.273,79

Nhằm kiểm soát tốt hơn tiêu thụ năng lượng trong quá trình hoạt động, VINARE đã thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng.

Tổng lượng xăng tiêu thụ của VINARE năm 2022 là 8.934 lít, tương ứng với 341,79 GJ. Nguồn tiêu thụ xăng của VINARE chủ yếu là từ các xe ô tô chở các cán bộ công tác tại Hà Nội và do sau năm 2021 dịch covid-19 nên các phương tiện hạn chế đi lại, nên năm 2022 các công việc trở lại sau dịch có xu hướng tăng khiến cán bộ phải đi công tác nội vùng và di chuyển nhiều hơn.

Năng lượng điện tiêu thụ của VINARE: Theo đó, tổng lượng điện tiêu thụ của VINARE năm 2022: 536.682 Kwh tương ứng với 1.932GJ do trong năm 2011 chủ yếu làm việc tại nhà và nghỉ do dịch covid nhưng năm 2022 có xu hướng trở lại văn phòng làm việc và làm việc nhiều hơn nên tổng năng lượng điện tiêu thụ cũng có xu hướng tăng.

Số liệu thống kê lượng xăng tiêu thụ của Tổng công ty VINARE năm 2022

	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lượng xăng tiêu thụ	8.934 lít	6.780 lít	9.739 lít
	341,79GJ	259,39GJ	372,61GJ
Tổng lượng điện tiêu thụ	536.682 Kwh	514.417Kwh	507.242Kwh
	1.932GJ	1.851GJ	1.826 GJ
Tổng năng lượng tiêu thụ	2.273,79GJ	2.110,39GJ	2.198,61GJ

Như vậy, trong năm 2022, tổng năng lượng tiêu thụ của VINARE là 2.273,79 GJ. Việc thực hiện kiểm soát chỉ số năng lượng năm 2022 là cơ hội để VINARE xây dựng hệ thống tiêu chuẩn các dữ liệu báo cáo liên quan đến việc thống kê năng lượng tiêu thụ tại tòa nhà trụ sở và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh; từ đó có cơ sở kiểm soát tốt hơn với các chỉ tiêu tiết giảm cụ thể trong những năm sau và nhờ dùng các biện pháp tiết kiệm năng lượng có hiệu quả Tổng năng lượng tiêu thụ giảm, nhưng do yếu tố sau dịch covid-19 việc cán bộ trở lại trụ sở công tác đã làm tăng đáng kể lượng năng lượng tiêu thụ.



Các giải pháp giảm tiêu thụ năng lượng góp phần giảm phát thải khí nhà kính

TIẾT KIỆM ĐIỆN TRONG CÁC TOÀ NHÀ

Theo số liệu Báo cáo tóm tắt về sử dụng năng lượng hợp lý tại các tòa nhà của Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững thế giới, tại hầu hết các nước, các tòa nhà tiêu thụ ít nhất 40% nguồn năng lượng, góp phần gia tăng cường độ phát thải khí nhà kính. Chính vì vậy, VINARE đã đẩy mạnh việc tiết kiệm điện năng tại các tòa nhà văn phòng của VINARE trên hệ thống.



Nguồn tiêu thụ điện năng

- Giải pháp tiêu thụ điện hiệu quả

Hệ thống điều hoà không khí (tiêu thụ 40-60% điện năng)

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Duy trì nhiệt độ ở mức 25-27 độ C, tránh chênh lệch nhiệt độ trong và ngoài không gian điều hoà, bố trí các phòng lạnh tiếp xúc trực tiếp với các bức xạ mặt trời...
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h30.

Hệ thống chiếu sáng (tiêu thụ 15-20%)

- Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang chấn lưu sắt từ...) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm điện, chấn lưu điện tử...).
- Đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường...).



Phát thải, Nước thải và Chất thải



Nước thải
(m³)

5.000



Chất thải
(m³)

168

Số liệu thống kê năm 2022

	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020
Nước thải	5.000 m ³	5.021 m ³	5.078 m ³
Chất thải	168 m ³	168,41 m ³	168,25 m ³

Năm 2022, VINARE tiếp tục duy trì hoạt động đánh giá các tác động tới môi trường từ hoạt động của tòa nhà trụ sở văn phòng. Các đánh giá này bao gồm:

- Phân tích tình hình sử dụng năng lượng bao gồm tiêu thụ điện và nhiên liệu trong năm 2022.
- Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian qua bao gồm biện pháp khống chế môi trường không khí, ô nhiễm môi trường nước, xử lý chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại; lượng và phương tiện PCCC tại chỗ.

Nội dung tóm tắt các biện pháp xử lý đối với nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường trong Đề án của VINARE như sau:

1 Nguồn chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là từ hoạt động văn phòng của cán bộ nhân viên trong tòa nhà. Thành phần chất thải rắn bao gồm giấy in hồng, bút hết mực, giấy bìa carton, vỏ hoa quả

Biện pháp xử lý kỹ thuật

- Tại mỗi tầng của tòa nhà, VINARE đều trang bị 01 thùng compost lớn và 01 thùng đựng rác nhỏ ở cuối cầu thang để thu gom rác.
- Hàng ngày, nhân viên vệ sinh tòa nhà dọn dẹp trong mỗi phòng của công ty thuê và quét dọn hành lang, khu vực xung quanh tòa nhà.
- Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh của tòa nhà sẽ thu gom tất cả rác trong thùng rác ở các tầng ra điểm rác trước cửa tòa nhà.
- Ký kết hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với Công ty môi trường quận Hoàn Kiếm để xử lý.

Các giải pháp môi trường

- Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in.
- Tái sử dụng các văn phòng phẩm bao gồm các loại bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa.

2 Nguồn chất thải khí

Khí thải từ các phương tiện giao thông:

Từ các phương tiện giao thông của Tòa nhà (sử dụng xăng và dầu DO) ra vào Tòa nhà.

Từ các phương tiện của khách ra vào Tòa nhà.

Từ các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến phố Lê Duẩn.

Bụi và khí thải của các phương tiện giao thông trong dự án góp phần làm gia tăng mức độ môi trường không khí khu vực nếu không có biện pháp giảm thiểu.

Sự gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường không khí sẽ kéo theo các tác động với sức khỏe cộng đồng dân cư sinh sống trong đô thị và khu vực xung quanh.

Biện pháp xử lý kỹ thuật

- Đặt các chậu cây cảnh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.
- Yêu cầu các phương tiện giao thông đi vào tòa nhà tắt máy trước khi cổng tòa nhà.
- Tổ chức sắp xếp, hướng dẫn chỗ để xe của khách đến làm việc tại tòa nhà.
- Hàng ngày, vệ sinh sạch sẽ khu vực tòa nhà.
- Bố trí quạt thông gió tại tầng hầm gửi xe của tòa nhà đảm bảo không khí thông thoáng.

Các giải pháp môi trường

- Khởi động chương trình Văn phòng xanh, khuyến khích việc trang trí nơi làm việc bằng cây xanh.
- Tiếp tục đẩy mạnh chương trình xây dựng môi trường lao động xanh, sạch và khoa.

CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG (TIẾP THEO)



NET ZERO

Báo cáo tổng hợp Khí thải nhà kính (GHG Protocol) tại VINARE (ĐVT: tấn CO₂)

	Hoạt động	Năm 2021	Năm 2022
Phạm vi 1	Đốt nhiên liệu vận hành hệ thống	0,00	0,00
	Đốt nhiên liệu vận hành phương tiện di chuyển của doanh nghiệp	25,44	32,88
	Đốt nhiên liệu vận hành hệ thống điều hòa	0,30	0,38
	Phạm vi 1 - Tổng	25,74	33,25
Phạm vi 2	Điện tiêu thụ cho hệ thống phát điện, điều hòa không khí, thiết bị văn phòng	222,31	152,10
	Điện tiêu thụ cho hệ thống nóng lạnh và sưởi	0,73	0,52
	Phạm vi 2 - Tổng	223,04	152,62
Phạm vi 3	Sử dụng phương tiện di chuyển phục vụ công tác	1,84	26,28
	Sử dụng phương tiện di chuyển phục vụ đưa đón nhân viên	0,04	0,04
	Phạm vi 3 - Tổng	1,88	26,32
Tổng cộng		250,67	212,19



Tại Hội nghị Thượng đỉnh khí hậu COP26 diễn ra ở Glasgow (Scotland), Việt Nam, cùng với nhiều nước trên thế giới đã cùng cam kết đạt mức phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050.

Báo cáo chi tiết đo lường Khí thải nhà kính GHG (theo GHG Protocol)

Theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, doanh nghiệp đại chúng bắt buộc phải công bố thông tin với hai tiêu chí môi trường: Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp và các biện pháp và sáng kiến nhằm giảm phát thải khí nhà kính.

Phạm vi 1 (Scope 1)	2022	2021	Ghi chú
S1 - Đốt nhiên liệu vận hành hệ thống (Stationary Combustion)			
Lượng nhiên liệu dùng cho máy phát điện trong năm (kg/MJ/GJ)	0	0	Kg dầu DO05
S1 - Nhiên liệu tiêu thụ bởi các phương tiện vận chuyển thuộc sở hữu hoặc được thuê bởi công ty (Mobile Combustion)			
Lượng xăng tiêu thụ trong năm (Lít)	8.934	6.780	Lít xăng A95
Quãng đường di chuyển trong năm (km)	49.633	39.675	km
S1 - Khí phát thải liên quan đến chất làm lạnh từ việc sử dụng hệ thống làm mát, hệ thống điều hòa và tủ lạnh (Refrigerants)			
Số lượng máy lạnh sử dụng trong năm (cái)	17	14	máy cục bộ CS từ 9000BTU - 22000BTU
Loại Gas lạnh Máy lạnh sử dụng (R-401A, R-401B, R-402A,...)	Gas Lạnh	Gas Lạnh	R 410
Khối lượng chất làm lạnh trong mỗi máy lạnh (kg)	0,8 - 1,5	0,6 - 0,9	Kg
Số lượng Tủ lạnh trong năm (cái)	4	3	400 - 650 lít
Loại Gas lạnh Tủ lạnh sử dụng (R-401A, R-401B, R-402A,...)	Gas Lạnh	Gas Lạnh	R134a
Khối lượng chất làm lạnh trong mỗi tủ lạnh (kg)	0,8 - 1,2	0,6 - 0,9	Kg
Số lượng máy làm lạnh khác trong năm (cái)	2	1	120 Ton
Loại Gas lạnh sử dụng (R-401A, R-401B, R-402A,...)	Gas Lạnh	Gas Lạnh	R134a
Khối lượng chất làm lạnh trong mỗi máy (kg)	228	197	Kg

CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG (TIẾP THEO)



Phạm vi 2 (Scope 2)	2022	2021	Ghi chú
S2 - Điện năng tiêu thụ cho hệ thống phát điện, điều hòa không khí, thiết bị văn phòng, điện tiêu thụ cho hệ thống nước nóng lạnh (Purchased Electricity)			
Lượng điện tiêu thụ cho hệ thống phát điện, điều hòa không khí, thiết bị văn phòng (kWh)	351.962	514.417	kWh
Lượng điện tiêu thụ cho hệ thống Máy nước nóng lạnh (bình tắm nóng lạnh):			
Lượng điện tiêu thụ của máy trong 1h (kWh)	0,3	0,2	kWh
Thời gian sử dụng máy trung bình/ngày	2	2	giờ
Số lượng máy có trong năm	11	11	Bình nóng lạnh
Lượng điện tiêu thụ cho cây nước nóng lạnh (máy uống nước):			
Lượng điện tiêu thụ của máy trong 1h (kWh)	0,2	0,2	kWh
Thời gian sử dụng máy trung bình/ngày	4	4	giờ
Số lượng máy có trong năm	7	7	Cây nước nóng
Phạm vi 3 (Scope 3)			
S3 - Phương tiện di chuyển phục vụ công tác, phục vụ đưa đón nhân viên (không thuộc sở hữu hoặc kiểm soát bởi công ty)			
Máy bay (dặm bay):			
Số chuyến công tác	39	2	
Số dặm bay	156.976	2.884	
Xe hơi (km):			
Số chuyến công tác	1	25	
Số km di chuyển	310	9.876	Miles

Sáng kiến trong việc giảm phát thải nhà kính (GHG)

Tại Hội nghị Thượng đỉnh khí hậu COP26 diễn ra ở Glasgow (Scotland), Việt Nam, cùng với nhiều nước trên thế giới đã cùng cam kết đạt mức phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050. Theo đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định 06 quy định giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozon; Quyết định số 01 phê duyệt danh mục các cơ sở phát thải cần kiểm kê khí nhà kính; Quyết định số 148 của Thủ tướng Chính phủ về những giám sát liên quan đến biến đổi khí hậu; Quyết định số 888/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về nhiệm vụ, giải pháp đột phá triển khai kết quả Hội nghị COP26 về biến đổi khí hậu; Kế hoạch hành động giảm phát thải khí methane đến năm 2030; Ban hành chiến lược biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050; Rà soát, cập nhật NDC 2022 để hiện thực hóa cam kết Net Zero của Việt Nam.

STT	Sáng kiến	Biện pháp áp dụng	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Sử dụng năng lượng	Sử dụng điều hòa nhiệt độ và thiết bị lạnh hiệu suất cao trong dịch vụ thương mại và gia dụng; sử dụng đèn thấp sáng tiết kiệm điện; sử dụng thiết bị đun nước nóng mặt trời;	X	X	X
2	Cung cấp năng lượng	Giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu (xăng) đối với xe cơ giới; Chuyển đổi phương thức vận tải hành khách và hàng hoá; sử dụng nhiên liệu sinh học/tái chế; sử dụng các loại xe máy, ô tô, xe buýt chạy điện.	X	X	X
3	Quản lý cây trồng tổng hợp	Sử dụng năng lượng tái tạo như thủy điện nhỏ, năng lượng gió, mặt trời;		X	X
		Áp dụng các công nghệ trong tưới nước và bón phân cho cây dài ngày;	X	X	X
		Tuần hoàn chất thải hữu cơ	X	X	X
		Bổ sung cây xanh trong khuôn viên;	X	X	X
4	Hoạt động bảo vệ rừng	Dự án/sự kiện bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có ở vùng đồi núi, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng ven biển; Dự án về phục hồi rừng phòng hộ và rừng đặc dụng;		X	X
5	Quản lý chất thải	Giảm phát sinh chất thải rắn; Thu hồi, xử lý chất thải rắn	X	X	X
		Áp dụng công nghệ tái chế chất thải rắn		X	X
		Tối ưu hóa điều kiện xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp	X	X	X



Các tiêu chuẩn Xã hội



VINARE xác định con người là yếu tố cốt lõi, quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Chính vì vậy, trong chiến lược quản trị nguồn nhân lực của VINARE, các giải pháp được tập trung vào việc xây dựng, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ trong các lĩnh vực then chốt; xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp, thân thiện; triển khai hệ thống đánh giá hiệu quả làm việc... được liên kết với nhau chặt chẽ, dựa trên tầm nhìn, quy tắc đạo đức ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của VINARE.



VINARE trân trọng và ý thức rằng những giá trị do các thành viên tạo ra đều đóng góp vào thành công chung của doanh nghiệp ngày hôm nay, không phân biệt vị trí, độ tuổi, giới tính, trình độ, địa vị xã hội, tính cách, phong cách sống, quá trình tư duy, kinh nghiệm làm việc, nguồn gốc dân tộc... mang đến cho các thành viên một môi trường làm việc năng động, công bằng, mỗi cá nhân đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện để hướng đến sự thành công và phát triển sự nghiệp tại VINARE.



Những quyền lợi cơ bản của nhân viên, cán bộ

VINARE

- Những chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
- Khám sức khỏe định kỳ: hàng năm, Tổng công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- Các chế độ bảo hiểm: ngoài các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định hiện hành của Nhà nước như Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp, Tổng công ty mua Bảo hiểm Tai nạn thân thể và Trợ cấp năm viện, Bảo hiểm Nhân thọ cho người lao động. Chế độ Bảo hiểm Nhân thọ bắt đầu thực hiện từ năm 2019.
- Các khoản trợ cấp: người lao động được hưởng các khoản trợ cấp từ quỹ phúc lợi trong các trường hợp sau:
 - Khó khăn đột xuất, ốm đau, bệnh tật
 - Trợ cấp đối với lao động nữ nghỉ sinh con
 - Tặng quà nhân dịp sinh nhật, nghỉ hưu, kết hôn
 - Chi phí nghỉ mát hàng năm ...
- Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn: tùy theo nhu cầu hoạt động, kế hoạch và quy hoạch cán bộ, người lao động được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước.
- Trong năm 2022, VINARE đã dành ngân sách 896 triệu VND để đầu tư cho các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, tiến hành đào tạo cho 17 lượt cán bộ đào tạo các khóa nghiệp vụ trong nước, 9 lượt cán bộ đào tạo các khóa nghiệp vụ nước ngoài và 2 lượt cán bộ đào tạo khóa nghiệp vụ nước ngoài theo hình thức online.
- Người lao động được hưởng thu nhập từ lương và các lợi ích khác theo cơ chế gắn liền với hiệu quả lao động sản xuất kinh doanh.
- Chính sách bổ nhiệm cán bộ được minh bạch - công khai theo quy trình và cần trọng.



GRI 100 GRI 200 GRI 300 GRI 400



GRI 401

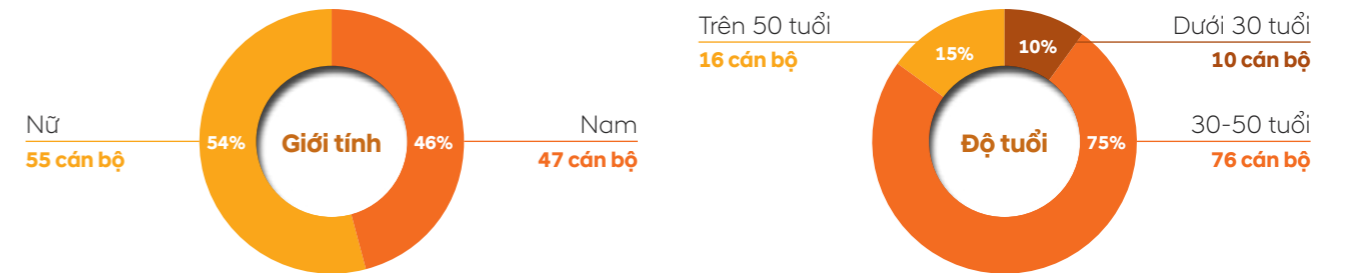
Việc làm

Cơ cấu lực lượng lao động tại VINARE

Năm 2022, tổng số lao động của VINARE là 102 người (tăng 01 người so với năm 2021) bao gồm 14 Ban và Chi nhánh. Về cơ cấu lao động năm 2022 ít có sự thay đổi so với năm 2021, tỷ lệ lao động Nam chiếm 46% so với lao động Nữ 54%; tỉ lệ lao động trẻ vẫn được VINARE duy trì trong những năm gần đây, năm 2022, lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 10%, lao động trong độ tuổi trung niên (từ 30 đến dưới 50 tuổi) chiếm 75%, lao động từ 50 tuổi trở lên đã gần bó lâu năm với VINARE chiếm 15%.

Về trình độ lao động, với mục tiêu xây dựng, duy trì đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, năm 2022 lao động của VINARE tiếp tục duy trì tỉ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học ở mức cao, chiếm trên 80%, riêng lao động có trình độ trên đại học chiếm 25%, lao động có trình độ cao đẳng trở xuống giảm so với năm trước, ở mức 18% (trong đó lao động có trình độ cao đẳng chiếm 9%).

Cơ cấu lao động theo các tiêu chí



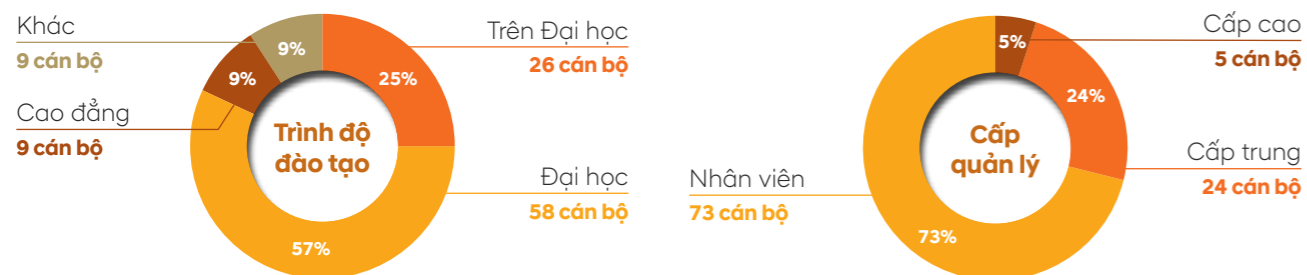
Năm 2022, tỷ lệ thôi việc của VINARE là 3%, trong đó sự chênh lệch về tỉ lệ thôi việc của nam giới (3%) và nữ giới (0%). Lao động trên 50 tuổi có xu hướng ổn định cao nhất nên tỉ lệ thôi việc là 0%, trong khi đó, lao động dưới 30 tuổi chiếm tỉ lệ thôi việc là 0% và lao động trong độ tuổi từ 30-50 tuổi có tỉ lệ thôi việc ở mức trung bình là 3%.

		<30	30-50	>50	Nam	Nữ	Tổng cộng
Số lượng cán bộ nghỉ việc năm 2021	Số lượng (người)	1	1	0	1	1	2
	Tỷ lệ (%)	2%	2%	0%	2%	2%	4%
Số lượng cán bộ nghỉ việc năm 2022	Số lượng (người)	0	3	0	3	0	3
	Tỷ lệ (%)	0%	3%	0%	3%	0%	3%



GRI 402 **Mối quan hệ Lao động và Quản lý**

Về cơ cấu cán bộ quản lý, VINARE tiếp tục duy trì tỉ lệ hợp lý giữa cán bộ quản lý và nhân viên, đảm bảo tính tối ưu trong quản trị, điều hành doanh nghiệp. Năm 2022, tổng số cán bộ quản lý của VINARE là 29 người, chiếm tỉ lệ 29% trong tổng số lao động; trong đó, cán bộ quản lý cấp cao là 5 người, chiếm 5% và cán bộ quản lý cấp trung là 24 người, chiếm 24%.



GRI 403 **An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp**

VINARE hiểu rằng để tổ chức có thể thành công và đi đến đích cần dựa vào đội ngũ nhân lực với sự quyết tâm và đồng lòng vì mục tiêu chung. Vì vậy, VINARE luôn trân trọng những đóng góp và cống hiến của đội ngũ cán bộ cho thành công chung của VINARE. Điều này được thể hiện qua chính sách lương thưởng và hệ thống phúc lợi cạnh tranh với thị trường nhằm đảm bảo về mặt vật chất, đồng thời cũng là sự nhận của VINARE đối với sự gắn bó và cam kết với công việc của cán bộ.

Chính sách chăm sóc sức khỏe người lao động và người thân

Kết quả khảo sát năm 2022 của VINARE về sự hài lòng của nhân viên cho thấy trên 95% người lao động cảm thấy rất hài lòng với các chế độ phúc lợi ngoài tiền lương mà VINARE đang áp dụng.

Năm 2022, VINARE tiếp tục thể hiện sự quan tâm đến sức khỏe của người lao động thông qua việc thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, với danh mục khám được mở rộng hơn, gia tăng quyền lợi tối đa cho người lao động.

Bên cạnh đó, các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe của cán bộ được chúng tôi khuyến khích thông qua việc tổ chức các lớp học, các câu lạc

bộ như lớp học Yoga, lớp học nhảy, giải thi đấu tennis, giải giao hữu bóng đá, giải giao hữu golf.

Đối với các cán bộ nghỉ hưu, ngoài việc tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp Lễ, Tết, VINARE vẫn duy trì mua Bảo hiểm Tai nạn thân thể và Trợ cấp năm viện trong 2-5 năm từ khi nghỉ hưu.

Thực hiện các quy định của pháp luật lao động hiện hành, các hoạt động đối thoại thông qua chương trình Hội nghị người lao động, tổ chức công đoàn, các khảo sát nội bộ nhằm tìm hiểu tâm tư nguyện vọng, cũng như chia sẻ định hướng kinh doanh, kết quả hoạt động của VINARE, gắn kết và hài hòa mục tiêu và động cơ cá nhân với mục tiêu chung của tổ chức.

GRI 404 **Giáo dục và Đào tạo**

Trong xu thế hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, VINARE xác định đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức để duy trì và phát triển các thành tựu đã đạt được. Nhận thức rõ việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là xu thế chung, VINARE đã đầu tư xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng để tạo lợi thế cạnh tranh thông qua các hoạt động:



Các cán bộ có nhu cầu học thêm để nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, ngoại ngữ đều được tài trợ chi phí đào tạo theo quy chế, quy định của Tổng công ty.

GRI 405 **Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng**

Tuyển dụng nhân sự và thu hút người tài

Nhận thức rõ tầm quan trọng của nguồn lực con người trong việc thực hiện thành công mục tiêu kinh doanh hằng năm và chiến lược phát triển bền vững của VINARE, VINARE không ngừng hoàn thiện cơ chế chính sách, đầu tư nguồn lực tài chính để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện thu nhập, gia tăng các lợi ích, phúc lợi tài chính và phi tài chính cho người lao động để tạo động lực làm việc, tăng cường sự gắn kết và nâng cao năng suất lao động thông qua nhiều chính sách nhân sự.

Đối xử công bằng với người lao động

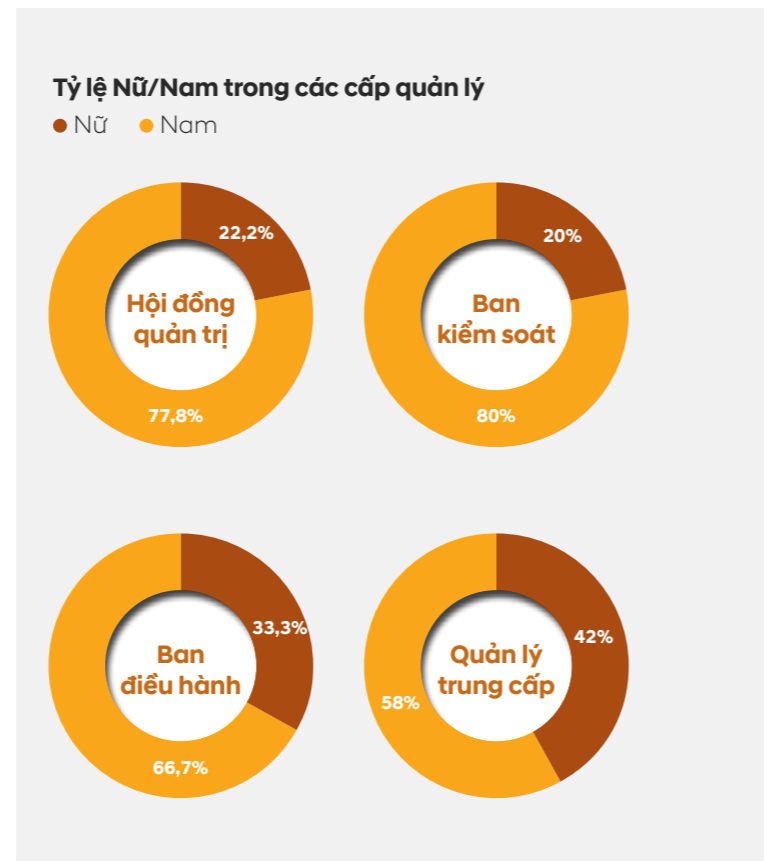
Việc đối xử công bằng với người lao động có vai trò quan trọng trong việc hình thành một môi trường làm việc tốt, tạo động lực cho nhân viên, phát huy khả năng, gắn bó với VINARE. Các hoạt động trong chính sách nhân sự của VINARE đều hướng tới các mục tiêu chính:

- Không phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, tình trạng sức khỏe hoặc vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của pháp luật lao động.
- Trả lương công bằng cho nhân viên theo hiệu quả làm việc
- Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người lao động. Mọi nhân viên đều có quyền đóng góp ý kiến vào việc xây dựng và phát triển VINARE.
- Mọi nhân viên có cơ hội như nhau trong hoạt động tuyển dụng, đào tạo và thăng tiến.

VINARE đảm bảo sự công bằng trong mọi hoạt động của doanh nghiệp, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cũng như tạo điều kiện để các cán bộ nữ được thực sự tham gia công tác chuyên môn, quy hoạch và bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo.

Cùng với Công đoàn, “Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ” của VINARE giữ vai trò quan trọng trong việc trong việc đưa vấn đề giới vào quá trình xây dựng, thực hiện chính sách nhân sự tại VINARE; đảm bảo các cán bộ nữ được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và chế độ phúc lợi như: bảo hiểm xã hội, các ngày nghỉ theo chế độ của người lao động nữ, nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội, tham gia các loại hình bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, khám sức khỏe định kỳ và sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp.

Trong bộ máy quản lý, điều hành của VINARE đều có sự tham gia của nữ cán bộ.



GRI 406 **Không phân biệt đối xử**

Hệ thống quản lý và trả lương theo hiệu quả làm việc



Chính sách trả lương theo hiệu quả làm việc

VINARE chủ trương xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh về nguồn nhân lực, thu hút nhân tài, gìn giữ nguồn lao động có chất lượng cao, tạo động lực làm việc và nâng cao năng suất lao động.

Với chiến lược phát triển nguồn nhân lực đã được Hội đồng quản trị thông qua, năm 2022, VINARE tiếp tục triển khai chính sách thu nhập gắn liền với hiệu quả làm việc, tham gia khảo sát, điều tra tiền lương thị trường để xác định dải lương, mức lương trả cho người lao động tương ứng với từng cấp bậc công việc, hiệu quả công việc đạt được, đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với bên ngoài.

Chính sách đánh giá hiệu quả làm việc

VINARE tiếp tục duy trì chính sách quản lý hiệu quả làm việc nhằm thiết lập, kiểm soát, đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, phân loại hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân, làm căn cứ xem xét điều chỉnh lương hằng năm và thưởng hiệu quả làm việc đối với cá nhân người lao động dựa trên thành tích, mức độ đóng góp vào thành công của tổ chức; góp phần tạo cơ chế thu nhập công bằng, cạnh tranh trong chính sách lương của VINARE.

Hệ thống quản lý hiệu quả làm việc vẫn tiếp tục được áp dụng và ngày càng hoàn thiện để nâng cao hiệu quả trong thực tiễn. Kể từ khi triển khai, hệ thống này giúp cho việc gắn kết giữa mục tiêu của VINARE đến từng ban và cấp nhân viên, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, bằng cách trang bị cho mọi cá nhân trong tổ chức năng lực và các công cụ giúp nhận biết

rõ ràng về các mong đợi của VINARE, tạo điều kiện để các cá nhân có thể hoạt động hiệu quả, phát huy được mọi khả năng, tiềm năng của họ và đóng góp vào thành công của VINARE.

Kết quả đánh giá hiệu quả làm việc hàng năm được VINARE sử dụng làm cơ sở để điều chỉnh lương hàng năm và trả lương hiệu quả làm việc. Chính sách này đảm bảo người lao động được trả lương nhất quán, minh bạch rõ ràng, đúng với tính chất công việc, hiệu quả làm việc và nỗ lực của bản thân, tạo động lực làm việc cho người lao động.

Thu nhập người lao động VINARE trong năm 2022 bao gồm:

Tiền lương:

- Lương cơ bản, lương cố định hàng tháng.
- Lương theo hiệu quả làm việc.
- Lương cho các ngày nghỉ hàng năm mà người lao động chưa nghỉ.

Các chế độ đãi ngộ khác:

- Phúc lợi nhân dịp ngày thành lập VINARE, nhân ngày Lễ, Tết.
- Các khoản trợ cấp điện thoại, công tác phí, phương tiện đi lại, trang phục, nghỉ mát,
- Các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ.
- Chế độ bảo hiểm sức khỏe và nằm viện.
- Chế độ bảo hiểm nhân thọ cho đội ngũ lãnh đạo cấp trung trở lên và cán bộ có thâm niên từ 15 năm trở lên.



GRI 407

Quyền tham gia công đoàn và Thương lượng tập thể

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GẮN KẾT - VĂN HÓA VỮNG MẠNH

VINARE đã xây dựng văn hóa đoàn kết, lối ứng xử hòa nhã trong môi trường làm việc. Các hoạt động team-building, các sinh hoạt thể thao, văn hóa, văn nghệ được tổ chức định kỳ vào các dịp kỷ niệm được sự tham gia hưởng ứng của toàn thể cán bộ nhân viên trong Tổng công ty. Trong năm 2022 VINARE đã ban hành Bộ Quy tắc ứng xử và Đạo đức nghề nghiệp.

XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP GIÀU BẢN SẮC: VINARE - KẾT NỐI THỊ TRƯỜNG - NÂNG TẦM CAO MỚI

Văn hóa doanh nghiệp VINARE là tài sản vô hình, bao gồm toàn bộ các giá trị văn hóa được xây dựng và hình thành trong suốt quá trình tồn tại và phát triển và trở thành các giá trị tinh thần, quan niệm, tập quán truyền thống, chi phối tình cảm, suy nghĩ và hành vi của mỗi cán bộ nhân viên.

Việc duy trì nét bản sắc văn hóa riêng giúp VINARE trở nên khác biệt, tạo dấu ấn thương hiệu và góp phần tạo nên lợi thế cạnh tranh cho VINARE. Góp phần tạo dựng và truyền tải nét văn hóa đặc trưng ấy là các Lãnh đạo, cán bộ nhân viên VINARE thông qua hành động, thái độ của mỗi cá nhân trong giao tiếp ứng xử nội bộ và bên ngoài.

GẮN KẾT TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH - MỖI CÁN BỘ LÀ MỘT ĐẠI SỨ THƯƠNG HIỆU

Với mong muốn cán bộ có thể cảm nhận rõ hơn về ý nghĩa những hoạt động cộng đồng mà VINARE đang thực hiện, chúng tôi khuyến khích cán bộ tham gia vào các trải nghiệm thực tế khi cùng tham gia các dự án cộng đồng của VINARE.

GẮN KẾT TRONG HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG - GÓP SỨC VÌ MỤC TIÊU CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP

Cụm từ "Phát triển bền vững" đang ngày trở nên quen thuộc hơn với cán bộ nhân viên VINARE với các thông điệp được truyền thông liên tục trong bản tin toàn hệ thống. Thông qua chuỗi các bài viết truyền thông, hệ thống chữ ký điện tử, poster kêu gọi sử dụng năng lượng hiệu quả ... nhằm nâng cao ý thức của cán bộ đối với vấn đề phát triển bền vững và mục tiêu bảo vệ môi trường.

Thực hiện trách nhiệm xã hội

Cùng với mục tiêu tăng trưởng vững chắc về kinh tế, chiến lược phát triển bền vững của VINARE hướng tới cân bằng các lợi ích cho cộng đồng và môi trường. Chính vì vậy, thực hiện trách nhiệm xã hội là trọng tâm hướng tới của VINARE.



Với mong muốn đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng, VINARE cũng thực hiện đầu tư vào các dự án vì cộng đồng. Với VINARE, thực hiện các hoạt động vì cộng đồng là đầu tư dài hạn cho doanh nghiệp. Chúng tôi thay mặt cho các cổ đông, thực hiện các dự án phát triển cộng đồng, nhằm đem lại lợi ích cho cộng đồng và cho chính VINARE thông qua việc tối đa hóa giá trị của các dự án cộng đồng mang lại cho người dân địa phương và mức độ ảnh hưởng của VINARE tại địa phương đó.

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2023
 Xác nhận của Người Đại diện theo pháp luật về
 Báo cáo thường niên năm 2022



MAI XUÂN DŨNG
 TỔNG GIÁM ĐỐC

7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÀNH CÔNG

198 Báo cáo tài chính hợp nhất
255 Báo cáo tài chính riêng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Số 28/GP/KDBH đề ngày 15 tháng 11 năm 2004 do Bộ Tài chính cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất là số 28/GPĐC5/KDBH được cấp ngày 6 tháng 9 năm 2021.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Chủ tịch
	Bà Anna Lee Oh Wah	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 8 năm 2022)
	Ông Jared Orchard	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)
	Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)
	Ông Đào Nam Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)
	Ông Phạm Phan Dũng	Thành viên
	Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên
	Ông Nguyễn Đình An	Thành viên
	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên	

Ban Kiểm soát	Ông Trần Trung Tính	Trưởng ban
	Ông Vũ Ngọc Vượng	Thành viên
	Bà Lê Thị Thanh Hiền	Thành viên
	Ông Tushar Chatterjee	Thành viên
	Ông Đào Mạnh Dương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Mai Xuân Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2023)

Người đại diện theo pháp luật Ông Mai Xuân Dũng Tổng Giám đốc

Trụ sở chính Tầng 7, 141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Kiểm toán viên Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đối với Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tổng Công ty và công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty và công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 202 đến trang 254. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



MAI XUÂN DŨNG

Tổng Giám đốc

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam ("Tổng Công ty") và công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022, và được Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 202 đến trang 254.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



NGUYỄN PHI LAN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0573-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

ĐẶNG THÁI SƠN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4668-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 3283
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.110.927.838.927	5.413.636.204.872
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	62.299.850.107	25.281.771.911
111	Tiền		50.999.850.107	25.281.771.911
112	Các khoản tương đương tiền		11.300.000.000	-
120	Đầu tư ngắn hạn	4	2.448.421.841.342	2.555.626.973.276
121	Chứng khoán kinh doanh		173.907.022	173.907.022
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(173.907.022)	(173.907.022)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.449.930.445.739	2.555.627.849.488
124	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn		(1.508.604.397)	(876.212)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		734.437.899.128	749.104.853.143
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	574.051.278.975	574.919.058.343
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		574.020.303.681	574.030.810.370
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		30.975.294	888.247.973
132	Trả trước ngắn hạn cho người bán		210.900.000	189.648.282
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	199.397.155.234	199.777.878.746
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(39.221.435.081)	(25.781.732.228)
140	Hàng tồn kho	8	3.733.935.360	10.906.163.404
141	Hàng tồn kho		3.978.566.815	12.285.428.859
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(244.631.455)	(1.379.265.455)
150	Tài sản ngắn hạn khác		421.137.138.034	455.060.722.169
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	419.833.617.004	453.284.805.473
151.1	- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ		419.575.164.824	453.183.431.245
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		258.452.180	101.374.228
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		1.298.192.006	1.775.916.696
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		5.329.024	-
190	Tài sản tái bảo hiểm		1.440.897.174.956	1.617.655.720.969
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	19(a)	539.131.785.146	480.852.069.331
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	19(b)	901.765.389.810	1.136.803.651.638

Các thuyết minh từ trang 210 đến trang 254 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.015.550.990.215	1.742.978.080.307
210	Các khoản phải thu dài hạn		24.343.353.424	25.936.008.219
218	Phải thu dài hạn khác		24.343.353.424	25.936.008.219
218.1	- Ký quỹ bảo hiểm	2.11	22.000.000.000	22.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác	6(b)	2.343.353.424	3.936.008.219
220	Tài sản cố định		7.475.165.347	7.763.664.750
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	7.475.165.347	7.763.664.750
222	Nguyên giá		31.352.944.471	30.710.866.071
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(23.877.779.124)	(22.947.201.321)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	-	-
228	Nguyên giá		32.434.195.934	32.434.195.934
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.434.195.934)	(32.434.195.934)
230	Bất động sản đầu tư	11	4.591.264.839	6.409.861.437
231	Nguyên giá		34.055.061.893	34.055.061.893
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(29.463.797.054)	(27.645.200.456)
240	Tài sản dở dang dài hạn		21.306.605.255	17.107.901.513
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	12	14.036.123.679	14.036.123.679
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		7.270.481.576	3.071.777.834
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.947.745.227.843	1.675.986.694.437
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(c)	338.240.028.217	312.911.750.370
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	309.296.176.180	337.701.918.974
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(c), 4(d)	(24.600.686.400)	(474.000.291)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(d)	1.324.809.709.846	1.025.847.025.384
260	Tài sản dài hạn khác		10.089.373.507	9.773.949.951
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	1.489.415.725	964.663.623
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		741.624.449	950.952.995
268	Tài sản dài hạn khác	13	7.858.333.333	7.858.333.333
270	TỔNG TÀI SẢN		7.126.478.829.142	7.156.614.285.179

Các thuyết minh từ trang 210 đến trang 254 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		3.669.148.286.585	3.870.939.538.027
310	Nợ ngắn hạn		3.668.095.927.009	3.869.948.911.283
311	Phải trả cho người bán	14	446.338.966.173	483.810.717.898
311.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		444.926.702.759	482.821.864.066
311.2	- Phải trả khác cho người bán		1.412.263.414	988.853.832
312	Người mua trả tiền trước		641.838.862	1.411.832.743
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	30.243.810.801	17.428.131.172
314	Phải trả người lao động		23.553.328.343	28.609.644.657
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		1.227.469.537	324.371.676
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16(a)	54.830.680.934	49.687.581.072
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	16(a)	112.203.575.689	99.311.540.367
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	32.662.726.852	25.929.549.564
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	28.436.745.506	26.088.235.092
329	Dự phòng nghiệp vụ	19	2.937.956.784.312	3.137.347.307.042
329.1	- Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm		1.148.013.393.804	1.095.520.329.811
329.2	- Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		1.592.468.265.070	1.857.062.704.442
329.3	- Dự phòng dao động lớn		197.475.125.438	184.764.272.789
330	Nợ dài hạn		1.052.359.576	990.626.744
337	Phải trả dài hạn khác	16(b)	1.052.359.576	990.626.744
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.457.330.542.557	3.285.674.747.152
410	Vốn chủ sở hữu		3.457.330.542.557	3.285.674.747.152
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20	1.507.371.300.000	1.507.371.300.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.507.371.300.000	1.507.371.300.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	369.756.607.309	369.756.607.309
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	206.077.621.278	206.077.621.278
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	21	150.737.130.000	147.705.447.699
421	Lợi nhuận chưa phân phối	21	1.191.435.474.370	1.021.039.304.742
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế của các năm trước		825.016.470.707	700.769.765.222
421b	- Lợi nhuận sau thuế của năm nay		366.419.003.663	320.269.539.520
429	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		31.952.409.600	33.724.466.124
440	TỔNG NGUỒN VỐN		7.126.478.829.142	7.156.614.285.179

Các thuyết minh từ trang 210 đến trang 254 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Tại ngày	
			31/12/2022	31/12/2021
1	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	2.068.564,40	461.003,78
	Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
	Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
	Đô la Singapore	SGD	1.119,87	2.974,87
	Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	74,24	257.206,30

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 210 đến trang 254 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.514.308.357.861	1.605.861.780.616
11	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		13.822.954.311	39.429.595.709
12	Doanh thu hoạt động tài chính	28	400.134.424.278	440.196.284.389
13	Thu nhập khác		985.724.488	627.774.476
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.277.076.254.994)	(1.476.106.971.239)
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(9.492.836.244)	(33.250.635.479)
22	Chi phí hoạt động tài chính	29	(102.322.056.599)	(95.917.055.674)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(116.490.295.677)	(89.519.195.164)
24	Chi phí khác		(725.937.423)	(416.016.290)
25	Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	4(c)	39.783.389.736	32.381.023.580
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		462.927.469.737	423.286.584.924
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	33	(84.333.563.188)	(77.181.859.898)
52	Thuế TNDN hoãn lại	33	(209.328.546)	950.952.995
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		378.384.578.003	347.055.678.021
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	2.451	2.235
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	2.451	2.235

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 210 đến trang 254 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
1	Doanh thu phí bảo hiểm	23	2.316.377.064.685	2.347.344.273.540
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		2.368.870.128.678	2.246.160.196.791
1.3	- Tăng/(giảm) dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc		52.493.063.993	(101.184.076.749)
2	Phí nhượng tái bảo hiểm	24	(1.035.745.910.966)	(962.796.018.762)
2.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(1.094.025.626.781)	(973.383.862.953)
2.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		58.279.715.815	10.587.844.191
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần		1.280.631.153.719	1.384.548.254.778
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		233.677.204.142	221.313.525.838
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	16	214.834.397.860	205.117.518.035
4.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	27(a)	18.842.806.282	16.196.007.803
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.514.308.357.861	1.605.861.780.616
11	Chi bồi thường		(976.933.211.110)	(856.127.582.862)
11.1	- Tổng chi bồi thường		(976.933.211.110)	(856.127.582.862)
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm		616.506.062.624	548.472.453.322
13	(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		(169.200.647.067)	263.813.338.082
14	(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		(153.448.695.516)	180.782.500.303
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	25	(344.675.196.935)	(390.685.967.319)
16	Tăng dự phòng dao động lớn	19(b)	12.710.852.649	12.699.169.578
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(919.690.205.410)	(1.072.721.834.342)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	26	(892.989.696.846)	(1.049.234.929.108)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	27(b)	(26.700.508.564)	(23.486.905.234)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.277.076.254.994)	(1.476.106.971.239)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		237.232.102.867	129.754.809.377
20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		13.822.954.311	39.429.595.709
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(9.492.836.244)	(33.250.635.479)
22	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản		4.330.118.067	6.178.960.230

Các thuyết minh từ trang 210 đến trang 254 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	28	400.134.424.278	440.196.284.389
24	Chi phí hoạt động tài chính	29	(102.322.056.599)	(95.917.055.674)
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính		297.812.367.679	344.279.228.715
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(116.490.295.677)	(89.519.195.164)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		422.884.292.936	390.693.803.158
31	Thu nhập khác		985.724.488	627.774.476
32	Chi phí khác		(725.937.423)	(416.016.290)
40	Lợi nhuận khác - số thuần		259.787.065	211.758.186
40.1	Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết 4(c)		39.783.389.736	32.381.023.580
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		462.927.469.737	423.286.584.924
51	Thuế TNDN hiện hành	33	(84.333.563.188)	(77.181.859.898)
52	Thuế TNDN hoãn lại	33	(209.328.546)	950.952.995
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		378.384.578.003	347.055.678.021
	Phân bổ cho			
61	Tổng Công ty		380.156.634.527	346.949.022.171
62	Cổ đông không kiểm soát		(1.772.056.524)	106.655.850
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.451	2.235
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu		2.451	2.235

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng

MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 210 đến trang 254 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	968.004.203.788	691.598.279.339
02	Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	(770.423.212.950)	(588.112.339.933)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(63.201.354.905)	(54.557.008.523)
05	Trả tiền nộp thuế TNDN	(73.516.269.944)	(76.260.650.384)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	14.590.712.543	48.752.021.602
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(38.451.453.822)	(61.474.076.965)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	37.002.624.710	(40.053.774.864)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5.498.472.350)	(2.291.321.234)
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.927.548.482.791)	(1.468.609.200.000)
24	Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.712.648.314.110	1.343.149.210.067
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28.405.742.794	19.652.181.917
27	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	386.455.730.285	315.533.321.727
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	194.462.832.048	207.434.192.477
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(195.958.269.000)	(196.613.905.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(195.958.269.000)	(196.613.905.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	35.507.187.758	(29.233.487.887)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	25.281.771.911	55.424.073.810
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.510.890.438	(908.814.012)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	62.299.850.107	25.281.771.911

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng

MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 210 đến trang 254 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON

Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 28/GP/KDBH để ngày 15 tháng 11 năm 2004 do Bộ Tài Chính cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất là số 28/GPĐC5/KDBH được cấp ngày 6 tháng 9 năm 2021.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được chính thức niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 13 tháng 3 năm 2006 với mã chứng khoán là VNR.

Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Báo cáo tài chính hợp nhất không chịu ảnh hưởng bởi tính thời vụ mà phụ thuộc vào biến động của thị trường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có một công ty con và một công ty liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 4(c) – Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Chi tiết như sau:

	Lĩnh vực hoạt động kinh doanh	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ
Công ty con				
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare	Đầu tư	Hà Nội, Việt Nam	63,9%	63,9%
Công ty liên kết				
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	Bảo hiểm	Hà Nội, Việt Nam	25%	25%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty và công ty con có 101 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 98 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng Công ty và công ty con sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo một tỷ giá là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch. Tổng Công ty và công ty con đảm bảo tỷ giá xấp xỉ có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình, và không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua hoặc tỷ giá bán của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tổng Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng Công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của công ty con sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tổng Công ty. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tổng Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty và công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng Công ty và công ty con vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong các công ty liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết, Tổng Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tổng Công ty và công ty con sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải thu của khách hàng về hợp đồng tái bảo hiểm là khoản phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm bao gồm phải thu phí nhận tái bảo hiểm, phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm, phải thu hoa hồng nhượng tái và các khoản phải thu khác nhận nhượng tái bảo hiểm tại thời điểm cuối năm;
- Phải thu khác của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ngoài hoạt động kinh doanh bảo hiểm; và
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Khi trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi của một đối tượng nợ có số dư cả phải thu và phải trả, Tổng Công ty và công ty con căn cứ biên bản đối chiếu công nợ đã gửi đi để trích lập dự phòng trên cơ sở số còn phải thu sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả của đối tượng này. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở giá mua và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để mua sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí kinh doanh trong năm.

2.10 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, đầu tư vào các quỹ ủy thác có thời điểm tất toán được thống nhất trước với các công ty quản lý quỹ theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Đối với các khoản đầu tư vào các quỹ ủy thác, Ban Tổng Giám đốc lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ một khoản đầu tư cao hơn giá trị của khoản đầu tư đó trên báo cáo giá trị tài sản ròng tại ngày kết thúc năm tài chính do các quỹ ủy thác cung cấp.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.11 Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định. Khoản ký quỹ được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hợp đồng ký quỹ. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

2.12 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4%/năm
Phương tiện vận tải	17%/năm
Thiết bị văn phòng	25%/năm
TSCĐ hữu hình khác	20% - 25%/năm
Phần mềm	20%/năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng Công ty và công ty con bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong thời gian sử dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của bất động sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư là 25 năm.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.15 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

HĐHTKD có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong HĐHTKD có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

2.16 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng chưa phân bổ, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty và công ty con. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc.

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ được Tổng Công ty và công ty con xác định tại thời điểm kết thúc năm tài chính theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với phần dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng (Thuyết minh 2.21(a)) như sau:

Loại hình hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng tái bảo hiểm	
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm
Bảo hiểm vận chuyển hàng hóa (đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không)	25%	55%
Các loại hình bảo hiểm khác	50%	55%

Đối với các khoản chi phí trả trước khác, các khoản chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.17 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải trả liên quan đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ không liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.18 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tổng Công ty và công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tổng Công ty và công ty con đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tổng Công ty và công ty con trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty và công ty con chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty và công ty con không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 theo đó trợ cấp thôi việc ghi nhận trên cơ sở thực chi.

2.21 Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các giả định và phương pháp mà chuyên gia tính toán được chỉ định của Tổng Công ty xác lập đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê chuẩn và các quy định và hướng dẫn trong:

- Thông tư 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 (thay thế Thông tư 125/2012/TT-BTC); và
- Công văn 2713/BTC-QLBH do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018. Công văn có hiệu lực áp dụng từ năm tài chính 2017.
- Công văn 2134/BTC-QLBH do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 2 năm 2019. Công văn có hiệu lực áp dụng từ năm tài chính 2019.
- Thông tư 01/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 1 năm 2019 (sửa đổi Thông tư 50/2017/TT-BTC); và
- Thông tư 89/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2020 (sửa đổi Thông tư 50/2017/TT-BTC).

Dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty bao gồm:

(a) Dự phòng phí chưa được hưởng

Tái bảo hiểm phi nhân thọ

Tỷ lệ trích lập quỹ dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được tính trên tổng phí nhận tái/ nhượng tái bảo hiểm được quy định như sau:

Loại hình hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng tái bảo hiểm	
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm
Bảo hiểm vận chuyển hàng hóa (đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không)	25%	55%
Các loại hình bảo hiểm khác	50%	55%

Tái bảo hiểm nhân thọ

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính cho từng hợp đồng tái bảo hiểm nhân thọ.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm nhưng có quy định về thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống, tái tục hàng năm ký trước ngày Thông tư 50/2017/TT-BTC có hiệu lực, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính cho từng hợp đồng tái bảo hiểm nhân thọ.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm sau ngày Thông tư 50/2017/TT-BTC có hiệu lực, Tổng Công ty sẽ trích lập dự phòng toán học theo quy định.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.21 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(b) Dự phòng bồi thường

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết: được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp tái bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường ("IBNR") được Tổng Công ty trích lập bằng 5% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(c) Dự phòng dao động lớn

Tổng Công ty thực hiện trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% trên mức phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính.

(d) Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo từng loại hình tái bảo hiểm như sau:

- Tái bảo hiểm sức khỏe: Tổng Công ty thực hiện trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% trên mức phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính.
- Tái bảo hiểm nhân thọ: Tổng Công ty trích lập hàng năm với mức 1% lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp, được trích lập cho đến khi khoản dự phòng này bằng mức 5% của phí nhận tái bảo hiểm nhân thọ thu được trong năm tài chính của Tổng Công ty.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính ban hành bốn chuẩn mực kế toán theo Quyết định 100/2005/QĐ-BTC, trong đó có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 ("VAS 19") – Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, dự phòng đảm bảo cân đối sẽ không cần tiếp tục trích lập vì khoản dự phòng này thể hiện "các yêu cầu bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính".

Tuy nhiên, do Bộ Tài Chính vẫn chưa ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện VAS 19 và theo Nghị định 73/2016/NĐ-CP ban hành bởi Chính phủ ngày 1 tháng 7 năm 2016 hướng dẫn thi hành luật kinh doanh bảo hiểm áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty vẫn tiếp tục trích dự phòng bảo đảm cân đối hàng năm với tỷ lệ đã nêu trên.

(e) Dự phòng toán học

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn bảo hiểm trên 1 năm, dự phòng toán học được trích lập như sau:

- Đối với hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn):
 - Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm: Áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số 1/8;
 - Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm nhưng có quy định về thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống, tái tục hàng năm: Áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính. Trong mọi trường hợp Tổng Công ty phải đảm bảo kết quả trích lập không thấp hơn phương pháp trích lập theo hệ số 1/8.

- Đối với hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày theo công thức tổng quát như sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

2.22 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng được Tổng Công ty xác định tại thời điểm kết thúc năm tài chính theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với phần phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận (Thuyết minh 2.21(a)) như sau:

Loại hình hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng tái bảo hiểm	
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm
Bảo hiểm vận chuyển hàng hóa (đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không)	25%	55%
Các loại hình bảo hiểm khác	50%	55%

2.23 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận dựa trên khoản vốn góp thực tế.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty và công ty con tại thời điểm báo cáo.

2.24 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Điều 77 của Nghị định 73/2016/NĐ-CP để ngày 1 tháng 7 năm 2016, Tổng Công ty phải trích 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ dự trữ bắt buộc. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty. Việc trích lập và tỷ lệ trích thực tế được quyết định tại Đại hội đồng Cổ đông hàng năm.

(c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Tổng Công ty và công ty con và được quyết định tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.25 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau đây:

- việc giao kết bằng hợp đồng giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm được xác lập; và
- bảng thanh toán về nhận tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm.

Việc ghi nhận này được thực hiện theo quy định trong Thông tư 50/2017/TT-BTC đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu phí tái lập. Đây là số tiền mà các nhà nhượng tái bảo hiểm đóng để khôi phục lại hạn mức trách nhiệm của hợp đồng. Căn cứ ghi nhận của doanh thu phí tái lập là bảng thanh toán về nhận tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm đối với các tổn thất đã được chi bồi thường. Cuối năm tài chính, Tổng Công ty thực hiện dự thu doanh thu phí tái lập đối với những tổn thất đã xảy ra nhưng chưa được bồi thường.

(b) Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm

Thu nhập hoa hồng gồm các khoản thu hoa hồng đã nhận hoặc sẽ nhận từ các công ty nhận tái bảo hiểm. Thu nhập này được tính toán trên cơ sở phí bảo hiểm gộp nhượng tái và được ghi nhận vào cùng kỳ kế toán quý mà phí nhượng tái bảo hiểm tương ứng được ghi nhận.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tổng Công ty và công ty con xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.26 Phí nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một khoản giảm trừ đối với doanh thu nhận tái bảo hiểm đã ghi nhận. Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau đây:

- việc giao kết bằng hợp đồng giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhận tái bảo hiểm được xác lập;
- bảng thanh toán về nhượng tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhận tái bảo hiểm.

Nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm không làm giảm trách nhiệm của Tổng Công ty đối với khách hàng được bảo hiểm trong trường hợp các công ty nhận tái bảo hiểm không có khả năng hoàn thành các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng tái bảo hiểm.

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường, Tổng Công ty ghi nhận phí tái lập phải trả. Đây là số tiền mà nhà nhượng tái bảo hiểm đóng để khôi phục lại hạn mức trách nhiệm của hợp đồng. Căn cứ ghi nhận của phí tái lập phải trả là bảng thanh toán về nhượng tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhận tái bảo hiểm đối với các tổn thất đã được chi bồi thường. Cuối năm tài chính, Tổng Công ty thực hiện dự chi phí tái lập phải trả đối với những tổn thất đã xảy ra nhưng chưa được bồi thường.

2.27 Chi phí hoa hồng bảo hiểm

Chi phí hoa hồng là các khoản hoa hồng phải trả cho các đơn vị nhượng tái bảo hiểm cho Tổng Công ty. Các chi phí này được tính toán và ghi nhận khi có bằng chứng chấp thuận của các bên (thông qua bảng thanh toán được xác nhận).

2.28 Chi phí bồi thường

Các khoản chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp nhận bồi thường.

2.29 Thu bồi thường từ nhượng tái bảo hiểm

Thu bồi thường từ nhượng tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phát sinh được thu hồi từ các công ty nhận tái bảo hiểm theo các điều khoản trong thỏa thuận tái bảo hiểm.

2.30 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; lỗ tỷ giá hối đoái.

2.31 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tổng Công ty và công ty con.

2.32 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là chi phí hay thu nhập khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại sử dụng phương pháp công nợ được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.33 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty và công ty con, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty và công ty con, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty và công ty con căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.34 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho doanh nghiệp bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.8, Thuyết minh 6 và Thuyết minh 7);
- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (Thuyết minh 2.16 và Thuyết minh 9(a));
- Dự phòng nghiệp vụ (Thuyết minh 2.21 và Thuyết minh 19);
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng (Thuyết minh 2.22 và Thuyết minh 16); và
- Doanh thu phí tái lập và phí tái lập phải trả (Thuyết minh 2.25(a), Thuyết minh 2.26 và Thuyết minh 17).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền mặt	1.194.197.455	786.508.519
Tiền gửi ngân hàng	49.805.652.652	24.495.263.392
Các khoản tương đương tiền (*)	11.300.000.000	-
	62.299.850.107	25.281.771.911

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại trong nước có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất 6%/năm.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu ty Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	173.907.022	-	(173.907.022)	(173.907.022)

(b) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	2.343.400.149.589	2.343.400.149.589	-	-
Trái phiếu ngắn hạn	-	-	-	-
Ủy thác đầu tư (ii)	106.530.296.150	120.836.714.967	(1.508.604.397)	(876.212)
	2.449.930.445.739	2.464.236.864.556	(1.508.604.397)	(876.212)

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn đáo hạn còn lại không quá 12 tháng tính từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất tại các ngân hàng thương mại trong nước và hưởng mức lãi suất từ 5% đến 9,8%/năm. (năm 2021: từ 4,9% đến 7,1%/năm).

(ii) Các khoản ủy thác đầu tư căn cứ theo các hợp đồng ủy thác ký với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("VCBF"), Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF") và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB ("MBCapital") có thời hạn tất toán cố định theo hợp đồng còn lại không quá 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tổng Công ty chịu mọi rủi ro liên quan đến các tài khoản ủy thác đầu tư. Chi tiết như sau:

	Số dư gốc VND	Chi phí quản lý quỹ ủy thác VND	Số dư trên số tại ngày 31/12/2022 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2022 VND	Dự phòng tổn thất VND
BVF	30.000.000.000	(598.608.883)	29.401.391.117	31.076.507.656	-
VCBF	50.000.000.000	(2.293.808.708)	47.706.191.292	61.846.097.967	-
MBCapital	30.000.000.000	(577.286.259)	29.422.713.741	27.914.109.344	(1.508.604.397)
	110.000.000.000	(3.469.703.850)	106.530.296.150	120.836.714.967	(1.508.604.397)

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá trị còn lại VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị còn lại VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết	338.240.028.217	(*)	312.911.750.370	(*)
Đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	309.296.176.180	(*)	337.701.918.974	(*)
	647.536.204.397	(*)	650.613.669.344	(*)
Dự phòng				
		(153.875.823)		(474.000.291)
		(153.875.823)		(474.000.291)

Biến động về đầu tư góp vốn vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số đầu năm	312.911.750.370	297.645.573.026
Phần lợi nhuận sau thuế trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	39.783.389.736	32.381.023.580
Cổ tức nhận được (Thuyết minh 36(a))	(14.455.111.889)	(17.114.846.236)
Số cuối năm	338.240.028.217	312.911.750.370

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác mà Tổng Công ty không có quyền chi phối và không có ảnh hưởng đáng kể. Chi tiết góp vốn cổ phần như sau:

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	181.140.376.180	879.001.837.350	209.546.118.974	1.982.965.692.350
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện	38.416.000.000	177.455.577.600	38.416.000.000	209.817.216.000
Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	32.000.000.000	159.782.400.000	32.000.000.000	217.420.800.000
Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương	30.000.000.000	(*)	30.000.000.000	(*)
Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu	17.600.000.000	(*)	17.600.000.000	(*)
Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long (**)	10.139.800.000	(*)	10.139.800.000	(*)
	309.296.176.180	(*)	337.701.918.974	(*)
Dự phòng		(153.875.823)		(474.000.291)
		(153.875.823)		(474.000.291)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các đơn vị khác này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Việc lập dự phòng cho khoản đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ lũy kế của các bên được đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi dài hạn (i)	442.000.000.000	442.000.000.000	423.500.000.000	423.500.000.000
Trái phiếu dài hạn (ii)	680.000.000.000	(*)	459.490.021.918	(*)
Ủy thác đầu tư (iii)	187.809.709.846	177.206.225.720	137.857.003.466	194.394.255.216
Chứng chỉ quỹ mở của Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng VCBF	15.000.000.000	12.629.936.450	-	-
Chứng chỉ quỹ mở của Quỹ đầu tư cổ phiếu triển vọng Bảo Việt	-	-	5.000.000.000	(*)
	1.324.809.709.846	(*)	1.025.847.025.384	(*)
Dự phòng tổn thất		(22.076.747.027)		-
		(24.446.810.577)		(*)

(i) Các khoản tiền gửi có thời hạn còn lại trên 12 tháng tính từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất tại các ngân hàng thương mại trong nước với mức lãi suất 10,3% đến 11,9%/năm (năm 2021: từ 5,3% đến 5,6%/năm).

(ii) Trái phiếu tại các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước, có thời gian đáo hạn còn lại từ 4 đến 10 năm tính từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất với mức lãi suất từ 6,3% đến 10,5%/năm (năm 2021: từ 6,3% đến 8,5%/năm). Trong năm, Tổng Công ty đầu tư thêm trái phiếu của các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước có thời gian đáo hạn từ 6 đến 10 năm, với mức lãi suất từ 7,3%/năm đến 10,5%/năm.

(iii) Các khoản ủy thác đầu tư căn cứ theo các hợp đồng ủy thác ký với SSIAM và 2 hợp đồng với VCBF có thời hạn tất toán cố định theo hợp đồng còn lại trên 12 tháng tính từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tổng Công ty chịu mọi rủi ro liên quan đến các tài khoản ủy thác đầu tư. Chi tiết như sau:

	Số dư gốc VND	Chi phí quản lý quỹ ủy thác VND	Số dư trên số tại ngày 31/12/2022 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2022 VND	Dự phòng tổn thất VND
VCBF để ngày 16/11/2022	70.000.000.000	(171.753.816)	69.828.246.184	81.301.509.085	-
VCBF để ngày 1/8/2021	50.000.000.000	(1.443.319.962)	48.556.680.038	46.344.269.505	(2.212.410.533)
SSIAM	70.000.000.000	(575.216.376)	69.424.783.624	49.560.447.130	(19.864.336.494)
	190.000.000.000	(2.190.290.154)	187.809.709.846	177.206.225.720	(22.076.747.027)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	574.020.303.681	574.030.810.370
- Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	290.411.064.401	291.379.969.989
- Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	256.904.029.060	260.129.149.848
- Phải thu khác từ nghiệp vụ tái bảo hiểm	26.705.210.220	22.521.690.533
Phải thu khác của khách hàng	30.975.294	888.247.973
	574.051.278.975	574.919.058.343

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Dự thu lãi tiền gửi ngắn hạn	91.778.039.260	107.237.858.353
Dự thu lãi trái phiếu ngắn hạn	13.717.390.411	7.432.630.137
Phí nhận tái bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm gốc giữ lại	37.886.446.377	28.310.364.354
Góp vốn đầu tư tại dự án Tincorn Plaza (i)	43.176.145.672	43.414.421.304
Phải thu vốn gốc và lãi dự án Contrexim Complex (ii)	9.877.541.667	10.077.541.667
Phải thu từ dự án Hà Nội Paragon (iii)	2.045.742.517	2.345.742.517
Khác	915.849.330	959.320.414
	199.397.155.234	199.777.878.746
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
- Dự án Tincorn Plaza (i)	(8.000.217.099)	-
- Dự án Contrexim Complex (ii)	(9.877.541.667)	(10.077.541.667)
- Dự án Hà Nội Paragon (iii)	(2.045.742.517)	(2.345.742.517)
	(19.923.501.283)	(12.423.284.184)
	179.473.653.951	187.354.594.562

(i) Dự án Tincorn Plaza

Dự án này do công ty con ký theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 02/2010/HĐĐC-Tincorn Plaza để ngày 1 tháng 7 năm 2010 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long ("Công ty Thăng Long", "Chủ đầu tư") để xây dựng Dự án Tincorn Plaza (nay là Dự án Skyview Plaza) ("Dự án") tại số 360 Đường Giải Phóng, Hà Nội.

Tổng số tiền công ty con đã đầu tư vào Dự án là 60.149.250.000 Đồng trong đó Tổng Công ty góp 7.134.674.895 Đồng, công ty con góp 30.641.245.983 Đồng và huy động từ các nhà đầu tư khác là 22.373.329.122 Đồng. Tuy nhiên, Chủ đầu tư đã ngừng thi công tòa nhà HH3 từ năm 2019 khi xây đến tầng 14 do gặp khó khăn về tài chính.

Theo Quyết định số 02/2018/QĐ-HĐQT để ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con đã quyết định dừng đầu tư vào dự án này và khởi kiện Chủ đầu tư. Theo Quyết định số 14/2019/QĐST-KDTM của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân để ngày 15 tháng 11 năm 2019, Công ty Thăng Long có nghĩa vụ thanh toán cho công ty con tổng số tiền là 126.376.061.750 Đồng (bao gồm 60.149.250.000 Đồng nợ gốc và 66.226.811.750 Đồng nợ lãi tính đến ngày 31/10/2019) bằng tiền hoặc bằng hình thức chuyển nhượng các căn hộ thuộc Dự án để trừ nợ cho công ty con.

Trong năm 2020, Công ty Thăng Long và công ty con đã ký Hợp đồng mua bán 65 căn hộ ("HĐMBCH") với tổng giá trị là 117.880.956.550 Đồng để trừ nợ, bao gồm 7 căn đã hoàn thiện tại tòa HH2 với giá trị 17.687.716.550 Đồng và 58 căn chưa xây tại tòa HH3 với giá trị là 100.193.240.000 Đồng. Nếu Công ty Thăng Long không hoàn trả toàn bộ khoản nợ thì sẽ phải trả lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cho tới ngày hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với lãi suất 13,5%/năm. Số tiền còn lại chưa được thanh toán bằng bù trừ bằng HĐMBCH là 8.495.105.200 Đồng. Ngoài ra, để được bàn giao và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu các căn hộ, công ty con cần thanh toán thêm 30% giá trị theo hợp đồng với tổng số tiền là 42.939.960.000 Đồng. Tổng Công ty và công ty con sẵn sàng chuyển nhượng các HĐMBCH hình thành trong tương lai này để thu hồi vốn nên đã phân loại khoản đầu tư này vào mục phải thu ngắn hạn.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, 7 HĐMBCH tại tòa HH2 đã được công ty con chuyển nhượng cho bên thứ ba. Do đó, khoản đầu tư gốc này được ghi nhận với giá trị gốc còn lại là 43.176.145.672 Đồng sau khi trừ giá trị chuyển nhượng thực tế nhận được của 7 HĐMBCH trên.

Giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu gốc này được Ban Tổng Giám đốc xác định bằng cách so sánh với 70% giá trị hợp lý của 58 căn hộ hình thành trong tương lai trên cơ sở Tổng Công ty và công ty con sẽ không thanh toán thêm 30% giá trị theo hợp đồng.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 526-22/CT-ĐG/VAE để ngày 5 tháng 12 năm 2022 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam, 70% giá trị của 58 HĐMBCH này được ước tính là 62.692.400.000 Đồng theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.

Thỏa thuận bàn giao 58 căn hộ tại tòa HH3 là 27 căn vào ngày 25 tháng 3 năm 2022 và 31 căn vào ngày 25 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, đến ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất này, việc bàn giao 58 căn hộ trên đã bị quá hạn. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản phải thu này có yếu tố suy giảm giá trị, do đã quá hạn thanh toán theo thỏa thuận và dự án chưa có dấu hiệu khởi động lại. Do vậy, Ban Tổng giám đốc ước tính dự phòng cho khoản phải thu với số tiền là 8.000.217.099 Đồng, tương ứng với 30% giá trị của số dư phải thu tương ứng với tỷ lệ góp vốn ban đầu của Tổng Công ty và công ty con.

Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá rằng khả năng thu hồi khoản lãi 77.261.407.563 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 73.377.664.154 Đồng) là chưa chắc chắn nên khoản lãi này được trình bày là Tài sản tiềm tàng (Thuyết minh 39 - Tài sản tiềm tàng) trên báo cáo tài chính hợp nhất.

(ii) Dự án Contrexim Complex

Đây là dự án công ty con ký theo Hợp đồng số 0911210/HĐKT ngày 10 tháng 12 năm 2009 với Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San ("Công ty Việt San") để góp vốn đầu tư vào dự án Contrexim Complex. Tuy nhiên, công ty con đã chấm dứt hợp đồng góp vốn này bằng Công văn số 38/2010/HTĐT gửi tới Công ty Việt San ngày 4 tháng 11 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản này là nợ khó đòi và công ty con đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu này (Thuyết minh 7).

(iii) Dự án Hà Nội Paragon

Đây là số dư nợ mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VT còn phải trả công ty con sau khi cần trừ công nợ gốc bằng căn hộ tại dự án Hà Nội Paragon - Khu đô thị Dịch Vọng Hậu. Công ty con đã lập dự phòng toàn bộ cho số dư còn lại của khoản phải thu này (Thuyết minh 7 và Thuyết minh 8).

(b) Dài hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Dự thu lãi tiền gửi dài hạn	2.343.353.424	3.936.008.219

7 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2022				
	Số dư phải thu đã quá hạn VND	Số dư phải trả VND	Số dư phải thu thuần đã quá hạn VND	Dự phòng tổn thất VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
1) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	7.037.127.213	(1.919.344.671)	5.117.782.542	(5.033.070.283)	84.712.259
2) Willis (Singapore) Pte Ltd.	5.255.347.654	(479.433.368)	4.775.914.286	(4.545.775.311)	230.138.975
3) Công ty TNHH J.B Boda & Co	1.765.607.483	(2.105.542)	1.763.501.941	(1.763.501.941)	-
4) Best Reinsurance	1.890.150.519	(284.892.269)	1.605.258.250	(1.424.420.223)	180.838.027
5) Tổng Công ty bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	22.293.566.993	(21.606.463.766)	687.103.227	(233.851.694)	453.251.533
6) UIB Brokers Korea	21.187.292.135	(19.801.127.600)	1.386.164.535	(500.870.192)	885.294.343
7) Sogaz Insurance	11.554.401.597	(8.323.143.255)	3.231.258.342	(1.372.667.823)	1.858.590.519
8) Khác	19.390.917.703	(9.772.479.830)	9.618.437.873	(4.423.776.331)	5.194.661.542
	90.374.411.297	(62.188.990.301)	28.185.420.996	(19.297.933.798)	8.887.487.198
Phải thu ngắn hạn khác					
1) Dự án Comtrexim Complex	9.877.541.667	-	-	(9.877.541.667)	-
2) Dự án Hà Nội Paragon	2.045.742.517	-	-	(2.045.742.517)	-
3) Dự án Tincom Plaza	43.176.145.672	-	-	(8.000.217.099)	35.175.928.573
	55.099.429.856	-	-	(19.923.501.283)	35.175.928.573
Tổng số dự phòng phải thu ngắn hạn				(39.221.435.081)	

7 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

	31/12/2021				
	Số dư phải thu đã quá hạn VND	Số dư phải trả VND	Số dư phải thu thuần đã quá hạn VND	Dự phòng tổn thất VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
1) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	7.002.887.107	(362.323.432)	6.640.563.675	(6.246.237.746)	394.325.929
2) Willis (Singapore) Pte Ltd	4.910.565.739	(3.141.867.412)	1.768.698.327	(1.737.119.825)	31.578.502
3) Công ty TNHH J.B Boda & Co	1.778.990.751	(277.035.830)	1.501.954.921	(1.501.954.921)	-
4) Best Reinsurance	1.823.108.170	(280.834.220)	1.542.273.950	(1.176.933.648)	365.340.302
5) Khác	13.598.376.752	(9.881.096.671)	3.717.280.081	(2.696.201.904)	1.021.078.177
	29.113.928.519	(13.943.157.565)	15.170.770.954	(13.358.448.044)	1.812.322.910
Phải thu ngắn hạn khác					
1) Dự án Comtrexim Complex	10.077.541.667	-	-	(10.077.541.667)	-
2) Dự án Hà Nội Paragon	2.345.742.517	-	-	(2.345.742.517)	-
	12.423.284.184	-	-	(12.423.284.184)	-
Tổng số dự phòng phải thu ngắn hạn				(25.781.732.228)	

8 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Căn hộ B0303	-	-	4.065.155.091	(607.151.091)
Căn hộ B2101	-	-	4.281.361.909	(527.482.909)
Căn hộ B2704	3.915.431.455	(244.631.455)	3.915.431.455	(244.631.455)
Khác	63.135.360	-	23.480.404	-
	3.978.566.815	(244.631.455)	12.285.428.859	(1.379.265.455)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(244.631.455)		(1.379.265.455)	
	3.733.935.360		10.906.163.404	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, hàng tồn kho chủ yếu bao gồm 01 căn hộ mà công ty con đã nhận để cấn trừ công nợ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại VT tại dự án Hà Nội Paragon - Khu đô thị Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	419.575.164.824	453.183.431.245
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	258.452.180	101.374.228
	419.833.617.004	453.284.805.473

(*) Biến động về chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Số dư đầu năm	453.183.431.245	580.190.581.169
Số phát sinh trong năm	859.381.430.425	922.227.779.184
Số phân bổ vào chi phí trong năm (Thuyết minh 26)	(892.989.696.846)	(1.049.234.929.108)
Số dư cuối năm	419.575.164.824	453.183.431.245

(b) Dài hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.489.415.725	964.663.623

10 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Tại ngày 1/1/2022	18.354.529.037	18.354.529.037	3.033.957.071	8.398.155.664	924.224.299	30.710.866.071
Mua trong năm	-	-	-	762.490.400	337.500.000	1.099.990.400
Thanh lý	-	-	(457.912.000)	-	-	(457.912.000)
Tại ngày 31/12/2022	18.354.529.037	18.354.529.037	2.576.045.071	9.160.646.064	1.261.724.299	31.352.944.471
Khấu hao lũy kế	(12.423.913.561)	(779.398.542)	(3.003.762.071)	(6.993.615.501)	(525.910.188)	(22.947.201.321)
Tại ngày 1/1/2022	(779.398.542)	(13.203.312.103)	(1.342.000)	(420.098.851)	(175.572.410)	(1.388.489.803)
Khấu hao trong năm	-	-	457.912.000	-	-	457.912.000
Thanh lý	(13.203.312.103)	(2.559.270.071)	(2.559.270.071)	(7.413.714.352)	(701.482.598)	(23.877.779.124)
Tại ngày 31/12/2022	5.930.615.476	5.151.216.934	16.775.000	1.746.931.712	560.241.701	7.763.664.750
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1/1/2022			30.195.000	1.404.540.163	398.314.111	7.475.165.347
Tại ngày 31/12/2022			16.775.000	1.746.931.712	560.241.701	7.475.165.347

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tổng Công ty và công ty con đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9.793.093.603 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.251.005.603 Đồng).

10 TSCĐ (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1/1/2022	32.434.195.934
Tại ngày 31/12/2022	32.434.195.934
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1/1/2022	(32.434.195.934)
Tại ngày 31/12/2022	(32.434.195.934)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1/1/2022	-
Tại ngày 31/12/2022	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng Công ty và công ty con đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 32.434.195.934 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 32.434.195.934 Đồng).

11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Bất động sản đầu tư cho thuê VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1/1/2022	34.055.061.893
Tại ngày 31/12/2022	34.055.061.893
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1/1/2022	(27.645.200.456)
Khấu hao trong năm	(1.818.596.598)
Tại ngày 31/12/2022	(29.463.797.054)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1/1/2022	6.409.861.437
Tại ngày 31/12/2022	4.591.264.839

Bất động sản đầu tư thể hiện phần giá trị của tòa nhà số 141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội tương ứng với phần diện tích cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý này nên chưa trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

12 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Dự án 142 Định Công (*)	14.036.123.679	14.036.123.679

(*) Thể hiện khoản góp vốn đầu tư thực hiện dự án xây dựng khu nhà ở, dịch vụ và thương mại tại địa chỉ số 142 Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội giữa Tổng Công ty, công ty con và Công ty Cổ phần Viễn thông - Tín hiệu Đường sắt, theo HĐHTKD doanh số 25/2021/HĐHTKD để ngày 25 tháng 7 năm 2011 và Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư để ngày 28 tháng 10 năm 2017.

Dự án đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đồng ý về quy hoạch kiến trúc dự án theo đề xuất của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội tại Công văn số 1369/VP-ĐT của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội để ngày 23 tháng 2 năm 2018.

Theo Công văn 96/TB-KH&ĐT ngày 18 tháng 1 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội gửi công ty con, hồ sơ dự án này cơ bản đủ điều kiện để tổng hợp và báo cáo Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt chủ trương theo quy định. Tuy nhiên dự án hiện đang thuộc đối tượng phải rà soát việc chuyển đổi và sử dụng mục đích sử dụng đất theo chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội để ngày 2 tháng 1 năm 2019. Sau khi có kết quả rà soát, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội sẽ tiếp tục hướng dẫn Vinare Invest, công ty con hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Mặc dù chưa có kết quả về việc rà soát nói trên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng dự án này sẽ được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không lập dự phòng cho khoản mục này.

13 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Dự án Tincom City (*)	7.858.333.333	7.858.333.333

(*) Thể hiện số tiền của công ty con đã góp liên quan đến việc hợp tác và khai thác sản phẩm tại dự án Tincom City Plaza với Công ty Thăng Long tại địa chỉ số 360 Đường Giải Phóng, Hà Nội. Công ty con sẽ được nhận một lô đất thấp tầng có diện tích bằng 101,1 m2 sau khi có phê duyệt điều chỉnh quy hoạch dự án.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các thủ tục pháp lý đảm bảo điều kiện chuyển nhượng của lô đất dự án chưa được hoàn thiện do phía Chủ đầu tư thay đổi quy hoạch.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 526-22/CT-ĐG/VAE để ngày 5 tháng 12 năm 2022 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam, giá trị thẩm định của lô đất này là 8.090.600.000 Đồng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị mà Tổng Công ty và công ty con có thể thu được từ lô đất này cao hơn giá trị ghi sổ của khoản mục tài sản dài hạn này. Do đó, không trích lập dự phòng cho khoản phải thu này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	444.926.702.759	482.821.864.066
- Phải trả hoạt động nhận tái bảo hiểm	125.866.699.853	169.184.689.062
- Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	318.486.753.871	311.368.408.837
- Phải trả khác về nghiệp vụ tái bảo hiểm	573.249.035	2.268.766.167
Phải trả khác cho người bán	1.412.263.414	988.853.832
	446.338.966.173	483.810.717.898

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2022 VND
Thuế GTGT	76.749.678	684.822.030	(761.571.708)	-
Thuế thu nhập cá nhân	470.602.753	19.594.443.410	(17.514.725.344)	2.550.320.819
Thuế TNDN	16.707.685.063	84.398.128.223	(73.516.269.944)	27.589.543.342
Thuế khác	173.093.678	770.975.159	(840.122.197)	103.946.640
	17.428.131.172	105.448.368.822	(92.632.689.193)	30.243.810.801

16 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
(a) Ngắn hạn		
Phí nhượng tái bảo hiểm giữ lại	32.957.137.921	23.477.631.391
Phải trả cho các nhà đầu tư cùng góp vốn tại dự án Tecom Plaza (Thuyết minh 6(a))	15.794.143.115	15.794.143.115
Phải trả cho các nhà đầu tư cùng góp vốn tại dự án Hà Nội Paragon (Thuyết minh 8)	1.486.757.941	1.486.757.941
Phải trả cho các nhà đầu tư cùng góp vốn tại dự án 142 Định Công (Thuyết minh 12)	646.765.000	646.765.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.945.876.957	8.282.283.625
	54.830.680.934	49.687.581.072
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng (*)	112.203.575.689	99.311.540.367
	167.034.256.623	148.999.121.439
(b) Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.052.359.576	990.626.744
	168.086.616.199	149.989.748.183

(*) Biến động về doanh thu hoa hồng chưa được hưởng trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	99.311.540.367	102.957.752.564
Số phát sinh trong năm	227.726.433.182	201.471.305.838
Số đã phân bổ vào doanh thu trong năm	(214.834.397.860)	(205.117.518.035)
Số dư cuối năm	112.203.575.689	99.311.540.367

17 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Dự phòng phí tái lập phải trả	32.662.726.852	25.929.549.564

18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	26.088.235.092	22.690.170.128
Tăng trong năm (Thuyết minh 21)	10.705.948.563	10.049.971.952
Sử dụng trong năm	(8.357.438.149)	(6.651.906.988)
Số dư cuối năm	28.436.745.506	26.088.235.092

19 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	1.148.013.393.804	1.095.520.329.811
Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.592.468.265.070	1.857.062.704.442
Trong đó:		
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết ("OSLR")	1.474.024.758.635	1.744.754.694.601
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR")	118.443.506.435	112.308.009.841
Dự phòng dao động lớn	197.475.125.438	184.764.272.789
	2.937.956.784.312	3.137.347.307.042

19 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (TIẾP THEO)

(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022		
	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần VND
Dự phòng phí chưa được hưởng	1.148.013.393.804	539.131.785.146	608.881.608.658
Dự phòng bồi thường	1.592.468.265.070	901.765.389.810	690.702.875.260
Trong đó			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết ("OSLR")	1.474.024.758.635	847.064.108.470	626.960.650.165
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR")	118.443.506.435	54.701.281.340	63.742.225.095
	2.740.481.658.874	1.440.897.174.956	1.299.584.483.918

Trong đó chi tiết biến động các khoản dự phòng như sau:

	Năm 2022		
	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần VND
Dự phòng bồi thường			
Số dư đầu năm	1.857.062.704.442	1.136.803.651.638	720.259.052.804
Số biến động trong năm (Thuyết minh 25)	(264.594.439.372)	(235.038.261.828)	(29.556.177.544)
Số dư cuối năm	1.592.468.265.070	901.765.389.810	690.702.875.260
	Năm 2022		
	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm thuần VND
Dự phòng phí chưa được hưởng			
Số dư đầu năm	1.095.520.329.811	480.852.069.331	614.668.260.480
Số biến động trong năm (Thuyết minh 23 và Thuyết minh 24)	52.493.063.993	58.279.715.815	(5.786.651.822)
Số dư cuối năm	1.148.013.393.804	539.131.785.146	608.881.608.658

(b) Dự phòng dao động lớn

	2022 VND	2021 VND
I. Hoạt động chính		
Số dư đầu năm	175.475.074.781	162.775.905.203
Số tăng trong năm	12.710.852.649	12.699.169.578
Số sử dụng trong năm	-	-
	-	-
II. Hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp		
Số dư đầu năm	9.289.198.008	9.289.198.008
Số tăng trong năm	-	-
Số dư dự phòng dao động lớn cuối năm	197.475.125.438	184.764.272.789

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu phổ thông	31/12/2021 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	150.737.130	150.737.130
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	150.737.130	150.737.130
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	150.737.130	150.737.130

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022		31/12/2021	
	Cổ phiếu phổ thông	% (*)	Cổ phiếu phổ thông	% (*)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.507.371.300.000	100,00	1.507.371.300.000	100,00
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC")	608.419.402.500	40,36	608.419.402.500	40,36
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re	376.843.373.500	25,00	376.843.373.500	25,00
Tập đoàn Bảo Việt	138.308.430.000	9,18	138.308.430.000	9,18
Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt	120.699.400.000	8,01	120.699.400.000	8,01
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	96.916.355.000	6,43	96.916.355.000	6,43
Các cổ đông cá nhân khác	84.930.525.000	5,63	65.069.180.000	4,32
Các cổ đông tổ chức khác	81.253.814.000	5,39	101.115.159.000	6,70
Thặng dư vốn cổ phần	369.756.607.309		369.756.607.309	
Tổng	1.877.127.907.309		1.877.127.907.309	

(*) Thể hiện tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu của các cổ đông.

21 TÍNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1/1/2021	1.310.759.370.000	566.368.537.309	211.573.836.051	131.075.937.000	891.887.455.949	33.617.810.274	3.145.282.946.583
Tăng vốn trong năm	196.611.930.000	(196.611.930.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	346.949.022.171	106.655.850	347.055.678.021
Trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	16.629.510.699	(16.629.510.699)	-	-
Phân bổ lợi nhuận vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	-	(10.049.971.952)	-	(10.049.971.952)
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	(196.613.905.500)	-	(196.613.905.500)
Hoàn nhập trích lập Quỹ đầu tư phát triển năm 2019	-	-	(5.496.214.773)	-	5.496.214.773	-	-
Tại ngày 1/1/2022	1.507.371.300.000	369.756.607.309	206.077.621.278	147.705.447.699	1.021.039.304.742	33.724.466.124	3.285.674.747.152
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	380.156.634.527	(1.772.056.524)	378.384.578.003
Trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	3.031.682.301	(3.031.682.301)	-	-
Phân bổ lợi nhuận vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18) (i)	-	-	-	-	(10.705.948.563)	-	(10.705.948.563)
Chia cổ tức cho cổ đông (ii)	-	-	-	-	(195.958.269.000)	-	(195.958.269.000)
Khác	-	-	-	-	(64.565.035)	-	(64.565.035)
Tại ngày 31/12/2022	1.507.371.300.000	369.756.607.309	206.077.621.278	150.737.130.000	1.191.435.474.370	31.952.409.600	3.457.330.542.557

(i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ để ngày 25 tháng 4 năm 2013 đã thông qua việc sửa đổi một số quy định về phân phối lợi nhuận, trong đó quỹ phúc lợi được tính bằng một tháng lương thực hiện và quỹ khen thưởng tối đa được trích hàng năm bằng 1,5% lợi nhuận sau thuế nhưng mức tối đa không vượt quá hai tháng lương thực hiện trong năm. Tổng Công ty đã tạm phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền là 10.705.948.563 Đồng. Quyết định cuối cùng về phân phối lợi nhuận năm 2022 sẽ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông năm 2023.

(ii) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 07/2022/NQ-ĐHĐCĐ để ngày 22 tháng 4 năm 2022 đã thông qua quyết định chi trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông bằng tiền với tỷ lệ 13%, tương đương số tiền 195.958.269.000 Đồng. Theo Thông báo số 1983/TB-VSD của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, ngày đăng ký cuối cùng để nhận trả cổ tức là ngày 29 tháng 6 năm 2022. Ngày thực hiện thanh toán cổ tức là ngày 28 tháng 7 năm 2022.

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022	31.12.2021
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	380.156.634.527	346.949.022.171
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(10.705.948.563)	(10.049.971.952)
	369.450.685.964	336.899.050.219
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	150.737.130	150.737.130
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	2.451	2.235

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

23 DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	2022 VND	2021 VND
Phí nhận tái bảo hiểm	2.399.055.038.643	2.285.708.010.022
Bảo hiểm tai nạn con người	397.535.954.018	517.665.591.362
Bảo hiểm tài sản, cháy nổ	824.192.034.570	724.046.283.375
Bảo hiểm kỹ thuật	349.141.209.487	313.263.514.667
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	323.035.220.567	304.049.023.683
Bảo hiểm thân tàu và P&I	293.745.087.757	257.135.738.212
Bảo hiểm hàng hóa	157.904.642.925	142.477.217.184
Bảo hiểm hàng không	6.408.065.916	8.647.091.583
Bảo hiểm K-Care	6.554.386.016	6.636.496.041
Bảo hiểm nông nghiệp	33.851.257.961	6.524.480.524
Bảo hiểm năng lượng	1.802.169.335	3.134.731.395
Bảo hiểm tàu cá	3.970.735.885	1.257.630.549
Bảo hiểm nhân thọ	914.274.206	870.211.447
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(30.184.909.965)	(39.547.813.231)
Tăng/(giảm) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh 19(a))	52.493.063.993	(101.184.076.749)
	2.316.377.064.685	2.347.344.273.540

24 PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	2022 VND	2021 VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1.101.362.599.956	979.800.605.275
<i>Bảo hiểm tài sản, cháy nổ</i>	491.920.288.438	432.366.188.836
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	166.854.117.958	129.440.038.789
<i>Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp</i>	175.253.170.875	206.024.021.718
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&I</i>	198.684.975.009	170.253.887.132
<i>Bảo hiểm hàng hóa</i>	34.876.255.824	26.327.801.820
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	3.815.796.150	6.094.413.349
<i>Bảo hiểm K-Care</i>	1.292.791.550	2.485.250.555
<i>Bảo hiểm nông nghiệp</i>	25.660.586.365	3.769.511.460
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	1.579.285.490	2.622.576.422
<i>Bảo hiểm tàu cá</i>	1.425.332.297	416.915.194
Thu hoàn phí nhượng tái bảo hiểm	(7.336.973.175)	(6.416.742.322)
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 19(a))	58.279.715.815	10.587.844.191
	1.035.745.910.966	962.796.018.762

25 TỔNG CHI PHÍ BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	2022 VND	2021 VND
Chi bồi thường	976.933.211.110	856.127.582.862
<i>Bảo hiểm tai nạn con người</i>	985.776.043	2.329.608.972
<i>Bảo hiểm tài sản, cháy nổ</i>	476.535.160.995	278.824.006.856
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	82.512.965.329	101.904.659.424
<i>Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp</i>	190.072.954.405	216.189.213.139
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&I</i>	152.347.944.365	199.047.688.121
<i>Bảo hiểm hàng hóa</i>	49.517.824.771	41.202.282.906
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	576.788.128	6.714.535.499
<i>Bảo hiểm K-Care</i>	2.134.385.000	204.750.000
<i>Bảo hiểm nông nghiệp</i>	7.083.582.417	1.112.111.924
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	516.034.772	(94.235.229)
<i>Bảo hiểm nhân thọ</i>	220.362.560	163.946.540
<i>Bảo hiểm tàu cá</i>	14.429.432.325	8.529.014.710
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	616.506.062.624	548.472.453.322
(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh 19(a))	(264.594.439.372)	220.319.203.854
Tăng khác dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm (*)	95.393.792.305	43.494.134.228
(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 19(a))	(235.038.261.828)	144.404.785.046
Tăng khác dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (*)	81.589.566.312	36.377.715.257
	344.675.196.935	390.685.967.319

(*) Các chỉ tiêu này phản ánh dự phòng bồi thường nhận và nhượng tái bảo hiểm cho các tổn thất đã được thông báo, ghi nhận và đã được thanh toán của các hợp đồng Sirius cho các nghiệp vụ bảo hiểm tài sản và kỹ thuật.

26 CHI HOA HỒNG BẢO HIỂM

	2022 VND	2021 VND
Bảo hiểm tài sản, cháy nổ	183.024.616.121	170.453.463.883
Bảo hiểm tai nạn con người	466.947.231.281	665.799.704.453
Bảo hiểm kỹ thuật	100.131.462.663	84.881.303.418
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	61.511.442.113	56.303.931.066
Bảo hiểm thân tàu và P&I	30.550.541.905	28.654.879.273
Bảo hiểm hàng hóa	44.048.177.868	37.121.861.524
Bảo hiểm hàng không	1.020.902.568	875.155.745
Bảo hiểm K-Care	1.404.434.067	1.912.691.889
Bảo hiểm nông nghiệp	111.174.699	795.318.935
Bảo hiểm năng lượng	3.527.940.545	181.142.337
Bảo hiểm tàu cá	680.791.411	2.221.454.140
Bảo hiểm nhân thọ	30.981.605	34.022.445
	892.989.696.846	1.049.234.929.108

27 DOANH THU KHÁC, CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

(a) Doanh thu khác

	2022 VND	2021 VND
Thu khác nhận tái bảo hiểm	3.708.223.447	2.116.586.650
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	15.134.582.835	14.079.421.153
Trong đó:		
- Thu từ môi giới hợp đồng bảo hiểm	9.523.211.532	9.457.936.876
- Thu từ hoa hồng thường	4.563.157.724	288.225.649
- Thu khác	1.048.213.579	4.333.258.628
	18.842.806.282	16.196.007.803

(b) Chi phí khác

	2022 VND	2021 VND
Chi khác nhận tái bảo hiểm	26.186.910.496	22.713.553.164
Trong đó:		
- Thuởng do không phát sinh bồi thường	13.474.186.641	12.569.021.299
- Chi môi giới hợp đồng tái bảo hiểm	7.975.708.404	7.302.104.054
- Chi khác	4.737.015.451	2.842.427.811
Chi khác nhượng tái bảo hiểm	513.598.068	773.352.070
	26.700.508.564	23.486.905.234

28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	149.401.752.174	177.000.783.321
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	117.059.807.206	88.298.015.329
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	6.186.225.600
Lãi từ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.475.020.096	67.134.449.181
Lãi trái phiếu	46.781.825.970	27.751.655.251
Lãi ủy thác đầu tư	27.616.617.399	73.740.354.832
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.799.401.433	84.800.875
	400.134.424.278	440.196.284.389

29 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.261.490.422	64.641.782.999
Trích lập dự phòng giảm giá ủy thác đầu tư (Thuyết minh 4(d))	23.584.475.212	876.212
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh 4(c))	(320.124.468)	285.334.617
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào chứng chỉ quỹ mở (Thuyết minh 4(d))	2.370.063.550	-
Chi phí hoạt động ủy thác đầu tư	5.569.096.880	18.119.779.506
Chi phí tài chính khác	11.857.055.003	12.869.282.340
	102.322.056.599	95.917.055.674

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên, chuyên gia	78.646.447.823	72.316.687.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.769.247.373	8.913.212.760
Chi phí giao dịch, hội nghị, quảng cáo	9.822.332.365	5.386.397.267
Chi các khoản thuế, phí, lệ phí	2.985.512.090	2.985.833.959
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 7)	13.439.702.853	(3.895.611.107)
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.388.489.803	1.132.904.326
Chi phí văn phòng	1.134.338.806	1.556.650.575
Chi phí quản lý khác	2.304.224.564	1.123.119.713
	116.490.295.677	89.519.195.164

31 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2022 VND	2021 VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.277.076.254.994	1.476.106.971.239
Chi phí nhân viên	78.646.447.823	72.316.687.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.769.247.373	8.913.212.760
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 7)	13.439.702.853	(3.895.611.107)
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.388.489.803	1.132.904.326
Chi phí khác bằng tiền	16.246.407.825	11.052.001.514
	1.393.566.550.671	1.565.626.166.403

32 THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Ngày 1 tháng 3 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2013 nhằm hỗ trợ cho người sản xuất nông nghiệp chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại tài chính do hậu quả của thiên tai, dịch bệnh gây ra, góp phần bảo đảm ổn định an sinh xã hội nông thôn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Theo Quyết định này, Tổng Công ty có trách nhiệm nhận tái bảo hiểm nông nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ngày 17 tháng 8 năm 2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 121/2011/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Quyết định 315/QĐ-TTg để ngày 1 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, nguyên tắc triển khai thí điểm là các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty triển khai thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hạch toán tách biệt doanh thu, chi phí từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp với các hoạt động khác và hoạt động bảo hiểm nông nghiệp mà doanh nghiệp bảo hiểm đang triển khai. Phần phí bảo hiểm giữ lại trong năm sau khi đã trừ đi các khoản chi phí theo quy định, được dùng để bổ sung vào dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất.

Ngày 20 tháng 6 năm 2012, Bộ Tài chính tiếp tục ban hành Thông tư 101/2012/TT-BTC quy định một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định 315/QĐ-TTg để ngày 1 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm có trách nhiệm theo dõi riêng khoản lỗ hàng năm từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Trong năm, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm lỗ từ hoạt động triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hạch toán khoản lỗ này vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Trong trường hợp bị lỗ do lỗ của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp thì được chuyển lỗ sang năm sau theo quy định của pháp luật.

Từ năm 2012, Tổng Công ty bắt đầu nhận tái bảo hiểm cho hoạt động bảo hiểm nông nghiệp thí điểm. Lỗ lũy kế của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 42.015.277.691 Đồng. Theo Quyết định 315/QĐ-TTg, hoạt động thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đã kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Từ thời điểm này đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty không phát sinh hoạt động liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp thí điểm. Quyết định cuối cùng về kết quả hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của Bộ Tài chính.

33 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	462.927.469.737	423.286.584.924
Thuế tính ở thuế suất 20%	92.585.493.947	84.657.316.985
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(9.403.513.753)	(9.108.834.946)
Chi phí không được khấu trừ	1.289.243.803	741.489.169
Ảnh hưởng khác	71.667.737	21.331.320
Chi phí thuế TNDN (*)	84.542.891.734	76.230.906.903
Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	84.333.563.188	77.181.859.898
Thuế TNDN - hoãn lại	209.328.546	(950.952.995)
	84.542.891.734	76.230.906.903

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

34 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON

	Đơn vị	2022	2021
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	28,28	24,35
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	71,72	75,65
1.2 Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	51,49	54,09
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	48,51	45,91
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,94	1,85
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,39	1,40
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,68	0,67
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	24,00	20,29
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	19,61	16,64
3.2 Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	6,50	5,91
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,31	4,85
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	10,94	10,56

35 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty và công ty con quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty và công ty con có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và nợ phải trả.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty và công ty con chỉ bao gồm vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty và công ty con áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh 2.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	2022 VND	2021 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.299.850.107	25.281.771.911
Phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	773.448.434.209	774.696.937.089
Đầu tư ngắn hạn	2.449.930.445.739	2.555.627.849.488
Các khoản phải thu dài hạn khác	24.343.353.424	25.936.008.219
Đầu tư dài hạn	1.324.809.709.846	1.025.847.025.384
Tổng cộng	4.634.831.793.325	4.407.389.592.091
Nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	502.397.116.644	533.822.670.646
Phải trả dài hạn khác	1.052.359.576	990.626.744
Tổng cộng	503.449.476.220	534.813.297.390

Tổng Công ty và công ty con chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty và công ty con đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty và công ty con phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty và công ty con.

Các hoạt động của Tổng Công ty và công ty con có thể chịu một số rủi ro bao gồm rủi ro tái bảo hiểm, thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung, các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty và công ty con là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con.

35 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Rủi ro tái bảo hiểm

Rủi ro hoạt động khai thác nhận tái bảo hiểm là các rủi ro từ danh mục rủi ro mà Tổng Công ty nhận tái bảo hiểm. Mức độ các rủi ro này chủ yếu ảnh hưởng do chất lượng quá trình khai thác:

- Đánh giá rủi ro nhận tái bảo hiểm;
- Định giá, xác định khả năng nhận tái bảo hiểm;
- Điều kiện và điều khoản áp dụng; và
- Kiểm soát mức độ tập trung rủi ro và các rủi ro thảm họa.

Mục tiêu chính của quản trị rủi ro trong lĩnh vực khai thác là nhằm nâng cao chất lượng của danh mục rủi ro nhận bảo hiểm bằng cách thực hiện đầy đủ và tốt nhất có thể các bước nêu trên. Theo đó, các rủi ro từ hoạt động khai thác bảo hiểm có thể bao gồm:

- Đánh giá rủi ro nhận tái bảo hiểm không đầy đủ, điều kiện và điều khoản áp dụng không phù hợp;
- Định phí tái bảo hiểm không tương đương với mức độ rủi ro nhận tái bảo hiểm;
- Chính sách nhượng tái bảo hiểm không phù hợp;
- Quy trình xử lý bồi thường không hợp lý;
- Trích lập các khoản dự phòng không đầy đủ;
- Không thu đòi được các khoản phải thu nhượng tái bảo hiểm.

Mục tiêu, chính sách và các quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu cuối cùng của việc quản lý rủi ro bảo hiểm là kiểm soát các sự kiện về mặt nghiệp vụ bảo hiểm có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính, vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty.

Chính sách quản trị rủi ro của Tổng Công ty được thiết lập thông qua việc xác định các giới hạn rủi ro cho phép và cụ thể hóa hướng dẫn khai thác bảo hiểm/nhận tái bảo hiểm của Tổng Công ty như hướng dẫn khai thác nhận/nhượng tái bảo hiểm cố định/tạm thời, và hướng dẫn giải quyết bồi thường.

Tổng Công ty đã thiết lập hệ thống quản lý rủi ro bảo hiểm ở nhiều cấp bậc khác nhau từ các phòng ban nghiệp vụ bảo hiểm đến toàn bộ Tổng Công ty để đảm bảo hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro. Ban quản trị rủi ro đóng vai trò quan trọng trong quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm, có nhiệm vụ kết nối và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban nghiệp vụ, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty.

Hoạt động quản trị rủi ro bảo hiểm được giám sát từ các cấp lãnh đạo thông qua các hướng dẫn khai thác bảo hiểm/tái bảo hiểm, và các tiêu chuẩn quản trị rủi ro. Quy trình báo cáo cũng được thiết lập từ cấp thấp nhất và được thực hiện định kỳ hàng tuần, hàng tháng, hàng quý nhằm đảm bảo hiệu quả giám sát. Các quy trình quản trị rủi ro được thực hiện một cách có hệ thống để xác định, đo lường, kiểm soát và xử lý rủi ro nhằm đảm bảo các chỉ số đo lường rủi ro không vượt quá giới hạn cho phép.

Tổng Công ty áp dụng nhiều biện pháp khác nhau trong việc phát hiện các rủi ro bảo hiểm bao gồm các phương pháp đánh giá rủi ro, thảo luận thông qua các cuộc họp nội bộ, và kinh nghiệm của các chuyên gia. Tùy thuộc vào các hoàn cảnh thực tế và đặc điểm của rủi ro cần đo lường, xác định, các biện pháp đo lường định lượng và định tính khác nhau sẽ được áp dụng. Biện pháp đo lường định tính chủ yếu bao gồm việc đánh giá rủi ro của các chuyên gia khai thác đối với từng nghiệp vụ đơn lẻ hoặc các danh mục rủi ro. Các biện pháp đo lường định lượng bao gồm việc định giá, phân tích danh mục rủi ro thông qua các thống kê quá khứ (mức phí, loại hình rủi ro, tổn thất).

Chương trình nhận và nhượng tái bảo hiểm giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì và đảm bảo mức độ rủi ro của Tổng Công ty luôn nằm trong hạn mức rủi ro cho phép, vì vậy, bên cạnh việc đặt ra các hạn mức rủi ro phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong từng thời kỳ, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng trực tiếp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhận và nhượng tái bảo hiểm trong khuôn khổ chương trình tái bảo hiểm hàng năm do Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Quản lý vốn

Tổng Công ty ưu tiên duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định, cũng như các yêu cầu về Biên khả năng thanh toán theo quy định của các văn bản pháp luật liên quan. Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

	Biên khả năng thanh toán	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.282 tỷ Đồng	319 tỷ Đồng	716%
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.120 tỷ Đồng	318 tỷ Đồng	666%

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá.

Nhằm đảm bảo nguồn ngoại tệ trong thanh toán tái bảo hiểm, Tổng Công ty và công ty con thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty và công ty con sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản tiền tệ và nợ phải trả tiền tệ có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Nợ phải trả	
	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Đô la Mỹ (USD)	385.366.342.304	336.043.197.815	295.185.254.627	306.638.947.480
Euro (EUR)	2.506.946	6.531.495.033	865.357.040	888.964.917
Bảng Anh (GBP)	-	181.114.843	-	-
Đô la Úc (AUD)	-	5.879.596	-	-
Đô la Singapore (SGD)	-	57.654.699	-	27.999.481
Yên Nhật (JPY)	253.460.463	304.984.692	91.135.294	105.813.334
Ringit Malaysia (MYR)	-	-	1.458.213	-

35 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Việc kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty và công ty con sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2022 VND	2021 VND
Đô la Mỹ (USD)	4.509.054.384	1.470.212.517
Euro (EUR)	(43.142.505)	282.126.506

(ii) Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty và công ty con và công ty con nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty và công ty con quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Tổng Công ty và công ty con đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty và công ty con cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích ngắn hạn mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty và công ty con không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần. Định kỳ, Tổng Công ty và công ty con tiến hành rà soát và đánh giá các khoản đầu tư có chính sách cụ thể, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và hiệu quả đầu tư.

(iii) Rủi ro lãi suất

Tổng Công ty và công ty con chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản tiền gửi tại ngân hàng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam của Tổng Công ty và công ty con có nhiều mức lãi suất khác nhau và sẽ chịu rủi ro lãi suất khi tái đầu tư

(c) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty và công ty con. Tổng Công ty và công ty con có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty và công ty con có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty và công ty con tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty và công ty con có khoản rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khách hàng. Tổng Công ty và công ty con đã thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ cho các khoản phải thu này.

(d) Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty và công ty con quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty và công ty con tin rằng có thể tạo ra trong năm tài chính đó. Chính sách của Tổng Công ty và công ty con là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty và công ty con duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của nợ phải trả tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty và công ty con phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty và công ty con khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở nợ phải trả và tài sản thuần.

35 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(d) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Tổng giá trị ghi sổ VND	Không xác định kỳ hạn VND	Kỳ hạn còn lại dưới 1 năm VND	Kỳ hạn còn lại từ 1 đến 5 năm VND	Kỳ hạn còn lại trên 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2022					
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.299.850.107	50.999.850.107	11.300.000.000	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác (*)	773.448.434.209	-	773.448.434.209	-	-
Các khoản phải thu dài hạn (*)	24.343.353.424	22.000.000.000	-	-	2.343.353.424
Đầu tư ngắn hạn (*)	2.449.930.445.739	-	2.449.930.445.739	-	-
Đầu tư dài hạn (*)	1.324.809.709.846	-	-	694.809.709.846	630.000.000.000
Tổng cộng	4.634.831.793.325	72.999.850.107	3.234.678.879.948	694.809.709.846	632.343.353.424
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	(502.397.116.644)	-	(502.397.116.644)	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	(1.052.359.576)	-	-	(1.052.359.576)	-
Tổng cộng	(503.449.476.220)	-	(502.397.116.644)	(1.052.359.576)	-
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.131.382.317.105	72.999.850.107	2.732.281.763.304	693.757.350.270	632.343.353.424
Tại ngày 31/12/2021					
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.281.771.911	25.281.771.911	-	-	-
Phải thu khách hàng (*)	774.696.937.089	-	774.696.937.089	-	-
Các khoản phải thu dài hạn (*)	25.936.008.219	22.000.000.000	-	-	3.936.008.219
Đầu tư ngắn hạn (*)	2.555.627.849.488	-	2.555.627.849.488	-	-
Đầu tư dài hạn (*)	1.025.847.025.384	-	-	566.357.003.466	459.490.021.918
Tổng cộng	4.407.389.592.091	47.281.771.911	3.330.324.786.577	566.357.003.466	463.426.030.137
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	(533.822.670.646)	-	(533.822.670.646)	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	(990.626.744)	-	-	(990.626.744)	-
Tổng cộng	(534.813.297.390)	-	(533.822.670.646)	(990.626.744)	-
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.872.576.294.701	47.281.771.911	2.796.502.115.931	565.366.376.722	463.426.030.137

(*) Các số liệu được trình bày là số liệu trước dự phòng.

36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty và công ty con có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ đông lớn
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc/Ban Kiểm soát	Nhân sự chủ chốt

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
<i>Tập đoàn tái bảo hiểm Swiss Re</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	287.666.838.974	249.449.905.863
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	84.124.238.753	71.943.026.613
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	124.131.148.875	96.598.143.982
Cổ tức phải trả	48.989.638.555	49.153.483.500
<i>Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm (*)	(34.720.200)	55.747.448
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm (*)	(11.677.018)	18.641.733
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12.373.402	1.631.566.641
Phí nhận tái bảo hiểm	138.141.399.299	116.615.189.348
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	29.757.281.975	25.848.990.716
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	45.654.615.996	13.529.591.732
Cổ tức đã nhận được (Thuyết minh 4(c))	14.455.111.889	17.114.846.236
<i>Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước</i>		
Cổ tức phải trả	79.094.522.325	79.359.052.500

(*) Trong năm, Tổng Công ty phát sinh các giao dịch thu hoàn phí nhượng tái bảo hiểm và thu hoàn hoa hồng nhượng tái bảo hiểm với bên liên quan này dẫn đến số giao dịch trong năm và số dư cuối năm được thể hiện là số âm.

36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2022 VND	2021 VND
<i>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>			
<i>Hội đồng quản trị</i>			
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	2.716.429.360	2.627.144.410
Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Chủ tịch	243.012.652	243.632.632
Bà Anna Lee Oh Wah	Phó Chủ tịch	138.370.446	-
	(bổ nhiệm ngày 29 tháng 8 năm 2022)		
Ông Jared Orchard	Phó Chủ tịch	62.276.786	216.562.339
	(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)		
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	143.380.688	-
	(bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)		
Ông Đào Nam Hải	Thành viên	51.564.629	207.445.506
	(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)		
Ông Phạm Phan Dũng	Thành viên	260.873.218	261.445.506
Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên	2.504.164.438	2.412.595.976
Ông Nguyễn Đình An	Thành viên	206.873.218	207.445.506
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên	206.873.218	207.445.506
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hoàng	Thành viên	229.859.131	159.121.527
		6.763.677.784	6.542.838.908
<i>Ban kiểm soát</i>			
Ông Trần Trung Tính	Trưởng ban	149.133.783	149.658.380
Ông Vũ Ngọc Vượng	Thành viên	123.794.348	124.271.255
Bà Lê Thị Thanh Hiền	Thành viên	137.549.276	138.079.172
Ông Tushar Chatterjee	Thành viên	110.039.421	110.463.338
Ông Đào Mạnh Dương	Thành viên	931.857.960	1.018.551.464
		1.452.374.788	1.541.023.609
<i>Ban điều hành</i>			
Ông Mai Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	Như trên	Như trên
Ông Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng Giám đốc	1.954.279.539	1.853.868.742

(b) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tập đoàn tái bảo hiểm Swiss Re	29.459.994.383	10.709.314.660
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	82.085.389.590	32.723.137.324
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	3.590.749.364	7.365.327.632
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	97.137.896	521.639.997
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	(400.702.117)	1.247.072.124
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	3.483.855	1.139.766

(*) Trong năm, Tổng Công ty phát sinh các giao dịch thu hoàn phí nhượng tái bảo hiểm và thu hoàn hoa hồng nhượng tái bảo hiểm với bên liên quan này dẫn đến số giao dịch trong năm và số dư cuối năm và được thể hiện là số âm.

37 TỔNG HỢP TÌNH HÌNH BỒI THƯỜNG

	2020 VND	2021 VND	2022 VND	Tổng số VND
I. Số ước tính chi bồi thường lũy kế				
Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2022 (1)	316.390.133.903	331.498.633.421	207.053.451.526	854.942.218.850
II. Số đã chi trả bồi thường lũy kế				
Năm 2020	(41.993.786.854)	-	-	(41.993.786.854)
Năm 2021	(121.928.084.857)	(34.326.426.608)	-	(156.254.511.465)
Năm 2022	(75.666.068.964)	(101.479.155.501)	(38.715.650.789)	(215.860.875.254)
Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (2)	(239.587.940.675)	(135.805.582.109)	(38.715.650.789)	(414.109.173.573)
III. Dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3)=(1)-(2)	76.802.193.228	195.693.051.312	168.337.800.737	440.833.045.277
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết cho các năm trước 2020				186.127.604.888
Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết tại ngày cuối năm	76.802.193.228	195.693.051.312	168.337.800.737	626.960.650.165

38 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm, đầu tư tài chính từ nguồn vốn nhàn rỗi. Các khoản đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh khác là không trọng yếu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá việc không lập báo cáo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

39 TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Như đã trình bày trong Thuyết minh 6(a) - Phải thu ngắn hạn khác, theo Quyết định số 14/2019/QĐST-KDTM để ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân, tổng số tiền mà Công ty Thăng Long phải trả cho công ty con là 126.376.061.750 Đồng (bao gồm 60.149.250.000 Đồng nợ gốc và 66.226.811.750 Đồng nợ lãi), bằng tiền mặt hoặc bù trừ bằng các căn hộ của Dự án.

Trong năm 2020, Công ty Thăng Long đã ký 65 HĐMBCH với công ty con để bù trừ số công nợ nêu trên với tổng giá trị là 117.880.956.550 Đồng bao gồm 7 HĐMBCH tại tòa HH2 là 17.687.716.550 Đồng và 58 HĐMBCH tại tòa HH3 là 100.193.240.000 Đồng. Số tiền còn lại chưa được thanh toán bằng bù trừ HĐMBCH là 8.495.105.200 Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Thăng Long và công ty con đã ký Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ và tính thêm phần nợ lãi phát sinh đến ngày 31/12/2022. Theo đó số công nợ còn lại mà Công ty Thăng Long phải trả bằng tiền theo cam kết là 19.529.701.013 Đồng (gồm 8.495.105.200 Đồng đã nêu trên và 11.034.595.813 Đồng lãi chậm trả phát sinh).

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi của khoản tiền lãi với tổng số tiền 77.261.407.563 Đồng (bao gồm 66.226.811.750 Đồng và 11.034.595.813 Đồng như nêu trên) là không chắc chắn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc chưa ghi nhận khoản lãi này là thu nhập lãi và phải thu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất mà trình bày khoản lãi này là tài sản tiềm tàng.

40 NỢ TIỀM TÀNG

Theo Hợp đồng thuê đất số 30-99/ĐCND-HĐTĐTN ký ngày 13 tháng 10 năm 1999 giữa Tổng Công ty và Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội liên quan đến lô đất ở 141 Đường Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Tổng Công ty được phép nhưng không buộc phải giải phóng mặt bằng của khu đất để giao trả cho Nhà nước và sẽ không phải khôi phục khu đất trở về hiện trạng như trước khi ký hợp đồng thuê đất. Tuy nhiên, Hợp đồng thuê đất này đã hết hạn vào ngày 16 tháng 8 năm 2019.

Cho đến ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đã hoàn thiện các hồ sơ cần thiết và đang chờ Ủy ban Nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt cho Tổng Công ty tạm thời được tiếp tục thuê đất với thời hạn đến năm 2028.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng hợp đồng thuê đất trên sẽ được gia hạn và điều khoản về việc hoàn trả mặt bằng sẽ được giữ nguyên trong hợp đồng thuê đất mới. Vì hợp đồng thuê đất chưa được ký, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng nghĩa vụ tháo dỡ, di dời này chưa xác định được. Do đó, Tổng Công ty không thực hiện trích lập dự phòng hoàn trả mặt bằng và thuyết minh là nợ tiềm tàng trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 3 năm 2023.

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng

MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.018.563.992.986	5.333.758.112.595
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	62.060.369.355	23.404.895.430
111	Tiền		50.760.369.355	23.404.895.430
112	Các khoản tương đương tiền		11.300.000.000	-
120	Đầu tư ngắn hạn	4	2.395.021.691.753	2.529.826.973.276
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.396.530.296.150	2.529.827.849.488
124	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn		(1.508.604.397)	(876.212)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		700.682.675.534	709.562.237.043
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	574.051.278.975	574.919.058.343
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		574.020.303.681	574.030.810.370
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		30.975.294	888.247.973
132	Trả trước ngắn hạn cho người bán		-	92.148.282
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	147.440.317.958	147.909.478.462
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(20.808.921.399)	(13.358.448.044)
140	Hàng tồn kho		63.135.360	23.480.404
141	Hàng tồn kho		63.135.360	23.480.404
150	Tài sản ngắn hạn khác		419.838.946.028	453.284.805.473
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	419.833.617.004	453.284.805.473
151.1	- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ		419.575.164.824	453.183.431.245
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		258.452.180	101.374.228
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		5.329.024	-
190	Tài sản tái bảo hiểm		1.440.897.174.956	1.617.655.720.969
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a)	539.131.785.146	480.852.069.331
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16(a)	901.765.389.810	1.136.803.651.638

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.843.107.137.681	1.581.497.131.979
210	Các khoản phải thu dài hạn		30.512.727.357	32.105.382.152
218	Phải thu dài hạn khác		30.512.727.357	32.105.382.152
218.1	- Ký quỹ bảo hiểm	2.9	22.000.000.000	22.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác	6(b)	8.512.727.357	10.105.382.152
220	Tài sản cố định		7.475.165.347	7.763.664.750
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	7.475.165.347	7.763.664.750
222	Nguyên giá		31.352.944.471	30.710.866.071
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(23.877.779.124)	(22.947.201.321)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	-	-
228	Nguyên giá		32.392.480.734	32.392.480.734
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.392.480.734)	(32.392.480.734)
230	Bất động sản đầu tư	10	4.591.264.839	6.409.861.437
231	Nguyên giá		34.055.061.893	34.055.061.893
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(29.463.797.054)	(27.645.200.456)
240	Tài sản dở dang dài hạn		7.270.481.576	3.071.777.834
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		7.270.481.576	3.071.777.834
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.791.026.458.388	1.530.230.829.188
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	60.000.000.000	60.000.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	125.000.000.000	125.000.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	309.296.176.180	337.701.918.974
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b), 4(c)	(28.079.427.638)	(818.115.170)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(c)	1.324.809.709.846	1.008.347.025.384
260	Tài sản dài hạn khác		2.231.040.174	1.915.616.618
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	1.489.415.725	964.663.623
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		741.624.449	950.952.995
270	TỔNG TÀI SẢN		6.861.671.130.667	6.915.255.244.574

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		3.649.533.025.926	3.851.216.713.916
310	Nợ ngắn hạn		3.648.480.666.350	3.850.226.087.172
311	Phải trả cho người bán	11	446.338.966.173	483.810.717.898
311.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		444.926.702.759	482.821.864.066
311.2	- Phải trả khác cho người bán		1.412.263.414	988.853.832
312	Người mua trả tiền trước		641.838.862	149.132.743
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	30.241.330.801	17.424.801.172
314	Phải trả người lao động		23.553.328.343	28.535.860.657
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		1.227.469.537	324.371.676
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13(a)	35.217.900.275	31.305.070.961
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	13(a)	112.203.575.689	99.311.540.367
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	14	32.662.726.852	25.929.549.564
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	28.436.745.506	26.087.735.092
329	Dự phòng nghiệp vụ	16	2.937.956.784.312	3.137.347.307.042
329.1	- Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm		1.148.013.393.804	1.095.520.329.811
329.2	- Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		1.592.468.265.070	1.857.062.704.442
329.3	- Dự phòng dao động lớn		197.475.125.438	184.764.272.789
330	Nợ dài hạn		1.052.359.576	990.626.744
337	Phải trả dài hạn khác	13(b)	1.052.359.576	990.626.744
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.212.138.104.741	3.064.038.530.658
410	Vốn chủ sở hữu		3.212.138.104.741	3.064.038.530.658
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17	1.507.371.300.000	1.507.371.300.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.507.371.300.000	1.507.371.300.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	17	369.756.607.309	369.756.607.309
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	205.815.380.525	205.815.380.525
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	18	150.737.130.000	147.705.447.699
421	Lợi nhuận chưa phân phối	18	978.457.686.907	833.389.795.125
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế của các năm trước		637.366.961.090	528.386.432.949
421b	- Lợi nhuận sau thuế của năm nay		341.090.725.817	305.003.362.176
440	TỔNG NGUỒN VỐN		6.861.671.130.667	6.915.255.244.574

Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Tại ngày	
			31/12/2022	31/12/2021
1.	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	2.068.564,40	461.003,78
	Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
	Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
	Đô la Singapore	SGD	1.119,87	2.974,87
	Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	74,24	257.206,30

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng




MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2023

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.514.308.357.861	1.605.861.780.616
11	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		6.183.638.229	6.377.322.910
12	Doanh thu hoạt động tài chính	24	411.740.714.725	455.727.554.841
13	Thu nhập khác		985.724.488	627.773.726
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.277.076.254.994)	(1.476.106.971.239)
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(2.280.953.244)	(1.685.024.583)
22	Chi phí hoạt động tài chính	25	(103.262.975.048)	(92.953.473.087)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(110.501.066.179)	(89.519.195.164)
24	Chi phí khác		(725.937.423)	(416.016.290)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		439.371.248.415	407.913.751.730
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	29	(84.333.563.188)	(77.181.859.898)
52	Thuế TNDN hoãn lại	29	(209.328.546)	950.952.995
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		354.828.356.681	331.682.844.827

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
1	Doanh thu phí bảo hiểm	19	2.316.377.064.685	2.347.344.273.540
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		2.368.870.128.678	2.246.160.196.791
1.3	- Tăng/(giảm) dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc		52.493.063.993	(101.184.076.749)
2	Phí nhượng tái bảo hiểm	20	(1.035.745.910.966)	(962.796.018.762)
2.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(1.094.025.626.781)	(973.383.862.953)
2.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		58.279.715.815	10.587.844.191
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần		1.280.631.153.719	1.384.548.254.778
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		233.677.204.142	221.313.525.838
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	13	214.834.397.860	205.117.518.035
4.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	23(a)	18.842.806.282	16.196.007.803
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.514.308.357.861	1.605.861.780.616
11	Chi bồi thường	21	(976.933.211.110)	(856.127.582.862)
11.1	- Tổng chi bồi thường		(976.933.211.110)	(856.127.582.862)
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm		616.506.062.624	548.472.453.322
13	(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		(169.200.647.067)	263.813.338.082
14	(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		(153.448.695.516)	180.782.500.303
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm		(344.675.196.935)	(390.685.967.319)
16	Tăng dự phòng dao động lớn	17(b)	12.710.852.649	12.699.169.578
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(919.690.205.410)	(1.072.721.834.342)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	22	(892.989.696.846)	(1.049.234.929.108)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	23(b)	(26.700.508.564)	(23.486.905.234)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.277.076.254.994)	(1.476.106.971.239)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		237.232.102.867	129.754.809.377
20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		6.183.638.229	6.377.322.910
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(2.280.953.244)	(1.685.024.583)
22	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản		3.902.684.985	4.692.298.327


NGUYỄN THÀNH CÔNG
 Người lập


LƯU THỊ VIỆT HOA
 Kế toán trưởng


MAI XUÂN DŨNG
 Tổng Giám đốc
 Ngày 17 tháng 3 năm 2023

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	24	411.740.714.725	455.727.554.841
24	Chi phí hoạt động tài chính	25	(103.262.975.048)	(92.953.473.087)
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính		308.477.739.677	362.774.081.754
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(110.501.066.179)	(89.519.195.164)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		439.111.461.350	407.701.994.294
31	Thu nhập khác		985.724.488	627.773.726
32	Chi phí khác		(725.937.423)	(416.016.290)
40	Lợi nhuận khác - số thuần		259.787.065	211.757.436
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		439.371.248.415	407.913.751.730
51	Thuế TNDN hiện hành	29	(84.333.563.188)	(77.181.859.898)
52	Thuế TNDN hoãn lại	29	(209.328.546)	950.952.995
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		354.828.356.681	331.682.844.827

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	968.004.203.788	691.598.279.339
02	Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	(770.423.212.950)	(588.112.339.933)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(62.368.668.025)	(53.445.641.903)
05	Trả tiền nộp thuế TNDN	(73.516.269.944)	(76.260.650.384)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5.642.719.293	3.765.401.726
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(36.683.684.062)	(25.373.326.176)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30.655.088.100	(47.828.277.331)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5.498.472.350)	(2.291.321.234)
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.878.648.482.791)	(1.448.309.200.000)
24	Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.673.848.314.110	1.332.149.210.067
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28.405.742.794	19.652.181.917
27	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	384.340.662.624	314.654.770.051
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	202.447.764.387	215.855.640.801
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(195.958.269.000)	(196.613.905.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(195.958.269.000)	(196.613.905.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	37.144.583.487	(28.586.542.030)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	23.404.895.430
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.510.890.438	(908.814.012)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	62.060.369.355

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2023